

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM**

Đoàn Thị Kim Dung

**NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MỸ THUẬT

Hà Nội - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

**NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM**

Ngành: Lý luận và lịch sử mỹ thuật

Mã ngành: 9210101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MỸ THUẬT

Người hướng dẫn khoa học

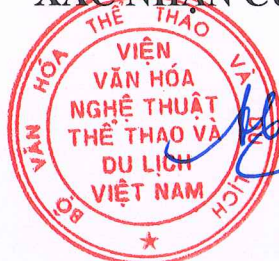
Nghiên cứu sinh





PGS.TS. Triệu Thế Hùng TS Mai Thị Thùy Hương Đoàn Thị Kim Dung

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO



VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thu Phương

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận án tiến sĩ *Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam* là công trình do tôi nghiên cứu, thực hiện. Những vấn đề nghiên cứu trong luận án là trung thực, chưa công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Tôi xin chịu trách nhiệm về lời cam đoan này!

Tác giả luận án



Đoàn Thị Kim Dung

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ TRONG LUẬN ÁN.....	v
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	11
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	11
1.1.1. Tình hình nghiên cứu nước ngoài	11
1.1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước.....	16
1.1.3. Đánh giá tổng quan và vấn đề tiếp tục nghiên cứu	25
1.2. Cơ sở lý luận	26
1.2.1. Khái niệm liên quan đến đề tài	26
1.2.2. Lý thuyết áp dụng trong đề tài	29
1.3. Khái quát về trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục ở một số cơ sở giáo dục đại học Việt Nam.....	35
1.3.1. Lịch sử ra đời và hình thành trang thông tin điện tử	35
1.3.2. Khái quát về một số cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.....	38
Tiểu kết.....	50
Chương 2: BIỂU HIỆN NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM.....	53
2.1. Biểu hiện về nội dung của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học.....	53
2.1.1. Nội dung định hướng học tập.....	54
2.1.2. Nội dung mang tính tương tác, thân thiện	56
2.2. Biểu hiện về ngôn ngữ tạo hình trong thiết kế trang thông tin điện tử	65
2.2.1. Hình ảnh và biểu tượng.....	66
2.2.2. Bố cục	68
2.2.3. Màu sắc	71
2.2.4. Kiểu chữ	75
2.2.5. Giao diện	77
Tiểu kết.....	86
Chương 3: PHONG CÁCH, ĐẶC TRƯNG, GIÁ TRỊ VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM.....	88
3.1. Phong cách thiết kế trang thông tin điện tử tại một số đại học tiêu biểu ở Việt Nam	88

3.1.1. Nhận định chung về các phong cách thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục	88
3.1.2. Phong cách thiết kế trang thông tin điện tử của một số trường đại học ở Việt Nam hiện nay	92
3.2. Đặc trưng của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử giáo dục đại học	106
3.2.1. Biểu đạt không gian và nhịp điệu thị giác động	106
3.2.2. Ngôn ngữ tạo hình học thuật - giáo dục	109
3.3. Giá trị của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học	112
3.3.1. Giá trị thẩm mỹ	112
3.3.2. Giá trị giáo dục	115
3.3.3. Giá trị văn hóa	117
3.3.4. Giá trị và thương hiệu giáo dục	120
3.4. Xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học.....	121
3.4.1. Xu hướng tối giản.....	122
3.4.2. Xu hướng tiện dụng (usability).....	125
3.4.3. Xu hướng thiết kế tương tác cao	128
3.4.4. Xu hướng tích hợp đa phương tiện	131
3.4.5. Xu hướng cá nhân hóa (personalization).....	133
3.4.6. Xu hướng thiết kế lấy người học làm trung tâm và vì sự phát triển bền vững	136
Tiểu kết.....	138
KẾT LUẬN	141
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ	146
TÀI LIỆU THAM KHẢO	147
PHỤ LỤC	163

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
AI	Artificial Intelligence (trí tuệ nhân tạo)
CMS	Content Management System (hệ quản trị nội dung)
CNTT	Công nghệ thông tin
ĐH	Đại học
ĐHMTVN	Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam
ĐHQGTPHCM	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
H	hình
LMS	Learning Management System (hệ thống quản lý học tập)
NCS	Nghiên cứu sinh
Nxb	Nhà xuất bản
PL	Phụ lục
THPT	Trung học phổ thông
tr	trang
Website/TTTĐT	trang thông tin điện tử
UI	User Interface (giao diện người dùng)
UX	User Experience (trải nghiệm người dùng)

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ TRONG LUẬN ÁN

Bảng 3.1. So sánh tư duy thiết kế giao diện trang thông tin điện tử của 5 trường đại học	103
Biểu đồ 2.1. Đánh giá tiêu chí nghệ thuật trong giao diện trang thông tin điện tử.....	84
Biểu đồ 3.1. Lĩnh vực chuyên môn của các chuyên gia	122
Biểu đồ 3.2. Xu hướng thiết kế giao diện trang thông tin điện tử	128
Sơ đồ 3.1: Phong cách thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục.....	88

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã bước vào giai đoạn chuyển đổi số mạnh mẽ, phù hợp với định hướng của Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 do Chính phủ ban hành. Giáo dục đại học được xác định là một trong tám lĩnh vực ưu tiên hàng đầu cần triển khai chuyển đổi số. Do vậy, các trường đại học không chỉ phải đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo xu hướng hiện đại mà còn phải hiện đại hóa công cụ truyền thông và quảng bá hình ảnh. Trong bối cảnh cạnh tranh tuyển sinh ngày càng gia tăng, cùng với nhu cầu hợp tác quốc tế và thu hút nhân tài, trang thông tin điện tử (TTTĐT) của các cơ sở giáo dục đại học đã trở thành công thông tin chính thức và không gian số quan trọng để thể hiện bản sắc và triết lý giáo dục riêng của từng trường. Trang thông tin điện tử không còn đơn thuần là kênh hành chính mà đã trở thành công cụ đắc lực trong chiến lược marketing và xây dựng thương hiệu học thuật. Chính vì vậy, nghiên cứu về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử đại học có ý nghĩa chiến lược, góp phần nâng cao giá trị hình ảnh, uy tín học thuật và năng lực hội nhập quốc tế của các trường đại học Việt Nam.

Hơn hai thập niên qua, thiết kế trang thông tin điện tử tại Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ cùng với sự bùng nổ của công nghệ số. Nhiều doanh nghiệp thiết kế chuyên nghiệp, các công ty công nghệ sáng tạo và các chương trình đào tạo về mỹ thuật đa phương tiện và truyền thông số đã được hình thành. Nhiều trang thông tin điện tử hiện đại được xây dựng trên nền tảng công nghệ tiên tiến (hệ thống quản trị nội dung CMS, giao diện tương thích đa thiết bị, tích hợp dữ liệu đa phương tiện). Tuy nhiên, phần lớn hoạt động thiết kế vẫn mang nặng tính kỹ thuật và công nghệ, trong khi yếu tố thẩm mỹ và bản sắc văn hóa Việt còn chưa được quan tâm đúng mức. Đa số các trang thông tin điện tử hiện nay, dù ở lĩnh vực thương mại, du lịch hay giáo dục, vẫn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ

của các khuôn mẫu quốc tế và thiếu các nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ hình ảnh, bảng màu, bố cục và biểu tượng văn hóa phù hợp với tâm lý và thói quen người dùng Việt Nam. Do đó, nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử ở Việt Nam đang ở giai đoạn chuyển mình từ “thiết kế chức năng” sang “thiết kế trải nghiệm và nghệ thuật”, cần được nghiên cứu, hệ thống hóa và định hướng phát triển bền vững.

Trong lĩnh vực giáo dục đại học, khảo sát cho thấy hầu hết các trường tại Việt Nam đã chú trọng nâng cấp về công nghệ cho hệ thống trang thông tin điện tử (sử dụng hệ quản trị nội dung hiện đại, giao diện đáp ứng responsive, tích hợp cơ sở dữ liệu số), nhưng vẫn còn nhiều hạn chế ở khía cạnh nghệ thuật và trải nghiệm người dùng. Cụ thể, nhiều trang thông tin điện tử của các trường đại học tính thẩm mỹ còn chưa cao và thiếu sự đồng bộ trong nhận diện thương hiệu học thuật. Giao diện của các trang thông tin điện tử còn chưa nổi bật cá tính, bản sắc riêng, gây cảm giác gàn giống nhau và thiếu sự khác biệt rõ rệt, nổi bật giữa các trường. Trải nghiệm người dùng trên các trang thông tin điện tử đại học còn hạn chế do thiếu tính tương tác, chưa chú trọng đến yếu tố cảm xúc và tính nhân văn. Bên cạnh đó, quá trình xây dựng trang thông tin điện tử thường chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chuyên gia công nghệ, mỹ thuật và truyền thông. Những hạn chế nêu trên cho thấy cần phải tiếp cận trang thông tin điện tử đại học không chỉ như một sản phẩm công nghệ mà còn như một sản phẩm nghệ thuật thị giác gắn liền với giá trị văn hóa và truyền thông giáo dục.

Ở góc độ nghiên cứu lý luận, Việt Nam hiện còn thiếu vắng các công trình chuyên sâu về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong giáo dục đại học. Do đó, nhiều trường đại học chủ yếu định hình phong cách thiết kế trang thông tin điện tử dựa trên kinh nghiệm thực tiễn hoặc tham khảo các mẫu quốc tế mà thiếu cơ sở khoa học để phát triển phong cách thẩm mỹ đặc trưng, phù hợp với triết lý giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Trong khi đó, ở các nước phát

triển, nghệ thuật thiết kế TTTĐT đại học được xem là một phần quan trọng của chiến lược xây dựng thương hiệu học thuật, được đầu tư kỹ lưỡng về mặt mỹ thuật, triết lý thiết kế và trải nghiệm người dùng. Nhiều trường đại học hàng đầu trên thế giới như Harvard, Oxford, Tokyo hay NUS luôn chú trọng đến ngôn ngữ hình ảnh, bảng màu, bố cục, phong chữ và cách thể hiện văn hóa học thuật đặc trưng của mình. Sự thiếu hụt nghiên cứu chuyên sâu trong nước đặt ra nhu cầu cấp thiết phải xây dựng cơ sở lý luận về mỹ thuật cho thiết kế TTTĐT giáo dục và phát triển ứng dụng thực tiễn, nhằm định hướng ngôn ngữ thẩm mỹ và bản sắc số trong môi trường giáo dục đại học Việt Nam.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, đề tài *Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam* được lựa chọn bởi ý nghĩa sâu sắc cả về mặt khoa học và thực tiễn. Về mặt khoa học, nghiên cứu này góp phần xây dựng khung lý luận kết hợp giữa mỹ thuật ứng dụng, truyền thông số và triết lý giáo dục trong thiết kế trang thông tin điện tử cho các trường đại học Việt Nam, từ đó làm rõ bản chất nghệ thuật trong giao diện số của môi trường giáo dục. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở tham khảo cho các nhà thiết kế, chuyên viên truyền thông, giảng viên và cán bộ quản lý trong việc xây dựng trang thông tin điện tử mang tính nghệ thuật cao, đáp ứng yêu cầu truyền thông hiệu quả và gia tăng giá trị nhận diện thương hiệu học thuật. Nghiên cứu cũng góp phần nâng cao nhận thức về vai trò của nghệ thuật và thẩm mỹ trong không gian số, khẳng định giá trị của giáo dục đại học Việt Nam trong tiến trình hội nhập văn hóa và tri thức toàn cầu. Lĩnh vực giáo dục đại học được lựa chọn vì tính đặc thù và tiềm năng phát triển đa dạng của nó; đây cũng là lĩnh vực còn nhiều hạn chế về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử. Chính vì vậy, đề tài này hướng tới nghiên cứu sâu hơn để khắc phục những tồn tại nêu trên và thúc đẩy quá trình phát triển trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học theo hướng nâng cao giá trị văn hóa và mỹ thuật.

2. Mục đích nghiên cứu

Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về đặc trưng nghệ thuật và giá trị nghệ thuật trong thiết kế trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, từ đó phân tích các xu hướng thiết kế hiện nay và đề xuất định hướng nâng cao chất lượng thẩm mỹ cũng như hiệu quả truyền thông của hệ thống website đại học trong bối cảnh chuyển đổi số.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử nói chung, trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học nói riêng.
- Nhận diện và phân tích các biểu hiện nghệ thuật trong thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay.
- Xác định đặc trưng, xu hướng biến đổi và phát triển của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử nói chung, trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học nói riêng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học, thể hiện qua ngôn ngữ tạo hình (bố cục, màu sắc, hình ảnh, chữ viết, tỷ lệ (giao diện), phong cách thiết kế, đặc trưng thiết kế.
- Phạm vi nghiên cứu: NCS lựa chọn 05 khách thể nghiên cứu có tính đại diện nhằm mục đích đảm bảo tính đối chiếu, phân tích và khái quát hóa. Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQGTPHCM), Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam (ĐHMTVN), Đại học RMIT (Úc) và ĐH Fullbright (Hoa Kỳ) tại Việt Nam. Đây là 5 cơ sở đào tạo bậc đại học nhưng khác biệt về mô hình tổ chức, triết lý giáo dục vì vậy cũng có những đặc trưng riêng trong nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử của nhà trường.

+ ĐHQGHN và ĐHQGTPHCM với vai trò là 2 đại học trọng điểm

quốc gia, có cấu trúc tổ chức lớn, đa ngành, đa lĩnh vực. Đây có thể coi là hai trường đại học có quy mô, vị trí lớn nhất trong các trường đại học ở Việt Nam. Vì thế, trang thông tin điện tử của nhà trường không chỉ thể hiện thương hiệu của nhà trường, mà còn góp phần đại diện cho giáo dục Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế, mang giá trị văn hóa Việt đến với thế giới. Giao diện trang thông tin điện tử của 2 trường mang đặc trưng của phong cách thiết kế truyền thống. Giao diện tại đây tổ chức nội dung theo cấu trúc hành chính, phân chia theo đơn vị quản lý, sử dụng nhiều văn bản, menu nhiều cấp, tuy nhiên còn ít yếu tố tương tác hoặc cá nhân hóa.

+ ĐHMTVN là cơ sở đào tạo ngành mỹ thuật có truyền thống lâu đời nhất ở Việt Nam. Trường đào tạo chuyên sâu lĩnh vực mỹ thuật, có quy mô đào tạo không lớn, song lại là đơn vị có thế mạnh trong đào tạo thiết kế đồ họa. Vì vậy, có cơ sở để thực hiện thiết kế TTTĐT của đơn vị đảm bảo các yếu tố về mỹ thuật.

+ ĐH RMIT (Úc) và ĐH Fullbright (Hoa Kỳ) tại Việt Nam là 02 cơ sở đào tạo quốc tế có chất lượng hàng đầu trên thế giới, được mở cơ sở tại Việt Nam. Đây là các trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đại diện cho nền giáo dục hiện đại, mang tính quốc tế.

Việc lựa chọn 02 trường đại học quy mô cấp quốc gia, đa ngành, đa lĩnh vực ở 2 miền Bắc và Nam, cùng 01 trường đại học ngành mỹ thuật, về cơ bản đảm bảo tính đại diện cho hệ thống các trường đại học công lập ở Việt Nam. Đề tài cũng chỉ tập trung vào các trường đại học công lập, vì ở các trường công lập, việc xây dựng trang thông tin điện tử, về cơ bản mới mang tính chất hành chính, chưa chú trọng nhiều đến yếu tố nghệ thuật để xây dựng và quảng bá thương hiệu của nhà trường. Ba khách thể nghiên cứu được lựa chọn không chỉ khác biệt về loại hình, quy mô và vùng miền, mà còn tạo nên một phổ phân tích toàn diện về phong cách thiết kế giao diện trang thông tin

điện tử giáo dục hiện nay. Việc khảo sát ba trường này giúp làm rõ sự đa dạng trong cách tổ chức thông tin học thuật, tư duy thiết kế và biểu hiện bản sắc giáo dục qua giao diện số. Đây cũng là cơ sở thực tiễn để luận án đề xuất các mô hình tích hợp ngôn ngữ tạo hình trong thiết kế trang thông tin điện tử giáo dục, từ đó góp phần xây dựng không gian học tập số vừa hiệu quả, vừa giàu tính biểu đạt và phản ánh đúng tinh thần của giáo dục đương đại.

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu, phân tích nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử của trường Đại học RMIT và trường Đại học Fullbright chủ yếu mang tính chất so sánh, đối chiếu, làm nổi bật hơn thực trạng thiết kế trang thông tin điện tử của các cơ sở đào tạo bậc đại học, cũng như làm rõ hơn vai trò của triết lý giáo dục, quan điểm đào tạo của mỗi nhà trường đối với việc xây dựng trang thông tin điện tử và việc chú trọng đến tính thẩm mỹ của trang thông tin điện tử.

5. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học được biểu hiện qua các yếu tố nào?

Câu hỏi 2: Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học có những đặc trưng gì?

Câu hỏi 3: Xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học nhằm nâng cao tính nhận diện thương hiệu và quảng bá, phát triển giáo dục trong tương lai sẽ như thế nào?

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học được biểu hiện qua ngôn ngữ tạo hình (hình ảnh, bố cục, màu sắc, chữ viết, tỷ lệ (giao diện) và phong cách thiết kế. Việc sử dụng các yếu tố mỹ thuật một cách hiệu quả song song với tiến bộ về công nghệ khiến cho việc

thiết kế trang thông tin điện tử không chỉ là công việc kỹ thuật mà mang tính nghệ thuật đặc sắc, thể hiện được đặc trưng nhận diện thương hiệu của cơ sở đào tạo, góp phần quảng bá, phát triển hoạt động của cơ sở đào tạo. Những tiêu chí đánh giá tính nghệ thuật của trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học bao gồm mục tiêu thẩm mỹ, mức độ khả dụng, yếu tố sáng tạo, sự hiệu quả về nội dung thông tin.

Giả thuyết 2: Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học mang những đặc trưng chung của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử hiện đại, thể hiện ở tính trực quan, tính tương tác, tính đa phương tiện và tính trải nghiệm người dùng; đồng thời hình thành những đặc trưng riêng gắn với đặc thù của giáo dục đại học, bao gồm: yêu cầu cao về tính giáo dục và tính định hướng giá trị, sự hài hòa giữa thẩm mỹ và học thuật, tính phù hợp với đối tượng người học trưởng thành, nguyên tắc lấy người học làm trung tâm, cũng như tinh thần khai phóng, hỗ trợ tư duy phản biện và phát triển năng lực học thuật của người học.

Giả thuyết 3: Xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học phải phù hợp với xu thế phát triển chung về nghệ thuật thiết kế TTĐT như việc đảm bảo tính nghệ thuật, tính tương tác, tính tiện dụng... đồng thời phải đáp ứng xu thế phát triển của giáo dục trong kỷ nguyên mới, đề cao triết lý giáo dục, bản sắc giáo dục của mỗi thương hiệu giáo dục.

6. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tổng hợp, phân tích: NCS sử dụng phương pháp tổng hợp phân tích trong nghiên cứu mỹ thuật thiết kế để thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như sách vở, tạp chí, dự án tương tự đã thực hiện và dữ liệu thị trường nhằm xây dựng một cơ sở thông tin phong phú, cung cấp cái nhìn toàn diện về đề tài của luận án. Từ đó hiểu rõ hơn về ngữ cảnh cũng như thực trạng của đề tài thời điểm hiện tại. Việc này giúp định hình mục tiêu và phạm

vi của đề tài một cách rõ ràng. Đồng thời, việc phân tích các phương pháp và kỹ thuật thiết kế đã được sử dụng trong các đề tài, tài liệu tương tự, liên quan cũng giúp xác định những luận điểm tốt nhất và áp dụng chúng vào đề tài hiện tại. Từ những thông tin tổng hợp được, NCS đưa ra những cái nhìn cụ thể về điểm mạnh và yếu của từng dẫn chứng.

Phương pháp phỏng vấn, điều tra, thu thập thông tin: Trên cơ sở xây dựng các tiêu chí đánh giá tính nghệ thuật trong thiết kế trang thông tin điện tử, NCS lập bảng hỏi, phiếu điều tra nhằm thu thập thông tin đánh giá về các TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay. Bảng hỏi được phát cho 68 chuyên gia trong lĩnh vực thiết kế trang thông tin điện tử để đánh giá. Từ câu trả lời của các chuyên gia trong bảng hỏi, NCS tổng hợp, phân tích nhằm lựa chọn các trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đáp ứng tiêu chuẩn về nghệ thuật thiết kế [Phụ lục 1, tr.165].

Bên cạnh đó, NCS tiến hành phỏng vấn các chuyên gia để làm rõ hơn các nội dung trong bảng hỏi. Đồng thời NCS tiến hành phỏng vấn người sử dụng để bổ sung các đánh giá về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục [Phụ lục 3, tr.203].

Phương pháp thống kê: Phương pháp thống kê là một công cụ quan trọng để phân tích và hiểu rõ hơn về các yếu tố và quy luật trong tác đối tượng của đề tài. Phương pháp này giúp NCS có cái nhìn sâu sắc hơn về các xu hướng, giao diện, và sự biến đổi của các yếu tố trong phạm vi đề tài. Phương pháp thống kê được sử dụng để phân tích tương quan và xác định mối liên hệ giữa các yếu tố như màu sắc, kỹ thuật, và cảm xúc được truyền đạt qua các ví dụ đồng thời chỉ rõ sự biến đổi trong dữ liệu nghệ thuật để thấy được mức độ đa dạng giữa các tác phẩm nghệ thuật, hoặc sự biến đổi trong quy mô và kích thước của chúng qua thời gian.

Phương pháp so sánh: phương pháp so sánh được sử dụng để so sánh các

yếu tố biểu hiện của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử của các cơ sở đào tạo. Bằng cách này, NCS có thể tổng kết được các đặc trưng, xu hướng chung trong nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học, đồng thời phát hiện ra các đặc trưng nghệ thuật riêng trong trang thông tin điện tử của mỗi cơ sở đào tạo. Phương pháp này cũng được NCS sử dụng để so sánh giữa các tiêu chí nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử được đề xuất và thực tiễn thực hiện của các cơ sở đào tạo.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

7.1. Về mặt khoa học

- Đề tài góp phần tổng hợp hệ thống cơ sở lý luận về thiết kế trang thông tin điện tử và phát triển lý thuyết và kiến thức nền tảng trong nhiều lĩnh vực, như: Tâm lý học người dùng, truyền thông thị giác, nhận diện thương hiệu giáo dục....

- Nghiên cứu của đề tài góp phần hình thành khung lý luận về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, kết hợp giữa mỹ thuật ứng dụng, truyền thông số và triết lý giáo dục.

- Đề tài tổng hợp, hoàn thiện các tiêu chí đánh giá tính nghệ thuật trong thiết kế trang thông tin điện tử nói chung và thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục nói riêng.

- Các kết quả nghiên cứu của đề tài bổ sung cho hệ thống nghiên cứu lý luận về mỹ thuật nói chung, nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử nói riêng.

7.2. Về mặt thực tiễn

- Đề tài chỉ ra xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục phải phù hợp với xu thế phát triển chung về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử đồng thời phải đáp ứng xu thế phát triển của giáo dục trong kỷ nguyên mới, đề cao triết lý giáo dục, bản sắc giáo dục của mỗi thương hiệu giáo dục.

- Đề tài làm rõ những giá trị về nghệ thuật của thiết kế trang thông tin điện tử, từ đó xác định vai trò quan trọng của thiết kế trang thông tin điện tử đối với cơ sở giáo dục đào tạo cũng như tác động của nghệ thuật thiết kế đến các giá trị văn hóa, kinh tế,...

- Những phân tích, đánh giá của đề tài là cơ sở để các nhà thiết kế trang thông tin điện tử tham khảo, ứng dụng trong thực tiễn hoạt động thiết kế, góp phần nâng cao hiệu quả tương tác của các trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục, tăng cường mức độ nhận diện thương hiệu của các cơ sở đào tạo.

- Góp phần thúc đẩy nhận thức về vai trò của nghệ thuật và thẩm mỹ trong không gian số cũng như giá trị của giáo dục đại học Việt Nam trong tiến trình hội nhập xu hướng thẩm mỹ, văn hóa và tri thức toàn cầu.

8. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu (10 trang), Kết luận (05 trang), Tài liệu tham khảo (16 trang) và Phụ lục (55 trang), nội dung của luận án được kết cấu thành 3 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay (46 trang)

Chương 2. Biểu hiện nghệ thuật thiết kế giao diện trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam (42 trang)

Chương 3. Phong cách, đặc trưng, giá trị và xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam (44 trang)

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ LĨNH VỰC GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu nước ngoài

Trong tiến trình phát triển của thiết kế hiện đại, đặc biệt là thiết kế đồ họa, nhiều công trình quốc tế đã góp phần định hình hệ hình thẩm mỹ, tư duy thị giác và lý thuyết thiết kế nền tảng. Những tài liệu này không chỉ có giá trị trong đào tạo thiết kế truyền thống mà còn tạo tiền đề lý luận và phương pháp cho các dạng thiết kế mới, trong đó có thiết kế giao diện trang thông tin điện tử giáo dục - đối tượng nghiên cứu chính của luận án. Trước hết, có thể kể đến các tài liệu nhập môn thiết kế như *Basics of Design: Layout & Typography for Beginners* (*Nhập môn tư duy thiết kế: Bố cục và Typography*) của Lisa Graham [17]. Cuốn sách giới thiệu các nguyên lý thiết kế cơ bản như nguyên tắc Gestalt, mối quan hệ giữa hình và nền, cấu trúc bố cục, lý thuyết màu sắc và kiểu chữ. Những kiến thức này, tuy mang tính nền tảng, nhưng lại là công cụ tư duy thiết yếu cho quá trình xây dựng hệ thống giao diện trực quan (*interface layout*) trong thiết kế TTĐT giáo dục. Trong phạm vi luận án, tư tưởng thiết kế “gọn - rõ - định hướng thị giác” từ công trình này được vận dụng để phân tích bố cục TTĐT theo hướng sự phạm hóa và tối giản hóa nhằm phù hợp với tâm lý người học.

Ở chiều sâu cảm xúc, *Design for emotion* (*Thiết kế cảm xúc*) của Aaron Walter (A Book Apart, 2011) [32] là một công trình quan trọng đặt nền móng cho việc nghiên cứu trải nghiệm người dùng từ góc nhìn tâm lý học cảm xúc. Cuốn sách gợi mở cách “thiết kế để gợi cảm xúc tích cực”, đặc biệt trong lần đầu người dùng tiếp xúc với một giao diện. Trong bối cảnh trang thông tin điện

tử giáo dục không chỉ là nơi chứa thông tin mà còn là không gian khơi mở hứng thú học tập, thì việc tiếp cận thiết kế từ cảm xúc (thay vì chỉ từ tính năng) có ý nghĩa then chốt. Luận án kế thừa quan điểm này trong phân tích khả năng “gây thiện cảm thị giác” ở những thiết kế thành công trong lĩnh vực giáo dục, qua đó đề xuất những tiêu chí thẩm mỹ giàu tính nhân văn.

Về yếu tố chữ, một cấu phần thị giác đặc biệt trong thiết kế giao diện học tập, *Exploring Typography (Khám phá nghệ thuật chữ)* của Tova Rabinowitz [27] đi sâu phân tích vai trò của chữ như hình ảnh: khả năng dẫn dắt cảm xúc, điều hướng hành vi và tạo nên bản sắc. Các luận điểm trong sách được luận án vận dụng khi đánh giá các thiết kế trang thông tin điện tử học đường có sử dụng typography như một yếu tố sư phạm. Ví dụ như lựa chọn font dễ đọc cho học sinh tiểu học, hay sử dụng kích cỡ chữ lớn để nhấn mạnh điểm chính của bài học, gắn liền với lý thuyết nhận thức theo lứa tuổi.

Trong phạm vi thiết kế đồ họa ứng dụng vào sản phẩm, đặc biệt là thiết kế bao bì - một lĩnh vực tương đồng với thiết kế giao diện ở khía cạnh xây dựng bản sắc thị giác và tổ chức thông tin, nhiều công trình chuyên khảo như *The package design book (Sách thiết kế bao bì)* (Pentawards & Taschen) [77], *Pakaging Makeovers: Graphic Redesign for Maket Change (Thay đổi bao bì: Thiết kế lại đồ họa để thay đổi thị trường)* [45], *Packaging Design: Successful Product Branding from Concept to Shelf (Thiết kế bao bì: Từ ý tưởng đến sản phẩm)* (Marianne Rosner Klimchuk & Sandra Krasovec, bản dịch Nxb Bách Khoa Hà Nội, 2019) [56], và *1000 package designs (Một nghìn thiết kế bao bì)* (Rockport Publishers) [82]. Những công trình này cung cấp cơ sở lý luận phong phú về ngôn ngữ hình ảnh thương hiệu, thiết kế hướng hành vi tiêu dùng, và thẩm mỹ hóa chức năng. Những luận điểm từ các công trình này được luận án đối chiếu trong phân tích thiết kế giao diện trang thông tin điện tử giáo dục như một “sản phẩm sư phạm đặc thù”, nơi người học là “người tiêu dùng tri thức”

và giao diện đóng vai trò như “bao bì văn hóa, giáo dục”. Đây là sự chuyển hóa từ thẩm mỹ hàng hóa sang thẩm mỹ học tập, một hướng tiếp cận mới mẻ của mỹ thuật ứng dụng trong giáo dục.

Đặc biệt, *Graphic Design Theory: Readings from the Field (Lý thuyết Thiết kế Đồ họa: Tuyển tập các bài viết từ thực tiễn)* [49] là một công trình tổng hợp có chiều sâu, tập hợp các văn bản lý luận quan trọng của các trường phái thiết kế như Bauhaus, Chủ nghĩa Hiện đại, Hậu hiện đại, và các trào lưu đương đại, đồng thời phân tích vai trò của thiết kế đồ họa trong xã hội truyền thông. Luận án sử dụng nguồn tài liệu này như một trục lý luận xuyên suốt, để lý giải sự chuyển dịch của mỹ thuật thiết kế từ in ấn sang số hóa, từ chức năng sang trải nghiệm, từ thiết kế vật thể sang thiết kế không gian thị giác (như giao diện trang thông tin điện tử), đồng thời định vị thiết kế TTTĐT giáo dục trong bối cảnh rộng lớn của văn hóa thị giác đương đại.

Như vậy, các công trình quốc tế trên không chỉ cung cấp khung lý thuyết chuyên ngành cho luận án mà còn giúp xác lập phương pháp phân tích thẩm mỹ, hệ hình tiếp cận người dùng, và mối quan hệ giữa thiết kế, văn hóa và công nghệ giáo dục. Đây là những đóng góp nền tảng để luận án triển khai việc nghiên cứu thiết kế TTTĐT giáo dục từ góc độ lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng - một hướng tiếp cận chưa được khai thác đầy đủ trong nghiên cứu trong nước hiện nay.

Các công trình nước ngoài đa dạng về nội dung và hướng tiếp cận. Một trong những công trình có giá trị khởi nguồn là *Webonomics: Nine Essential Principles for Growing Your Business on the World Wide Web (Webonomics: Chín nguyên lý cốt lõi để mở rộng doanh nghiệp của bạn trên Mạng Toàn cầu)* của Evan I. Schwartz (1997) [43]. Dù được xuất bản từ giai đoạn đầu của kỷ nguyên internet, cuốn sách đã đặt nền móng cho việc hiểu TTTĐT như một thực thể tạo ra giá trị kinh tế, đồng thời định hình nguyên tắc thiết kế web trong

mối quan hệ với hành vi tiêu dùng, quản trị nội dung và nhận diện thương hiệu. Dù mang thiên hướng kinh doanh, nhưng những nguyên tắc như tính minh bạch, khả năng dẫn dắt hành vi, khả năng tạo lập lòng tin qua thiết kế... Đây là những yếu tố vẫn còn nguyên giá trị khi áp dụng vào thiết kế TTTĐT trong giáo dục, nơi người học cũng là một "khách thể tiêu dùng tri thức" và phản ứng thị giác có vai trò kích thích động lực học tập.

Từ góc nhìn cấu trúc thông tin và trải nghiệm người dùng, *Information Architecture for the World Wide Web (Kiến trúc Thông tin cho Mạng Toàn cầu)* của Peter Morville và Louis Rosenfeld [78] là một tài liệu nền tảng. Cuốn sách trình bày hệ thống nguyên tắc tổ chức thông tin, định hướng điều hướng, phân loại nội dung và gắn nhãn dữ liệu - giúp người dùng định vị dễ dàng trong không gian mạng. Đây chính là tiền đề quan trọng để luận án tiếp cận giao diện TTTĐT giáo dục như một không gian mỹ thuật, tri thức – nơi việc tổ chức nội dung không chỉ là thao tác kỹ thuật mà còn là một lựa chọn thẩm mỹ, một chiến lược thị giác nhằm hỗ trợ nhận thức, tiếp thu và điều hướng hành vi học tập.

Ở góc độ văn hóa, kinh tế, tác phẩm *The Platform Economy: How Japan Transformed the Consumer Internet (Kinh tế nền tảng: Cách Nhật Bản làm thay đổi Internet tiêu dùng)* của Marc Steinberg [65] phân tích cách Nhật Bản phát triển nền kinh tế internet thông qua việc thiết kế nền tảng trực tuyến, trong đó TTTĐT đóng vai trò cốt lõi như một “kết cấu hạ tầng văn hóa, tiêu dùng”. Tác giả chỉ ra rằng TTTĐT không đơn thuần là cổng thông tin mà còn là không gian tạo dựng giá trị cảm xúc, bản sắc văn hóa và thiết lập các cơ chế hành vi thị trường mới. Tư tưởng này khi chuyển sang lĩnh vực giáo dục mở ra cách tiếp cận rằng TTTĐT học đường cũng là một không gian “kinh tế tri thức”, nơi giá trị không chỉ nằm ở nội dung bài học mà còn ở cách tổ chức, truyền tải, tương tác, trải nghiệm của người học trong môi trường số.

Một công trình mang tính ứng dụng cao trong lĩnh vực giáo dục là báo

cáo *Educause* (2005) [97], trình bày tổng quan về các hệ thống quản lý học tập (LMS) hiện đại. Báo cáo này liệt kê bảy điểm cốt lõi trong vận hành LMS, từ tổ chức nội dung, quản lý lớp học, đến hỗ trợ cá nhân hóa học tập. Mặc dù thiên về mặt kỹ thuật và quản trị, nhưng các tiêu chí mà báo cáo nêu ra về thiết kế hệ thống thân thiện, khả năng thích ứng và tích hợp nội dung, tương tác đã hỗ trợ mạnh mẽ cho luận án trong việc xây dựng khung đánh giá các yếu tố mỹ thuật - chức năng của một TTTĐT giáo dục hiệu quả. Điều đáng lưu ý là *Educause* không chỉ đề cập đến công năng hệ thống mà còn khẳng định vai trò của trải nghiệm người dùng (UX) và giao diện trực quan (UI) trong việc duy trì tương tác học tập và nâng cao hiệu quả tiếp thu - điều trùng khớp với quan điểm tiếp cận của luận án về vai trò thẩm mỹ học đường số.

Tài liệu nước ngoài phải kể đến tác phẩm kinh điển *Designing with Web Standards (Thiết kế Web tuân thủ các Tiêu chuẩn Web)* của Jeffrey Zeldman (2003, tái bản 2009 cùng Ethan Marcotte) [52]. Cuốn sách đặt ra yêu cầu thiết kế TTTĐT cần tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn HTML, CSS và JavaScript để đảm bảo tính tương thích, tính truy cập và tính nhất quán trên nhiều trình duyệt và thiết bị. Tiếp nối tinh thần đó, Ethan Marcotte, trong cuốn *Responsive Web Design (Thiết kế Web thích ứng)* (2011) [42], đã giới thiệu khái niệm thiết kế web phản hồi, tức giao diện tự động điều chỉnh để phù hợp với nhiều loại màn hình và thiết bị. Marcotte đề xuất ba nguyên lý then chốt: lưới linh hoạt (*fluid grids*), hình ảnh linh hoạt (*flexible images*) và truy vấn phương tiện (*media queries*). Đây không chỉ là một kỹ thuật mà là một tư tưởng thẩm mỹ mới trong thiết kế số - hướng đến tính thích ứng, thân thiện và bao trùm trong trải nghiệm người dùng. Với luận án này, các nguyên lý trên được tiếp cận không chỉ như giải pháp công nghệ, mà còn như cách tiếp cận nghệ thuật: xây dựng giao diện học đường có khả năng đồng hành với người học trong nhiều bối cảnh thiết bị, hoàn cảnh địa lý, và nhu cầu cá nhân hóa.

Các công trình kể trên dù không trực tiếp nghiên cứu văn hóa Việt Nam nhưng cung cấp hệ quy chiếu phương pháp để tiếp cận việc tích hợp yếu tố văn hóa vào giao diện số. Trong môi trường giáo dục Việt Nam, điều này có ý nghĩa đặc biệt, bởi TTTĐT giáo dục không chỉ truyền tải tri thức mà còn truyền tải tinh thần dân tộc, hệ giá trị và phương pháp giáo dục Việt. Từ hệ quy chiếu này, luận án sẽ triển khai khung phân tích riêng để đánh giá vai trò của thiết kế giao diện như một hình thức thể hiện văn hóa sư phạm, và từ đó đề xuất hướng nghệ thuật hóa thiết kế TTTĐT trong giáo dục theo định hướng bản địa hóa, nhân văn hóa và hiện đại hóa.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.1.2.1. Nghiên cứu về nghệ thuật thiết kế đồ họa

Tại Việt Nam, lĩnh vực thiết kế bắt đầu phát triển mạnh mẽ từ cuối thế kỷ XX và thực sự bước vào thời kỳ chuyên nghiệp hóa từ đầu thế kỷ XXI, song song với tiến trình hội nhập và chuyển mình của ngành mỹ thuật ứng dụng. Tuy là một ngành mới so với các chuyên ngành truyền thống như hội họa, điêu khắc hay mỹ thuật dân gian, nhưng thiết kế đồ họa đã nhanh chóng khẳng định vị trí trong đời sống thẩm mỹ thị giác hiện đại, đặc biệt trong các lĩnh vực quảng bá, truyền thông, bao bì, nhận diện thương hiệu và gần đây là không gian số, bao gồm thiết kế giao diện TTTĐT. Hệ thống tài liệu trong nước bao gồm sách lý luận, công trình nghiên cứu chuyên ngành, luận văn, luận án đã góp phần đặt nền móng ban đầu cho tư duy lý luận và phân tích thẩm mỹ của ngành thiết kế đồ họa tại Việt Nam. Những công trình này có nhiều giá trị kế thừa trong định hướng nghiên cứu của luận án.

Một trong những tài liệu nhập môn đáng chú ý là bản dịch tác phẩm của Richard Moore (1995, Nxb Trẻ) [23], trong đó bàn sâu về mối quan hệ giữa thiết kế và marketing. Dù không được viết chuyên biệt cho thiết kế đồ họa, tác phẩm vẫn cung cấp những lý luận nền tảng giúp hiểu thiết kế như một công cụ

chiến lược, nơi thẩm mỹ và chức năng giao nhau để tạo ra giá trị cảm xúc và tăng tính cạnh tranh sản phẩm. Tư duy này khi vận dụng vào lĩnh vực giáo dục giúp luận án tiếp cận thiết kế TTTĐT không chỉ như một môi trường học tập mà còn như một hình ảnh đại diện cho bản sắc học đường, nơi “thiết kế” tham gia trực tiếp vào việc xây dựng uy tín học thuật và truyền cảm hứng học tập.

Ở cấp độ lý thuyết căn bản, hai cuốn sách *Cơ sở phương pháp luận Design* của Lê Huy Văn [30] và *Nguyên lý Design thị giác* của Nguyễn Hồng Hưng [13] đã đóng vai trò hệ thống hóa nền tảng tư duy thiết kế tại Việt Nam. Các nguyên lý như cân bằng, nhịp điệu, đối xứng, tương phản, cũng như cách phối hợp màu sắc, tỷ lệ, đã được tác giả phân tích cụ thể và liên hệ với ngôn ngữ thị giác hiện đại. Đây là tài liệu quan trọng giúp luận án xác lập hệ khái niệm thẩm mỹ cơ bản trong không gian thiết kế số, đặc biệt là cách tổ chức bố cục, sắp xếp thông tin và điều phối hành vi nhìn trong giao diện TTTĐT giáo dục. Công trình *Truyền thông thị giác từ góc nhìn thiết kế đồ họa Việt Nam hiện đại* của Ngô Anh Cơ [4] là một nỗ lực sớm trong việc xây dựng hệ quy chiếu văn hóa cho thiết kế đồ họa trong nước. Dù mang tính khởi đầu, nhưng tác phẩm này đã đặt nền móng cho việc xem xét thiết kế như một hiện tượng văn hóa, không chỉ là kỹ thuật hình ảnh. Quan điểm này được tiếp nối và làm rõ trong các nghiên cứu của Nguyễn Hồng Ngọc, Hồ Trọng Minh, Đặng Thị Thanh Hoa,... thông qua các bài viết và đề tài chuyên môn về đồ họa nhận diện, truyền thông thị giác và thiết kế sản phẩm số.

Một hướng nghiên cứu nổi bật khác là thiết kế trong hệ thống nhận diện thương hiệu, nơi đồ họa giữ vai trò then chốt trong việc hình thành bản sắc tổ chức. Đáng chú ý là luận án tiến sĩ của Phạm Phương Linh *Nghệ thuật thiết kế nhận diện thương hiệu ở Việt Nam giai đoạn 2000-2020* [16], đã hệ thống hóa lịch sử phát triển của thiết kế thương hiệu tại Việt Nam và khẳng định vai trò của thiết kế như một hình thức thể hiện bản sắc và chiến lược truyền thông.

Đây là luận điểm mà luận án kế thừa khi phân tích thiết kế website giáo dục như một kênh nhận diện học đường, nơi các yếu tố đồ họa, từ logo, màu sắc, font chữ đến bố cục không chỉ mang chức năng thông tin mà còn là “tuyên ngôn thị giác” của triết lý giáo dục.

Tổng thể, các công trình trong nước về thiết kế đồ họa tuy chưa trực tiếp tập trung vào thiết kế TTTĐT giáo dục, nhưng đã cung cấp một nền tảng lý luận quan trọng cho luận án ở ba phương diện: (1) lý thuyết cơ bản về ngôn ngữ hình ảnh trong thiết kế, (2) ứng dụng thiết kế trong sản phẩm thị giác có tính định danh và truyền thông, và (3) định vị thiết kế như một hình thức biểu đạt bản sắc văn hóa - thương hiệu trong bối cảnh xã hội Việt Nam. Đây là cơ sở học thuật để luận án triển khai khung phân tích toàn diện về thiết kế TTTĐT giáo dục như một hình thái mỹ thuật ứng dụng có chức năng nhận thức, giáo dục và văn hóa hóa hành vi học tập trong thời đại số.

1.1.2.2. Nghiên cứu về trang thông tin điện tử

Ở Việt Nam, dù việc nghiên cứu TTTĐT vẫn chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghệ hoặc truyền thông thương hiệu, nhưng cũng đã xuất hiện những tài liệu mang tính phân tích kinh tế, xã hội sâu sắc. Tiêu biểu là Báo cáo Kinh tế số Việt Nam 2020 do Bộ Công thương công bố [3]. Báo cáo này cho thấy tầm quan trọng ngày càng tăng của TTTĐT như một hạ tầng số, không chỉ trong kinh doanh mà còn trong giáo dục và quản trị công. Sự phổ biến của TTTĐT trong các doanh nghiệp được phân tích như một yếu tố gia tăng hiệu suất hoạt động, tăng khả năng tiếp cận khách hàng, mở rộng năng lực truyền thông. Từ đó, báo cáo cũng gián tiếp đặt ra yêu cầu rằng TTTĐT giáo dục không thể đứng ngoài hệ thống số hóa quốc gia, và cần được phát triển như một kênh tương tác hiệu quả, mang tính bản sắc và hướng tới người học. Hệ thống các công trình trong nước đã góp phần làm rõ vai trò của TTTĐT như một không gian trung gian giữa nội dung và người dùng, giữa giá trị thông tin và hình thức trình bày,

đặt nền tảng cho việc tiếp cận TTTĐT như một đối tượng thiết kế mang tính chất văn hóa, nghệ thuật đặc thù.

Tổng hợp lại, các tài liệu đã chứng minh rằng TTTĐT không chỉ là sản phẩm công nghệ mà còn là không gian văn hóa, không gian kinh tế và không gian thẩm mỹ. Đối với luận án này, việc nghiên cứu TTTĐT từ các góc độ tổ chức thông tin, tương tác người dùng, kiến trúc tri thức và giá trị biểu trưng sẽ là nền tảng quan trọng để xây dựng khung phân tích nghệ thuật thiết kế TTTĐT trong giáo dục - nơi thiết kế không chỉ phục vụ chức năng mà còn góp phần định hình tư duy học tập, không khí học đường và bản sắc văn hóa số trong thời đại mới.

1.1.2.3. Nghiên cứu về thiết kế trang thông tin điện tử

Trong hơn hai thập niên qua, cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, lĩnh vực thiết kế TTTĐT đã trở thành một ngành độc lập với hệ thống lý luận, chuẩn mực và công cụ phân tích riêng biệt. Nhiều công trình không chỉ dừng lại ở khía cạnh kỹ thuật mà còn mở rộng ra những vấn đề liên quan đến thẩm mỹ học, trải nghiệm người dùng, và đặc biệt là vai trò của văn hóa trong thiết kế TTTĐT. Các tài liệu này cung cấp nền tảng quan trọng để tiếp cận thiết kế TTTĐT như một không gian thẩm mỹ đặc thù - nơi kết nối giữa nội dung và người học không chỉ là chức năng điều hướng mà còn là biểu hiện của bản sắc văn hóa và tư tưởng giáo dục.

Một trong những luận điểm được nhấn mạnh trong nhiều công trình gần đây là việc tích hợp yếu tố văn hóa vào thiết kế giao diện có ảnh hưởng sâu sắc đến trải nghiệm người dùng và khả năng truyền tải giá trị bản địa ra toàn cầu. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, TTTĐT không chỉ là công cụ truyền thông số mà còn là “đại sứ kỹ thuật số” của văn hóa dân tộc. Đối với Việt Nam, một quốc gia có bề dày di sản và đa dạng văn hóa, việc đưa họa tiết truyền thống, tinh thần nghệ thuật dân gian hay đặc trưng ngôn ngữ thị giác dân tộc vào thiết kế

TTTĐT giáo dục không chỉ nâng cao tính thẩm mỹ mà còn góp phần bảo tồn và lan tỏa bản sắc văn hóa trong môi trường học đường số.

So với bối cảnh quốc tế, các nghiên cứu về nghệ thuật thiết kế TTTĐT tại Việt Nam hình thành tương đối muộn, chủ yếu từ giai đoạn 2008-2010 và phát triển ở nhiều ngành liên quan, như: mỹ thuật ứng dụng, công nghệ thông tin, truyền thông, báo chí, kiến trúc và thiết kế sản phẩm. Mặc dù còn phân tán về hướng tiếp cận và mục tiêu nghiên cứu, nhưng hệ thống tài liệu trong nước đã bước đầu cung cấp những cơ sở lý luận, ví dụ thực tiễn và hướng tiếp cận có giá trị, hỗ trợ đáng kể cho việc luận giải sâu sắc hơn vai trò của thiết kế website như một hình thức nghệ thuật thị giác trong môi trường giáo dục. Các nghiên cứu có thể được chia thành hai nhóm chính gồm: nghiên cứu về thiết kế giao diện đồ họa, nghiên cứu về thiết kế trải nghiệm người dùng (UX).

Nghiên cứu về thiết kế giao diện đồ họa là nhóm công trình tập trung vào các yếu tố thị giác như màu sắc, hình ảnh, bố cục, họa tiết, chất liệu... trong thiết kế giao diện TTTĐT. Các đồ án và khóa luận ở Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, Đại học FPT, Đại học Kiến trúc TP.HCM hay ĐHMTVN cho thấy rõ xu hướng kết hợp giữa mỹ thuật truyền thống và ngôn ngữ thị giác hiện đại trong không gian số. Đáng chú ý là một số công trình như: Nguyễn Hồng Ngọc (2016), *Thiết kế đồ họa Việt Nam trong mối liên hệ với mỹ thuật truyền thống*, Luận án Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội [20], *Họa Sắc Việt - Dự án thiết kế ứng dụng họa tiết truyền thống tranh Hàng Trống* (S-River, 2021) [124], *Xu hướng flat design* (2016) [125]. Những công trình này dù mang tính ứng dụng nhưng có ý nghĩa lý luận quan trọng đối với luận án khi cho thấy nỗ lực nội địa hóa thiết kế TTTĐT, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, sao cho phù hợp với tâm lý học tập, thẩm mỹ văn hóa và môi trường tiếp nhận thị giác của người Việt. Các tư liệu này giúp luận án bổ sung luận điểm về bản sắc hóa giao diện giáo dục, đồng thời đối sánh với các xu hướng

thiết kế quốc tế đang có mặt tại Việt Nam.

Nghiên cứu về thiết kế trải nghiệm người dùng (UX) là một hướng nghiên cứu quan trọng khác về vai trò của thiết kế trong việc tạo dựng trải nghiệm người học, vốn là yêu cầu cốt lõi trong thiết kế TTTĐT giáo dục hiện đại. Trong số đó, các công trình của Nguyễn Văn Dung (2009) [5] và Nguyễn Văn Thịnh (2014) [26] là hai tài liệu chuyên sâu có đóng góp lý thuyết đáng kể. Nguyễn Văn Dung (2009) tập trung vào vai trò của thiết kế như một công cụ chiến lược, giúp tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm và dịch vụ thông qua thiết kế lấy người dùng làm trung tâm. Quan điểm này, khi chuyển dịch vào lĩnh vực giáo dục, sẽ giúp luận án lý giải sâu sắc hơn cách thiết kế website học tập có thể tối ưu hóa hành trình học tập, gia tăng động lực và trải nghiệm cho người học. Nguyễn Văn Thịnh (2014) cung cấp hướng dẫn chi tiết từ thiết kế giao diện đến triển khai TTTĐT hoàn chỉnh, trong đó chú trọng tới nguyên lý thân thiện người dùng, cấu trúc thông tin và kỹ thuật lập trình web. Dù nghiêng về kỹ thuật, nhưng sách vẫn đề cập mối quan hệ giữa mỹ thuật, công nghệ và nhu cầu sử dụng. Điều này rất phù hợp để luận án phân tích tính đa ngành trong thiết kế TTTĐT giáo dục. Ngoài ra, Jay Greene [14] (2015, Nxb Trẻ) tuy không viết từ góc độ học thuật thuần túy, nhưng lại mang đến những luận điểm hữu ích về thiết kế thương hiệu và bản sắc, đặc biệt qua phân tích các yếu tố như logo, màu sắc, kiểu chữ và hình ảnh trong truyền thông thương hiệu. Những phân tích này, khi vận dụng vào bối cảnh trường học và giáo dục, sẽ giúp luận án mở rộng luận điểm về thiết kế trang thông tin điện tử như “giao diện bản sắc học đường”, nơi mà hình ảnh, màu sắc, cấu trúc không chỉ truyền tải thông tin mà còn phản ánh triết lý giáo dục và văn hóa tổ chức.

Từ năm 2016, các cơ sở như Đại học RMIT Việt Nam, Đại học FPT, Học viện Bưu chính Viễn thông cũng bắt đầu có nhiều đồ án tốt nghiệp, khóa luận và dự án UX gắn với nhu cầu thiết kế giao diện học tập như: *Phân tích hành vi*

người dùng khi sử dụng giao diện thương mại điện tử Việt Nam (RMIT); Thiết kế UX cho ứng dụng tuyển sinh trực tuyến (FPT). Những công trình này mang lại cơ sở thực tiễn để luận án tiếp cận tư duy thiết kế hướng hành vi người học, từ việc tổ chức thông tin học liệu đến khả năng phản hồi và hỗ trợ người học cá nhân hóa trải nghiệm.

Tóm lại, nhóm tài liệu nghiên cứu trong nước tuy chưa nhiều nhưng đã bước đầu đặt nền móng cho việc nghiên cứu thiết kế TTTĐT từ các chiều cạnh mỹ thuật, kỹ thuật, truyền thông và văn hóa. Luận án kế thừa những đóng góp này, đồng thời phát triển thêm hệ khái niệm và khung phân tích mang tính liên ngành, từ góc nhìn lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng, để lý giải sâu hơn bản chất nghệ thuật, sư phạm, văn hóa của thiết kế TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục hiện nay.

1.1.2.4. Nghiên cứu về thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục

Thiết kế TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục là một hoạt động đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa tư duy mỹ thuật ứng dụng, công nghệ thông tin, lý thuyết sư phạm và tâm lý học đường. Đây là lĩnh vực đặc thù bởi sản phẩm thiết kế không chỉ là công cụ chức năng phục vụ tra cứu hay thao tác học tập, mà còn là không gian thị giác có vai trò nuôi dưỡng cảm xúc học tập, truyền cảm hứng và chuyển tải triết lý giáo dục qua hình thức thẩm mỹ. Vì thế, các nghiên cứu về thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục cũng đòi hỏi những cách tiếp cận liên ngành và đa ngành. Tại Việt Nam, tuy số lượng nghiên cứu còn hạn chế, nhưng đã bước đầu xuất hiện một số công trình có giá trị lý luận và thực tiễn, góp phần hình thành nền tảng học thuật cho các hướng tiếp cận mới, trong đó có luận án này.

Một trong những công trình tiêu biểu là luận văn thạc sĩ của Nguyễn Quang Huy (2020), thực hiện tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, với đề tài *Thiết kế giao diện website học trực tuyến cho sinh viên Việt Nam*

[12]. Công trình này không chỉ phản ánh bối cảnh phát triển nhanh chóng của giáo dục trực tuyến tại Việt Nam sau đại dịch, mà còn đóng góp vào việc xây dựng bộ tiêu chí thiết kế UI/UX dựa trên khảo sát hành vi người dùng thực tiễn. Việc tác giả triển khai nguyên mẫu responsive UI có tính ứng dụng cao giúp xác lập một hệ quy chiếu tương thích cho việc thiết kế giao diện học đường. Đây là cơ sở thiết thực để luận án kế thừa trong việc đề xuất hệ thống tiêu chí thiết kế website giáo dục phù hợp với thẩm mỹ học đường Việt Nam, đồng thời tích hợp tính thân thiện, dễ sử dụng và định hướng người học rõ ràng.

Góp phần mở rộng chiều sâu văn hóa trong thiết kế giáo dục, luận văn của Lê Thị Minh Anh (2021) tại Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp với đề tài *Ứng dụng mỹ thuật truyền thống trong thiết kế website giáo dục phổ thông* [2] mang đến một hướng tiếp cận giàu bản sắc. Tác giả đã ứng dụng các yếu tố dân gian như tranh Đông Hồ, Hàng Trống trong thiết kế giao diện mẫu cho website một trường tiểu học, từ đó góp phần hình thành hướng thiết kế bản địa hóa giao diện giáo dục. Đây là dữ liệu quan trọng để luận án triển khai lý thuyết “mỹ thuật học đường số”, tái hiện tinh thần giáo dục Việt qua không gian số hóa bằng hình ảnh, màu sắc, chất liệu đồ họa mang tính truyền thống.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu về trải nghiệm người dùng (UX) trong TTTĐT giáo dục cũng mang đến những khía cạnh mới mẻ. Công trình *A study on satisfaction of users towards learning management system at International University - Vietnam National University HCMC* (Nghiên cứu về mức độ hài lòng của người dùng đối với hệ thống quản lý học tập tại Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) [126] mặc dù tập trung vào LMS, nghiên cứu vẫn khảo sát sâu về yếu tố tương tác, thông tin và giao diện trong hành vi tìm kiếm và sự hài lòng của người học. Mô hình này giúp mở rộng khung phân tích từ góc độ thị giác định hướng hành vi: giao diện không chỉ trình bày nội dung, mà còn *dẫn dắt* hành vi tìm kiếm và tăng động lực học thông

qua việc tối ưu hóa cấu trúc và quy trình trực quan. Một nghiên cứu được trình bày tại hội thảo Pixel Education mang tên “Factors driving student satisfaction on e-learning platforms in Vietnam” (Các yếu tố thúc đẩy sự hài lòng của học sinh trên các nền tảng học tập trực tuyến tại Việt Nam) [127], phân tích dựa trên các nền tảng phổ biến như OLM.vn và Hoc24.vn. Nghiên cứu sử dụng lý thuyết TAM, UTAUT và Community of Inquiry, thu thập dữ liệu từ hơn 11.000 học sinh K-12, áp dụng mô hình PLS-SEM. Kết quả cho thấy ba yếu tố then chốt: giao diện người dùng (UI/UX), chất lượng nội dung, và tương tác có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hài lòng và khả năng tiếp cận của học sinh. Đây là minh chứng mạnh mẽ cho quan điểm rằng thiết kế bao trùm không chỉ là mỹ học, mà còn là yếu tố tạo ra hệ sinh thái tương tác, giúp học sinh khiếm khuyết nghe, thị giác, hoặc tự kỷ có thể tiếp cận nội dung một cách bình đẳng. Các yếu tố như biểu tượng lớn, hướng dẫn ký hiệu, video hỗ trợ, đều là các phương thức triển khai thực tiễn từ mô hình này.

Bên cạnh các luận văn và khóa luận, một số đề tài cấp bộ và bài báo học thuật đã tạo ra những khung lý thuyết và tiêu chuẩn nền tảng có thể kế thừa trong luận án. Đáng chú ý là đề tài cấp Bộ GD&ĐT do Lê Hữu Phước chủ trì tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long (2019-2021) [22], nghiên cứu về xây dựng giao diện người dùng tối ưu cho hệ thống học tập trực tuyến, với kết quả là bộ tiêu chí thiết kế UI/UX theo chuẩn WCAG 2.1. Một công trình khác là bài viết của Tạ Thanh Trung, Lê Thị Thúy Quỳnh và Quản Minh Hòa (2022) [29] đăng trên Tạp chí *Khoa học Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh*, Khảo sát 467 học sinh THPT tại TP.HCM theo mô hình PLS-SEM, xác định các yếu tố như không gian học tập trực tuyến, cấu trúc nội dung, khả năng sử dụng công nghệ tác động tới hứng thú học tập. Thông tin như tổ chức bố cục, giao diện thân thiện, và công cụ tương tác trực quan được nhấn mạnh là có ảnh hưởng tích cực lên trải nghiệm người dùng (UX) rất phù hợp để làm ví dụ cho giao

diện “dẫn dắt hành vi học tập”. Đây là dữ liệu quý báu để luận án đề cập đến khía cạnh công bằng thị giác và điều kiện tiếp cận trong môi trường giáo dục Việt Nam, nhằm hướng đến một mô hình thiết kế nhân văn, thực tiễn và phổ quát hơn.

Tổng thể, các nghiên cứu trên tuy còn phân tán và phần lớn thiên về ứng dụng, nhưng đã đặt nền móng ban đầu cho việc nhận diện thiết kế website giáo dục như một lĩnh vực vừa mang tính chức năng, vừa đậm chất nghệ thuật. Luận án sẽ kế thừa có chọn lọc các công trình này để xây dựng khung lý thuyết và hệ tiêu chí đánh giá riêng, tập trung vào giá trị mỹ học, ngôn ngữ thiết kế và bản sắc học đường trong không gian giao diện giáo dục số, từ đó góp phần làm rõ vai trò của thiết kế TTTĐT như một hình thức nghệ thuật ứng dụng đương đại phục vụ giáo dục trong bối cảnh mới.

1.1.3. Đánh giá tổng quan và vấn đề tiếp tục nghiên cứu

Nghệ thuật thiết kế đồ họa là vấn đề đã được nghiên cứu ở cả trong nước và quốc tế. Các nghiên cứu đã cho thấy, vai trò đặc biệt của ngôn ngữ mỹ thuật trong nghệ thuật thiết kế, bao gồm nhiều lĩnh vực sản phẩm khác nhau và ngày càng được bổ sung thêm các yếu tố của công nghệ liên quan đến thị giác.

Nghiên cứu về TTTĐT là lĩnh vực đa ngành, giao thoa giữa kỹ thuật, thiết kế, hành vi người dùng và truyền thông. Qua hơn hai thập kỷ, các hướng nghiên cứu đã mở rộng mạnh mẽ từ cấu trúc kỹ thuật sang trải nghiệm con người, từ khả năng truy cập đến cá nhân hóa sâu rộng. Tuy nhiên, để phát triển toàn diện, các nghiên cứu tương lai cần tăng cường tính liên ngành, tính bao trùm văn hóa và yếu tố đạo đức trong thiết kế TTTĐT.

Từ việc tổng hợp những nghiên cứu đi trước, NCS nhận thấy, việc nghiên cứu thiết kế TTTĐT như một sáng tạo nghệ thuật toàn diện chưa được đi sâu phân tích. Thiết kế TTTĐT cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, sâu sắc hơn từ góc nhìn nghệ thuật, thông qua việc phân tích các yếu tố biểu hiện nghệ thuật như: màu sắc, hình ảnh, bố cục, chữ hay các yếu tố đặc trưng riêng của web như giao

diện, chuyển động. Từ việc phân tích các yếu tố biểu hiện nghệ thuật của thiết kế TTTĐT, NCS mong muốn đánh giá được vai trò của các yếu tố nghệ thuật trong việc thể hiện được các vai trò khác của TTTĐT như: cung cấp thông tin, quảng bá hình ảnh, nhận diện thương hiệu, thể hiện bản sắc.

Đây là lĩnh vực mới, lượng TTTĐT đang vận hành ở Việt Nam cũng có số lượng rất lớn. Vì vậy, tác giả chỉ tập trung lựa chọn trang web thuộc lĩnh vực giáo dục đại học. Đây là lĩnh vực có đối tượng sử dụng tương đối đặc thù, bên cạnh những yếu tố chung của nghệ thuật thiết kế TTTĐT thì cũng có những đặc thù riêng khi thực hiện thiết kế. Nhiệm vụ của luận án là tiếp tục phải nghiên cứu, làm rõ các vấn đề:

- Biểu hiện của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục. Những tiêu chí nào đánh giá tính nghệ thuật của trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục.

- Đặc trưng của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục.

- Xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục nhằm nâng cao tính nhận diện thương hiệu và quảng bá, phát triển giáo dục trong tương lai.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Khái niệm liên quan đến đề tài

1.2.1.1. Nghệ thuật thiết kế

Khái niệm Nghệ thuật: Theo *Từ điển Oxford*, Nghệ thuật (Art) được mô tả là việc sử dụng trí tưởng tượng để thể hiện ý tưởng hoặc cảm xúc, đặc biệt trong hội họa, vẽ hoặc điêu khắc [137]. *Từ điển Cambridg*, Nghệ thuật (Art): Sự sáng tạo và sản xuất các tác phẩm (bằng cách sử dụng kỹ thuật) mà mọi người thường muốn coi và đánh giá cao về vẻ đẹp hoặc tình cảm [129]. *Từ điển Tiếng Việt* định nghĩa Nghệ thuật (Art): là hình thức sáng tạo mang phẩm chất

thẩm mỹ, phản ánh hiện thực, cảm xúc, tư tưởng của con người, thể hiện qua các phương tiện như hình ảnh, âm thanh hoặc lời nói [28, tr.462]. Mặc dù có sự khác biệt trong các định nghĩa, nhưng *nghệ thuật thường được mô tả là sự sáng tạo của con người thông qua việc tạo ra các tác phẩm có giá trị thẩm mỹ hoặc biểu hiện ý tưởng và cảm xúc*. Các định nghĩa này cũng thường nhấn mạnh vào việc sử dụng sự sắp xếp của các yếu tố như hình thức, màu sắc, và âm thanh.

Khái niệm Thiết kế: Theo *Từ điển tiếng Anh Oxford*, thiết kế được định nghĩa là “một kế hoạch hoặc bản vẽ được tạo ra để thể hiện hình dáng, chức năng hoặc hoạt động của một tòa nhà, quần áo hoặc các đồ vật khác trước khi nó được tạo ra” [130]. Thiết kế là một lĩnh vực chuyên môn vượt qua những định nghĩa đơn giản. Nó đòi hỏi sự cân bằng giữa tính sáng tạo và logic, hình thức và chức năng, vẻ đẹp và khả năng sử dụng. Thiết kế không chỉ là tạo ra cái gì đó mới; đó là về việc cải thiện những gì đã tồn tại để tăng cường sự tương tác của con người với thế giới xung quanh chúng ta. Cho dù trong kiến trúc, thời trang, giao diện kỹ thuật số hay bất kỳ lĩnh vực nào khác mà thiết kế đóng vai trò then chốt, việc hiểu các nguyên tắc cốt lõi của nó là nền tảng để tạo ra những sản phẩm và trải nghiệm có ý nghĩa.

Có thể nói, *nghệ thuật thiết kế là khái niệm chỉ quá trình họa sĩ sử dụng ngôn ngữ thiết kế đồ họa một cách sáng tạo để tạo ra sản phẩm mỹ thuật ứng dụng nhằm đạt mục tiêu thẩm mỹ, hướng đến cảm xúc của người tiếp nhận và các mục tiêu khác mà mỹ thuật có thể can thiệp*. Đề tài sẽ sử dụng khái niệm công cụ này để phân tích nghệ thuật thiết kế TTTĐT.

1.2.1.2. Trang thông tin điện tử

Căn cứ khoản 19 Điều 3 Nghị định 147/2024/NĐ-CP quy định: Trang thông tin điện tử (website) là trang thông tin hoặc một tập hợp trang thông tin, ứng dụng (application) trên Internet được trình bày dưới dạng ký hiệu, số, chữ viết, hình ảnh, âm thanh và các dạng thông tin khác phục vụ cho việc cung cấp,

sử dụng nội dung, dịch vụ khác nhau trên Internet [21]. Các trang thông tin điện tử hiện không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày, cung cấp quyền truy cập vào thông tin, dịch vụ và sản phẩm.

Theo Peter Morville và Louis Rosenfeld (2006), TTTĐT là “một tập hợp các trang được liên kết với nhau và thường được duy trì bởi một cá nhân, nhóm hoặc tổ chức” [78, tr.18]. Theo Nguyễn Văn Thịnh (2014), TTTĐT là “một tập hợp các trang thông tin điện tử được tổ chức dưới dạng siêu văn bản, hoạt động trong môi trường Internet và được xác định bằng một địa chỉ truy cập riêng (tên miền)” [26, tr. 45].

Từ quan niệm của 2 tác giả trên, tác giả cho rằng: trang thông tin điện tử là tập hợp các trang thông tin điện tử có liên quan nằm dưới một tên miền duy nhất, thường do một thực thể duy nhất tạo ra và có sẵn công khai trên Internet.

1.2.1.3 Trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục

Theo EDUCAUSE (2005), “Website giáo dục là thành phần của hệ thống quản lý học tập (LMS) hoặc hệ thống quản lý nội dung học tập (LCMS), cung cấp nền tảng phân phối nội dung, quản lý tiến trình học tập và hỗ trợ giao tiếp giữa người học và giảng viên” [39, tr.4].

UNESCO (2002) cho rằng: “Website giáo dục được xem là nền tảng trực tuyến cung cấp các tài nguyên học tập và giảng dạy, hỗ trợ việc học tập suốt đời và phát triển kỹ năng cho người học ở mọi lứa tuổi. Website giáo dục không chỉ đơn thuần là nơi chứa thông tin, mà còn là môi trường tương tác giúp nâng cao hiệu quả quá trình giáo dục” [86].

Tác giả luận án cũng thống nhất với cả 2 quan điểm này. Hiện nay hệ thống TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục cũng chia làm 2 loại như khái niệm trên, gồm: các TTTĐT quản lý học tập của các cơ sở đào tạo hoặc các cơ quan quản lý đào tạo và các TTTĐT học tập trực tuyến. Đồng thời, có những TTTĐT đã tích hợp được cả 2 loại hình hoạt động trên.

Trong lĩnh vực giáo dục đại học, trang thông tin điện tử được xem là kênh truyền thông chính thức của cơ sở giáo dục. Do đó, trang thông tin điện tử của các trường đại học không chỉ là một công cụ cung cấp thông tin mà còn là *một sản phẩm truyền thông và thiết kế nghệ thuật trong môi trường số*, kết hợp giữa yếu tố công nghệ, nội dung và thẩm mỹ nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông và trải nghiệm người dùng.

1.2.1.4. Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử

Nghệ thuật thiết kế TTTĐT là quá trình họa sĩ thiết kế sử dụng các yếu tố thị giác như hình ảnh, màu sắc, bố cục và kiểu chữ một cách sáng tạo để tạo ra môi trường kỹ thuật số hấp dẫn không chỉ thu hút người dùng mà còn tạo điều kiện điều hướng và tương tác trực quan với nội dung TTTĐT. Đây là quá trình cụ thể hóa mục tiêu thẩm mỹ, hướng đến cảm xúc của người dùng và các mục tiêu khác mà mỹ thuật có thể hình thành thông qua ngôn ngữ thiết kế đồ họa.

Trong nghệ thuật thiết kế TTTĐT, sự kết hợp hài hòa các yếu tố thị giác (hình ảnh, màu sắc, bố cục và kiểu chữ) có tính quyết định đến hiệu quả thẩm mỹ thị giác, giúp người dùng có trải nghiệm hấp dẫn đồng thời tuyên bố và duy trì tính nhất quán của thương hiệu. Bằng cách phân tích các ví dụ thực tế, luận án kmong muốn chỉ ra rằng, những yếu tố này không chỉ là một phần của quá trình thiết kế mà còn là công cụ xác định cách một TTTĐT giao tiếp với khán giả. Thông qua nghệ thuật thiết kế, xây dựng chiến lược, các TTTĐT không chỉ trở thành các tài liệu quảng cáo kỹ thuật số mà còn trở thành những nền tảng ứng dụng công nghệ phong phú phản ánh đặc tính của tổ chức và phục vụ người dùng một cách hiệu quả.

1.2.2. Lý thuyết áp dụng trong đề tài

1.2.2.1. Lý thuyết truyền thông thị giác

Truyền thông thị giác (visual communication) là lĩnh vực nghiên cứu cách con người sử dụng hình ảnh, màu sắc, ký hiệu và bố cục để truyền tải

thông điệp, ý nghĩa và cảm xúc trong bối cảnh văn hóa - xã hội cụ thể. Không tồn tại một lý thuyết đơn nhất về truyền thông thị giác; thay vào đó, đây là một trường liên ngành, tiếp nhận và tích hợp lý thuyết từ mỹ thuật, nhận thức học, ký hiệu học, truyền thông đại chúng, tâm lý học, nhân học hình ảnh và công nghệ số. Như Susan Barnes nhận định, không có một học thuyết thống nhất cho hình ảnh thị giác, mà thay vào đó là những khung phân tích dựa trên các bối cảnh lịch sử - văn hóa khác nhau [102]. Trong luận điểm của James Carey, truyền thông được hiểu như một “quá trình tượng trưng mà qua đó thực tại được tạo ra, duy trì, sửa chữa và biến đổi” [102], điều này đặc biệt đúng với hình ảnh, nơi thông tin không chỉ được chuyển tải mà còn được kiến tạo qua trải nghiệm thị giác và văn hóa thị giác của người tiếp nhận.

Từ những hình vẽ hang động thời tiền sử đến hệ thống ký hiệu cổ đại của các nền văn minh Lưỡng Hà, Ai Cập, và Trung Hoa, truyền thông thị giác đã khởi nguồn từ nhu cầu biểu đạt không lời nhưng giàu ngữ nghĩa. Các hình vẽ, ký hiệu và biểu tượng không chỉ ghi lại thông tin mà còn gắn kết cộng đồng, thể hiện tín ngưỡng, tri thức và cảm xúc. Dưới ánh sáng của các nghiên cứu gần đây, như của Miyagawa et al. (2018), tranh hang động còn được xem là hình thức “giao tiếp xuyên giác quan” [109], cho thấy sự phức tạp và chiều sâu sớm có trong truyền thông hình ảnh - điều tạo nền tảng cho sự ra đời của ký hiệu học hiện đại.

Tư tưởng ký hiệu học, bắt đầu từ F. de Saussure với khái niệm signifier/signified (ký hiệu và cái được ký hiệu) và Charles Peirce với mô hình biểu tượng - chỉ thị - biểu trưng, đã đặt nền móng lý luận cho phân tích hình ảnh. Sau đó, Roland Barthes, trong các công trình như *Mythologies* (1957) và *La Rhétorique de l'Image* (1964), đã mở rộng lý thuyết ký hiệu vào phân tích ảnh quảng cáo và hình ảnh văn hóa. Ông chỉ ra rằng hình ảnh không chỉ mang ý nghĩa biểu vật (denotation) mà còn chuyển tải hàm nghĩa (connotation), thậm

chỉ có thể chứa đựng huyền thoại văn hóa. Khung phân tích này là tiền đề để luận án áp dụng khi giải mã ý nghĩa ngầm và hệ thống giá trị văn hóa - giáo dục được thể hiện trong thiết kế giao diện TTTĐT học đường. Một bố cục, một tông màu, hay lựa chọn hình ảnh minh họa trong giao diện đều có thể hàm chứa một triết lý giáo dục, một biểu tượng về bản sắc học đường hoặc một thông điệp ngầm về cách nhìn nhận người học.

Trong thế kỷ XX, trường phái Gestalt tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu truyền thông thị giác, đặc biệt qua các nguyên lý như gần gũi, tương đồng, liên tục, hình nền và tính khép kín - tất cả đều chỉ ra cách con người có xu hướng tổ chức các yếu tố thị giác thành một chỉnh thể có ý nghĩa. Những nguyên lý này đã được ứng dụng sâu rộng trong thiết kế đồ họa, quảng cáo, và đặc biệt là trong thiết kế giao diện số. Đối với luận án này, tư duy Gestalt được sử dụng để lý giải cách tổ chức bố cục TTTĐT giáo dục theo hướng dễ tiếp nhận, trực quan và hỗ trợ hành vi học tập. Ví dụ, việc định vị menu, cấu trúc phân tầng nội dung, phân nhóm thông tin trên một trang chủ học tập đều chịu tác động bởi quy luật thị giác Gestalt.

Cùng với đó, các lý thuyết truyền thông đại chúng như mô hình Lasswell (Ai - Nói gì - Qua kênh nào - Với ai - Với hiệu quả gì) hay mô hình Shannon & Weaver (thông điệp - mã hóa - truyền tải - giải mã - phản hồi) tuy ban đầu thiết kế cho thông tin tuyến tính, nhưng cũng cho phép áp dụng vào môi trường TTTĐT. TTTĐT, đặc biệt là trong giáo dục, là một hình thức truyền thông tương tác, nơi người học không chỉ tiếp nhận mà còn phản hồi, lựa chọn và điều hướng hành trình học tập của mình. Luận án sẽ sử dụng các mô hình truyền thông này để phân tích dòng chảy thông tin, sự tham gia chủ động của người học và vai trò của thiết kế giao diện trong việc khơi gợi, kiểm soát hoặc mở rộng hành vi học tập.

Bước vào kỷ nguyên kỹ thuật số, lý thuyết truyền thông thị giác phải

thích ứng với các nền tảng mới như mạng xã hội, TTTĐT, thực tế ảo, và môi trường di động. Lý thuyết remediation của Bolter và Grusin (1999) [36] cho thấy hình ảnh kỹ thuật số không đứng riêng lẻ, mà luôn “tái bào chữa” và định hình lại những phương tiện truyền thông truyền thống. Điều này phản ánh đúng quá trình phát triển của website giáo dục hiện nay: các thiết kế không chỉ là sự số hóa tài liệu học mà còn là không gian tái tạo lại lớp học, tái hiện trực giác sự phạm và định hình lại vai trò của giáo viên - học sinh qua giao diện thị giác.

Đặc biệt quan trọng đối với luận án là lý thuyết học tập đa phương tiện của Mayer (2001) [68], nhấn mạnh rằng quá trình học hiệu quả xảy ra khi người học xây dựng mô hình tinh thần dựa trên cả văn bản và hình ảnh. Mayer phát triển hệ nguyên lý thiết kế như nguyên lý liên kết (contiguity), nguyên lý mô đun hóa (modality), nguyên lý tối giản hóa (coherence)..., tất cả đều cho thấy cách thiết kế giao diện giáo dục bằng hình ảnh có thể tác động đến nhận thức, trí nhớ và mức độ tiếp thu của người học. Các nguyên lý này chính là khung lý thuyết trọng tâm được luận án vận dụng để phân tích các yếu tố thị giác trong TTTĐT giáo dục như: hình minh họa, biểu đồ, sơ đồ khái niệm, video bài giảng, phân bố không gian chữ - ảnh...

Song song đó, lý thuyết thị giác dữ liệu (data visualization) - đại diện bởi các tác giả như Edward Tufte, Cleveland & McGill - cũng cung cấp nền tảng quan trọng để phân tích các yếu tố trực quan trong giao diện học liệu số. Các nguyên lý như “graphical excellence” của Tufte hay phân cấp nhận thức thị giác giúp luận án làm rõ cách thiết kế TTTĐT giáo dục có thể hỗ trợ người học phát hiện xu hướng, phân biệt nội dung, so sánh và đánh giá thông tin hiệu quả hơn nhờ tổ chức hợp lý các biểu đồ, infographics, và bảng dữ liệu học thuật.

Tổng kết lại, lịch sử và lý luận truyền thông thị giác - từ ký hiệu học cổ điển, Gestalt, đến truyền thông đại chúng, học tập đa phương tiện và thị giác dữ liệu - cung cấp cho luận án một khung lý thuyết tổng hợp để phân tích thiết kế TTTĐT giáo dục từ góc nhìn nghệ thuật và nhận thức học. Trong đó, giao

diện không chỉ là lớp hình thức phục vụ nội dung mà chính là một thực thể thẩm mỹ đa tầng - nơi ngôn ngữ thiết kế hình ảnh trở thành công cụ trung tâm trong việc xây dựng trải nghiệm học tập, nhận diện học đường, và lan tỏa giá trị giáo dục nhân văn trong môi trường số.

1.2.2.2. Lý thuyết hình tượng học - Iconology.

Hình tượng học - còn gọi là biểu tượng học thị giác (Iconology) - là một lĩnh vực nghiên cứu lâu đời trong mỹ thuật, đặc biệt được hệ thống hóa và phát triển bởi nhóm học giả kinh điển như Aby Warburg, Erwin Panofsky và Fritz Saxl từ đầu thế kỷ XX. Khởi nguồn từ lịch sử nghệ thuật và nhân học hình ảnh, hình tượng học không chỉ dừng lại ở việc mô tả hình ảnh mà còn tập trung phân tích tầng sâu ý nghĩa, bối cảnh văn hóa - xã hội và diễn ngôn tư tưởng mà hình ảnh biểu đạt.

Theo Panofsky, mỗi hình ảnh nghệ thuật mang trong nó ba cấp độ ý nghĩa: (1) mức độ mô tả (*pre-iconographical*), (2) mức độ ký hiệu (*iconographical*) và (3) mức độ biểu hiện nội dung (*iconological*). Cách tiếp cận này cho phép không chỉ xem hình ảnh như một đơn vị thị giác độc lập, mà còn như một kết tinh biểu tượng của hệ tư tưởng, cảm xúc và cấu trúc văn hóa. Warburg thậm chí nhấn mạnh vai trò của “hình ảnh sống” như một kênh truyền dẫn ký ức tập thể và chuyển giao tri thức trong lịch sử nhân loại. Tư tưởng đó đã mở ra hướng phân tích hình ảnh không chỉ trong hội họa mà còn trong các loại hình truyền thông mới, đặc biệt là trong môi trường số.

Trong thiết kế đồ họa hiện đại - bao gồm thiết kế giao diện số - biểu tượng học vẫn giữ vai trò trung tâm, đặc biệt là khi nhà thiết kế cần truyền tải ý nghĩa phức hợp thông qua hình ảnh đơn giản. Các biểu tượng như hình trái tim, dấu kiểm, biểu tượng thư mục hay kính lúp không đơn thuần là dấu hiệu chỉ dẫn, mà còn là sản phẩm văn hóa với những tầng ý nghĩa đã được xã hội hóa qua thời gian. Tính phổ quát và tính đặc thù văn hóa của biểu tượng vì thế

trở thành một yếu tố quyết định hiệu quả truyền thông thị giác.

Trong phạm vi thiết kế TTTĐT giáo dục, lý thuyết hình tượng học không chỉ hỗ trợ nhà nghiên cứu phân tích cấu trúc thị giác của giao diện, mà còn giải mã cách hình ảnh mang tải tri thức sư phạm, bản sắc học đường và triết lý giáo dục. Mỗi biểu tượng trong giao diện - từ biểu tượng thư viện, sổ tay học tập, lịch học, đến các minh họa trong bài giảng số - đều là kết quả của lựa chọn mang tính biểu đạt. Việc sử dụng biểu tượng không phù hợp về văn hóa, không nhất quán về hệ quy chiếu thị giác, hoặc mơ hồ về ý nghĩa sẽ dẫn đến gián đoạn hành vi học tập và ảnh hưởng đến nhận thức của người học.

Ngược lại, nếu biểu tượng được lựa chọn đúng, dựa trên hiểu biết về biểu tượng học và tâm lý học nhận thức, sẽ nâng cao đáng kể khả năng tiếp nhận, điều hướng và ghi nhớ thông tin học tập. Chẳng hạn, biểu tượng chiếc bút chì thường được hiểu là “soạn thảo” hoặc “ghi chú”; biểu tượng cây thước là đại diện cho “công cụ đo lường”; biểu tượng chiếc đồng hồ biểu thị “thời gian học” hay “lịch học”. Tất cả những hình ảnh này, nếu được đặt trong hệ thống thị giác nhất quán, sẽ giúp người học định vị nhanh chóng chức năng, giảm tải nhận thức và nâng cao hiệu quả trải nghiệm giáo dục số.

Quan trọng hơn, các biểu tượng mang giá trị văn hóa hoặc bản sắc học đường - chẳng hạn như hoa sen, ngọn đèn, trống đồng, màu áo đồng phục, kiến trúc học đường - nếu được chuyển hóa tinh tế vào giao diện số, sẽ góp phần xây dựng nhận diện học đường trong môi trường kỹ thuật số, giúp TTTĐT không chỉ là nền tảng học liệu, mà còn là không gian thẩm mỹ mang đậm dấu ấn triết lý giáo dục Việt Nam.

Một khía cạnh khác cần nhấn mạnh là tính nhất quán thị giác trong hệ thống biểu tượng của TTTĐT. Lý thuyết hình tượng học cung cấp cơ sở để thiết kế một hệ thống biểu tượng thống nhất - nơi ngôn ngữ thị giác không bị rời rạc mà hình thành một “diễn ngôn thị giác liền mạch”. Điều này đặc biệt cần thiết

trong môi trường học đường, nơi người học - nhất là học sinh phổ thông - thường dựa vào ghi nhớ trực quan để điều hướng thao tác và hiểu chức năng. Khi hệ thống biểu tượng được thiết kế nhất quán và mang tính biểu trưng cao, trải nghiệm học tập trở nên trực quan, thân thiện và dễ tiếp cận hơn.

Ngoài ra, biểu tượng còn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nhịp điệu và cấu trúc thị giác cho toàn bộ giao diện, giúp định hình các “vùng chức năng” và hướng ánh nhìn. Điều này liên hệ mật thiết đến nguyên lý của Panofsky về “hình ảnh như cấu trúc ý nghĩa” - nơi việc sắp xếp biểu tượng không chỉ theo logic công năng mà còn phản ánh cấu trúc tư duy, thứ bậc khái niệm và quy trình nhận thức.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng: lý thuyết hình tượng học không chỉ là công cụ để phân tích hình ảnh trong mỹ thuật truyền thống, mà còn là khung lý luận linh hoạt và sâu sắc để tiếp cận thiết kế giao diện website giáo dục như một loại hình mỹ thuật ứng dụng có chức năng sư phạm, biểu đạt văn hóa và điều hướng hành vi học tập. Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay, việc vận dụng biểu tượng học vào thiết kế TTTĐT không chỉ giúp nâng cao hiệu quả tương tác và nhận thức, mà còn là một bước tiến quan trọng trong việc kiến tạo không gian học đường số đậm chất nghệ thuật và nhân văn.

1.3. Khái quát về trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục ở một số cơ sở giáo dục đại học Việt Nam

1.3.1. Lịch sử ra đời và hình thành trang thông tin điện tử

World Wide Web (WWW) được phát minh bởi Tim Berners-Lee vào năm 1989 đã mở ra cánh cửa cho việc phát triển các trang web và internet như chúng ta biết ngày nay. Tim Berners-Lee đã từng nói “Việc tạo ra World Wide Web không chỉ là về việc kết nối máy tính với máy tính. Đó là về kết nối con người với con người, và kiến tạo một thế giới mở rộng, nơi mọi người có thể chia sẻ kiến thức và trải nghiệm”.

Trong thập kỷ 1990, CERN (Tổ chức Nghiên cứu Hạt nhân Châu Âu) đã tạo ra TTTĐT đầu tiên trên thế giới. Đây là một bước đột phá trong lịch sử internet. Tiếp theo đó là sự ra đời của một loạt các TTTĐT có tính toàn cầu như Google, Facebook, Wikipedia, ... Google ra mắt vào năm 1998 đã thay đổi cách mọi người tìm kiếm thông tin trực tuyến, mở ra kỷ nguyên của công cụ tìm kiếm hiện đại. Facebook là một nền tảng mạng xã hội nơi mọi người tương tác trực tuyến và giao tiếp với nhau, được ra mắt vào năm 2004. Mark Zuckerberg, Đồng sáng lập Facebook đã nói: “Facebook ra đời với mong muốn tạo ra một cách tiếp cận mới cho việc kết nối và giao tiếp. Chúng tôi tin rằng mạng xã hội có thể làm thay đổi cách thức mọi người tương tác với nhau”. Năm 2001 Wikipedia đã trở thành một nguồn thông tin toàn cầu lớn và miễn phí cho mọi người. Theo Jimmy Wales, Đồng sáng lập Wikipedia: “Wikipedia không chỉ là một trang web. Nó là một nền tảng cho tri thức đồng thuận, một cộng đồng toàn cầu của những người muốn chia sẻ thông tin và học hỏi từ nhau”.

Kể từ khi xuất hiện đến nay các nền tảng trực tuyến nói chung hoạt động ở 2 trạng thái cơ bản như sau:

- *TTTĐT tĩnh*: Là những TTTĐT cơ bản đáp ứng nhu cầu đọc thông tin, văn bản, hình ảnh một cách tự động, không có nhiều tương tác chuột, không có tương tác giữa TTTĐT với người dùng.

- *TTTĐT động*: Là những TTTĐT có phân tích hành vi và đưa ra những gợi ý dữ liệu cho người dùng trong quá trình sử dụng, ví dụ như việc ghi nhớ lịch sử tìm kiếm và gợi ý nội dung tìm kiếm cho người sử dụng khi họ mới chỉ nhập một vài ký tự.

TTTĐT hiện nay không chỉ là một phương tiện thông tin mà còn là một công cụ mạnh mẽ đối với nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm văn hóa, kinh tế và nghệ thuật.

- Về phương diện Văn hóa: TTTĐT đã đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa. Các TTTĐT của các tổ chức văn hóa, bảo tàng,

và viện nghiên cứu văn hóa cung cấp cơ hội cho người dùng tiếp cận các tài liệu, hình ảnh và thông tin về di sản văn hóa. Việc này giúp tăng cường nhận thức và hiểu biết về văn hóa của các cộng đồng, đồng thời khuyến khích việc du lịch văn hóa. Các TTTĐT chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm cá nhân về văn hóa, thông qua blog, diễn đàn và các cộng đồng trực tuyến, cũng đang trở nên phổ biến hơn. Ngoài ra, các sự kiện văn hóa như triển lãm, buổi biểu diễn nghệ thuật, và hội chợ cũng thường có sự quảng bá thông qua TTTĐT, giúp tạo ra một môi trường truyền thông đa dạng và phong phú.

- Về mặt Kinh tế: Trong lĩnh vực kinh tế, TTTĐT đóng vai trò quan trọng như một công cụ tiếp thị và bán hàng. Các doanh nghiệp sử dụng TTTĐT để quảng bá sản phẩm và dịch vụ của họ, cung cấp thông tin chi tiết và thuận tiện cho khách hàng. Thương mại điện tử đang trở nên ngày càng phổ biến, với nhiều doanh nghiệp mở cửa hàng trực tuyến để tiếp cận thị trường toàn cầu. Các TTTĐT tin tức kinh tế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin mới nhất về thị trường, tài chính, và doanh nghiệp, giúp người dùng cập nhật và đưa ra quyết định kinh doanh thông minh. Ngoài ra, TTTĐT cũng là nơi để khởi nghiệp và doanh nghiệp nhỏ có thể quảng bá sản phẩm và dịch vụ của mình với chi phí thấp hơn so với các phương tiện truyền thông truyền thống.

- Về phương diện Nghệ thuật: TTTĐT cung cấp một nền tảng cho sự sáng tạo và biểu diễn nghệ thuật. Các nghệ sĩ có thể tạo ra các TTTĐT cá nhân để giới thiệu và bán các tác phẩm của họ, từ tranh vẽ đến âm nhạc và văn chương. Nền tảng chia sẻ video như YouTube và Vimeo cung cấp một kênh để nghệ sĩ chia sẻ các tác phẩm nghệ thuật của họ với cả thế giới. Ngoài ra, các trang web và diễn đàn nghệ thuật cung cấp cơ hội cho người dùng thảo luận, chia sẻ ý kiến và kết nối với nhau trong cộng đồng nghệ thuật trực tuyến. Các sự kiện nghệ thuật như triển lãm, buổi biểu diễn, và hội thảo cũng thường có sự quảng bá thông qua TTTĐT, giúp mở rộng sự tiếp cận và tạo ra cơ hội cho nghệ sĩ và người yêu nghệ thuật.

Trong tương lai, dự kiến TTTĐT sẽ tiếp tục phát triển và đóng vai trò quan trọng hơn trong việc thúc đẩy văn hóa, kinh tế và nghệ thuật ở các lĩnh vực này, với sự đa dạng và sáng tạo ngày càng tăng lên.

1.3.2. Khái quát về một số cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam

1.3.2.1. Đại học Quốc gia Hà Nội [141]

Đại học Quốc gia Hà Nội (Vietnam National University, Hanoi – VNU) là một trong hai đại học quốc gia của Việt Nam. Đây là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đa ngành hàng đầu cả nước, giữ vai trò tiên phong trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

ĐHQGHN là một trong những trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức hàng đầu của Việt Nam, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay. Được thành lập theo Quyết định của Chính phủ năm 1993 trên cơ sở tổ chức lại các trường đại học lớn tại Hà Nội,

ĐHQGHN kế thừa truyền thống học thuật lâu đời từ Trường Đại học Đông Dương (1906) – một trong những cơ sở giáo dục đại học đầu tiên tại Việt Nam. Trải qua hơn ba thập kỷ xây dựng và phát triển, ĐHQGHN đã từng bước khẳng định vị thế là một đại học nghiên cứu tiên tiến, hội nhập quốc tế sâu rộng và có đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Về mô hình tổ chức, ĐHQGHN hoạt động theo mô hình đại học đa ngành, đa lĩnh vực, với cấu trúc gồm các trường đại học thành viên, viện nghiên cứu, khoa trực thuộc và các đơn vị đào tạo, phục vụ. Hiện nay trường gồm 08 trường đại học thành viên và nhiều viện, trung tâm nghiên cứu. Mô hình này cho phép ĐHQGHN triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo liên ngành, thúc đẩy nghiên cứu khoa học theo hướng tích hợp và giải quyết các vấn đề phức hợp của xã hội hiện đại.

Một trong những điểm nổi bật của ĐHQGHN là định hướng phát triển

theo mô hình đại học nghiên cứu. Nhà trường chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, coi nghiên cứu là nền tảng nâng cao chất lượng đào tạo. ĐHQGHN đã xây dựng nhiều nhóm nghiên cứu mạnh, phòng thí nghiệm trọng điểm và trung tâm xuất sắc trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, khoa học vật liệu, khoa học môi trường, khoa học xã hội và nhân văn. Nhiều công trình nghiên cứu của giảng viên và nhà khoa học thuộc ĐHQGHN đã được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín, góp phần nâng cao vị thế học thuật của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong lĩnh vực đào tạo, ĐHQGHN cung cấp đa dạng các chương trình từ bậc đại học đến sau đại học, bao gồm cả các chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến giảng dạy bằng tiếng Anh và các chương trình liên kết quốc tế. Nhà trường đặc biệt chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực người học, tăng cường tính tự chủ, sáng tạo và khả năng thích ứng với thị trường lao động toàn cầu. Bên cạnh đó, ĐHQGHN cũng triển khai nhiều chương trình đào tạo tài năng, đào tạo cử nhân khoa học và kỹ sư chất lượng cao, nhằm bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ cao cho đất nước.

ĐHQGHN còn là một trong những đơn vị tiên phong trong tiến trình tự chủ đại học tại Việt Nam. Với cơ chế quản trị linh hoạt, ĐHQGHN có quyền tự chủ cao trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tổ chức bộ máy và tài chính. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường phát huy tính năng động, sáng tạo trong quản lý và phát triển, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh quốc tế.

Về hợp tác quốc tế, ĐHQGHN đã thiết lập quan hệ với hàng trăm trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức giáo dục trên thế giới. Các chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên, hợp tác nghiên cứu và đồng cấp bằng đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu, đồng thời tạo cơ hội cho người học tiếp cận với môi trường học thuật quốc tế. ĐHQGHN cũng thường xuyên

tham gia các bảng xếp hạng đại học khu vực và thế giới, từng bước cải thiện thứ hạng và khẳng định uy tín học thuật.

Bên cạnh hoạt động chuyên môn, ĐHQGHN còn chú trọng xây dựng môi trường học tập hiện đại, thân thiện và giàu bản sắc văn hóa. Khu đô thị đại học tại Hòa Lạc đang được đầu tư xây dựng với quy mô lớn, hướng tới hình thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của nhà trường. Đây được kỳ vọng sẽ trở thành một trong những đại học tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á.

Với bề dày truyền thống, mô hình tổ chức tiên tiến, định hướng phát triển rõ ràng và sự đầu tư mạnh mẽ, Đại học Quốc gia Hà Nội đang giữ vai trò nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, ĐHQGHN tiếp tục khẳng định sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển tri thức và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Trang thông tin điện tử của trường Đại học Quốc gia Hà Nội có địa chỉ: <https://vnu.edu.vn/>. Đuôi miền edu.vn khẳng định vị trí của trang thông tin nằm trong hệ thống các trang thông tin lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam. “Vnu” là viết tắt của tên Đại học Quốc gia Hà Nội. Địa chỉ trang thông tin dễ nhớ, có tính đại diện cao. Trang thông tin được thiết kế với logo nổi bật của trường ĐH Quốc gia Hà Nội. Màu xanh của logo cũng là màu nền chủ đạo của trang thông tin. Với 04 cổng thông tin chính gồm: cổng thông tin hành chính, cổng thông tin cán bộ, cổng thông tin người học và cổng thông tin tuyển sinh, cách sắp xếp bố cục, giao diện của trang thông tin điện tử trường ĐH Quốc gia Hà Nội mang tính hành chính, thể hiện sự phân cấp rõ ràng.

1.3.2.2. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh [142]

Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh được xem là một cực tăng trưởng tri thức quan trọng của Việt Nam, đặc biệt trong không gian phát triển năng động

của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Ra đời năm 1995 trong bối cảnh đổi mới hệ thống giáo dục đại học, ĐHQGHCM không chỉ là sự hợp nhất về mặt tổ chức của nhiều cơ sở đào tạo lớn, mà còn là bước chuyển mang tính chiến lược nhằm kiến tạo một mô hình đại học hiện đại, có khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Khác với cách tiếp cận truyền thống, ĐHQGHCM được thiết kế theo hướng mở, linh hoạt và tích hợp cao giữa các lĩnh vực khoa học. Hệ thống các trường thành không tồn tại như những “đơn vị biệt lập”, mà liên kết chặt chẽ trong một chỉnh thể thống nhất. Nhờ đó, các chương trình đào tạo liên ngành và xuyên ngành được triển khai mạnh mẽ, phản ánh xu thế phát triển của tri thức đương đại – nơi ranh giới giữa các lĩnh vực ngày càng bị xóa nhòa.

Một đặc trưng nổi bật của ĐHQGHCM là sự gắn kết hữu cơ giữa đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Thay vì chỉ dừng lại ở chức năng truyền thụ tri thức, nhà trường hướng đến việc sản sinh tri thức mới và chuyên hóa tri thức đó thành giá trị thực tiễn. Các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm hiện đại và các nhóm nghiên cứu mạnh đã tạo nên nền tảng học thuật vững chắc, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học và năng lượng tái tạo. Đây cũng là những lĩnh vực có khả năng dẫn dắt tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Ở phương diện đào tạo, ĐHQG-HCM theo đuổi triết lý giáo dục hướng đến phát triển toàn diện năng lực người học. Chương trình đào tạo không chỉ chú trọng kiến thức chuyên môn mà còn nhấn mạnh kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực thích ứng. Việc mở rộng các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, chương trình chất lượng cao và liên kết quốc tế cho thấy nỗ lực của nhà trường trong việc chuẩn hóa đào tạo theo tiêu chuẩn toàn cầu. Đồng thời, môi trường học tập năng động với nhiều hoạt động học thuật, nghiên cứu sinh

viên và khởi nghiệp đã góp phần hình thành thể hệ sinh viên có tư duy đổi mới và tinh thần dân thân.

Một điểm khác biệt đáng chú ý của ĐHQG-HCM là định hướng phát triển gắn với không gian đô thị đại học. Khu đô thị đại học tại Thành phố Thủ Đức không chỉ là nơi tập trung các cơ sở đào tạo, mà còn được quy hoạch như một hệ sinh thái tri thức, nơi hội tụ của nghiên cứu, sản xuất, khởi nghiệp và đời sống văn hóa. Trong mô hình này, đại học không tách rời xã hội mà trở thành một phần của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, có khả năng lan tỏa tri thức và thúc đẩy phát triển vùng.

Cơ chế tự chủ cũng là một yếu tố quan trọng giúp ĐHQG-HCM duy trì tính năng động và sáng tạo trong quản trị. Với quyền tự quyết cao trong nhiều lĩnh vực, từ xây dựng chương trình đào tạo đến hợp tác quốc tế và huy động nguồn lực, nhà trường có điều kiện thử nghiệm các mô hình quản lý tiên tiến, phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục đại học hiện đại. Điều này không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn tạo ra sự linh hoạt cần thiết trong bối cảnh môi trường giáo dục toàn cầu liên tục biến đổi.

Trên bình diện quốc tế, ĐHQG-HCM ngày càng mở rộng mạng lưới hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức giáo dục uy tín. Các chương trình trao đổi học thuật, đồng hướng dẫn nghiên cứu và công bố quốc tế đã góp phần nâng cao chất lượng và uy tín học thuật của nhà trường. Việc tham gia các bảng xếp hạng đại học quốc tế cũng phản ánh nỗ lực không ngừng của ĐHQG-HCM trong việc khẳng định vị thế của mình trên bản đồ giáo dục khu vực.

Có thể thấy, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ là một cơ sở giáo dục đại học quy mô lớn, mà còn là một thiết chế tri thức mang tính động lực trong tiến trình phát triển của Việt Nam. Với định hướng đổi mới, hội nhập và sáng tạo, ĐHQG-HCM đang từng bước khẳng định vai trò tiên phong

trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

Trang thông tin điện tử của trường Đại học Quốc gia TP HCM có địa chỉ <https://vnuhcm.edu.vn/>. Cũng tương tự như Đại học Quốc gia Hà Nội, với mô hình của trường đại học quốc gia, đa ngành, đa lĩnh vực, thiết kế của trang thông tin điện tử của Trường ĐH Quốc gia TP HCM chú trọng đến cung cấp, cập nhật thông tin các hoạt động đào tạo, khoa học, hợp tác quốc tế của Đại học và các trường thành viên. Giao diện của trường thể hiện tính hiện đại, cởi mở. Màu xanh da trời lấy theo màu của logo cũng được chọn làm màu chủ đạo của trang thông tin điện tử.

1.3.2.3. Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam [143]

Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam là cơ sở đào tạo mỹ thuật hàng đầu của Việt Nam, giữ vai trò nòng cốt trong việc đào tạo đội ngũ họa sĩ, nhà nghiên cứu và giảng viên mỹ thuật cho cả nước. Với bề dày lịch sử hơn một thế kỷ, nhà trường không chỉ là nơi lưu giữ và phát huy các giá trị mỹ thuật truyền thống, mà còn là trung tâm sáng tạo nghệ thuật đương đại, góp phần định hình diện mạo mỹ thuật Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Nguồn gốc của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam gắn liền với sự ra đời của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương vào năm 1925 tại Hà Nội. Đây là một trong những cái nôi đầu tiên của mỹ thuật hiện đại Việt Nam, nơi đào tạo nhiều thế hệ họa sĩ nổi tiếng như Tô Ngọc Vân, Nguyễn Phan Chánh, Lê Phổ, Nguyễn Gia Trí. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trường được tiếp quản và phát triển theo định hướng phục vụ sự nghiệp cách mạng, từng bước chuyển đổi thành Trường Mỹ thuật Việt Nam, rồi Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam như hiện nay. Quá trình phát triển này phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa mỹ thuật và các giai đoạn lịch sử của dân tộc.

Về chức năng và nhiệm vụ, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam đảm nhận vai trò đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực mỹ thuật, bao gồm hội họa, đồ họa, điêu khắc, lý luận – lịch sử mỹ thuật và sư phạm mỹ thuật. Nhà trường tổ chức đào tạo ở nhiều trình độ từ đại học đến sau đại học, với chương trình được xây dựng theo hướng kết hợp giữa nền tảng hàn lâm và khả năng sáng tạo cá nhân. Một đặc trưng quan trọng trong đào tạo mỹ thuật tại đây là sự coi trọng thực hành nghệ thuật, lấy xưởng vẽ, xưởng sáng tác làm không gian học tập trung tâm, nơi sinh viên phát triển tư duy tạo hình và phong cách cá nhân.

Trong quá trình đào tạo, nhà trường luôn chú trọng cân bằng giữa việc kế thừa truyền thống và tiếp thu tinh hoa nghệ thuật thế giới. Sinh viên không chỉ được tiếp cận với các chất liệu, kỹ thuật truyền thống như sơn mài, lụa, khắc gỗ mà còn được khuyến khích thử nghiệm với các phương thức biểu đạt mới của nghệ thuật đương đại. Điều này giúp hình thành một thế hệ nghệ sĩ vừa có nền tảng văn hóa dân tộc sâu sắc, vừa có khả năng hội nhập với dòng chảy nghệ thuật quốc tế.

Bên cạnh đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng tác nghệ thuật cũng là một trụ cột quan trọng của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam. Đội ngũ giảng viên của trường không chỉ là những nhà giáo mà còn là các nghệ sĩ sáng tác chuyên nghiệp, thường xuyên tham gia các triển lãm trong nước và quốc tế. Nhiều công trình nghiên cứu về mỹ thuật Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực lý luận và lịch sử mỹ thuật, đã được công bố, góp phần xây dựng nền tảng học thuật cho ngành mỹ thuật nước nhà. Các triển lãm thường niên của giảng viên và sinh viên không chỉ là dịp tổng kết quá trình đào tạo mà còn là không gian giao lưu nghệ thuật với công chúng.

Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam cũng có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị mỹ thuật truyền thống. Thông qua hoạt động

giảng dạy, nghiên cứu và sáng tác, nhà trường góp phần duy trì và phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống như tranh dân gian, sơn mài, điêu khắc cổ truyền. Đồng thời, trường cũng là nơi đào tạo đội ngũ giáo viên mỹ thuật cho hệ thống giáo dục phổ thông, qua đó lan tỏa giá trị thẩm mỹ trong xã hội và nâng cao năng lực cảm thụ nghệ thuật của cộng đồng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam từng bước mở rộng hợp tác quốc tế với các cơ sở đào tạo nghệ thuật, tổ chức văn hóa và nghệ sĩ nước ngoài. Các chương trình trao đổi học thuật, workshop, triển lãm quốc tế đã tạo điều kiện để giảng viên và sinh viên tiếp cận với xu hướng nghệ thuật mới, đồng thời quảng bá mỹ thuật Việt Nam ra thế giới. Tuy quy mô không lớn như các đại học đa ngành, nhưng trường có lợi thế về tính chuyên sâu và bản sắc nghệ thuật riêng biệt.

Về môi trường học tập, nhà trường duy trì không gian sáng tạo đặc thù của một cơ sở đào tạo nghệ thuật, nơi đề cao tính cá nhân, tự do biểu đạt và đối thoại học thuật. Sinh viên được khuyến khích phát triển phong cách riêng, thử nghiệm ý tưởng mới và tham gia vào các hoạt động nghệ thuật đa dạng. Đây chính là yếu tố quan trọng giúp nuôi dưỡng tư duy sáng tạo và bản lĩnh nghề nghiệp cho người học.

Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam không chỉ là một cơ sở đào tạo, mà còn là một trung tâm văn hóa – nghệ thuật có ảnh hưởng sâu rộng. Với truyền thống lâu đời, định hướng phát triển hài hòa giữa bảo tồn và đổi mới, nhà trường tiếp tục đóng góp quan trọng vào việc xây dựng nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và hội nhập quốc tế.

Trang thông tin điện tử của trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam có địa chỉ <https://mythuatvietnam.edu.vn/>. Là một trường đại học độc lập quy mô nhỏ, cách thiết kế giao diện của trang thông tin điện tử trường ĐH Mỹ thuật tương đối đơn giản về nội dung do dung lượng thông tin ít. Tuy nhiên, với đặc thù là

một trường đại học hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực nghệ thuật – mỹ thuật, trang thông tin điện tử của nhà trường đã chú ý nhiều đến tính nghệ thuật trong thiết kế. Tuy nhiên, dấu ấn của thiết kế mỹ thuật, thể hiện bản sắc của trường vẫn chưa thực sự nổi bật.

1.3.2.4. Trường Đại học RMIT tại Việt Nam [144]

RMIT University VietNam là cơ sở đào tạo quốc tế tại Việt Nam, trực thuộc RMIT University – một trong những đại học công lập hàng đầu của Úc. Chính thức đi vào hoạt động từ năm 2000, RMIT Việt Nam được xem là một trong những trường đại học quốc tế đầu tiên tại Việt Nam, đóng vai trò tiên phong trong việc đưa mô hình giáo dục đại học chuẩn quốc tế vào môi trường trong nước.

RMIT Việt Nam hiện có hai cơ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, được đầu tư hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Với định hướng đào tạo gắn liền thực tiễn và nhu cầu của thị trường lao động toàn cầu, nhà trường cung cấp các chương trình học bằng tiếng Anh trong nhiều lĩnh vực như kinh doanh, công nghệ thông tin, truyền thông, thiết kế và kỹ thuật. Các chương trình đào tạo tại RMIT Việt Nam được xây dựng và kiểm định theo chuẩn của RMIT Australia, đảm bảo tính đồng bộ về chất lượng và giá trị bằng cấp được công nhận quốc tế.

Một trong những điểm khác biệt nổi bật của RMIT Việt Nam là triết lý giáo dục chú trọng phát triển năng lực toàn diện cho người học. Sinh viên không chỉ được trang bị kiến thức chuyên môn mà còn được rèn luyện kỹ năng mềm như tư duy phản biện, làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng thích ứng trong môi trường đa văn hóa. Phương pháp giảng dạy tại RMIT mang tính tương tác cao, khuyến khích sinh viên chủ động tham gia vào quá trình học tập thông qua thảo luận, dự án thực tế và nghiên cứu ứng dụng.

Bên cạnh đó, RMIT Việt Nam đặc biệt chú trọng đến mối liên kết với

doanh nghiệp và thị trường lao động. Nhà trường thường xuyên hợp tác với các tập đoàn, công ty đa quốc gia trong việc xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức thực tập và tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhờ vậy, sinh viên RMIT có lợi thế lớn về khả năng hội nhập nghề nghiệp, đặc biệt trong các môi trường làm việc quốc tế hoặc các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài.

Về môi trường học tập, RMIT Việt Nam nổi bật với cơ sở vật chất hiện đại, bao gồm thư viện, phòng thí nghiệm, studio thiết kế, không gian sáng tạo và khu học tập mở. Nhà trường xây dựng môi trường học tập mang tính quốc tế, nơi sinh viên đến từ nhiều quốc gia khác nhau cùng học tập và giao lưu, góp phần hình thành tư duy toàn cầu và khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa.

Ngoài hoạt động đào tạo, RMIT Việt Nam còn tham gia tích cực vào các hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phục vụ cộng đồng. Các dự án nghiên cứu của giảng viên và sinh viên thường gắn với các vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp và xã hội, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Nhà trường cũng tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, sự kiện học thuật, chương trình khởi nghiệp nhằm hỗ trợ sinh viên phát triển toàn diện.

RMIT University Vietnam là một mô hình đại học quốc tế tiêu biểu tại Việt Nam, kết hợp hài hòa giữa chuẩn mực giáo dục toàn cầu và bối cảnh địa phương. Với định hướng thực tiễn, môi trường học tập hiện đại và mạng lưới kết nối quốc tế rộng mở, RMIT Việt Nam đang góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực cạnh tranh trong thị trường lao động toàn cầu.

Tuy là trường quốc tế nhưng trang thông tin điện tử của trường RMIT ở Việt Nam cũng nằm trong hệ thống edu.vn, ở địa chỉ <https://www.rmit.edu.vn/vi>. Trang thông tin điện tử của nhà trường cũng lấy hai màu đỏ và xanh theo logo của trường làm màu chủ đạo cho trang. Giao diện của trang thông tin thể hiện tư tưởng cởi mở, kết nối ngay từ những hình ảnh

đầu tiên. Đây cũng là tinh thần chung trong đào tạo của nhà trường.

1.3.2.5. Trường Đại học Fulbright tại Việt Nam [145]

Đại học Fulbright Việt Nam – FUV) là một trường đại học tư thục, phi lợi nhuận tại Việt Nam, được thành lập với sự hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ. Chính thức đi vào hoạt động từ năm 2016, FUV được xây dựng trên nền tảng của Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright – một sáng kiến giáo dục có uy tín lâu năm trong đào tạo chính sách công tại Việt Nam. Sự ra đời của FUV đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ hợp tác giáo dục Việt – Mỹ, đồng thời mở ra một mô hình đại học khai phóng hiện đại tại Việt Nam.

Khác với nhiều cơ sở giáo dục truyền thống, Fulbright Việt Nam theo đuổi triết lý giáo dục khai phóng (liberal arts), nhấn mạnh việc phát triển tư duy độc lập, khả năng phản biện và năng lực học tập suốt đời. Chương trình đào tạo đại học tại đây không chỉ tập trung vào chuyên môn mà còn tạo điều kiện để sinh viên khám phá nhiều lĩnh vực khác nhau trước khi lựa chọn ngành học. Các lĩnh vực đào tạo chủ yếu bao gồm khoa học xã hội, kinh tế, quản trị, khoa học dữ liệu, công nghệ và nghiên cứu liên ngành.

Một trong những điểm nổi bật của FUV là phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm, khuyến khích đối thoại, tranh luận và học tập thông qua trải nghiệm. Lớp học thường có quy mô nhỏ, tạo điều kiện cho sự tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên. Đội ngũ giảng viên tại FUV có trình độ quốc tế, nhiều người từng giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học danh tiếng trên thế giới, góp phần mang đến môi trường học thuật cởi mở và đa dạng. Bên cạnh chương trình cử nhân, FUV còn triển khai các chương trình sau đại học và đào tạo lãnh đạo, nổi bật là chương trình Thạc sĩ Chính sách công – kế thừa trực tiếp từ Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright trước đây. Các chương trình này hướng tới việc đào tạo đội ngũ lãnh đạo, nhà hoạch định chính

sách và chuyên gia có năng lực phân tích, tư duy chiến lược và trách nhiệm xã hội cao.

Fulbright Việt Nam cũng đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng cộng đồng học thuật gắn kết và đa dạng. Sinh viên tại đây đến từ nhiều vùng miền khác nhau của Việt Nam và quốc tế, được hỗ trợ bởi các chính sách học bổng và hỗ trợ tài chính nhằm đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cao. Môi trường học tập tại FUV đề cao tính cởi mở, tôn trọng sự khác biệt và khuyến khích sáng tạo cá nhân.

Về cơ sở vật chất, trường đang phát triển khuôn viên chính tại Thành phố Thủ Đức (TP. Hồ Chí Minh), được thiết kế hiện đại, thân thiện với môi trường và phù hợp với triết lý giáo dục khai phóng. Không gian học tập mở, linh hoạt cùng với các khu vực thảo luận, nghiên cứu và sinh hoạt cộng đồng tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và trao đổi học thuật.

Ngoài đào tạo, Fulbright Việt Nam còn hướng đến vai trò là một trung tâm nghiên cứu và đối thoại chính sách, đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề phát triển của Việt Nam và khu vực. Thông qua các hoạt động nghiên cứu, hội thảo và hợp tác quốc tế, FUV từng bước khẳng định vị thế của mình như một thiết chế giáo dục tiên tiến, gắn kết chặt chẽ giữa tri thức học thuật và thực tiễn xã hội. Fulbright University Vietnam là một mô hình đại học mới, mang tính đột phá trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Với triết lý khai phóng, phương pháp giảng dạy hiện đại và môi trường học thuật quốc tế, FUV đang góp phần đào tạo thế hệ công dân toàn cầu có tư duy độc lập, sáng tạo và trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

Trang thông tin điện tử của trường Đại học Fulbright Việt Nam có địa chỉ <https://fulbright.edu.vn/vi/>. Thiết kế trang thông tin điện tử cũng lấy màu xanh theo logo của trường làm màu chủ đạo. Giao diện trang có tính tương tác cao, hướng đến sự kết nối, quan tâm của người học. Tư tưởng giáo dục khai

phóng cũng được thể hiện nổi bật trên thiết kế giao diện trang thông tin điện tử của nhà trường.

Tiểu kết

Chương 1 của luận án đã tập trung xây dựng nền tảng lý luận và tổng quan nghiên cứu cho đề tài, nhằm định vị rõ vị trí khoa học của vấn đề nghệ thuật thiết kế website giáo dục trong bối cảnh đương đại. Từ việc hệ thống hóa các lý thuyết nền tảng, khảo cứu tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế, chương này không chỉ giúp xác lập cơ sở khoa học cho đề tài mà còn góp phần làm rõ những khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục khai thác.

Trước hết, về mặt lý thuyết, chương đã chỉ ra rằng thiết kế website không đơn thuần là một hoạt động kỹ thuật mà là một loại hình nghệ thuật ứng dụng, có cấu trúc, ngôn ngữ biểu đạt, nguyên tắc thẩm mỹ và đặc trưng sáng tạo riêng. Những tiếp cận từ lý thuyết thị giác, lý thuyết biểu tượng (iconology), thuyết thiết kế trải nghiệm người dùng (UX), thiết kế lấy người học làm trung tâm, thiết kế tương tác... đã cho thấy rằng thiết kế TTTĐT, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, là một lĩnh vực có tính đa ngành mạnh mẽ kết nối giữa mỹ thuật, công nghệ, tâm lý học, giáo dục học và truyền thông số. Những lý thuyết này không chỉ giúp luận án định hình được ngôn ngữ phân tích về hình thức và nội dung của TTTĐT, mà còn hỗ trợ luận giải sâu sắc về các phong cách thiết kế và giá trị văn hóa - xã hội ẩn sau các lựa chọn thẩm mỹ.

Về mặt tổng quan nghiên cứu, chương đã khảo sát hệ thống các công trình khoa học có liên quan đến thiết kế đồ họa, thiết kế website, và thiết kế TTTĐT trong giáo dục. Trong đó, các công trình quốc tế đã cung cấp nền tảng quan trọng về kiến trúc thông tin, thiết kế trải nghiệm người dùng, ứng dụng công nghệ trong dạy học, cũng như những nguyên tắc tiêu chuẩn hóa trong thiết kế TTTĐT. Ở Việt Nam, tuy còn tương đối ít các nghiên cứu chuyên sâu về thiết kế TTTĐT dưới góc nhìn nghệ thuật, nhưng đã xuất hiện một số công trình

đáng chú ý về thiết kế đồ họa, ứng dụng truyền thông đa phương tiện trong giáo dục, và khai thác giá trị văn hóa trong thiết kế số. Việc tổng hợp các nguồn tư liệu này giúp xác định rõ xu hướng phát triển cũng như khoảng trống trong nghiên cứu hiện tại - đặc biệt là sự thiếu vắng các phân tích nghệ thuật học đối với TTTĐT như một sản phẩm sáng tạo giàu biểu đạt và truyền thông thẩm mỹ.

Một trong những đóng góp quan trọng của chương là nhận diện được nhu cầu cấp thiết phải tiếp cận thiết kế TTTĐT không chỉ như công cụ truyền tải nội dung giáo dục, mà còn là không gian thể hiện triết lý giáo dục, bản sắc văn hóa và trải nghiệm học tập sáng tạo. Từ thực tiễn phong phú của các website giáo dục tại Việt Nam, luận án xác lập một câu hỏi nghiên cứu quan trọng: làm thế nào để các yếu tố nghệ thuật trong thiết kế TTTĐT giáo dục có thể nâng cao hiệu quả sư phạm, thúc đẩy sự tương tác và nuôi dưỡng cảm hứng học tập? Đây cũng chính là lỗ hổng mà các công trình đi trước chưa đi sâu lý giải, đồng thời là hướng khai phá mới mà luận án hướng tới.

Chương 1 không chỉ dừng lại ở việc điểm danh lý thuyết và tài liệu, mà còn chủ động phê bình, phân loại và đối chiếu các xu hướng tiếp cận khác nhau - từ kỹ trị đến thẩm mỹ, từ phương Tây đến châu Á, từ định lượng đến định tính. Cách tiếp cận này giúp tạo nên nền tảng tri thức vững chắc để phát triển hệ khung phân tích cho các chương tiếp theo. Đồng thời, thông qua việc đối chiếu các công trình đi trước, chương đã định hình rõ phạm vi, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu của luận án một cách khoa học và thuyết phục.

Chương 1 đóng vai trò để luận án có thể triển khai các phân tích nghệ thuật học ở các chương sau. Những khái niệm then chốt như: thiết kế như một nghệ thuật biểu đạt, phong cách thiết kế trực quan, biểu tượng học trong thiết kế TTTĐT, hay bản sắc học đường trong môi trường số... được đặt nền từ chương này, sẽ tiếp tục là khung phân tích dẫn dắt toàn bộ hành trình nghiên cứu của luận án. Chính từ việc khẳng định vị thế nghệ thuật của thiết kế TTTĐT trong

giáo dục, chương 1 đã mở ra một hướng đi mới - kết nối giữa thẩm mỹ học hiện đại, công nghệ số và lý luận sư phạm, nhằm khám phá sâu sắc hơn giá trị của thiết kế trong việc kiến tạo những không gian học tập sáng tạo, nhân văn và hiệu quả trong thời đại chuyển đổi số toàn diện.

Chương 2
BIỂU HIỆN NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học là sự kết hợp giữa mỹ thuật ứng dụng, công nghệ và những yếu tố nhằm kiến tạo một không gian số có tính thẩm mỹ có khả năng thúc đẩy học tập. Từ góc nhìn mỹ thuật ứng dụng, thiết kế trang thông tin điện tử là việc trình bày thông tin kết hợp với ngôn ngữ tạo hình. Các yếu tố mỹ thuật như hình ảnh, hình tượng, biểu tượng, bố cục, màu sắc, kiểu chữ và chuyển động tương tác được kết hợp thành một ngôn ngữ thị giác đặc thù, đảm nhiệm chức năng truyền đạt nội dung và tạo nên giá trị thẩm mỹ. Khác với cách tiếp cận kỹ thuật, xem trang thông tin điện tử như một công cụ chức năng, cách tiếp cận mỹ thuật coi giao diện là một sản phẩm tạo hình có khả năng định hình nhận thức, cảm xúc và hành vi tương tác của người dùng. Trong bối cảnh này, thiết kế trang thông tin điện tử được xem như một hình thức nghệ thuật thị giác tương tác, người dùng không chỉ tiếp nhận thông tin, mà còn trải nghiệm cảm xúc, tư duy và thị giác trong một không gian số.

Biểu hiện nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử nói chung và trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam nói riêng, là sự kết nối, từ đặc điểm nội dung của trang thông tin đến hình thức nghệ thuật thiết kế. Hai yếu tố này không thể tách rời trong quá trình thiết kế trang thông tin điện tử.

2.1. Biểu hiện về nội dung của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học

Trong bối cảnh chuyển đổi số, TTTĐT đã trở thành phương thức giao tiếp, truyền thông và thực hiện chức năng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong

lĩnh vực giáo dục. Nghệ thuật thiết kế TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục đại học không chỉ giới thiệu giao diện mà là sự kết hợp chặt chẽ giữa tính thẩm mỹ, tính sơ đồ, tính khoa học và tính nhân văn. Đây là những đặc trưng cốt lõi trong nội dung của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử dành cho lĩnh vực giáo dục đại học. Trong môi trường giáo dục số, nội dung của trang thông tin điện tử không chỉ thực hiện chức năng cung cấp thông tin hành chính mà còn là phương tiện tổ chức, lưu giữ và truyền tải tri thức. Kết quả khảo sát website của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy những trường đại học có mức độ chuyển đổi số cao đều coi nội dung là hạt nhân của hệ sinh thái giáo dục số. Nội dung không chỉ được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin mà còn hướng tới hỗ trợ quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển năng lực tự học của người học.

2.1.1. Nội dung định hướng học tập

Khác với nhiều loại hình TTTĐT khác, TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng đặt ra nhiều yêu cầu về tính định hướng học tập. Thiết kế cần hướng đến việc hỗ trợ truyền đạt kiến thức một cách hệ thống, logic, dễ hiểu và thu hút. Mỗi thành phần giao diện từ thanh điều hướng, màu sắc, kiểu chữ, cho đến cách dẫn trang... đều phục vụ cho việc tối ưu hóa tiếp thu và tư duy của người học. Ngoài ra, các yếu tố về tương tác như các biểu tượng, các bước thực hiện thao tác, hướng dẫn sử dụng... cũng cần rõ ràng, tránh gây bối rối, khó khăn cho người sử dụng. TTTĐT giáo dục đại học phải gắn liền với triết lý giáo dục, định hướng phương pháp giảng dạy, khả năng tiếp nhận tri thức của người học, đồng thời phản ánh bản sắc văn hóa và tinh thần học thuật của từng cơ sở đào tạo. Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện của giáo dục Việt Nam hiện nay, TTTĐT không còn chỉ là một “kênh thông tin” đơn thuần mà đã trở thành một không gian sư phạm số - nơi việc dạy và học

được diễn ra trong môi trường trực tuyến, nơi người học tương tác với tri thức thông qua giao diện thị giác.

Trong thiết kế TTTĐT thể hiện trước hết ở khả năng tổ chức nội dung và hình thức thị giác theo mục tiêu giáo dục cụ thể. Mỗi màu sắc, biểu tượng, kiểu chữ, bố cục hay hình ảnh đều không thể được lựa chọn một cách ngẫu nhiên hay chỉ theo cảm hứng nghệ thuật. Chúng cần được thiết kế sao cho phù hợp với đặc điểm nhận thức, tâm lý và nhu cầu học tập của từng nhóm đối tượng người học, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho quá trình giảng dạy và tự học. Như Zaharias & Poylymenakou (2009) đã chỉ ra trong nghiên cứu về thiết kế hệ thống e-learning, tính định hướng học tập thể hiện ở khả năng cấu trúc thông tin một cách mạch lạc, trực quan, phù hợp với mục tiêu giảng dạy và tạo ra các cơ chế phản hồi giúp người học theo dõi tiến trình học tập của mình [140, tr.78].

Truy cập TTTĐT giáo dục đại học gồm nhiều đối tượng như: sinh viên, giảng viên, phụ huynh, nhà tuyển sinh, nhà nghiên cứu... Việc này đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ hành vi người dùng, từ đó xây dựng giao diện người dùng (UI) và trải nghiệm người dùng (UX) hợp lý. Một TTTĐT giáo dục đại học hiệu quả thường có cấu trúc điều hướng mạch lạc với các danh mục dễ nhận biết. Ngoài ra, các yếu tố như công cụ tìm kiếm mạnh, liên kết nhanh và bố cục trực quan cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người dùng nhanh chóng tiếp cận thông tin cần thiết. Một số TTTĐT tiên tiến còn cho phép người dùng tùy biến giao diện theo sở thích hoặc vai trò nhằm tạo trải nghiệm cá nhân hóa.

Ở cấp độ mỹ thuật, việc thể hiện tính định hướng học tập đòi hỏi nhà thiết kế phải đặt mình vào vị trí của người học để hình dung hành trình tiếp cận tri thức qua màn hình. Từ đó, mỗi lựa chọn về màu sắc cần cân nhắc tâm lý học đường (màu sáng, dịu nhẹ giúp tạo cảm giác thân thiện cho trẻ nhỏ; màu trung tính, thanh lịch phù hợp với sinh viên đại học). Mỗi kiểu chữ (font) không chỉ phải dễ đọc mà còn phải mang tính hình tượng giáo dục (ví dụ, kiểu chữ có

chân gợi cảm giác học thuật; kiểu sans-serif tạo cảm giác hiện đại, gọn gàng). Hình ảnh minh họa không chỉ mang tính trang trí mà cần truyền tải tri thức, khơi gợi tư duy logic hoặc trí tưởng tượng. Như Norman (2013) đã nhấn mạnh, trong một hệ thống thiết kế hướng dẫn hiệu quả, “giao diện không nói bằng lời, nhưng nó dạy bằng cách khiến người dùng cảm thấy họ đang đi đúng hướng” [73, tr.56]. Đó chính là nghệ thuật giảng dạy trong im lặng của thiết kế sư phạm. Trang thông tin điện tử của ĐHQGHN có cấu trúc menu phân tầng, rõ ràng, định hướng học thuật cao, còn của ĐHQGHCM hướng người học đến nghiên cứu, khởi nghiệp và sáng tạo. Trong khi đó, với đặc thù đào tạo ngành mỹ thuật, tính định hướng học tập của trang thông tin điện tử của Trường ĐH Mỹ thuật VN tập trung chủ yếu vào chuyên môn nghệ thuật.

Từ góc nhìn mỹ thuật ứng dụng, có thể nói rằng tính định hướng học tập là nền tảng cơ bản để kiến tạo nên các “ngôn ngữ hình ảnh” có chức năng giáo dục trong môi trường số. Đây không chỉ là vấn đề bố cục hay phối màu, mà là câu chuyện về triết lý thiết kế - nơi nhà thiết kế phải đồng thời là một người nghệ sĩ và một người thầy. Họ không chỉ tạo ra cái đẹp, mà còn làm cho cái đẹp trở thành đòn bẩy của sự phát triển tri thức, nhân cách và cảm xúc của người học. Khi đó, thiết kế TTTĐT giáo dục sẽ không đơn thuần là một sản phẩm truyền thông trực tuyến, mà thực sự trở thành một không gian nghệ thuật giáo dục - nơi giáo dục được truyền tải bằng thị giác, và thị giác được định hướng bằng sư phạm.

2.1.2. Nội dung mang tính tương tác, thân thiện

Thị giác là kênh thông tin nhanh nhất, mạnh nhất và cũng phức tạp nhất trong toàn bộ hệ thống tiếp nhận thông tin của con người. Theo Lidwell, Holden & Butler (2010), khoảng 80% thông tin mà con người tiếp thu được là qua thị giác [60]. Trong môi trường học tập truyền thống, vai trò của thị giác đã quan trọng - với bảng đen, sách giáo khoa, tranh minh họa - thì trong môi trường học

tập số, nơi giao tiếp giữa người học và nội dung học chủ yếu thông qua màn hình, vai trò ấy càng trở nên sống còn. Nếu giao diện website giáo dục không có tính thân thiện thị giác, người học sẽ nhanh chóng rơi vào trạng thái “từ chối tiếp thu” - không phải vì họ không có năng lực, mà vì cảm giác bị bội thực, choáng ngợp hoặc mất phương hướng ngay từ cái nhìn đầu tiên.

Trong mỹ thuật ứng dụng, đặc biệt là trong thiết kế giao diện số cho lĩnh vực giáo dục, thị giác giữ vai trò định hướng hành vi, cảm xúc và trải nghiệm nhận thức của người học. Thiết kế một TTTĐT giáo dục đại học không đơn thuần là sắp xếp hình ảnh và chữ trên màn hình, mà là một quá trình kiến tạo nên một không gian học tập thị giác, nơi mọi yếu tố - từ màu sắc, kiểu chữ, hình khối, bố cục cho đến chuyển động và tương tác - đều phải được tính toán kỹ lưỡng để phục vụ cho việc giúp người học tiếp cận thông tin dễ dàng, tự nhiên, không mệt mỏi, không bị từ chối về mặt cảm xúc. Tính thân thiện thị giác chính là khả năng làm cho việc học trở nên dễ chịu, trực quan, và hiệu quả - không qua lời nói, mà bằng cảm nhận trực tiếp của thị giác. Trang thông tin điện tử của ĐHQGHN vẫn còn mang tính hành chính, giao diện đơn giản, màu sắc Trang trọng nhưng chưa gợi cảm xúc học tập. Trong khi đó, giao diện của trang web ĐHQGHCM hiện đại, thân thiện, Màu sắc tươi sáng, hình ảnh sinh viên tích cực... Trường ĐH Mỹ thuật VN với đặc thù của ngành nghệ thuật nên tính thân thiện thị giác thể hiện ở khả năng khơi gợi, giải phóng sự sáng tạo, Hình ảnh nghệ thuật, màu sắc trầm ấm, mang bản sắc dân tộc.

Ở bình diện rộng hơn, tính thân thiện của thiết kế còn phải xét đến sự thích ứng với các lý thuyết phát triển tâm lý học đường. Các học giả như Piaget, Erikson hay Vygotsky đều khẳng định rằng: mỗi giai đoạn phát triển của con người đều có cách tiếp cận tri thức và nhu cầu học tập khác nhau. Do đó, thiết kế TTTĐT giáo dục đại học cần có khả năng “thị giác hóa” những khác biệt đó một cách linh hoạt và tinh tế. Đối với sinh viên đại học, tính sư phạm trong

thiết kế càng cần thể hiện qua sự chuyên nghiệp, tối giản, hiệu năng cao và khả năng tích hợp các công cụ hỗ trợ học tập như kho học liệu số, hệ thống LMS, chatbot tư vấn học tập, v.v.

Một thách thức lớn hiện nay trong thiết kế TTTĐT giáo dục đại học là nguy cơ quá tải thị giác - khi nhà thiết kế hoặc bộ phận kỹ không kiểm soát tốt, tích hợp quá nhiều thông tin, hiệu ứng, hình ảnh chuyển động, khiến giao diện trở nên nặng nề, phức tạp. Tính thân thiện thị giác, trong trường hợp này, còn là nghệ thuật “biết tiết chế” - biết dừng lại đúng lúc để người học có không gian cảm nhận, tiếp thu, và tương tác.

Tính thân thiện không chỉ là một nguyên tắc kỹ thuật, mà là linh hồn của thiết kế TTTĐT giáo dục hiện đại. Nó giúp tạo ra một môi trường học tập dễ tiếp cận, giàu cảm xúc, nâng cao hiệu quả sư phạm mà vẫn giữ được chất lượng thẩm mỹ thị giác. Trong mỹ thuật ứng dụng, đây là vùng giao thoa giữa nghệ thuật và khoa học - nơi nhà thiết kế phải đồng thời là một người nghệ sĩ, một nhà sư phạm, và một người hiểu sâu về trải nghiệm người dùng. Chỉ khi TTTĐT giáo dục được thiết kế với thị giác thân thiện, người học mới có thể “mở lòng” đón nhận tri thức - không qua ép buộc, mà qua cảm hứng thị giác tự nhiên, sâu sắc và bền vững.

TTTĐT giáo dục nói chung và TTTĐT giáo dục đại học nói riêng cần đảm bảo yếu tố cộng đồng, phục vụ mọi đối tượng. Thiết kế nên tuân thủ các tiêu chuẩn về truy cập như khả năng phóng to chữ, mô tả hình ảnh, hỗ trợ phần mềm đọc màn hình. Ngoài ra, TTTĐT cũng cần được tối ưu hóa cho nhiều nền tảng và thiết bị khác nhau. Người học có thể truy cập thông tin qua các thiết bị điện tử khác như điện thoại, máy tính bảng, hoặc laptop... Tốc độ tải trang cũng cần được đảm bảo để tránh gây gián đoạn trải nghiệm học tập. Những yếu tố kỹ thuật như tối ưu SEO, bảo mật dữ liệu người dùng, và tích hợp đăng nhập một lần cũng là nội dung không thể thiếu để nâng cao tính toàn diện của

TTTĐT.

Một đặc trưng không thể thiếu trong thiết kế TTTĐT giáo dục hiện đại là tính tương tác bao gồm khả năng kết nối đa chiều giữa sinh viên, giảng viên và nhà trường. Các công cụ như diễn đàn học tập, hệ thống câu hỏi và trả lời, chat trực tuyến với giảng viên, đánh giá bài học và nộp bài tập... là những tính năng cần thiết. Ngoài ra, việc tích hợp hệ thống quản lý học tập (LMS) vào TTTĐT giúp tổ chức giáo dục kiểm soát toàn bộ quá trình học, từ đăng ký môn học, theo dõi điểm số, thống kê tiến độ đến cấp phát văn bằng. Nhờ đó, TTTĐT trở thành một nền tảng học tập toàn diện thay vì chỉ là nơi giới thiệu thông tin. Những hệ thống hiện đại còn cung cấp dashboard cá nhân hóa, phân tích dữ liệu học tập để học sinh và giảng viên có thể điều chỉnh phương pháp học và dạy kịp thời.

Một trong những yêu cầu căn bản nhưng có ý nghĩa sâu xa trong thiết kế TTTĐT giáo dục chính là khả năng thích ứng với đặc điểm tâm lý, nhận thức và thẩm mỹ của từng nhóm lứa tuổi người học. Việc đảm bảo tính phù hợp theo lứa tuổi không chỉ đơn thuần là một lựa chọn thiết kế, mà là một yêu cầu sư phạm, và hơn thế nữa, là điều kiện để TTTĐT thực sự phát huy vai trò của mình như một không gian học tập số hiệu quả và nhân văn.

Tính đặc thù lứa tuổi trong thiết kế, về bản chất, là khả năng kiến tạo nên một hệ ngôn ngữ hình ảnh - màu sắc - bố cục - biểu tượng - nội dung - tương tác, tương thích với trình độ nhận thức, năng lực tiếp nhận thị giác và cảm xúc thẩm mỹ của người học ở từng giai đoạn phát triển. Điều này được lý giải sâu sắc trong các công trình nghiên cứu của Jean Piaget, người đã chia sự phát triển nhận thức của con người thành các giai đoạn. Theo Piaget, ở mỗi giai đoạn, khả năng xử lý hình ảnh, suy luận logic và tiếp nhận biểu tượng của trẻ em là hoàn toàn khác biệt, dẫn đến cách tiếp cận tri thức cũng khác nhau [79, tr. 65-73]. Đồng thời, theo Lowenfeld và Brittain trong tác phẩm *Creative*

and Mental Growth - một trong những nền tảng lý thuyết của giáo dục mỹ thuật - thì năng lực cảm thụ nghệ thuật và sở thích thẩm mỹ cũng thay đổi mạnh mẽ theo độ tuổi. Trong đó, sinh viên, người trưởng thành thường bị thu hút bởi phong cách tối giản, thẩm mỹ tinh tế và khả năng tổ chức nội dung khoa học [63, tr. 112-143].

Dựa trên cơ sở đó, việc thiết kế một TTTĐT giáo dục đại học cần đặt yếu tố độ tuổi lên hàng đầu khi quyết định bố cục, màu sắc, font chữ, biểu tượng, hình ảnh minh họa và cả cách tổ chức hành trình thị giác. Với sinh viên đại học hoặc người học trưởng thành, giao diện cần theo hướng tối giản (minimalist), chuyên nghiệp, dễ tra cứu, có hệ thống định vị mạnh mẽ, tương thích với các nền tảng di động và tích hợp học liệu học thuật.

Ở Việt Nam, tuy nhiều cơ sở giáo dục đại học đã bắt đầu quan tâm hơn đến yếu tố thiết kế giao diện, nhưng thực tế vẫn tồn tại nhiều bất cập trong việc ứng dụng tính đặc thù lứa tuổi. Một số website của trường tiểu học lại sử dụng giao diện giống như trường đại học - khô cứng, nhiều chữ, ít minh họa; trong khi một số trường đại học lại sử dụng hiệu ứng hoạt hình, màu sắc lòe loẹt - gây cảm giác thiếu nghiêm túc trong môi trường học thuật. Những sai lệch như vậy không chỉ làm giảm hiệu quả truyền thông, mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến trải nghiệm học tập, khiến người học không cảm thấy “thuộc về” không gian số được thiết kế cho chính họ. TTTĐT của ĐHQGHN, ĐHQGHCM và Trường ĐH MTVN có thể được đánh giá là các website được thiết kế khá tốt về khả năng tương tác. Mặc dù vậy, TTTĐT của ĐHQGHN vẫn còn nặng tính hành chính, ít chú trọng đến các yếu tố tương tác trực quan. Hay TTTĐT của Trường ĐHMTVN chú ý nhiều đến yếu tố nghệ thuật, gợi cảm hứng sáng tạo nhưng còn yếu trong sắp xếp, gây khó khăn trong tương tác, tra cứu trực tuyến.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là tính đặc thù lứa tuổi không chỉ giúp thiết kế đẹp hơn, mà chính là yếu tố cốt lõi để thiết kế đúng hơn - đúng với nhận

thức, đúng với cảm xúc, đúng với khả năng tiếp thu của người học. Ở đây, vai trò của nhà thiết kế không còn dừng lại ở việc xử lý thẩm mỹ, mà phải trở thành một người “biên dịch hình ảnh sư phạm” - chuyển hóa tinh thần giáo dục thành thị giác phù hợp với từng độ tuổi. Mỗi lựa chọn về màu sắc, font chữ, icon, bố cục không chỉ là quyết định mỹ thuật, mà là một quyết định mang tính giáo dục, mang theo trách nhiệm hình thành nên thói quen thẩm mỹ, cảm xúc học đường và khả năng tương tác của người học với môi trường số.

Tóm lại, trong thiết kế TTTĐT giáo dục đại học, việc chú trọng đến tính đặc thù lứa tuổi không chỉ giúp tối ưu hóa trải nghiệm học tập mà còn tạo nên sự kết nối cảm xúc giữa người học và nền tảng tri thức. Một thiết kế phù hợp với từng giai đoạn phát triển tâm lý - thẩm mỹ sẽ không chỉ làm tăng hiệu quả học tập, mà còn góp phần xây dựng gu thẩm mỹ thị giác, khả năng định hướng nhận thức và năng lực tiếp nhận tri thức bền vững. Trong thời đại học tập trực tuyến trở thành xu thế chủ đạo, đây chính là một trong những thách thức lớn - đồng thời cũng là cơ hội để người làm mỹ thuật ứng dụng đóng vai trò tiên phong trong đổi mới giáo dục số.

Một thiết kế TTTĐT giáo dục tốt còn phải kết hợp nhịp nhàng giữa thẩm mỹ và công năng, giữa nghệ thuật thị giác và logic học thuật. Tính thẩm mỹ trong thiết kế chính là khả năng tạo ra không gian học tập số rõ ràng, dễ tiếp cận, nhưng vẫn gợi cảm xúc và nuôi dưỡng tinh thần học tập tích cực. Như Lee & Koubek (2012) đã khẳng định trong nghiên cứu về mối quan hệ giữa thẩm mỹ và mức độ gắn bó người dùng, “người học sẽ gắn bó nhiều hơn với những hệ thống có thiết kế đẹp mắt, dễ dùng và mang tính định hướng cao, bởi chúng tạo ra cảm giác an toàn về nhận thức và sự tin tưởng vào quy trình học tập” [59, tr.536].

Yếu tố thẩm mỹ trong thiết kế TTTĐT giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng không nhằm mục đích phô diễn mà để tạo ra môi trường trực

tuyên thân thiện, truyền cảm hứng và khơi gợi động lực học tập. Màu sắc được sử dụng nên là những gam màu trung tính, dịu mắt như xanh dương, trắng, xám vừa tạo sự tin cậy, vừa giúp người học tập trung. Phong chữ cần rõ ràng, dễ đọc, hạn chế các kiểu chữ trang trí cầu kỳ. Hình ảnh và đồ họa minh họa cần mang tính giáo dục, tránh lạm dụng hiệu ứng hoặc thiết kế gây nhiễu. Ngoài ra, thiết kế phải đảm bảo đồng nhất về phong cách trong toàn bộ hệ thống trang, từ trang chủ đến các trang con để tạo cảm giác chuyên nghiệp, gắn kết và dễ nhận diện thương hiệu. Việc sử dụng icon, biểu tượng cũng cần nhất quán và hỗ trợ người dùng hiểu nhanh nội dung mà không cần đọc kỹ văn bản.

Theo nhà thiết kế HTHN, Học viện Bưu chính viễn thông:

Trong thiết kế giao diện số hiện đại, thẩm mỹ và chức năng không phải là hai yếu tố tách biệt mà tồn tại trong mối quan hệ tương hỗ. Một website đại học thể hiện thẩm mỹ về thị giác nhưng nếu cấu trúc thông tin phức tạp, khó sử dụng hoặc thiếu tính điều hướng sẽ làm giảm trải nghiệm người dùng. Ngược lại, một giao diện chỉ chú trọng chức năng mà thiếu chiều sâu thẩm mỹ sẽ tạo cảm giác khô cứng, khó tạo được dấu ấn thương hiệu¹.

2.1.3. Nội dung đáp ứng yêu cầu truyền tải kiến thức

Trước hết, nội dung cần bảo đảm tính đầy đủ của hệ thống tri thức đào tạo. Qua khảo sát TTTĐT Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam có thể nhận thấy nội dung không dừng lại ở các thông tin tuyển sinh mà đã công bố khá đầy đủ chương trình đào tạo, bản mô tả chương trình, đề án tuyển sinh, các quy định đào tạo, thông tin khảo thí, bảo đảm chất lượng giáo dục và các hoạt động nghiên cứu khoa học. Nhà trường đồng thời xây dựng chuyên mục đào tạo đại học, sau đại học, thư viện và nghiên cứu thành các nhóm nội dung độc lập, tạo điều kiện để người học tiếp cận thông tin theo từng lĩnh vực chuyên môn.

¹ Phòng văn HTHN, tháng 8/2025

Đối với một TTTĐT giáo dục, việc công khai chương trình đào tạo có ý nghĩa lớn hơn nhằm đáp ứng yêu cầu minh bạch thông tin. Đây là cơ sở để người học hiểu được mục tiêu đào tạo, cấu trúc chương trình, chuẩn đầu ra, học phần và lộ trình học tập. Khi chương trình đào tạo được công bố đầy đủ, website trở thành một nguồn học liệu nền tảng giúp người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập thay vì chỉ tiếp nhận thông tin từ cố vấn học tập hoặc giảng viên.

Bên cạnh đó, khảo sát cho thấy TTTĐT của Đại học Quốc gia Hà Nội phát triển mạnh theo hướng xây dựng hệ thống tri thức số. Ngoài các chuyên mục giới thiệu, đào tạo và nghiên cứu khoa học, hệ thống còn tích hợp Trung tâm Thư viện và Tri thức số (VNU-LIC), cung cấp giáo trình điện tử, sách số, cơ sở dữ liệu nghiên cứu, kho học liệu số và dịch vụ số hóa tài liệu. Người học có thể tiếp cận hàng chục nghìn giáo trình điện tử và nguồn học liệu thông qua tài khoản cá nhân, tạo nên môi trường học tập liên tục ngoài phạm vi lớp học.

Thực tiễn này cho thấy nội dung của TTTĐT giáo dục không nên chỉ giới hạn ở các bài viết giới thiệu hay thông báo hành chính. Giá trị cốt lõi của TTTĐT nằm ở việc hình thành kho tri thức số, nơi tập hợp giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo, luận văn, luận án, bài báo khoa học và các nguồn học liệu mở. Khi nội dung được phát triển theo hướng này, TTTĐT trở thành môi trường học tập thực sự, góp phần mở rộng không gian giáo dục từ giảng đường truyền thống sang môi trường số.

Một yêu cầu quan trọng khác là nội dung phải được tổ chức theo logic nhận thức thay vì theo cơ cấu hành chính. Qua khảo sát có thể nhận thấy các TTTĐT đã bước đầu tổ chức các nội dung theo từng nhóm chức năng như đào tạo, nghiên cứu, hợp tác quốc tế, thư viện, khảo thí và bảo đảm chất lượng. Cách tổ chức này giúp người học tiếp cận thông tin theo mục tiêu học tập thay vì phải tìm kiếm theo tên các đơn vị quản lý.

Trong khi đó, hệ thống TTTĐT của Đại học Quốc gia Hà Nội được phát triển theo mô hình hệ sinh thái tri thức, trong đó các nội dung về đào tạo, nghiên cứu, thư viện, chuyển giao tri thức và đổi mới sáng tạo có mối liên kết chặt chẽ. Người học có thể di chuyển từ thông tin chương trình đào tạo sang học liệu điện tử, cơ sở dữ liệu nghiên cứu hoặc các hoạt động khoa học chỉ thông qua các liên kết nội bộ. Điều này phản ánh nguyên tắc tổ chức nội dung theo mạng lưới tri thức thay vì cấu trúc tuyến tính truyền thống.

Khảo sát TTTĐT của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cũng cho thấy xu hướng tương tự khi hệ thống nội dung tập trung vào ba nhóm lớn gồm đào tạo, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, đồng thời liên kết với các trường thành viên, thư viện và hệ thống học liệu số. Cách xây dựng này giúp website không chỉ phản ánh cơ cấu tổ chức mà còn phản ánh toàn bộ hệ sinh thái tri thức của đại học đa ngành.

Một yêu cầu quan trọng khác đối với nội dung website giáo dục là phải hỗ trợ quá trình kiến tạo tri thức. Kết quả khảo sát cho thấy những TTTĐT có giá trị học thuật cao đều không chỉ công bố thông tin mà còn cung cấp học liệu phục vụ học tập. Đặc biệt, Trung tâm Thư viện và Tri thức số của Đại học Quốc gia Hà Nội phát triển theo định hướng hỗ trợ học tập suốt đời thông qua giáo trình điện tử, sách tham khảo, dữ liệu nghiên cứu, tài nguyên số và các hướng dẫn khai thác học liệu. Điều này cho phép người học chủ động tiếp cận, lựa chọn và mở rộng tri thức theo nhu cầu cá nhân thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào lớp học truyền thống.

Trong khi đó, TTTĐT Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam xây dựng Trung tâm Thông tin – Thư viện với chức năng thu thập, khai thác và liên kết các nguồn thông tin phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đây là minh chứng cho thấy thư viện số cần trở thành một bộ phận hữu cơ của TTTĐT giáo dục, thay vì tồn tại như một hệ thống độc lập.

Một điểm đáng chú ý khác từ khảo sát là các website đều hướng tới việc cập nhật tri thức liên tục. Thay vì chỉ lưu trữ tài liệu cố định, các chuyên mục nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, hội thảo khoa học, workshop, công bố nghiên cứu và hoạt động học thuật được cập nhật thường xuyên. Chẳng hạn, website Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam liên tục đăng tải thông tin về workshop nghệ thuật quốc tế, hợp tác nghiên cứu với các trường đại học nước ngoài và các hoạt động học thuật chuyên ngành. Những nội dung này không chỉ phản ánh hoạt động của nhà trường mà còn cung cấp tri thức mới, giúp người học tiếp cận những xu hướng nghệ thuật và nghiên cứu đương đại.

Thực tiễn khảo sát ba trường đại học cũng cho thấy nội dung cần được xây dựng theo nguyên tắc kết nối tri thức. Mỗi chuyên mục không nên tồn tại độc lập mà cần có sự liên kết giữa chương trình đào tạo, giáo trình, nghiên cứu khoa học, thư viện, bài báo, hoạt động học thuật và hợp tác quốc tế. Việc hình thành mạng lưới liên kết nội dung giúp người học mở rộng quá trình tìm hiểu theo nhiều chiều, phát triển tư duy liên ngành và nâng cao khả năng tự học.

Như vậy, phân tích thực tiễn từ các TTTĐT đại học cho thấy nội dung của trang thông tin điện tử muốn thực hiện tốt chức năng truyền tải tri thức cần được phát triển theo năm định hướng cơ bản: (1) bảo đảm đầy đủ và chính xác hệ thống thông tin đào tạo; (2) xây dựng kho học liệu và tri thức số; (3) tổ chức nội dung theo logic nhận thức và nhu cầu học tập của người dùng; (4) liên kết các nguồn tri thức thành một hệ sinh thái học tập số; và (5) cập nhật thường xuyên các thành tựu nghiên cứu, hoạt động học thuật và tài nguyên học tập mới. Đây không chỉ là yêu cầu kỹ thuật của thiết kế website mà còn là yêu cầu mang tính sư phạm, quyết định khả năng chuyển hóa thông tin thành tri thức trong môi trường giáo dục số.

2.2. Biểu hiện về ngôn ngữ tạo hình trong thiết kế trang thông tin điện tử

2.2.1. Hình ảnh và biểu tượng

Hình ảnh và biểu tượng là những thành tố cơ bản của ngôn ngữ thị giác trong thiết kế giao diện số, giữ vai trò truyền tải thông tin, hỗ trợ điều hướng và nhận diện thương hiệu. Trong môi trường giáo dục, hình ảnh và biểu tượng đảm trách chức năng minh họa, tổ chức tri thức và nâng cao hiệu quả tiếp nhận của người học. Biểu tượng thường là những hình ảnh trực quan, mang tính quy ước, đại diện cho hành động, khái niệm hoặc chức năng cụ thể. Các biểu tượng như kính lúp (tìm kiếm), bánh răng (cài đặt), cuốn sách (thư viện), bút chì (bài tập), loa (nghe), hoặc máy quay (video) giúp người dùng nhanh chóng nhận diện chức năng mà không cần phải đọc văn bản. Nhờ tính cô đọng và trực quan, biểu tượng giúp giảm tải nhận thức và tăng tốc độ tương tác, đặc biệt trong môi trường học tập số có mật độ thông tin cao.

Trong giáo dục, biểu tượng hỗ trợ phân loại nội dung và cấu trúc học liệu. Việc sử dụng hệ biểu tượng thống nhất cho các nội dung như bài giảng, bài tập, bài kiểm tra giúp người học dễ dàng định vị và tiếp cận thông tin theo mục tiêu học tập. Đồng thời, với tính chất phổ quát, biểu tượng góp phần giảm rào cản ngôn ngữ trong môi trường học tập đa văn hóa. Hình ảnh giữ vai trò hỗ trợ trực quan và cảm xúc, vừa minh họa nội dung vừa giúp cụ thể hóa các khái niệm trừu tượng, tăng khả năng ghi nhớ và tạo kết nối giữa người học với nội dung học thuật. Bên cạnh đó, hình ảnh về giảng viên, sinh viên và môi trường học tập góp phần xây dựng niềm tin, đồng thời định hình hình ảnh thương hiệu của cơ sở giáo dục. Trong e-learning, hình ảnh được sử dụng để tạo hoạt động tương tác, dẫn dắt câu hỏi, hoặc truyền cảm hứng học tập, biến trải nghiệm học tập số thành một quá trình sinh động, cá nhân hóa và hiệu quả. Tuy nhiên, hiệu quả của hình ảnh và biểu tượng phụ thuộc vào tính nhất quán và định hướng thiết kế. Việc sử dụng hình ảnh hoặc biểu tượng thiếu hệ thống có thể gây rối thị giác và làm giảm tính chuyên nghiệp. Do đó, cần xây dựng hệ thống hình

ảnh - biểu tượng theo nguyên tắc thống nhất, phù hợp với ngữ cảnh giáo dục và chiến lược truyền thông tổng thể.

Khảo sát các trang thông tin điện tử của ĐHQGHN (VNU), ĐHQG TP.HCM (VNU-HCM) và ĐHMTVN cho thấy sự khác biệt trong cách sử dụng ngôn ngữ hình ảnh. ĐHQGHN ưu tiên hình ảnh mang tính học thuật và truyền thống, biểu tượng đơn giản, phục vụ điều hướng và nhận diện hệ thống. Các hình ảnh chủ đạo là ảnh chụp về hoạt động nghiên cứu, cơ sở vật chất, sự kiện học thuật, góp phần tạo dựng hình ảnh uy tín và chuyên nghiệp [PL2, H2.19, tr.191]. ĐHQG TP.HCM sử dụng hình ảnh năng động, biểu tượng hiện đại, phản ánh tinh thần đổi mới. Các biểu tượng được thiết kế hiện đại, trực quan, với sắc độ sáng và mức tương phản cao. Hình ảnh sử dụng thường liên quan đến hoạt động ngoại khóa, đổi mới sáng tạo, các cuộc thi và dự án công nghệ, phản ánh tinh thần hội nhập và gắn kết với cộng đồng sinh viên [PL2, H2.20, tr.191]. Trong đó, ĐHMTVN nhấn mạnh yếu tố biểu cảm và nghệ thuật, sử dụng hình ảnh tác phẩm và bố cục linh hoạt nhằm thể hiện bản sắc sáng tạo [PL2, H2.21, tr.192]. Như vậy, hình ảnh và biểu tượng không chỉ là phương tiện trình bày mà còn là thành phần cấu trúc của ngôn ngữ tạo hình, góp phần định hướng nhận thức và nâng cao trải nghiệm người dùng trong môi trường giáo dục số. Trong tương quan với các cơ sở giáo dục quốc tế, có thể nhận thấy sự khác biệt trong cách sử dụng hình ảnh và biểu tượng. Tại Đại học RMIT hệ thống biểu tượng được thiết kế theo hướng tối giản, đồng nhất và mang tính hệ thống. Các icon sử dụng đường nét đơn giản, độ tương phản rõ, đảm bảo khả năng nhận diện nhanh trên nhiều thiết bị. Hình ảnh được sử dụng với kích thước lớn, chất lượng cao và có tính kể chuyện, giúp truyền tải thông điệp giáo dục theo hướng trực quan và hiện đại. Trường Đại học Fulbright Việt Nam chú trọng tính biểu đạt và cảm xúc trong hình ảnh. Hệ thống hình ảnh không chỉ mang tính minh họa mà còn xây dựng một câu chuyện về trải nghiệm học tập,

con người và cộng đồng học thuật. Biểu tượng ưu tiên sự tinh giản nhằm tạo không gian, phù hợp với triết lý giáo dục khai phóng. So với các trường đại học Việt Nam, cách tiếp cận của hai trường quốc tế này cho thấy sự chuyển dịch từ hình ảnh minh họa sang hình ảnh như một công cụ truyền thông và trải nghiệm.

Biểu tượng và hình ảnh trong thiết kế giao diện trang thông tin điện tử vừa là phương tiện trình bày vừa là ngôn ngữ tạo hình có chủ đích. Khi được sử dụng chiến lược, nhất quán và phù hợp với đối tượng mục tiêu, hai yếu tố này không chỉ nâng cao giá trị thẩm mỹ mà còn củng cố bản sắc thương hiệu, hỗ trợ nhận thức và cải thiện rõ rệt trải nghiệm người dùng. Trong lĩnh vực giáo dục, việc tích hợp biểu tượng và hình ảnh như một phần trong tư duy thiết kế tổng thể sẽ góp phần xây dựng môi trường học tập số hiệu quả, hấp dẫn và đáng tin cậy.

2.2.2. Bố cục

Bố cục là yếu tố trung tâm trong tổ chức thị giác, quyết định cách sắp xếp thông tin và định hướng hành vi người dùng. Theo *Từ điển thuật ngữ mỹ thuật phổ thông*, bố cục là “sự sắp xếp tất cả các yếu tố ngôn ngữ tạo hình để xây dựng nên một tác phẩm, làm nổi rõ ý đồ sáng tác của nghệ sĩ” [19, tr.26]. Trong thiết kế trang thông tin điện tử trong giáo dục, bố cục đảm nhiệm vai trò sắp xếp, trình bày nội dung và tổ chức thông tin. Một bố cục hiệu quả sẽ giúp người dùng tiếp cận thông tin theo trình tự logic từ tổng quan đến chi tiết, ngược lại nếu thiếu cấu trúc hợp lý, người dùng dễ rơi vào trạng thái quá tải hoặc mất định hướng.

Nghiên cứu của Jakob Nielsen (2006) chỉ ra rằng người dùng thường đọc nội dung trang thông tin điện tử theo mô hình chữ F, tức là tập trung vào phần trên và bên trái của trang. Do đó, các yếu tố quan trọng như tiêu đề, menu và nội dung chính cần được bố trí theo nguyên tắc này nhằm tối ưu khả năng tiếp cận và tìm kiếm thông tin [136]. Trong thực tiễn, các dạng bố cục phổ biến

gồm: một cột, hai cột, dạng lưới, F-pattern, Z-pattern và dạng thẻ. Mỗi dạng bố cục phù hợp với những mục đích khác nhau, từ trình bày nội dung đến tổ chức thông tin. Đặc biệt, bố cục dạng thẻ và lưới ngày càng được ưa chuộng nhờ tính linh hoạt và khả năng thích ứng với thiết bị di động. Các nguyên tắc như cân bằng thị giác, phân cấp thông tin, sử dụng khoảng trắng và hệ thống lưới đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng bố cục hiệu quả. Khoảng trắng giúp giảm mật độ thông tin, tạo nhịp điệu thị giác và tăng khả năng tập trung. Phân tích các trường hợp tại Việt Nam cho thấy xu hướng kết hợp nhiều dạng bố cục để đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng. ĐHQGHN và ĐHQG TP.HCM sử dụng bố cục dạng tạp chí kết hợp thẻ, trong khi ĐHMTVN chú trọng khoảng trắng và tính thẩm mỹ, tạo sự cân bằng giữa công năng và biểu đạt nghệ thuật. Như vậy, bố cục trong trang thông tin điện tử giáo dục không chỉ là công cụ trình bày mà còn là cấu trúc tổ chức tri thức số, góp phần định hình trải nghiệm học tập và nâng cao hiệu quả truyền đạt thông tin.

Một bố cục hiệu quả phải đáp ứng đồng thời ba yêu cầu: cấu trúc rõ ràng, biểu đạt trực quan và tương tác thuận tiện. Các yếu tố cơ bản như đầu trang, thanh điều hướng, vùng nội dung chính, thanh bên và chân trang cần được bố trí theo nguyên tắc trực quan, dễ truy cập và mang tính nhất quán xuyên suốt. Những nguyên tắc thiết kế như cân bằng thị giác, hệ thống lưới, phân cấp thông tin, khoảng trắng hợp lý và tính ổn định là cơ sở tổ chức toàn bộ trải nghiệm thị giác. Bố cục giao diện thường được phân loại theo hình thức dạng một cột, hai cột, F-pattern, Z-pattern, tạp chí, dạng thẻ... Bố cục dạng một cột có cách trình bày tối giản, dễ đọc, hiệu quả trên thiết bị di động nhưng hạn chế không gian phân tách nội dung. Bố cục hai cột thường phân chia rõ nội dung chính và nội dung phụ, thường dùng cho trang có nhiều loại thông tin. Bố cục dạng F-pattern, mô phỏng thói quen đọc thực tế, tập trung vào vùng trên cùng và bên trái, phù hợp cho các trang tin tức, bài viết dài. Bố cục dạng Z-pattern hiệu quả với các

trang đích, trình bày nội dung tuyến tính, kêu gọi hành động rõ ràng. Bố cục tạp chí thường sử dụng hệ thống lưới linh hoạt, kết hợp nhiều khối hình ảnh và văn bản, phù hợp với nội dung đa dạng, yêu cầu trình bày hấp dẫn. Bố cục dạng thẻ có cách trình bày thông tin thành từng khối độc lập, linh hoạt, dễ đọc, đặc biệt hiệu quả trong thiết kế. Theo Lê Phục Quốc (2010), “bố cục là thành tố tổ chức quan trọng nhất của tác phẩm nghệ thuật, tạo tính toàn vẹn, làm cho các bộ phận phụ thuộc lẫn nhau trong một chỉnh thể” (Lê Phục Quốc, tr.163-164). Bố cục là hình thức trình bày, sắp xếp nội dung, hình ảnh thị giác có chủ đích. Những khoảng trống đóng vai trò ngắt nhịp, dẫn dắt thị giác và hỗ trợ định vị nội dung. Đặc biệt trong môi trường học tập số, với khối lượng thông tin dày đặc và yêu cầu truy cập cao, bố cục hỗ trợ khả năng quét nhanh và giảm tải nhận thức.

Trong thiết kế đa ngôn ngữ, bố cục cần dự phòng sự thay đổi về độ dài văn bản và đảm bảo các thành phần có thể điều chỉnh linh hoạt mà không phá vỡ cấu trúc. Ngoài ra, để đảm bảo khả năng truy cập, các khu vực chức năng không mã hóa bằng màu đơn lẻ, mọi tín hiệu cần đi kèm biểu tượng, nhãn văn bản hoặc viền nhấn thị giác. Nguyên lý thiết kế Gestalt được áp dụng rộng rãi trong tổ chức bố cục, bao gồm các nguyên tắc: tương đồng, liên tục, gần gũi, đối xứng, tối giản, hình - nền. Những nguyên lý này giúp người dùng nhận biết nhóm thông tin, định vị nội dung quan trọng và hình thành trải nghiệm mạch lạc.

Phân tích giao diện của các cơ sở giáo dục tiêu biểu tại Việt Nam cho thấy sự ứng dụng bố cục kết hợp nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng [PL2, H2.4, tr.180]. Trường ĐHQGHN và ĐHQG TP.HCM sử dụng bố cục dạng tạp chí kết hợp thẻ và hai cột, với các khối thông tin rõ ràng cho từng chức năng như tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học. Sự linh hoạt trong bố cục cho phép mở rộng nội dung mà vẫn giữ được trật tự trực quan. ĐHMTVN ưu tiên sự cân bằng thị giác giữa tính thẩm mỹ và công năng, sử dụng nền trung tính, bố cục tạp chí có

nhieu khoảng trắng và nhấn thị giác khéo léo, tạo cảm giác nghệ thuật đồng thời giữ rõ cấu trúc học vụ. Bố cục dạng thẻ đặc biệt hiệu quả khi hiển thị trên thiết bị di động. Các thẻ tự động co giãn và sắp xếp lại theo chiều dọc khi màn hình thay đổi, đảm bảo khả năng đọc và truy cập [PL2, H2.12-2.13, tr.186-187]. Ở các cơ sở giáo dục quốc tế như Đại học RMIT và Đại học Fulbright Việt Nam, bố cục được tổ chức theo hướng lấy người dùng làm trung tâm thay vì cấu trúc hành chính. Đại học RMIT sử dụng bố cục dạng lưới kết hợp thẻ với mức độ tối giản, ưu tiên các khối nội dung lớn, rõ ràng và dễ quét thông tin. Các điểm nhấn thị giác nhằm dẫn dắt hành vi người dùng một cách trực quan. Fulbright lại sử dụng bố cục mở, linh hoạt, giảm thiểu phân tầng cứng nhắc. Nội dung được tổ chức theo trải nghiệm thay vì đơn vị quản lý, tạo cảm giác liền mạch và cá nhân hóa. So sánh này cho thấy sự khác biệt cơ bản giữa mô hình bố cục quản trị thông tin ở Việt Nam và phương thức trải nghiệm người dùng theo mô hình quốc tế.

Sự kết hợp đa dạng giữa các hình thức bố cục cho phép các trường tối ưu hóa trải nghiệm người dùng theo định hướng chiến lược và đặc điểm nội dung riêng. Trong môi trường giáo dục số, bố cục không đơn thuần là kỹ thuật trình bày mà là cấu trúc tổ chức tri thức số hóa. Một bố cục được thiết kế tốt không chỉ nâng cao tính thẩm mỹ mà còn định hình hành vi truy cập, tăng hiệu quả truyền đạt và củng cố hình ảnh học thuật. Việc áp dụng linh hoạt các nguyên lý thiết kế, kết hợp thực nghiệm người dùng sẽ giúp xây dựng các giao diện điện tử thân thiện, hiệu quả và mang bản sắc riêng cho từng cơ sở giáo dục.

2.2.3. Màu sắc

Màu sắc là yếu tố quan trọng trong thiết kế giao diện, có khả năng tác động trực tiếp đến cảm xúc, nhận thức và hành vi của người dùng. Trong môi trường giáo dục, màu sắc không chỉ mang giá trị thẩm mỹ mà còn ảnh hưởng đến khả năng tập trung và hiệu quả học tập. Các nghiên cứu cho thấy màu sắc

có thể tạo ra những trạng thái tâm lý khác nhau, màu xanh dương thường gợi cảm giác tin cậy và ổn định, màu xanh lá tạo sự cân bằng, màu nóng như đỏ hoặc cam nếu sử dụng quá mức có thể gây căng thẳng thị giác. Do đó, việc lựa chọn và phối hợp màu sắc cần dựa trên cả lý thuyết màu và tâm lý học người học [75]. Ở góc độ văn hóa - giáo dục, màu sắc còn mang vai trò truyền tải bản sắc dân tộc và triết lý giáo dục của từng đơn vị đào tạo. Nhiều trường học ở Việt Nam sử dụng màu đỏ và vàng như biểu tượng của tinh thần dân tộc, nhưng nếu thiếu sự tiết chế và bố trí hợp lý, có thể dễ gây ức chế thị giác trong giao diện TTTĐT. Do đó, việc phối hợp màu sắc trong TTTĐT giáo dục rất cần sự kết hợp giữa kiến thức về mỹ thuật, tâm lý học giáo dục và bối cảnh văn hóa học đường.

Trong thiết kế giao diện trang thông tin điện tử, màu sắc còn là công cụ định hướng nhận thức, truyền đạt thông tin và hình thành trải nghiệm người dùng. Đặc biệt trong bối cảnh giáo dục đại học, màu sắc góp phần xác lập bản sắc thương hiệu, hỗ trợ chức năng truy cập số, đồng thời khuyến khích hành vi học tập tích cực. Một bảng màu nhận diện hiệu quả cần đảm bảo ba tiêu chí: (1) tính nhận diện thương hiệu; (2) hỗ trợ chức năng tương tác và truy cập; (3) tạo cảm xúc tích cực trong không gian số. Bảng màu nhận diện cần được tổ chức theo một logic nhất quán, hỗ trợ người dùng định vị nhanh các khu vực chức năng như học liệu, lịch biểu, biểu mẫu, thông báo... Từ góc độ lý thuyết, Johannes Itten (1961) nhấn mạnh vai trò của các cặp đối lập màu trong định hình tri giác như sáng tối, ấm lạnh, bão hòa, giảm bão hòa... giúp thiết lập trọng tâm thị giác. Wucius Wong (1997) tiếp tục mở rộng khái niệm này khi xem màu sắc là công cụ điều hướng chú ý và tổ chức bố cục. Trong thực hành thiết kế, nguyên tắc phối màu 60-30-10 thường được áp dụng để tạo cân bằng thị giác, 60% cho màu chủ đạo, 30% cho màu phụ hỗ trợ, 10% dùng cho điểm nhấn (nút, biểu tượng...). Bên cạnh đó, tính tương phản màu là yếu tố quyết

định khả năng đọc. Đặc biệt với nhóm người dùng có thị lực yếu, độ tương phản giữa nền và chữ phải được kiểm soát. Màu nóng (đỏ, cam, vàng) thường dùng để thu hút chú ý, tạo cảm giác khẩn cấp hoặc năng lượng. Màu lạnh (xanh dương, xanh lá cây, tím) mang lại cảm giác tin cậy, thư giãn, được ưa chuộng trong giao diện học thuật. Màu trung tính (xám, trắng, đen) giúp làm nền ổn định, tôn bật các nội dung quan trọng. Tính nhất quán là nguyên tắc bắt buộc trong bảng màu nhận diện giao diện. Việc sử dụng màu sắc thiếu định hướng có thể gây rối nhận thức và làm giảm sự chuyên nghiệp của hệ thống. Mỗi màu cần có chức năng rõ ràng như màu vàng tạo cảm giác thân thiện, phù hợp với lời nhắc, màu đỏ được sử dụng hạn chế cho cảnh báo hoặc các nút hành động quan trọng (CTA), màu xanh lá mang tính sinh trưởng, đổi mới, màu xanh dương biểu trưng cho kỷ luật và tin cậy, phù hợp với khu vực tra cứu, báo cáo học tập.

Tại các trường đại học Việt Nam, mỗi cơ sở đều xây dựng bảng màu nhận diện riêng. ĐHQGHN sử dụng xanh lá gợi sự phát triển [PL2, H2.1, tr.178]. ĐHQG TP.HCM sử dụng xanh dương thể hiện tính học thuật [PL2, H2.2, tr.179]. ĐHMTVN ưu tiên nền trung tính (trắng, xám, đen) để làm nổi bật hình ảnh tác phẩm, kết hợp màu nhấn ấm (đỏ sẫm, vàng đất) liên kết không gian học vụ với không gian di sản, triển lãm [PL2, H2.3, tr.179]. Những lựa chọn này không chỉ thấy vai trò của ngữ cảnh và triết lý học thuật trong cấu trúc bảng màu nhận diện mà còn thể hiện tính nhất quán trong sử dụng màu sắc. Mỗi màu cần có chức năng rõ ràng trong giao diện, đồng thời phản ánh trạng thái tương tác như chọn, lỗi hay xác nhận. Một bảng màu nhận diện được thiết kế khoa học không chỉ nâng cao thẩm mỹ mà còn cải thiện hiệu quả sử dụng và củng cố nhận diện thương hiệu. Đối với trường ĐHQGHN, ĐHQG-HCM nếu việc tách màu giúp giữ được nhận diện chung mà vẫn đảm bảo tính linh hoạt thì trường ĐHMTVN quy định nền trung tính kết hợp màu nhấn giúp

giữ độ tương phản và tính dễ đọc. Về mặt tương tác, bảng màu nhận diện cần phản ánh trạng thái người dùng: rê chuột, nhấp chuột, trạng thái lỗi hoặc xác nhận phải có tín hiệu rõ ràng qua màu sắc, đường viền, biểu tượng và bóng đổ. Ví dụ, liên kết khi được chọn bằng bàn phím phải đồng thời đổi màu và gạch chân; lỗi nhập liệu nên kết hợp màu đỏ, biểu tượng cảnh báo và hướng dẫn xử lý [PL2, H2.4, tr.180]. Các trường đại học Việt Nam thường sử dụng màu sắc gắn với biểu tượng truyền thống và nhận diện tổ chức, trong đó các cơ sở giáo dục quốc tế như Đại học RMIT và Đại học Fulbright Việt Nam lại tiếp cận màu sắc theo hướng hệ thống hóa trải nghiệm. Đại học RMIT sử dụng bảng màu tương phản nhằm hỗ trợ điều hướng và tăng khả năng nhận diện thương hiệu toàn cầu. Đại học Fulbright Việt Nam sử dụng bảng màu trung tính, tiết chế, kết hợp với hình ảnh giàu cảm xúc để tạo nên không gian học thuật nhẹ nhàng, tập trung vào nội dung và trải nghiệm cá nhân. Sự khác biệt này phản ánh hai định hướng: màu sắc như biểu tượng tổ chức (Việt Nam) và màu sắc như công cụ điều hướng trải nghiệm (quốc tế).

Trong lĩnh vực thiết kế, mỗi bảng màu luôn cần đi kèm bộ quy chuẩn gồm: bảng màu chính, bảng màu chức năng, hướng dẫn sử dụng trên nền sáng tối, biểu đồ tương phản kiểm thử, sơ đồ màu theo kịch bản (tuyển sinh, khảo sát, thanh toán, nghiên cứu khoa học...). Những tài liệu này giúp duy trì tính nhất quán xuyên suốt toàn bộ hệ thống, đặc biệt với các trường có nhiều phân hiệu hoặc yêu cầu trình bày đa dạng. Hiệu quả của bảng màu nhận diện không chỉ đánh giá qua thẩm mỹ mà còn cần kiểm chứng qua dữ liệu sử dụng. Các chỉ số cần dõi theo dõi bao gồm tỷ lệ nhấp vào CTA theo màu, thời gian hoàn thành tác vụ, mức độ lỗi biểu mẫu, khả năng đọc ngoài trời hoặc trong lớp học. Việc thực hiện kiểm tra định kỳ và khảo sát người dùng giúp hiệu chỉnh bảng màu nhận diện phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn. Nhìn chung, màu sắc trong thiết kế giao diện không chỉ mang yếu tố thẩm mỹ mà còn là công cụ quan trọng

trong truyền thông thị giác, định hướng hành vi và tạo lập nhận diện học thuật số. Một bảng màu nhận diện được thiết kế khoa học, quản trị chặt chẽ và kiểm chứng bằng dữ liệu thực tế sẽ góp phần xây dựng môi trường học tập trực tuyến hiệu quả, thân thiện và bền vững.

2.2.4. Kiểu chữ

Kiểu chữ (typography) là thành phần cốt lõi trong truyền đạt nội dung, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đọc và trải nghiệm người dùng. Trong thiết kế giao diện giáo dục, kiểu chữ không chỉ mang tính thẩm mỹ mà còn là công cụ tổ chức thông tin và định hướng hành vi đọc. Theo Robert Bringhurst [83, tr.17], kiểu chữ là tấm gương phản chiếu tinh thần của một thời đại và theo Ellen Lupton cho rằng typography giúp ngôn ngữ trở nên hữu hình, tạo cầu nối cảm xúc giữa người gửi và người nhận thông tin [40, tr.8]. Từ những quan điểm này, có thể nhận thấy một hệ thống kiểu chữ hiệu quả cần đảm bảo các tiêu chí dễ đọc, nhất quán, có phân cấp rõ ràng và phù hợp với nhiều thiết bị. Các phong sans-serif như Arial, Helvetica, Roboto hoặc Open Sans thường được ưu tiên trong môi trường số nhờ tính rõ ràng và dễ hiển thị, trong khi nhóm serif như Times New Roman hay Georgia gợi sự truyền thống và trang trọng. Sự kết hợp linh hoạt giữa hai nhóm phong này giúp tạo nên sự cân bằng giữa thẩm mỹ và công năng. Một hệ thống typography hiệu quả phải thể hiện được phân cấp thông tin trực quan thông qua việc thay đổi kích thước, độ đậm và kiểu dáng phong chữ cho tiêu đề chính, tiêu đề phụ và nội dung, giúp người dùng định vị nhanh thông tin quan trọng và định hướng hành vi đọc. Sự nhất quán trong sử dụng kiểu chữ củng cố bản sắc trực quan của thương hiệu và tạo trải nghiệm liền mạch giữa các trang, đồng thời đảm bảo khả năng đọc trên nhiều độ phân giải và thiết bị khác nhau.

Typography còn là yếu tố biểu cảm của thương hiệu, giúp thiết lập phân cấp thông tin thông qua kích thước, độ đậm và khoảng cách, từ đó hỗ trợ người

dùng nhận diện nội dung quan trọng. Kiểu chữ đồng thời cũng góp phần xây dựng bản sắc thương hiệu và tạo cảm xúc học thuật [PL2, H2.16-2.17, tr.189-190]. Trên thực tế, các trường đại học tại Việt Nam sử dụng typography theo định hướng riêng. ĐHQGHN và ĐHQG TP.HCM ưu tiên kiểu chữ hiện đại, rõ ràng, trong khi ĐHMTVN kết hợp linh hoạt giữa serif và sans-serif nhằm tạo tính biểu đạt nghệ thuật. Như vậy, typography là sự kết hợp giữa thẩm mỹ và công năng, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả truyền đạt và trải nghiệm học tập.

Một TTTĐT giáo dục có thể có nội dung cuốn hút, màu sắc phù hợp, nhưng nếu phong chữ khó đọc thì toàn bộ trải nghiệm học tập sẽ thiếu hiệu quả. Tính thân thiện của trang thông tin điện tử không thể tách rời khỏi yếu tố chữ, một yếu tố truyền tải tri thức, nội dung dưới dạng văn bản. Theo Bernard et al. (2003), phong chữ sans-serif như Arial, Verdana, Roboto hoặc Open Sans thường mang lại trải nghiệm đọc tốt hơn trong môi trường số, đặc biệt với đối tượng học sinh - sinh viên. Các phong này đơn giản, không chân, khoảng cách ký tự hợp lý và ít bị vỡ nét trên các màn hình độ phân giải thấp [35]. Bên cạnh đó, kích thước và khoảng cách dòng chữ cũng là yếu tố quyết định đến sự dễ đọc. Một số TTTĐT hiện nay vẫn mắc lỗi phổ biến là sử dụng cỡ chữ quá nhỏ, không tương thích với các thiết bị di động - khiến người học phải phóng to, kéo chuột nhiều lần, gây mệt mỏi và phân tán chú ý. Trong giáo dục, sự thân thiện của phong chữ không chỉ ở tính dễ nhìn, mà còn là khả năng gây thiện cảm, khơi gợi cảm xúc học thuật, tăng cường khả năng tập trung.

ĐHQGHN sử dụng các phong sans-serif như Arial hoặc Archivo hiện đại, rõ ràng và dễ đọc thể hiện tính khoa học, khách quan và nghiêm túc. Hệ thống phân cấp chữ chặt chẽ giúp giao diện gọn gàng, dễ tra cứu, phù hợp với hình ảnh một đại học đa ngành. ĐHQG TPHCM sử dụng phong Geologica Bold trong bộ nhận diện thương hiệu và sử dụng linh hoạt các phong sans-serif, biểu

đạt tinh thần năng động, đổi mới và hội nhập. Cách sử dụng phông sans-serif thống nhất trên toàn hệ thống tăng tính chuyên nghiệp và đảm bảo trải nghiệm người dùng đồng bộ [PL2, H2.16, tr.189]. ĐHMTVN thể hiện đặc trưng sáng tạo bằng việc kết hợp linh hoạt giữa serif và sans-serif, tạo đối thoại thị giác giữa truyền thống và hiện đại, vừa đảm bảo tính nghệ thuật vừa duy trì khả năng đọc và tổ chức thông tin rõ ràng. Đối với trường hợp hai Đại học RMIT và Đại học Fulbright Việt Nam, kiểu thể hiện mức độ chuẩn hóa và nhất quán. Đại học RMIT sử dụng hệ thống sans-serif hiện đại với phân cấp rõ ràng, đảm bảo tính đọc nhanh và khả năng mở rộng trên nhiều nền tảng. Đại học Fulbright Việt Nam ưu tiên kiểu chữ tinh giản, khoảng cách chữ và dòng được tối ưu nhằm tạo trải nghiệm đọc thoải mái, đồng thời góp phần định hình giọng điệu học thuật mang tính đối thoại và khai phóng. So với đó, kiểu chữ tại Đại học Việt Nam tuy đảm bảo chức năng nhưng chưa khai thác hết vai trò biểu đạt và dẫn dắt trải nghiệm. Có thể thấy, kiểu chữ trong thiết kế giao diện trang thông tin điện tử là sự giao thoa giữa ngôn ngữ tạo hình, thẩm mỹ và công năng. Một hệ thống kiểu chữ được xây dựng khoa học, nhất quán và được kiểm chứng qua trải nghiệm người dùng sẽ nâng cao hiệu quả truyền thông, củng cố nhận diện thương hiệu học thuật, đồng thời kiến tạo trải nghiệm học tập số nhân văn và truyền cảm hứng [PL2, H2.17, tr.190].

2.2.5. Giao diện

Giao diện là không gian tích hợp các yếu tố tạo hình và công cụ tương tác, đóng vai trò kết nối giữa người dùng và hệ thống số. Trong trang thông tin điện tử, giao diện bao gồm toàn bộ những gì người dùng nhìn thấy và thao tác, từ bố cục, màu sắc đến các thành phần tương tác. Giao diện được cấu thành bởi hai yếu tố chính gồm UI và UX. UI tập trung vào hình thức, trong khi UX hướng đến cảm nhận và hiệu quả sử dụng. Một thiết kế tốt là khi người dùng có thể tương tác một cách tự nhiên mà không cần chú ý đến cấu trúc giao

diện. Trong môi trường giáo dục, giao diện cần đảm bảo tính rõ ràng, dễ truy cập, tương thích đa thiết bị và phản ánh bản sắc học thuật. Đồng thời, cần tích hợp các yếu tố tương tác như hệ thống học tập, tài khoản người dùng và công cụ hỗ trợ.

Theo Don Norman (2013), thiết kế tốt phù hợp đến mức người dùng không còn để ý đến sự tồn tại của giao diện, ngược lại thiết kế kém dễ bị nhận diện bởi gây cản trở hoặc khiến người dùng mất phương hướng. Trong thiết kế giao diện TTTĐT giáo dục, yếu tố then chốt không chỉ nằm ở mặt thẩm mỹ, mà còn ở tính cấu trúc rõ ràng, điều hướng trực quan và nhận diện nhất quán. Điều này đặc biệt quan trọng khi người dùng thuộc nhiều nhóm đối tượng khác nhau như học sinh, sinh viên, phụ huynh, giảng viên, với mức độ hiểu biết công nghệ và nhu cầu sử dụng khác biệt. Một giao diện hiệu quả cần đáp ứng các yêu cầu về khả năng đọc (sử dụng kiểu chữ sans-serif hiện đại, cỡ chữ hợp lý, khoảng cách dòng thoáng đãng), bố cục tối giản, phân cấp thông tin rõ ràng (giúp người dùng nhanh chóng tìm thấy thông tin cần thiết mà không bị nhiễu loạn nhìn), tương thích đa thiết bị (hiển thị tốt trên các thiết bị từ máy tính đến điện thoại di động), khả năng tiếp cận (hỗ trợ người dùng có nhu cầu đặc biệt như thị lực yếu, sử dụng bàn phím thay chuột, tăng cường độ tương phản hoặc có văn bản thay thế cho hình ảnh), thể hiện bản sắc (màu sắc, hình ảnh, phong cách thiết kế cần phản ánh đúng triết lý giáo dục và giá trị học thuật của tổ chức). Đặc biệt trong môi trường giáo dục, giao diện còn cần tích hợp các yếu tố cá nhân hóa và tương tác, như hệ thống quản lý học tập (LMS), tài khoản người học, chatbot tư vấn, hay diễn đàn học thuật. Khi được thiết kế mạch lạc, các thành phần này không chỉ tăng tính gắn bó mà còn nâng cao hiệu quả học tập và sự chuyên nghiệp trong mắt người dùng.

Thực tiễn cho thấy các trường đại học Việt Nam đang chuyển hướng sang thiết kế giao diện hiện đại, tối giản và hiệu quả. ĐHQGHN và ĐHQG

TP.HCM cho thấy xu hướng thiết kế giao diện theo hướng hiện đại, tối giản và hiệu quả. Các trang thông tin điện tử này sử dụng bảng màu nhã nhặn, kiểu chữ sans-serif rõ ràng, bố cục tuyến tính dễ theo dõi và hệ thống điều hướng phân tầng hợp lý. Trọng tâm của giao diện là cung cấp thông tin học thuật như đào tạo, tuyển sinh, thông báo, tài liệu với tốc độ truy cập ổn định và khả năng truy cập đa thiết bị. Nhờ đó, hình ảnh thương hiệu của các trường được củng cố thông qua sự nhất quán và chuyên nghiệp trong thiết kế [PL2, H2.27, H2.28, tr.195-196]. Trong khi đó, ĐHMTVN có xu hướng nhấn mạnh yếu tố thị giác nhưng vẫn duy trì tính công năng. Giao diện vì vậy không chỉ là diện mạo số mà còn là cấu trúc tổ chức tri thức và trải nghiệm học tập [PL2, H2.29, tr.197]. Hai trường Đại học quốc tế RMIT và Fulbright Việt Nam thể hiện rõ sự chuyển dịch từ trang thông tin sang nền tảng trải nghiệm học thuật. Đại học RMIT xây dựng giao diện theo hướng hệ thống, đồng bộ và tối ưu hành vi người dùng, với các luồng tương tác rõ ràng và hiệu quả. Đại học Fulbright Việt Nam lại hướng đến trải nghiệm cá nhân hóa, nhấn mạnh yếu tố cảm xúc và câu chuyện học tập, tạo ra sự kết nối giữa người dùng và môi trường giáo dục. Sự khác biệt này cho thấy giao diện không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn là biểu hiện của triết lý giáo dục.

Với những phân tích trên cho thấy, giao diện không chỉ là diện mạo của tổ chức giáo dục, mà còn là nơi tổ chức tri thức, định hình trải nghiệm và thể hiện bản sắc. Một giao diện được thiết kế tốt sẽ cho phép người sử dụng tập trung hoàn toàn vào nội dung, không bị phân tâm bởi cách thức trình bày. Trong bối cảnh giáo dục số, nơi mà thông tin không ngừng biến đổi và người dùng luôn kỳ vọng vào sự tiện lợi, trực quan, thì giao diện chính là chìa khóa để kết nối con người với tri thức và là biểu tượng của năng lực chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Ngôn ngữ tạo hình đóng vai trò trung tâm trong việc truyền đạt nội dung

giáo dục trong môi trường số. Các yếu tố như màu sắc, hình ảnh, bố cục và kiểu chữ không chỉ hỗ trợ trình bày thông tin, các yếu tố tạo hình còn góp phần tổ chức tri thức, kích thích nhận thức và nâng cao hiệu quả học tập. Giúp thu hút sự chú ý, dẫn dắt người học đến nội dung trọng tâm và hỗ trợ quá trình ghi nhớ. Theo thuyết mã hóa kép, việc kết hợp thông tin hình ảnh và văn bản giúp tăng hiệu quả tiếp nhận so với chỉ sử dụng một kênh. Trong bối cảnh giáo dục trực tuyến, nơi người học dễ bị phân tán, ngôn ngữ tạo hình đóng vai trò như một công cụ định hướng nhận thức và duy trì sự tập trung. Khi được tổ chức hợp lý, ngôn ngữ tạo hình không chỉ nâng cao hiệu quả truyền đạt mà còn tạo ra trải nghiệm học tập tích cực và bền vững.

Theo thuyết mã hóa kép của Allan Paivio (1991), trí óc con người xử lý thông tin thông qua hai kênh riêng biệt: một kênh xử lý thông tin bằng ngôn ngữ (lời nói, văn bản) và một kênh xử lý thông tin phi ngôn ngữ (hình ảnh, biểu tượng) [51]. Nghiên cứu của Mayer & Moreno (2002) cũng chứng minh rằng người học tiếp thu hiệu quả hơn khi nội dung được trực quan hóa bằng sơ đồ, biểu đồ hay hình minh họa. Việc kết hợp chữ và hình giúp giảm tải nhận thức, làm rõ mối quan hệ giữa các phần kiến thức và đặc biệt hữu ích với các khái niệm trừu tượng. Ngôn ngữ tạo hình có khả năng khơi gợi trí nhớ dài hạn, bởi hình ảnh thường được ghi nhớ tốt hơn văn bản. Theo nghiên cứu của Nelson, Reed & Walling (1976), tỷ lệ ghi nhớ hình ảnh sau 72 giờ đạt tới 65%, trong khi với văn bản chỉ khoảng 10%. Điều này đặc biệt quan trọng trong giáo dục, nơi mục tiêu không chỉ là tiếp nhận tạm thời mà còn là lưu giữ và vận dụng tri thức. Việc sử dụng biểu tượng quen thuộc, màu sắc phân cấp rõ ràng hoặc minh họa trực quan giúp củng cố trí nhớ và kích thích khả năng liên tưởng. Với những lĩnh vực học thuật trừu tượng như khoa học, triết học hay lịch sử, hình ảnh, mô hình 3D hoặc sơ đồ tư duy giúp người học hình dung rõ cấu trúc và mối liên hệ nhân quả giữa các khái niệm, từ đó tăng cường năng lực tổng hợp và hệ thống

hóa kiến thức.

Một vai trò khác không kém phần quan trọng là khả năng giảm tải nhận thức. Dựa trên lý thuyết nhận thức của John Sweller (1998) [54], khi người học phải xử lý lượng lớn thông tin văn bản, khả năng tiếp thu giảm đáng kể. Việc chuyển đổi thông tin sang dạng hình ảnh, biểu tượng hay màu sắc giúp phân bổ thông tin qua nhiều kênh cảm giác khác nhau, giảm áp lực cho trí nhớ ngắn hạn và tăng cường khả năng hiểu sâu. Ngoài ra, ngôn ngữ tạo hình còn có tác động mạnh đến cảm xúc học tập, giao diện có tính thẩm mỹ, được thiết kế hài hòa giữa hình thức và chức năng, sẽ tạo cảm giác thoải mái, hứng thú và khuyến khích sự tương tác tích cực. Nghiên cứu của Tractinsky, Katz & Ikar (2000) về hiệu ứng thẩm mỹ và tính ứng dụng cho thấy người dùng thường đánh giá hệ thống có thiết kế đẹp là dễ sử dụng hơn, ngay cả khi chức năng tương đương. Trong môi trường giáo dục, ấn tượng thẩm mỹ tích cực không chỉ tăng khả năng tiếp nhận thông tin mà còn kéo dài thời gian tương tác và cải thiện hiệu quả học tập. Bên cạnh đó, ngôn ngữ tạo hình góp phần đa dạng hóa phong cách học tập, đặc biệt đối với nhóm người học thiên về thị giác trong mô hình VARK của Fleming (2001). Các yếu tố màu sắc, biểu đồ, minh họa, thiết kế đồ họa giúp cá nhân hóa trải nghiệm học tập, hỗ trợ người học tiếp thu sâu hơn và phát triển kỹ năng tư duy trực quan.

Bên cạnh đó, ngôn ngữ tạo hình mang tính phổ quát giúp các nền tảng giáo dục vượt qua rào cản ngôn ngữ và văn hóa. Các biểu tượng trực quan như kính lúp cho chức năng tìm kiếm, hình người cho tài khoản cá nhân, hoặc đồng hồ cho tiến độ học tập đều mang nghĩa toàn cầu, giúp mọi đối tượng người dùng dù khác biệt về ngôn ngữ hay khả năng đọc hiểu đều có thể thao tác dễ dàng. Điều này làm tăng khả năng tiếp cận của hệ thống giáo dục trực tuyến trong phạm vi quốc tế. Ngôn ngữ tạo hình cũng góp phần định vị thương hiệu và uy tín học thuật của tổ chức giáo dục. Một trang thông tin điện tử được thiết kế nhất

quán với bảng màu nhận diện thương hiệu, kiểu chữ đồng bộ, bố cục đẹp và hình ảnh chuyên nghiệp sẽ tạo dựng niềm tin và ấn tượng mạnh về năng lực tổ chức. Báo cáo của Ruffalo Noel Levitz (2014) cho thấy 76% sinh viên tiềm năng đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục dựa trên TTTĐT của trường, khẳng định vai trò chiến lược của thiết kế thị giác trong quảng bá và xây dựng thương hiệu học thuật. Như vậy, ngôn ngữ tạo hình trong thiết kế trang thông tin điện tử giáo dục là yếu tố trung tâm trong việc truyền đạt tri thức một cách hiệu quả và bền vững. Nó không chỉ thu hút sự chú ý, hỗ trợ ghi nhớ và giảm tải nhận thức, mà còn kích thích cảm xúc học tập, mở rộng khả năng tiếp cận và củng cố hình ảnh thương hiệu của cơ sở đào tạo. Trong bối cảnh giáo dục số hiện nay, việc kết hợp chặt chẽ giữa nội dung sư phạm, công nghệ và ngôn ngữ tạo hình là điều kiện cần để xây dựng một trải nghiệm học tập toàn diện, hấp dẫn và có chiều sâu.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, thiết kế trang thông tin điện tử trở thành một tiêu chí phản ánh chất lượng trải nghiệm học thuật trong môi trường số. Nội dung này tập trung đánh giá mức độ hiệu quả của các thiết kế của các đơn vị đại học trên phương diện nghệ thuật và trải nghiệm người dùng.

Theo Norman (2002), một thiết kế tốt là sự cân bằng giữa tính hữu dụng và yếu tố thẩm mỹ, trong đó trải nghiệm người dùng được nâng cao thông qua sự hài hòa giữa hai yếu tố này. Dewey (1934) nhấn mạnh rằng giá trị nghệ thuật không chỉ nằm ở hình thức mà ở trải nghiệm tương tác mà đối tượng tạo ra. Áp dụng vào thiết kế giao diện, yếu tố nghệ thuật của TTTĐT không chỉ thể hiện ở bố cục, màu sắc, kiểu chữ mà còn thể hiện ở việc tạo ra một trải nghiệm có ý nghĩa đối với người dùng. Dựa trên khung tiêu chí đã xây dựng ở chương 1, việc đánh giá được triển khai theo bốn phương diện: tính thẩm mỹ, tính khả dụng, tính sáng tạo và hiệu quả nội dung.

Về tính thẩm mỹ, có thể nhận thấy sự khác biệt rõ giữa các nhóm trường. ĐHQGHN đạt mức ổn định và chuẩn mực, phù hợp với môi trường học thuật.

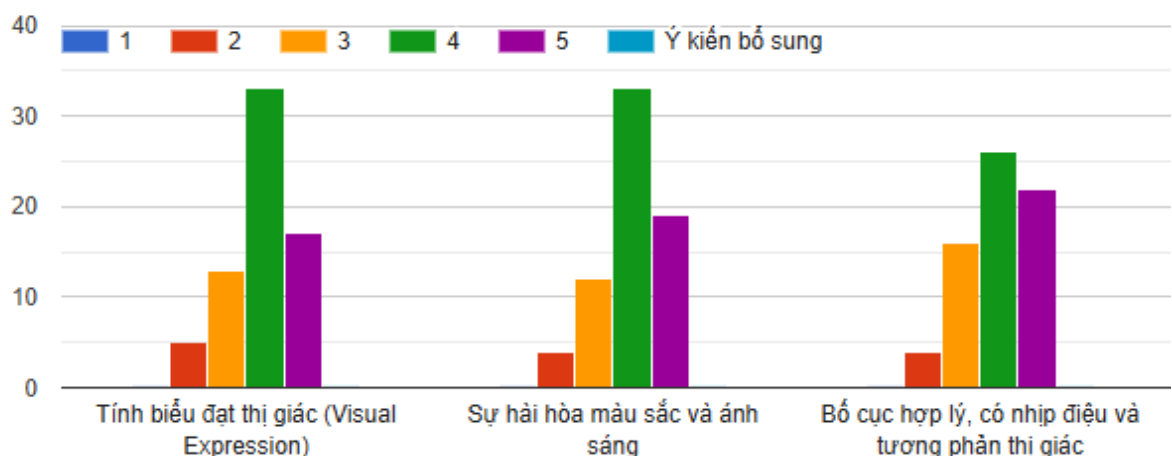
ĐHQG TP.HCM thể hiện linh hoạt và tính hiện đại, giúp giao diện trở nên dễ tiếp cận hơn. ĐHMTVN thiên về biểu đạt thẩm mỹ, thể hiện bản sắc nghệ thuật. Đại học RMIT đạt sự cân bằng giữa thẩm mỹ và công năng và Đại học Fulbright nổi bật ở khả năng tạo trải nghiệm thị giác. Về tính khả dụng, sự khác biệt thể hiện rõ hơn. Các trường trong nước nhìn chung đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin nhưng vẫn phụ thuộc vào cấu trúc hệ thống. ĐHQG TP.HCM là trường có sự linh hoạt hơn về khả năng truy cập và tính linh hoạt. ĐHMTVN gặp hạn chế do yếu tố hình ảnh và bố cục ảnh hưởng đến tốc độ và khả năng sử dụng. Trong khi đó, Đại học RMIT thể hiện tốt nhờ tổ chức giao diện theo hành vi, còn Đại học Fulbright tuy không tối ưu thao tác nhanh nhưng vẫn đảm bảo trải nghiệm mượt và dễ tiếp cận. Ở phương diện sáng tạo, ĐHQGHN ưu tiên tính chuẩn mực, ĐHQG TP.HCM thể hiện sự đổi mới thông qua các yếu tố tương tác và trình bày linh hoạt. ĐHMTVN đạt mức cao nhất về biểu đạt sáng tạo, nhưng thiên về hình thức hơn là trải nghiệm sử dụng. Đại học RMIT thể hiện sáng tạo ở cách tích hợp hệ thống và tối ưu hóa thao tác và Đại học Fulbright nổi bật ở cách tổ chức nội dung theo hướng trải nghiệm và cảm nhận. Về hiệu quả nội dung, các trường đại học Việt Nam có lợi thế về độ đầy đủ và tính hệ thống, nhưng cách trình bày còn thiên về tuyến tính, thiếu các hình thức dẫn dắt. ĐHQG TP.HCM cho thấy sự cải thiện khi nội dung được tổ chức gần với nhu cầu người dùng hơn. ĐHMTVN có nội dung giàu tính nghệ thuật nhưng chưa thực sự tối ưu cho tra cứu. Trong khi đó, Đại học RMIT đạt hiệu quả cao nhờ gắn nội dung với hành động cụ thể, Đại học Fulbright tạo ra trải nghiệm tiếp nhận tốt nhờ cách trình bày có nhịp điệu và tính liên kết. Từ việc đánh giá theo bốn tiêu chí, có thể thấy mỗi trường đạt được sự cân bằng khác nhau. Các trường đại học Việt Nam thiên về tính ổn định và hệ thống, phù hợp với quản lý học thuật, nhưng hạn chế ở trải nghiệm. Đại học RMIT đại diện cho hướng tối ưu hiệu quả sử dụng, Đại học Fulbright hướng đến trải nghiệm tiếp nhận có chiều sâu. Điểm đáng chú ý là tính nghệ thuật trong thiết kế không đồng nghĩa

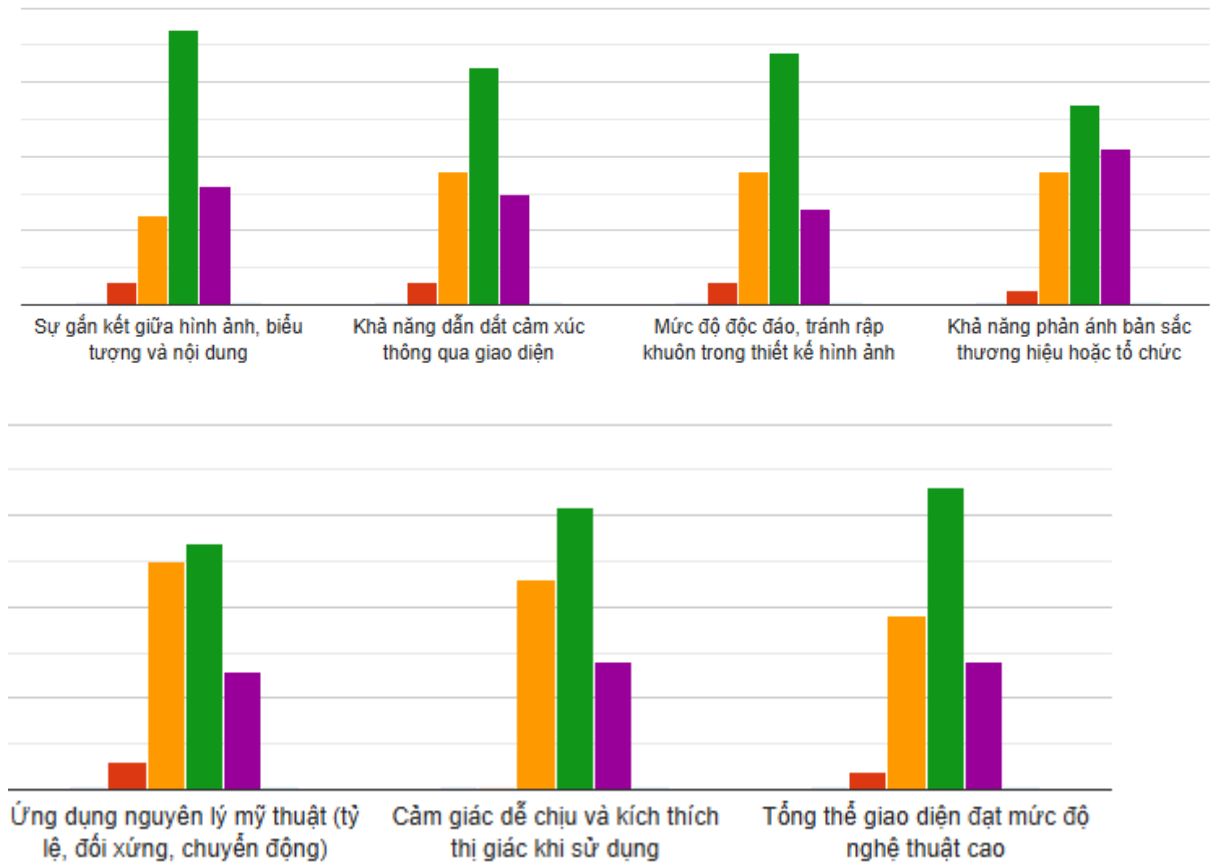
về hình thức, mà ở khả năng kết nối giữa người dùng và nội dung. Một giao diện có tính nghệ thuật cao là giao diện tạo ra được trải nghiệm rõ ràng, có nhịp điệu và phù hợp với bối cảnh sử dụng.

Khảo sát của đề tài từ các chuyên gia cũng cho thấy tiêu chí nghệ thuật trong thiết kế trang thông tin điện tử được đánh giá ở mức khá tốt. Các yếu tố nghệ thuật được đánh giá dựa trên tính biểu đạt thị giác, sự hài hòa màu sắc và ánh sáng, bố cục hợp lý, có nhịp điệu và tương phản thị giác, sự gắn kết giữa hình ảnh, biểu tượng và nội dung, khả năng dẫn dắt cảm xúc thông qua giao diện, mức độ độc đáo, tránh rập khuôn trong thiết kế hình ảnh, khả năng phản ánh bản sắc thương hiệu hoặc tổ chức, ứng dụng nguyên lý mỹ thuật, cảm giác dễ chịu và kích thích thị giác, tổng thể giao diện đạt mức độ nghệ thuật cao.

Qua đánh giá, các tiêu chí đều được lựa chọn ở mức tốt chiếm đa số. Trong đó một số tiêu chí được đánh giá ở mức tốt với nhiều ý kiến thống nhất nhất, đó là: tính biểu đạt thị giác, sự hài hòa màu sắc và ánh sáng, sự gắn kết giữa hình ảnh, biểu tượng và nội dung, tổng thể giao diện đạt mức độ nghệ thuật cao.

**Biểu đồ 2.1. Đánh giá tiêu chí nghệ thuật trong giao diện
trang thông tin điện tử
(Thang điểm 1 - Rất yếu | 5 - Xuất sắc)**





Bên cạnh đó, cũng còn một số tiêu chí chưa được thực hiện tốt như: khả năng phản ánh bản sắc thương hiệu và tổ chức, khả năng dẫn dắt cảm xúc thông qua giao diện.

Như vậy, có thể khẳng định rằng thiết kế giao diện trang thông tin điện tử trong giáo dục đại học là sự kết hợp giữa thẩm mỹ, công năng và trải nghiệm. Hiệu quả của thiết kế không phụ thuộc vào việc áp dụng một phong cách cụ thể, mà phụ thuộc vào mức độ phù hợp với triết lý giáo dục và đối tượng người dùng. Trong bối cảnh chuyển đổi số, xu hướng thiết kế không chỉ dừng ở việc cải thiện hình thức mà hướng đến việc tổ chức trải nghiệm học tập trong không gian số, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hình ảnh học thuật của các cơ sở đào tạo cũng như khẳng định thương hiệu và bản sắc của tổ chức. Các trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học đang được thiết kế ngày càng có tính thẩm mỹ cao, có sự hài hòa, gắn kết giữa hình ảnh, biểu tượng

và nội dung, chú trọng đến cảm nhận thẩm mỹ của người dùng. Tuy nhiên, với vai trò không chỉ là nơi tương tác, trao đổi thông tin mà còn là nơi thể hiện bản sắc, thương hiệu, giá trị văn hóa, triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo, các trang thông tin điện tử cần đầu tư chiều sâu hơn nữa trong các thiết kế giao diện.

Tiểu kết

Chương 2 đã triển khai phân tích và đánh giá ngôn ngữ tạo hình, phong cách thiết kế và hiệu quả thẩm mỹ của trang thông tin điện tử trong bối cảnh giáo dục đại học, trên cơ sở kết hợp giữa khung lý thuyết và khảo sát thực tiễn. Thông qua việc đối chiếu năm trường đại học tiêu biểu gồm Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP.HCM, Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Đại học RMIT và Đại học Fulbright Việt Nam, chương này đã làm rõ mối quan hệ giữa thiết kế giao diện, triết lý giáo dục và trải nghiệm người học trong môi trường số.

Trước hết, về phương diện ngôn ngữ tạo hình, các yếu tố như bố cục, màu sắc, kiểu chữ và hình ảnh không chỉ đảm nhiệm chức năng tổ chức thông tin mà còn góp phần kiến tạo bản sắc thị giác cho từng cơ sở đào tạo. Sự khác biệt trong cách sử dụng các yếu tố này cho thấy mỗi trường đều có một chiến lược thiết kế riêng, gắn với định hướng phát triển và đối tượng người dùng. Nếu các trường đại học Việt Nam ưu tiên tính ổn định, rõ ràng và chuẩn mực, thì các trường quốc tế thể hiện xu hướng linh hoạt hơn, chú trọng vào trải nghiệm và khả năng tương tác. Về phong cách thiết kế, kết quả phân tích cho thấy có sự phân hóa thành ba nhóm tư duy chính. Nhóm thứ nhất là thiết kế theo cấu trúc hệ thống, đại diện bởi các trường đại học trong nước, với đặc trưng là tổ chức thông tin theo phân tầng rõ ràng và ưu tiên tính chính xác. Nhóm thứ hai là thiết kế dựa trên hành vi người dùng, tiêu biểu là Đại học RMIT, trong đó giao diện được xây dựng nhằm tối ưu hóa thao tác và hiệu quả sử dụng. Nhóm thứ ba là thiết kế theo trải nghiệm, đại diện bởi Đại học Fulbright, nhấn mạnh cách người dùng tiếp nhận và cảm nhận thông tin thông

qua nhịp điệu thị giác và dòng chảy nội dung. Ba hướng tiếp cận này phản ánh các cấp độ phát triển khác nhau trong tư duy thiết kế giao diện giáo dục đại học hiện nay. Trên phương diện đánh giá, việc áp dụng các tiêu chí về thẩm mỹ, khả dụng, sáng tạo và hiệu quả nội dung cho thấy mỗi trường đạt được sự cân bằng khác nhau giữa các yếu tố này. Các trường đại học Việt Nam có ưu thế về tính hệ thống và độ ổn định, nhưng còn hạn chế trong việc nâng cao trải nghiệm và tính sáng tạo. Ngược lại, RMIT đạt hiệu quả cao về khả dụng và tổ chức thông tin, trong khi Fulbright nổi bật ở khả năng tạo trải nghiệm tiếp nhận có chiều sâu. Điều này cho thấy tính nghệ thuật trong thiết kế giao diện không chỉ nằm ở hình thức mà còn ở khả năng tạo ra một trải nghiệm phù hợp với nhu cầu và bối cảnh sử dụng.

Như vậy, thiết kế trang thông tin điện tử trong giáo dục đại học không thể được xem như một giải pháp kỹ thuật thuần túy, mà cần được tiếp cận như một hoạt động thiết kế tổng hợp, kết nối giữa thẩm mỹ, công nghệ và trải nghiệm người dùng. Hiệu quả của giao diện phụ thuộc vào mức độ phù hợp giữa phong cách thiết kế với triết lý giáo dục và đối tượng người học, thay vì việc áp dụng một mô hình chung. Từ đó, có thể nhận thấy xu hướng phát triển của thiết kế giao diện giáo dục đại học đang chuyển từ mô hình “công thông tin” sang mô hình “không gian trải nghiệm”. Sự chuyển dịch này không chỉ thay đổi cách tổ chức thông tin mà còn tác động đến cách người học tiếp cận, tương tác và hình thành nhận thức trong môi trường số. Đây cũng là cơ sở quan trọng để luận án tiếp tục đề xuất các định hướng và giải pháp thiết kế phù hợp trong các chương tiếp theo, nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm học tập và xây dựng bản sắc học thuật trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

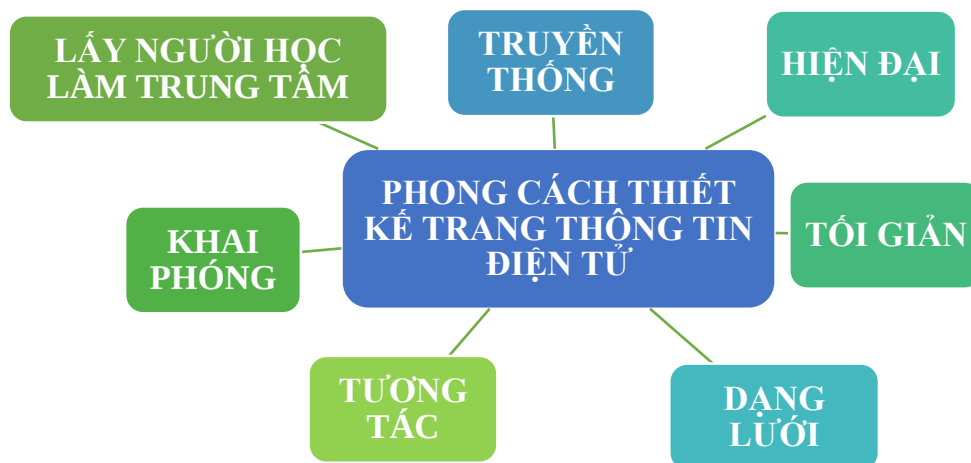
Chương 3

PHONG CÁCH, ĐẶC TRƯNG, GIÁ TRỊ VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

3.1. Phong cách thiết kế trang thông tin điện tử tại một số đại học tiêu biểu ở Việt Nam

3.1.1. Nhận định chung về các phong cách thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục

Thiết kế trang thông tin điện tử không chỉ là sự sắp đặt nội dung và hình ảnh, mà còn là một quá trình sáng tạo nhằm tối ưu trải nghiệm người dùng và truyền tải bản sắc thương hiệu của cơ sở giáo dục. Mỗi phong cách thiết kế phản ánh một triết lý thẩm mỹ và chiến lược giao tiếp riêng, góp phần định hình cách người học, giảng viên và công chúng tiếp cận thông tin trong môi trường số. Việc nhận diện và vận dụng đúng phong cách giúp hệ thống thông tin giáo dục trở nên hấp dẫn, hiệu quả và phù hợp với mục tiêu truyền thông của tổ chức.



Sơ đồ 3.1: Phong cách thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục

- Phong cách truyền thống

Phong cách thiết kế truyền thống trong trang thông tin điện tử là sự kế

thừa và vận dụng các nguyên tắc thiết kế kinh điển, nhấn mạnh tính tin cậy, trang trọng và khả năng đọc dễ dàng. Phong cách này hướng đến việc tạo dựng cảm giác quen thuộc, ổn định và bền vững cho người dùng, đồng thời thể hiện hình ảnh chuyên nghiệp của tổ chức. Đặc trưng của phong cách truyền thống thể hiện qua bố cục có trật tự, thường dựa trên hệ thống lưới chuẩn mực, giúp sắp xếp các khối nội dung cân đối và logic. Giao diện ưu tiên bảng màu trung tính như trắng, xám, xanh đậm hoặc be nhạt, tạo cảm giác hài hòa và nhã nhặn. Kiểu chữ có chân (serif) như Times New Roman hay Georgia được sử dụng phổ biến nhằm gợi lên tính học thuật, sự nghiêm túc và độ tin cậy trong truyền đạt thông tin. Các yếu tố đồ họa, hiệu ứng động hoặc chuyển cảnh được tiết chế ở mức tối thiểu, giúp trang thông tin điện tử tải nhanh và tập trung vào nội dung. Chính sự giản dị và ổn định này khiến phong cách truyền thống trở thành lựa chọn phù hợp cho các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan nhà nước hoặc các trang tin học thuật, nơi cần thể hiện uy tín, chuẩn mực và sự nghiêm cẩn. So với các xu hướng thiết kế đương đại, phong cách truyền thống vẫn giữ được giá trị lâu bền nhờ sự nhất quán, rõ ràng và khả năng định hướng người dùng hiệu quả. Nhờ sự quen thuộc và tính ổn định trong tổ chức thông tin, phong cách này giúp người truy cập dễ dàng điều hướng, đọc hiểu và tin tưởng vào nội dung được trình bày, từ đó tạo nên một trải nghiệm ổn định và đáng tin cậy trong môi trường số.

- Phong cách hiện đại

Phong cách hiện đại là sự kết hợp hài hòa giữa tinh thần tối giản, tính công năng và ứng dụng công nghệ tiên tiến. Triết lý của phong cách hiện đại đặt người dùng làm trung tâm, nhấn mạnh tính dễ sử dụng, khả năng truy cập đa nền tảng và bố cục logic dựa trên lưới. Màu sắc trong thiết kế hiện đại có độ tương phản cao, đi cùng các phông sans-serif mạnh mẽ để đảm bảo tính rõ ràng và phân cấp thông tin hiệu quả. Các yếu tố hình ảnh, video, chuyển động và

thiết kế đáp ứng được sử dụng có chừng mực, nhằm tạo nên giao diện sinh động, linh hoạt nhưng không rườm rà. Phong cách hiện đại thường được áp dụng cho các trường đại học định hướng nghiên cứu, đổi mới và hội nhập quốc tế, thể hiện tinh thần khoa học, sáng tạo và chuyên nghiệp.

- Phong cách tối giản

Phong cách tối giản hay phong cách thiết kế tối giản đề cao sự tinh gọn, loại bỏ yếu tố thừa để tập trung vào nội dung và chức năng cốt lõi. Dựa trên triết lý “Less is more” của Ludwig Mies van der Rohe, phong cách này hướng đến giao diện gọn gàng, dễ đọc và trực quan. Sự tinh giản được thể hiện qua việc sử dụng khoảng trắng có chủ đích, bảng màu trung tính kết hợp một màu nhấn, kiểu chữ sans-serif rõ ràng và bố cục cân đối. Trong lĩnh vực giáo dục, phong cách tối giản giúp người học dễ tập trung vào nội dung, giảm tải nhận thức và tạo cảm giác chuyên nghiệp, đáng tin cậy. Tuy nhiên, để tránh đơn điệu, nhà thiết kế cần đảm bảo mỗi chi tiết đều có mục đích rõ ràng và đóng góp vào trải nghiệm tổng thể.

- Phong cách lấy người dùng làm trung tâm

Phong cách lấy người dùng làm trung tâm (User-Centered Design - UCD) không chỉ là một phong cách mà còn là một triết lý thiết kế xuyên suốt. Trọng tâm của UCD là nhu cầu, hành vi và trải nghiệm của người dùng thực tế, được xác định thông qua nghiên cứu, khảo sát và thử nghiệm liên tục. Quy trình thiết kế xoay quanh việc tạo ra giao diện trực quan, dễ hiểu và có khả năng phản hồi cao, đảm bảo mọi tính năng đều phục vụ mục tiêu học tập, tra cứu và tương tác của người dùng. Phong cách này thể hiện rõ tinh thần nhân văn trong thiết kế số, giúp trang thông tin điện tử trở thành không gian học tập thân thiện, đồng thời nâng cao uy tín học thuật và sự hài lòng của người sử dụng.

- Phong cách dạng lưới

Phong cách dạng lưới (Grid-based Design) là phương pháp sắp xếp nội

dung dựa trên hệ thống hàng và cột, tạo khung cấu trúc ổn định cho bố cục trang. Hệ thống lưới giúp các thành phần như văn bản, hình ảnh, video, biểu tượng được căn chỉnh chính xác, tạo cảm giác cân bằng và dễ định hướng. Nhờ cấu trúc rõ ràng, phong cách này hỗ trợ người dùng quét thông tin nhanh chóng, đồng thời đảm bảo khả năng hiển thị tốt trên mọi thiết bị. Thiết kế dạng lưới cũng giúp tiêu chuẩn hóa các thành phần giao diện, nâng cao tính đồng bộ và hiệu quả trong phát triển TTTĐT. Tuy nhiên, việc sử dụng lưới cần linh hoạt; kết hợp các bố cục bất đối xứng hoặc phân cấp để tạo điểm nhấn thị giác và tránh sự cứng nhắc.

- Phong cách tương tác

Phong cách tương tác (Interaction Design - IxD) tập trung vào việc tạo nên các trải nghiệm số có ý nghĩa thông qua hành vi và phản hồi giữa người dùng và hệ thống. Thay vì chỉ chú trọng hình thức, phong cách này quan tâm đến cách người dùng thao tác nhấp, cuộn, rê chuột, nhập liệu và phản ứng của giao diện đối với mỗi hành động đó. Mỗi yếu tố tương tác như nút bấm, menu, biểu mẫu hay hiệu ứng chuyển động đều được thiết kế nhằm đảm bảo thông tin phản hồi rõ ràng, mượt mà và nhất quán. Việc áp dụng hiệu ứng động, phản hồi màu sắc hay các chuyển tiếp tinh tế không chỉ nâng cao tính thẩm mỹ mà còn giúp người dùng cảm nhận trang thông tin như một môi trường sống động, thân thiện và trực quan. Trong bối cảnh giáo dục trực tuyến, thiết kế tương tác góp phần tăng cường tính trải nghiệm, giúp người học chủ động hơn trong hành trình tiếp nhận tri thức.

- Phong cách thiết kế khai phóng

Phong cách thiết kế khai phóng không phải một thể loại chuẩn mực trong phân loại giao diện, mà là cách gọi ẩn dụ gắn với tinh thần tự do, thử nghiệm của giáo dục khai phóng. Trọng tâm không nằm ở một bộ quy tắc hình thức cố định, mà ở tư duy phá cách có kiểm soát, ưu tiên khám phá ý tưởng, chấp nhận

rủi ro thẩm mỹ và cho phép nhiều khả thể trình bày để khơi gợi tư duy phản biện. Giao diện theo hướng này có thể sử dụng bố cục phi đối xứng, nhịp điệu khoảng trắng bất quy tắc, kết hợp kiểu chữ đa giọng và tương phản màu nhằm tạo điểm nhấn khái niệm; có thể đan xen hình ảnh, minh họa, hoặc chuyển động vi mô như một lớp nghĩa bổ sung cho nội dung. Tuy khuyến khích sự tự do sáng tạo, thử nghiệm nhưng thiết kế khai phóng vẫn phải tuân thủ các quy định về việc xây dựng một trang thông tin điện tử như dễ hiểu, điều hướng rõ ràng, khả năng truy cập... Vì vậy, nguyên tắc vận hành là thử nghiệm trong giới hạn, sáng tạo được biện minh bằng mục tiêu học thuật, có hệ thống phân cấp thông tin minh bạch, kiểm tra thông tin với người dùng thật và sẵn sàng hiệu chỉnh khi phá cách làm suy giảm tính rõ ràng. Kết quả của phong cách này là một trải nghiệm khác biệt, kích thích khám phá và đối thoại tri thức.

Nhìn chung, các phong cách thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đều hướng đến mục tiêu chung là tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, truyền tải thông tin học thuật và tạo dựng hình ảnh thương hiệu của cơ sở đào tạo. Việc lựa chọn phong cách phù hợp phụ thuộc vào đặc trưng tổ chức, nhóm người dùng mục tiêu và chiến lược truyền thông của từng đơn vị. Trong bối cảnh chuyển đổi số, một giao diện được thiết kế hài hòa giữa thẩm mỹ, công năng và tính nhân văn sẽ không chỉ là công cụ cung cấp thông tin, mà còn là không gian tri thức, sáng tạo và kết nối trong môi trường giáo dục đại học hiện đại.

3.1.2. Phong cách thiết kế trang thông tin điện tử của một số trường đại học ở Việt Nam hiện nay

3.1.2.1. Đại học Quốc gia Hà Nội

ĐHQGHN là một trong hai hệ thống đại học công lập trọng điểm quốc gia, biểu trưng cho tinh thần tiên phong và đổi mới trong lĩnh vực giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học của Việt Nam. Tiền thân của trường là Viện Đại học Đông Dương, được thành lập năm 1906, sau đó phát triển thành Trường

Đại học Quốc gia Việt Nam dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau Cách mạng tháng Tám, và được tái lập vào năm 1993 trên cơ sở hợp nhất nhiều trường đại học hàng đầu tại Hà Nội. Quá trình hình thành này thể hiện tính kế thừa và phát triển liên tục của một mô hình đại học đa ngành, đa lĩnh vực, gắn với lịch sử và tiến trình phát triển của giáo dục Việt Nam hiện đại. Hiện nay, ĐHQGHN bao gồm nhiều trường đại học thành viên và viện nghiên cứu chuyên ngành như Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Kinh tế, Đại học Công nghệ, Đại học Giáo dục và Đại học Y Dược. Hệ thống này tạo nên một mạng lưới đào tạo và nghiên cứu liên ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho nhiều lĩnh vực, từ khoa học tự nhiên, công nghệ, y học đến kinh tế, xã hội và nhân văn, vì thế TTTĐT cũng có nhiều trang thành viên liên kết với nhau.

Trang thông tin điện tử của ĐHQGHN phản ánh trực tiếp bản sắc học thuật, tính chuẩn mực và uy tín thương hiệu của một đại học tổng hợp hàng đầu. Bố cục được tổ chức theo nguyên tắc thiết kế dạng lưới, giúp sắp xếp các khối nội dung, tin tức, sự kiện, thông báo và liên kết một cách cân đối, khoa học và dễ theo dõi. Trang chủ được chia thành các vùng chức năng rõ ràng, với hệ thống menu điều hướng trực quan, cho phép người dùng nhanh chóng truy cập các chuyên mục như *Giới thiệu*, *Tuyển sinh*, *Đào tạo*, *Nghiên cứu khoa học*, *Hợp tác quốc tế* và *Tuyển dụng*. Bố cục dạng cổng thông tin điện tử giúp đảm bảo tính hệ thống, trong khi khoảng trắng được sử dụng hợp lý để tạo cảm giác thoáng đãng và giảm tải thị giác. Màu sắc chủ đạo của trang là xanh dương, trắng và xám, gợi cảm giác tin cậy, nghiêm túc với những đặc trưng thường thấy trong thiết kế giao diện của các tổ chức học thuật lớn. Kiểu chữ sans-serif trung tính (Roboto, Arial) mang lại khả năng đọc rõ ràng, đồng thời giữ tính nhất quán với nhận diện thương hiệu của trường. Hệ thống biểu tượng và hình ảnh được chọn lựa tối giản, mang tính chức năng cao, trong đó hình ảnh minh

họa chủ yếu là các sự kiện học thuật, cơ sở vật chất và hoạt động nghiên cứu phản ánh tính xác thực và khách quan trong truyền thông học thuật. Thiết kế giao diện hướng đến sự tối giản, hiện đại và chức năng, phù hợp với tôn chỉ “chính xác - khoa học - minh bạch”. Các liên kết đến trang thông tin điện tử của các trường thành viên và đơn vị trực thuộc được bố trí logic, giúp tạo ra một hệ sinh thái thông tin đồng bộ và xuyên suốt. Về trải nghiệm người dùng, trang web được tối ưu hóa cho thiết bị di động, đảm bảo khả năng hiển thị và tương tác mượt mà trên nhiều nền tảng. Các tương tác động tĩnh tế như hiệu ứng di chuột, thay đổi màu nút hoặc phản hồi trực quan được ứng dụng ở mức vừa phải, tạo cảm giác sinh động nhưng không làm mất đi sự nghiêm túc. Cách tiếp cận này phù hợp với định hướng thiết kế lấy người dùng làm trung tâm (UCD), giúp TTTĐT trở nên thân thiện, dễ điều hướng và phù hợp với đa dạng đối tượng từ sinh viên, phụ huynh đến nhà nghiên cứu và đối tác quốc tế. Trang thông tin điện tử của ĐHQGHN thể hiện hiệu quả cao trong việc truyền tải hình ảnh học thuật, tính chuyên nghiệp và độ tin cậy của một đại học trọng điểm quốc gia. Cấu trúc khoa học, nội dung được cập nhật thường xuyên và ngôn ngữ trình bày rõ ràng giúp người dùng dễ dàng tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, một số điểm vẫn có thể được cải thiện, như tăng cường tính thống nhất giao diện giữa các trang thành viên, hoặc ứng dụng thêm nội dung đa phương tiện (video, infographic, dữ liệu tương tác) để tăng tính trực quan và hấp dẫn đối với người dùng trẻ. Nhìn chung, trang thông tin điện tử ĐHQGHN là ví dụ điển hình cho phong cách thiết kế học thuật tối giản và hiện đại, tuân thủ các nguyên tắc thiết kế lấy người dùng làm trung tâm, đồng thời thể hiện rõ triết lý “hàn lâm - chuẩn mực - hội nhập”. TTTĐT không chỉ là công cụ truyền tải thông tin, mà còn là biểu tượng số của ĐHQGHN trong kỷ nguyên chuyển đổi số giáo dục, góp phần khẳng định vị thế của trường như một trung tâm tri thức và nghiên cứu hàng đầu Việt Nam và khu vực.

3.1.2.2. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

ĐHQGTPHCM là hệ thống đại học trọng điểm ở phía Nam, giữ vai trò đầu mối đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy nghiên cứu đổi mới sáng tạo. Thành lập theo Nghị định 16/CP ngày 27/01/1995, ĐHQG-HCM kế thừa các cơ sở đại học lâu đời của thành phố và phát triển theo mô hình đa ngành, đa lĩnh vực gắn với nhu cầu phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Cấu trúc tổ chức hiện gồm các trường thành viên như Đại học Bách khoa (HCMUT), Đại học Khoa học Tự nhiên (HCMUS), Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (HCMUSSH), Kinh tế - Luật (UEL), Đại học Công nghệ Thông tin (UIT), Đại học Quốc tế (IU), Đại học An Giang (AGU), cùng các Viện, Khoa trực thuộc và đơn vị dịch vụ, hình thành hệ sinh thái học thuật công nghệ quy mô lớn.

Trang thông tin điện tử của ĐHQG TP.HCM thể hiện thẩm mỹ hiện đại, năng động, định hướng công nghệ, phù hợp định vị một trung tâm đổi mới sáng tạo. Bố cục dựa trên hệ lưới cho phép linh hoạt môđun: các khối tin/bài, sự kiện và liên kết nhanh trình bày theo dạng thẻ thuận tiện cho quét thông tin và tái sắp xếp trên thiết bị di động. Không gian trắng được dùng có chủ đích để giảm tải thị giác. Bảng màu chủ đạo xanh dương và trắng kết hợp màu tươi như vàng và cam, tạo cảm giác trẻ trung, khuyến khích tương tác. Hình ảnh ưu tiên các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, sinh viên, doanh nghiệp, phản ánh thế mạnh công nghệ và tính mở của hệ thống. Kiểu chữ sans-serif hiện đại bảo đảm độ rõ ràng và nhất quán. Điều hướng được thiết kế trực quan với các mục cốt lõi như *Giới thiệu*, *Tin tức*, *Tuyển sinh*, *Đào tạo*, *Nghiên cứu*, *Đối ngoại*. Các liên kết tới trang thông tin điện tử trường thành viên được gom nhóm logic, tạo cảm giác một hệ sinh thái thông tin thống nhất. Thiết kế responsive bảo đảm trải nghiệm ổn định trên nhiều thiết bị, micro-interactions (hiệu ứng hover, phản hồi nút) sử dụng ở mức tối thiểu cần thiết để tăng tính thân thiện mà không gây

sao nhãng. Nội dung được biên mục rõ: tuyển sinh (quy chế, phương thức, ngành đào tạo), tin tức, sự kiện và chuyên mục nghiên cứu (dự án, công bố, hợp tác), đáp ứng đa dạng đối tượng người dùng.

Trang thông tin điện tử ĐHQG-HCM là ví dụ điển hình của phong cách hiện đại định hướng người dùng, giàu tính hệ thống và hiệu quả truyền thông. Hai điểm có thể nâng cấp (1) tăng mức đồng bộ nhận diện và trải nghiệm giữa trang chủ và các site thành viên; (2) mở rộng nội dung đa phương tiện (video, infographic, dữ liệu tương tác) để làm nổi bật thành tựu nghiên cứu và nâng cao khả năng kể chuyện thương hiệu. Nhìn chung, giao diện hiện tại truyền tải tốt hình ảnh mở, sáng tạo, hướng tương lai của ĐHQG-HCM, đồng thời đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin học thuật trong bối cảnh chuyển đổi số.

3.1.2.3. Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam

ĐHMTVN là một cơ sở đào tạo giáo dục nghệ thuật có bề dày tại Việt Nam trong một thế kỷ qua, nơi đã ươm mầm và phát triển nhiều thế hệ họa sĩ, nhà điêu khắc và nhà nghiên cứu mỹ thuật tài năng. Tiền thân là Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, thành lập năm 1925 được xem là cái nôi hình thành nền mỹ thuật hiện đại Việt Nam. Trường có hệ thống đào tạo gồm các chuyên ngành Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, Thiết kế đồ họa, Sư phạm mỹ thuật, Lý luận và Lịch sử mỹ thuật.

Trang thông tin điện tử của ĐHMTVN thể hiện một bản sắc riêng, kết hợp giữa phong cách thiết kế truyền thống và tư duy sáng tạo đương đại. Bộ cục TTTĐT được xây dựng cân đối, logic, giúp người dùng dễ dàng truy cập vào các chuyên mục như Giới thiệu, Đào tạo, Tuyển sinh, Nghiên cứu khoa học và Hoạt động triển lãm. Menu điều hướng rõ ràng, ổn định giúp người dùng có sự trải nghiệm liền mạch, các khoảng trắng được sử dụng nhằm tôn vinh tác phẩm nghệ thuật thể hiện điểm nhấn cho trang thông tin. Màu sắc chủ đạo của website là các gam trung tính như trắng, xám và đen, kết hợp với tông đỏ đô

hoặc lam nhặt để tạo điểm nhấn. Sự sắp xếp này mang lại cảm giác sang trọng, tinh tế và làm nổi bật các tác phẩm của sinh viên và giảng viên trên trang chủ. Cách bố trí này vừa tạo điểm nhấn về thị giác vừa thể hiện giá trị thương hiệu và triết lý giáo dục của trường, coi sáng tạo và nhân văn là cốt lõi của đào tạo nghệ thuật. Kiểu chữ serif được sử dụng nhằm gợi cảm giác cổ điển, nghiêm túc nhưng vẫn đảm bảo tính dễ đọc. So với các trang thông tin điện tử giáo dục khác có xu hướng hiện đại hóa mạnh mẽ và sử dụng nhiều tương tác động, giao diện của ĐHMTVN có phần tĩnh và cổ điển hơn, song điều này không làm giảm giá trị mà ngược lại, tạo nên một phong cách đặc thù phản ánh đúng tinh thần nghệ thuật truyền thống kết hợp hiện đại. Việc giản lược hiệu ứng đồ họa giúp người xem tập trung hơn vào nội dung học thuật và hình ảnh nghệ thuật, đồng thời duy trì tốc độ tải nhanh và khả năng truy cập ổn định trên cả máy tính lẫn thiết bị di động. Các chuyên mục được tổ chức hợp lý, đảm bảo khả năng tra cứu nhanh các thông tin cần thiết, từ tin tức, hoạt động học thuật đến các sự kiện triển lãm. Trang TTTĐT ưu tiên sự rõ ràng, nhất quán và khả năng đọc dễ dàng, phù hợp với đặc trưng của một cơ sở học thuật lâu đời. Tuy nhiên, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu tương tác của người dùng trong thời đại số, giao diện có thể được cải tiến bằng cách bổ sung các yếu tố chuyển động tinh tế hoặc không gian hiển thị trực quan hơn cho các bộ sưu tập tác phẩm.

Nhìn chung, trang thông tin điện tử của ĐHMTVN là sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa học thuật và nghệ thuật. Thiết kế thể hiện bản sắc sáng tạo và tinh thần tự do của môi trường nghệ thuật. Trang thông tin điện tử của nhà trường còn là một không gian triển lãm trực tuyến, nơi người xem có thể xem những tác phẩm mỹ thuật của giảng viên và bài học của sinh viên. Với định hướng tiếp tục đổi mới trong truyền thông học thuật, việc kết hợp hài hòa giữa yếu tố thẩm mỹ và trải nghiệm người dùng sẽ giúp trang thông tin điện tử của ĐHMTVN khẳng định vị thế của nhà trường và thể hiện nét sáng tạo riêng trong không gian giáo dục nghệ thuật Việt Nam.

3.1.2.4. Trường Đại học RMIT Việt Nam

Đại học RMIT là một trong những cơ sở giáo dục tiên phong tại Việt Nam trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý học tập và thiết kế giao diện học vụ. Với triết lý đào tạo thực tiễn và định hướng doanh nghiệp, TTTĐT và hệ thống học tập của RMIT (như LMS và dashboard cá nhân) mang tính tương tác cao. Thiết kế trang thông tin của trường đại diện cho phong cách thiết kế tương tác hiện đại, tập trung vào tối ưu thao tác người học, tích hợp phản hồi thời gian thực, tùy biến dữ liệu và kết nối hệ thống học vụ. Tại Đại học RMIT Việt Nam, phong cách thiết kế tối giản được triển khai một cách hệ thống và có chủ đích, thể hiện qua bảng màu trắng, xám, đỏ, kiểu chữ sans-serif (Roboto, Lato), cấu trúc lưới mô-đun, biểu tượng đơn tuyến và điều hướng theo hành trình người học. Mỗi thành tố thiết kế đều tuân theo tư duy chuẩn hóa, giúp tăng độ rõ ràng, khả năng truy xuất và nhận diện học thuật. Giao diện của RMIT thể hiện sự đồng bộ giữa tạo hình tối giản và định vị thương hiệu quốc tế.

Khác với cách thiết kế mang tính thông tin phổ biến ở nhiều trường đại học Việt Nam, trang thông tin điện tử của RMIT được xây dựng theo hướng lấy trải nghiệm và hành vi người dùng làm trung tâm. Giao diện không chỉ cung cấp thông tin mà còn hỗ trợ trực tiếp cho quá trình học tập trong môi trường số. Thay vì tổ chức nội dung theo cấu trúc hành chính như khoa, phòng hay đơn vị, giao diện được thiết kế dựa trên các nhu cầu thực tế của người dùng như tìm hiểu chương trình, đăng ký học, khám phá đời sống sinh viên hoặc kết nối với doanh nghiệp. Cách tổ chức này tạo ra một cấu trúc rõ ràng, có định hướng, giúp người dùng dễ dàng tiếp cận và thực hiện mục tiêu của mình. Nhờ đó, các yếu tố tạo hình không chỉ mang tính minh họa mà còn góp phần dẫn dắt hành vi sử dụng một cách trực quan.

Về phương diện thẩm mỹ, thiết kế của RMIT theo hướng tối giản, nhưng không chỉ dừng ở việc giản lược hình thức. Cách tối giản này giúp giao diện dễ

nhìn, dễ hiểu và thuận tiện khi thao tác. Các khoảng trắng được sử dụng có chủ ý nhằm tạo sự cân đối và giúp người dùng tránh quá tải thông tin. Các khối nội dung được sắp xếp theo nhịp điệu rõ ràng, tạo nên cấu trúc ổn định nhưng vẫn linh hoạt, phù hợp với nhiều tình huống sử dụng. Một điểm đáng chú ý là giao diện của RMIT không mang tính cố định, mà có khả năng cập nhật và điều chỉnh theo nhu cầu. Các thành phần nội dung có thể thay đổi theo thời gian nhưng vẫn giữ được sự thống nhất về hình thức. Điều này giúp giao diện thích ứng tốt với môi trường giáo dục số, đặc biệt trong bối cảnh cá nhân hóa học tập và tích hợp dữ liệu ngày càng phát triển.

Ở góc độ trải nghiệm, thiết kế của RMIT kết hợp chặt chẽ giữa hình thức và tương tác. Các hiệu ứng chuyển trạng thái và phản hồi khi thao tác được tổ chức hợp lý, tạo cảm giác liền mạch trong quá trình sử dụng. Người dùng không chỉ tiếp nhận thông tin mà có cảm giác đang di chuyển trong một không gian được tổ chức rõ ràng, thay vì thực hiện các thao tác rời rạc. So với nhiều trường đại học trong nước, sự khác biệt nằm ở cách tổ chức giao diện. Nếu các trang thông tin điện tử thường sắp xếp nội dung theo cấu trúc hệ thống, thì RMIT lại tổ chức theo nhu cầu và hành vi của người học. Sự khác biệt này phản ánh cách tiếp cận khác nhau trong thiết kế và trong việc xác định vai trò của người học trong hệ thống giáo dục. Từ đó có thể thấy, trang thông tin điện tử của RMIT không chỉ là một thiết kế hiện đại mà còn thể hiện xu hướng chuyển từ trang cung cấp thông tin sang không gian trải nghiệm. Trong cách tiếp cận này, thiết kế góp phần hỗ trợ trực tiếp cho quá trình học tập thông qua việc tổ chức thông tin hợp lý và nâng cao khả năng tiếp cận trong môi trường số.

3.1.2.5. Trường Đại học Fulbright Việt Nam

Đại học Fulbright Việt Nam là mô hình giáo dục theo định hướng khai phóng và liên ngành, trong đó người học được đặt ở vị trí trung tâm của quá trình hình thành tri thức. Tinh thần này được phản ánh rõ trong thiết kế trang

thông tin điện tử, nơi giao diện không chỉ truyền tải thông tin mà còn tạo ra một không gian tiếp nhận mang tính trải nghiệm và suy ngẫm.

Nếu giao diện của RMIT hướng đến tối ưu hóa thao tác và hiệu quả sử dụng, thì Fulbright lại tổ chức giao diện theo hướng dẫn dắt nhận thức và cảm nhận. Nội dung không được phân chia theo cấu trúc hành chính hay chức năng, mà được sắp xếp theo các chủ đề gợi mở như con người, chương trình học, trải nghiệm học tập và cộng đồng. Cách tổ chức này tạo nên một dòng chảy nội dung mang tính liên tục, trong đó người dùng tiếp cận thông tin theo hướng khám phá thay vì tra cứu. Về phương diện tạo hình, thiết kế của Fulbright theo hướng tối giản nhưng chú trọng biểu đạt. Màu sắc được tiết chế với các gam trung tính như tím, cam và trắng, tạo cảm giác nhẹ nhàng và ổn định. Hình ảnh đóng vai trò trung tâm, không chỉ minh họa mà còn truyền tải bối cảnh học tập và tương tác học thuật. Các khoảng trắng được sử dụng rộng rãi nhằm tạo nhịp thở cho bố cục, giúp nội dung không bị dồn nén và giữ được sự tập trung thị giác. So với cách tối giản mang tính chức năng ở RMIT, tối giản trong Fulbright thiên về tạo không gian cảm nhận hơn là tối ưu thao tác. Một đặc điểm nổi bật của giao diện Fulbright là cách tổ chức theo nhịp điệu thị giác. Nội dung được sắp xếp theo chiều dọc với sự xen kẽ giữa hình ảnh và văn bản, tạo nên một cấu trúc có tính dẫn dắt tự nhiên. Nhịp điệu này không nhằm tăng tốc độ truy xuất thông tin, mà hướng đến việc duy trì sự chú ý và tạo trạng thái tiếp nhận liên tục. Giao diện vì vậy không chỉ là nơi hiển thị nội dung mà còn là phương tiện điều chỉnh cách người dùng đọc và cảm nhận thông tin.

Từ góc độ trải nghiệm, trang thông tin điện tử của Đại học Fulbright đã giảm thiểu các tín hiệu tương tác trực tiếp và thay vào đó tập trung vào sự liên mạch của nội dung. Người dùng không bị dẫn dắt bằng các điểm nhấn hành động rõ rệt, mà được hướng dẫn thông qua cấu trúc thị giác và sự chuyển tiếp mềm giữa các phần. Điều này tạo ra cảm giác khám phá tự nhiên, phù hợp với

môi trường học thuật đề cao đối thoại và tư duy độc lập. So với các trang thông tin điện tử trong nước, Fulbright thể hiện một cách tiếp cận khác biệt: thay vì tổ chức thông tin theo hệ thống để đảm bảo tính đầy đủ, giao diện được thiết kế nhằm tạo ra một trải nghiệm có chiều sâu. Sự khác biệt này không chỉ nằm ở hình thức mà phản ánh cách nhìn nhận vai trò của người học, từ người tiếp nhận thông tin sang chủ thể tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức. Từ đó có thể thấy, trang thông tin điện tử của Đại học Fulbright Việt Nam không chỉ là một giao diện hiện đại mà còn là một không gian trải nghiệm học thuật, nơi thiết kế đóng vai trò kết nối giữa nội dung, cảm nhận và cách tiếp cận tri thức trong môi trường số.

3.1.2.6. So sánh về phong cách thiết kế trang thông tin điện tử của các trường đại học

Việc so sánh giao diện trang thông tin điện tử của ĐHQGHN, ĐHQG TP.HCM, ĐHMTVN, Đại học RMIT và Đại học Fulbright Việt Nam cho thấy sự khác biệt trong cách tiếp cận thiết kế trong giáo dục đại học. Những khác biệt này thể hiện ở hình thức tạo hình, triết lý giáo dục, cách tổ chức thông tin và định hướng trải nghiệm người học trong môi trường số. Về cơ bản, các trang thông tin điện tử đều hướng đến mục tiêu cung cấp thông tin, hỗ trợ người học và xây dựng hình ảnh học thuật. Tuy nhiên, cách triển khai giao diện có thể quy về hai xu hướng chính (1) tổ chức thông tin theo cấu trúc hệ thống và (2) tổ chức trải nghiệm theo hành vi người dùng.

Trong nhóm các trường đại học Việt Nam, ĐHQGHN thể hiện rõ phong cách thiết kế học thuật, chuẩn mực và ổn định. Giao diện được tổ chức theo hệ lưới chặt chẽ, cấu trúc thông tin phân tầng rõ ràng, màu sắc trung tính và kiểu chữ dễ đọc. Cách tiếp cận này đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy, phù hợp với môi trường học thuật định hướng nghiên cứu. Tuy nhiên, trải nghiệm người dùng vẫn phụ thuộc nhiều vào khả năng tự định hướng trong hệ thống. ĐHQG

TP.HCM cho thấy sự điều chỉnh theo hướng linh hoạt hơn khi kết hợp cấu trúc hệ thống với các yếu tố thiết kế hiện đại. Bố cục dạng thẻ, cách sử dụng màu sắc tươi sáng và tương tác nhẹ giúp giao diện trở nên thân thiện hơn. Tuy vậy, về bản chất, cách tổ chức nội dung vẫn dựa trên phân tầng chức năng và đơn vị, chưa chuyển hoàn toàn sang tổ chức theo trải nghiệm. ĐHMTVN lại nổi bật với cách tiếp cận giàu tính biểu đạt, trong đó hình ảnh tác phẩm giữ vai trò trung tâm, kết hợp với bố cục phi đối xứng và khoảng trắng lớn để tạo hiệu quả thị giác. Giao diện mang đặc trưng của một không gian trưng bày trực tuyến, nơi thông tin và hình ảnh cùng tồn tại như một trải nghiệm thẩm mỹ. Tuy nhiên, về cấu trúc nội dung, cách tổ chức vẫn mang tính phân tầng truyền thống, chưa tách khỏi mô hình hệ thống. Nếu ba trường trong nước thể hiện cách tiếp cận dựa trên tổ chức thông tin, thì Đại học RMIT và Đại học Fulbright cho thấy sự chuyển dịch sang tổ chức trải nghiệm người dùng. Tại TTTĐT của Đại học RMIT, giao diện được thiết kế dựa trên hành vi người học, với mục tiêu tối ưu thao tác và hiệu quả sử dụng. Nội dung xoay quanh nội dung tìm hiểu chương trình, đăng ký học và truy cập dịch vụ, giúp người dùng tiếp cận thông tin nhanh và rõ ràng. Các yếu tố tương tác và phản hồi được tổ chức hợp lý, góp phần giảm thời gian tìm kiếm và tăng hiệu quả sử dụng. Trong khi đó, TTTĐT của Đại học Fulbright lựa chọn hướng tiếp cận khác, đặt trọng tâm vào trải nghiệm tiếp nhận. Giao diện được tổ chức theo nội dung, với cấu trúc dọc và nhịp điệu rõ ràng. Hình ảnh và văn bản được sắp xếp theo trình tự, có chủ đích, tạo cảm giác liền mạch và tự nhiên. Người dùng tiếp cận thông tin theo hướng khám phá, thay vì tra cứu trực tiếp. Sự khác biệt giữa Đại học RMIT và Đại học Fulbright cho thấy hai cách tiếp cận riêng trong thiết kế giao diện. Trường Đại học RMIT nhấn mạnh hiệu quả thao tác và tính rõ ràng của hệ thống, còn Đại học Fulbright chú trọng trải nghiệm tiếp nhận và nhịp điệu thị giác. Cả hai đơn vị đều đặt người học làm trung tâm, nhưng khác nhau ở cách tổ chức và ưu tiên thiết kế. Khi đặt năm

trường trong cùng một hệ quy chiếu, có thể nhận thấy ba nhóm tư duy thiết kế. Nhóm thứ nhất gồm các trường đại học Việt Nam, với đặc trưng là tổ chức thông tin theo hệ thống, đảm bảo tính đầy đủ và ổn định. Nhóm thứ hai là Đại học RMIT, đại diện cho thiết kế dựa trên hành vi, hướng đến hiệu quả sử dụng. Nhóm thứ ba là Đại học Fulbright, đại diện cho thiết kế dựa trên trải nghiệm, tập trung vào cách người dùng tiếp nhận thông tin. Ba nhóm này phản ánh các cấp độ khác nhau trong tư duy thiết kế giao diện giáo dục.

Bảng 3.1. So sánh tư duy thiết kế giao diện trang thông tin điện tử của 5 trường đại học

Tiêu chí	ĐHQGHN	ĐHQG TP.HCM	ĐHMTVN	RMIT	FULBRIGHT
Mô hình tư duy thiết kế	Hệ thống	Kết hợp	Thẩm mỹ	Hành vi	Trải nghiệm
Trung tâm thiết kế	Cấu trúc tổ chức	Người dùng và hệ thống	Biểu đạt nghệ thuật	Hành vi người dùng	Nhận thức và cảm nhận người dùng
Cách tổ chức thông tin	Phân tầng hành chính	Phân tầng mô-đun	Phân tầng thị giác	Theo hành động	Theo nội dung
Mục tiêu chính	Chính xác, ổn định	Dễ tiếp cận, linh hoạt	Thẩm mỹ, bản sắc	Hiệu quả	Trải nghiệm
Vai trò của giao diện	Công cụ tra cứu	Công cụ, hỗ trợ tương tác	Không gian trưng bày	Hệ thống thao tác	Không gian trải nghiệm
Nguyên tắc tổ chức	Logic, kiểm soát	Linh hoạt, thân thiện	Cảm xúc, biểu đạt	Tối ưu, rõ ràng	Dẫn dắt, liên mạch
Cách tiếp cận người dùng	Người dùng thích nghi hệ thống	Hỗ trợ người dùng	Gợi cảm nhận thị giác	Dẫn dắt hành vi	Dẫn dắt nhận thức
Chiến lược	Ổn định,	Cải tiến	Khác biệt	Tối ưu	Tạo trải

thiết kế	chuẩn hóa	dần	thẩm mỹ	hiệu suất	nghiệm
Tính động của giao diện	Thấp	Trung bình	Thấp	Cao	Trung bình
Cấp độ phát triển tư duy	Truyền thống	Chuyển tiếp	Đặc thù nghệ thuật	Hiện đại	Hiện đại

Từ góc độ thẩm mỹ, sự khác biệt thể hiện qua cách sử dụng ngôn ngữ tạo hình. Các trường đại học Việt Nam ưu tiên bố cục lưới, màu sắc trung tính và kiểu chữ rõ ràng nhằm đảm bảo tính ổn định. TTTĐT của Đại học RMIT sử dụng tối giản theo hướng chức năng, với cấu trúc mô-đun và màu sắc tương phản nhằm tăng khả năng nhận diện và thao tác. TTTĐT của Đại học Fulbright khai thác tối giản theo hướng biểu đạt, với màu sắc tiết chế, hình ảnh có tính kể chuyện và nhịp điệu thị giác mềm mại. Sự khác biệt trong thiết kế giao diện cũng phản ánh sự thay đổi trong cách nhìn nhận vai trò của người học. Trong mô hình truyền thống, người học là đối tượng tiếp nhận và phải thích nghi với cấu trúc hệ thống. Trong các mô hình mới, giao diện được thiết kế để thích ứng với hành vi và nhu cầu của người học, từ đó tạo ra trải nghiệm thuận lợi hơn trong quá trình tiếp cận tri thức.

Tiêu chí	ĐHQGHN	ĐHQG TP HCM	ĐHMTVN	RMIT	FULBRIGHT
Phong cách chung	Học thuật, chuẩn mực	Hiện đại, năng động	Nghệ thuật, sáng tạo	Tối giản, rõ ràng	Tối giản, giàu cảm xúc
Cách tổ chức nội dung	Theo hệ thống (khoa, phòng ban)	Theo hệ thống, nhóm nội dung	Theo cấu trúc, hình ảnh	Theo hành động người dùng	Theo nội dung
Bố cục	Dạng lưới, đối xứng,	Dạng lưới, thê	Phi đối xứng	Lưới mô-đun	Bố cục dọc

	chặt chẽ	linh hoạt			
Màu sắc	Trung tính (xanh, trắng, xám)	Xanh, màu nhấn (cam, vàng)	Trung tính	Đỏ, trắng, xám (trương phản)	Tím, cam, trắng
Hình ảnh	Học thuật	Hoạt động sinh viên, nghiên cứu	Tác phẩm nghệ thuật	Thực tế	Thực tế theo hướng kể chuyện
Kiểu chữ	Sans serif đơn giản	Sans serif hiện đại	Serif, chữ trang trí	Sans serif chuẩn hóa	Sans serif tinh giản
Mức độ tương tác	Thấp	Trung bình	Thấp	Cao	Trung bình
Trải nghiệm người dùng	Dễ tra cứu, ổn định	Dễ dùng, thân thiện	Trải nghiệm thị giác	Nhanh rõ, dễ thao tác	Liên mạch, dễ tiếp nhận
Điểm nổi bật	Tính tin cậy, rõ ràng	Tính linh hoạt, hiện đại	Tính nghệ thuật	Hiệu quả sử dụng	Trải nghiệm cảm nhận

Đề tài cũng tiến hành phỏng vấn các nhà thiết kế website về các trang thông tin điện tử của các trường đại học tiêu biểu ở Việt Nam hiện nay. Nhà thiết kế NTMT – Trường ĐH Kiến trúc HN, nhận xét:

Theo quan sát của tôi, RMIT Việt Nam là một ví dụ tiêu biểu về thiết kế giao diện hiện đại theo hướng UX/UI quốc tế, với cấu trúc thông tin rõ ràng, tối giản và có tính nhận diện thương hiệu rất cao. Fulbright Việt Nam nổi bật ở khả năng storytelling và xây dựng trải nghiệm cảm xúc thông qua hình ảnh, video.... Các trường ĐHQG-HCM hay ĐHQGHN thể hiện khá rõ tính học thuật và tính hệ thống trong tổ chức thông tin. Mỗi trường có một định hướng khác nhau, nhưng điểm chung là những website thành công

thường không chỉ chú trọng kỹ thuật mà còn xem giao diện số như một phần của chiến lược văn hóa và thương hiệu đại học².

Từ những phân tích trên có thể thấy, thiết kế giao diện trang thông tin điện tử trong giáo dục đại học không chỉ là sự thể hiện về kỹ thuật hay thẩm mỹ, mà còn biểu hiện của cách tổ chức tri thức trong môi trường số. Hiệu quả của giao diện phụ thuộc vào mức độ phù hợp giữa cách thiết kế với mục tiêu giáo dục và đối tượng người học. Trong bối cảnh chuyển đổi số, xu hướng quan trọng là chuyển từ cung cấp thông tin sang tổ chức trải nghiệm học tập.

3.2. Đặc trưng của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử giáo dục đại học

3.2.1. Biểu đạt không gian và nhịp điệu thị giác động

Trang thông tin điện tử tồn tại trong không gian số động, nơi hình thức không còn là một bố cục bất biến mà là một trải nghiệm diễn tiến theo thời gian. Đây là điểm then chốt để chứng minh tính nghệ thuật của đối tượng nghiên cứu: trong thiết kế trang thông tin điện tử, “hình thức” không chỉ là cái nhìn thấy tại một khoảnh khắc, mà là quá trình hình thức tự bộc lộ trong tương tác. Nói cách khác, thiết kế trang thông tin điện tử là mỹ thuật của trình tự, của chuyển cảnh, của nhịp, và của sự điều hướng thị giác.

Trong mỹ thuật học, nhịp điệu là nguyên tắc tổ chức thị giác tạo ra cảm giác vận động, dù đối tượng là tĩnh hay động. Ở TTTĐT, nhịp điệu không chỉ là cảm giác “tưởng tượng” mà trở thành vận động thực tế thông qua thao tác cuộn trang, chuyển mục, mở/đóng lớp thông tin, thay đổi trạng thái nút bấm, và sự xuất hiện theo tầng của hình ảnh – chữ – đồ họa. Vì vậy, nhịp điệu thị giác trong trang thông tin điện tử thuộc loại “nhịp điệu động” (dynamic rhythm): được tạo ra bởi sự phối hợp giữa bố cục, thời gian hiển thị và hành vi người xem.

² Phòng văn NTMT, tháng 8/2025

Đối với lĩnh vực giáo dục đại học, nhịp điệu động không thể mang tính giải trí hay kích thích như nhiều TTTĐT thương mại, mà phải mang nhịp điệu phù hợp với tiếp nhận học thuật: đủ chậm để đọc – đủ rõ để suy nghĩ – đủ mạch lạc để tra cứu. Đây chính là cơ sở để khẳng định nhịp điệu thị giác động trong website đại học không chỉ là kỹ thuật tương tác, mà là một lựa chọn thẩm mỹ có định hướng, tạo thành đặc trưng nghệ thuật riêng.

Có thể phân tích đặc trưng này qua bốn bình diện:

Thứ nhất, website đại học là một “không gian thị giác phân tầng” – nơi tri thức được trình bày theo lớp, theo tuyến và theo mức độ ưu tiên. Khác với tranh hay poster – nơi toàn bộ hình thức hiện diện đồng thời, TTTĐT đại học thường tổ chức thông tin theo tầng: tầng “định hướng” (sứ mạng, tuyển sinh, đào tạo), tầng “học thuật” (ngành học, chương trình, khoa học – công nghệ), tầng “dịch vụ học tập” (cổng thông tin, biểu mẫu, lịch...), tầng “đối ngoại” (hợp tác, truyền thông). Việc người xem đi qua các tầng ấy tạo nên một “hành trình thị giác”. Hành trình này là một dạng bố cục động: bố cục không còn nằm trọn trong một mặt phẳng, mà trải dài theo tiến trình. Thiết kế vì vậy trở thành nghệ thuật tổ chức không gian thị giác trong thời gian – tương tự nguyên tắc dàn dựng trong sân khấu/điện ảnh, nhưng được biểu đạt bằng ngôn ngữ đồ họa số.

Thứ hai, nhịp điệu thị giác động là cơ chế điều tiết nhận thức học thuật. Trong tiếp nhận tri thức, người học cần trạng thái tập trung, khả năng so sánh, và sự định hướng rõ ràng. Nhịp điệu thị giác động của website – cách các khối thông tin xuất hiện, khoảng ngắt giữa các đoạn, sự nhấn nhá bằng tiêu đề, cách chuyển cảnh giữa các trang – thực chất là một cơ chế điều tiết nhận thức: nó dẫn dắt người xem biết dừng ở đâu, đọc gì trước, và liên kết ý nghĩa thế nào. Nếu nhịp điệu quá nhanh (nhiều hiệu ứng, nhiều chuyển động), tri thức bị biến thành “màn trình diễn”; nếu nhịp điệu quá chậm hoặc rời rạc, tri thức trở nên khô cứng, đứt gãy. Tính nghệ thuật nằm ở điểm cân bằng: nhịp điệu đủ để tạo

sự sống cho hình thức, nhưng không lẫn át nội dung học thuật. Đây là khác biệt quan trọng giữa TTTĐT giáo dục đại học và TTTĐT quảng cáo, nơi nhịp điệu thường nhằm kích thích hành vi tiêu dùng.

Thứ ba, biểu đạt không gian số tạo ra “mỹ cảm định hướng” (guided aesthetics) – cái đẹp gắn với dẫn dắt và khai mở. Trong giáo dục đại học, mục tiêu không chỉ là cung cấp thông tin mà còn khuyến khích tinh thần học thuật, khả năng khám phá và tự định hướng. Thiết kế website có thể hiện thực hóa mục tiêu này bằng cách tạo ra mỹ cảm định hướng: người xem cảm thấy “được dẫn” nhưng không bị áp đặt; cảm thấy “mở” nhưng không lạc hướng. Mỹ cảm ấy được tạo ra bởi cấu trúc điều hướng, độ rõ của phân cấp thị giác, sự nhất quán giữa các trang và tính liên tục của hành trình thị giác. Khi mỹ cảm định hướng thành công, TTTĐT trở thành một “không gian khai phóng” theo nghĩa nghệ thuật: mở ra các tuyến tiếp cận tri thức, tạo động lực khám phá, và giúp người xem cảm nhận tinh thần học thuật của nhà trường.

Thứ tư, nhịp điệu động góp phần định hình bản sắc của thiết chế đại học trong không gian văn hóa số. Bản sắc không chỉ nằm ở logo hay màu sắc, mà còn nằm ở “cách thức biểu đạt”: trang trọng hay trẻ trung, nghiêm cẩn hay linh hoạt, truyền thống hay tiên phong. Nhịp điệu thị giác động thể hiện rất rõ “khí chất” ấy: cách trang chủ kể câu chuyện của nhà trường, cách sắp đặt chuỗi thông tin, cách chuyển từ tin tức sang học thuật, cách tạo khoảng thở thị giác... Tất cả cấu thành “phong cách vận động” của giao diện. Đây là một bình diện nghệ thuật mới của thiết kế số: bản sắc được biểu đạt không chỉ bằng hình thức tĩnh mà bằng hình thức vận hành.

Từ bốn bình diện trên, có thể khẳng định: “Biểu đạt không gian và nhịp điệu thị giác động” là đặc trưng nghệ thuật mang tính phân biệt của thiết kế trang thông tin điện tử trong giáo dục đại học ở Việt Nam. Nó chứng minh đối tượng nghiên cứu không chỉ thuộc phạm vi kỹ thuật hay truyền thông, mà thuộc

phạm vi mỹ thuật ứng dụng đương đại, bởi thiết kế đã chuyển hóa các quy luật thẩm mỹ (nhịp điệu, phân tầng, dẫn dắt, phong cách) thành một hệ thống biểu đạt trong không gian số, đồng thời gắn chặt với tinh thần học thuật, chuẩn mực khoa học và mục tiêu giáo dục đại học.

3.2.2. Ngôn ngữ tạo hình học thuật - giáo dục

Trong phạm vi luận án, “ngôn ngữ tạo hình” được hiểu là hệ thống các phương tiện biểu đạt thị giác (hình – khối – đường nét – màu sắc – chữ viết – hình ảnh – ký hiệu – khoảng trống) cùng cách thức tổ chức chúng thành một chỉnh thể có ý nghĩa. Nếu ở các loại hình mỹ thuật truyền thống, ngôn ngữ tạo hình được triển khai trên chất liệu vật chất (sơn dầu, sơn mài, giấy, đá...), thì trong trang thông tin điện tử, nó được triển khai trên chất liệu số (digital materiality): ánh sáng màn hình, điểm ảnh, lưới bố cục, typography số, và hệ thống ký hiệu điều hướng. Chính sự dịch chuyển chất liệu biểu đạt không làm suy giảm tính nghệ thuật, mà trái lại đặt ra một hình thức mỹ thuật ứng dụng mới – nơi ngôn ngữ tạo hình phải đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ: biểu đạt thẩm mỹ và tổ chức tri thức.

Từ đây có thể khẳng định: trang thông tin điện tử giáo dục đại học ở Việt Nam không đơn thuần là một “kênh thông báo” hay “công cụ quản trị”, mà là một không gian biểu đạt thị giác mang tính nghệ thuật ứng dụng, bởi nó buộc phải lựa chọn và xử lý hình thức theo những quy luật thẩm mỹ nhất định để tạo ra hiệu quả tiếp nhận. Nói cách khác, nội dung học thuật không thể tự thân trở thành tri thức xã hội nếu thiếu một cơ chế thị giác hóa hợp lý; và cơ chế ấy chính là ngôn ngữ tạo hình.

Đặc điểm “học thuật – giáo dục” của ngôn ngữ tạo hình được hình thành từ tính chất đặc thù của trường đại học. Môi trường đại học đặt nặng: chuẩn mực tri thức, tính xác tín, tính hệ thống, và ethos học thuật (tinh thần học thuật). Bởi vậy, ngôn ngữ tạo hình của trang thông tin điện tử đại học thường hướng

đến các phẩm chất thị giác tương ứng: tính chuẩn mực, tính tiết chế, tính minh bạch, tính ổn định, tính trật tự. Đây không phải là yêu cầu chức năng thuần túy; nó là một lựa chọn thẩm mỹ mang tính quy phạm, tương tự như “phong cách nghi lễ” trong nghệ thuật truyền thống – nơi hình thức được quy định để tạo ra uy tín, sự trang trọng và tính chính danh.

Có thể nhận diện tính học thuật – giáo dục trong ngôn ngữ tạo hình qua bốn tầng lập luận chính:

Thứ nhất, ngôn ngữ tạo hình tạo lập “khí chất học thuật” như một dạng phong cách mỹ thuật. Trong mỹ thuật học, phong cách không chỉ là sự khác biệt hình thức, mà là biểu hiện của một hệ giá trị và một tinh thần thời đại/thiết chế. Trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt tại Việt Nam, thường phải biểu đạt đồng thời hai chiều: (i) tính nghiêm cẩn của thiết chế đào tạo – nghiên cứu; (ii) tính mở của môi trường tri thức hiện đại. Hai chiều này tạo ra một phong cách thị giác đặc thù: nghiêm trang nhưng không cổ kính; hiện đại nhưng không phô trương. Việc lựa chọn màu chủ đạo (thường tiết chế, ổn định), cách xử lý typography (ưu tiên độ đọc và tính trung tính), cách dùng hình ảnh (ưu tiên minh họa có tính xác tín, ít cường điệu), và cách thiết lập nhịp độ thị giác (ít “ồn”, nhiều “khoảng thở”) chính là quá trình tạo lập phong cách. Đó là tiêu chí nghệ thuật, không phải tiêu chí kỹ thuật.

Thứ hai, ngôn ngữ tạo hình trong website đại học là cơ chế “thị giác hóa tri thức”, biến cấu trúc học thuật thành cấu trúc thị giác. Tri thức đại học có đặc điểm: phân ngành, phân tầng, liên kết, có hệ thống thuật ngữ và quy trình. Nếu thiếu một cơ chế biểu đạt tương ứng, tri thức sẽ trở thành một khối văn bản rời rạc, khó tiếp nhận. Do đó, thiết kế phải chuyên hóa các quan hệ học thuật (đào tạo – nghiên cứu – hợp tác – phục vụ cộng đồng) thành quan hệ thị giác (phân cấp – nhóm hóa – nhấn mạnh – dẫn dắt). Đây là thao tác nghệ thuật cốt lõi: chuyển hóa cấu trúc trừu tượng thành hình thức cảm nhận được. Tính nghệ

thuật nằm ở năng lực “phiên dịch” này: cùng một nội dung, cách tổ chức thị giác khác nhau sẽ tạo ra mức độ thuyết phục khác nhau, từ đó tác động đến uy tín học thuật và niềm tin xã hội đối với nhà trường.

Thứ ba, ngôn ngữ tạo hình đảm nhiệm vai trò “đạo đức thị giác” của giáo dục đại học. Trong bối cảnh truyền thông số, hình thức thị giác có thể dẫn đến thao túng cảm xúc (giật tít, cường điệu hình ảnh, dùng hiệu ứng gây nghiện...). Tuy nhiên, website giáo dục đại học – với tư cách là không gian của tri thức và nhân cách khoa học – không thể vận hành bằng “mỹ học gây sốc” hay “mỹ học dụ dỗ”. Vì vậy, ngôn ngữ tạo hình ở đây gắn với một nguyên tắc: thẩm mỹ phải đi cùng trách nhiệm giáo dục. Sự tiết chế, tính rõ ràng, việc ưu tiên nội dung học thuật và sự tôn trọng người xem không chỉ là “thân thiện” theo nghĩa UX, mà là biểu hiện của một mỹ học có định hướng giá trị. Điều này giúp khẳng định đây là một đặc trưng nghệ thuật riêng của thiết kế website trong lĩnh vực giáo dục đại học: thẩm mỹ được đặt trong quan hệ nội tại với đạo lý giáo dục và ethos học thuật.

Thứ tư, ngôn ngữ tạo hình phản ánh tương tác giữa hiện đại hóa và bản địa hóa trong giáo dục đại học Việt Nam. Thiết kế website đại học ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của xu hướng thiết kế quốc tế, nhưng không thể tách rời bối cảnh văn hóa – thẩm mỹ bản địa (thói quen đọc, cảm thức về trang trọng, biểu tượng truyền thống của nhà trường...). Vì vậy, ngôn ngữ tạo hình thường thể hiện sự dung hòa: hiện đại về cấu trúc và kỹ thuật biểu đạt, nhưng vẫn duy trì những dấu hiệu bản sắc (màu nhận diện, biểu trưng, hệ hình trang trọng trong bố cục, cách dùng ảnh nghi lễ – sự kiện, v.v.). Dung hòa ấy không phải “thỏa hiệp kỹ thuật”, mà là lựa chọn nghệ thuật: xác lập bản sắc thị giác trong quá trình hiện đại hóa.

Từ các lập luận trên, có thể kết luận: “Ngôn ngữ tạo hình học thuật – giáo dục” là một đặc trưng nghệ thuật cốt lõi của thiết kế trang thông tin điện tử

trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam, bởi nó biểu hiện đồng thời phong cách thị giác, cơ chế thị giác hóa tri thức, mỹ học gắn với trách nhiệm giáo dục, và bản sắc văn hóa của thiết chế đại học. Thiết kế ở đây không chỉ làm đẹp hoặc làm rõ, mà làm nhiệm vụ mang tính mỹ thuật ứng dụng: tạo lập hình thức biểu đạt để tri thức trở thành khả kiến, khả cảm và khả tin.

3.3. Giá trị của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học

3.3.1. Giá trị thẩm mỹ

Trong nghệ thuật thiết kế nói chung và thiết kế giao diện số nói riêng, thẩm mỹ không đơn thuần là sự “trang điểm” cho một sản phẩm chức năng. Đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, giá trị thẩm mỹ còn mang một vai trò cao hơn: nó chính là kênh giao tiếp đầu tiên giữa người học với tri thức, là phương tiện trực quan để truyền tải triết lý giáo dục, và là yếu tố kiến tạo không gian học tập mang tính nhân văn, khơi dậy cảm hứng học hỏi lâu dài. Khác với những lĩnh vực thiết kế phục vụ thị trường tiêu dùng, nơi giá trị thẩm mỹ đôi khi gắn với xu hướng hoặc thị hiếu nhất thời, thì trong giáo dục, thẩm mỹ gắn với định hướng phát triển con người, và do đó, mang bản chất sâu xa hơn, bền vững hơn và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng học tập.

Một TTTĐT giáo dục đại học được thiết kế tốt không chỉ cần “đúng kỹ thuật”, “đúng mục tiêu”, mà còn cần “đúng cảm xúc”. Trong nhiều trường hợp, người học không rời bỏ nền tảng học tập số vì thiếu nội dung, mà vì cảm giác ngột ngạt, khô khan hoặc thiếu thiện cảm ngay từ cái nhìn đầu tiên. Điều này cho thấy rằng, thẩm mỹ thị giác là điều kiện ban đầu và liên tục để người học thiết lập mối quan hệ tích cực với không gian học tập số. Như Norman Donald (2013) từng khẳng định trong lý thuyết về thiết kế trải nghiệm: “Người dùng thường đánh giá sản phẩm không chỉ qua chức năng, mà qua cảm xúc mà sản phẩm đó khơi gợi - và thẩm mỹ chính là yếu tố đánh thức cảm xúc ngay tức

thì” [73, tr.10]. Trong giáo dục, sự đánh thức cảm xúc đó có thể là cảm giác gần gũi, tò mò, thích thú, tin cậy - tất cả đều là nền tảng để người học bước vào tiến trình tiếp thu tri thức một cách chủ động và tích cực.

Giá trị thẩm mỹ của TTTĐT giáo dục đại học trước hết nằm ở khả năng kiến tạo một không gian học tập số hài hòa, cân bằng, phù hợp với đặc điểm nhận thức của người học. Một giao diện có bố cục chặt chẽ, màu sắc hài hòa, biểu tượng dễ hiểu, hình ảnh có chiều sâu và typography rõ ràng sẽ giúp người học dễ dàng điều hướng, tránh căng thẳng thị giác và duy trì sự chú ý. Tính thẩm mỹ ở đây không nằm ở sự cầu kỳ hay phức tạp, mà ở sự tiết chế hợp lý, sự tinh tế trong phối hợp giữa các yếu tố thị giác, và đặc biệt là tính nhất quán - nhất quán trong hệ thống màu, biểu tượng, phong chữ và cách dẫn dắt thông tin. Chính sự nhất quán này tạo ra cảm giác an toàn và dễ định hình trong tư duy của người học - một yếu tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả ghi nhớ và tiếp thu nội dung học.

Tuy nhiên, giá trị thẩm mỹ không chỉ dừng lại ở tính hài hòa thị giác mà còn phải phản ánh tinh thần và bản sắc của nhà trường, của hệ thống giáo dục. TTTĐT, về bản chất, là một sản phẩm truyền thông số. Trong giáo dục, nó phải thể hiện được văn hóa học thuật, tinh thần sư phạm và giá trị nhân văn mà cơ sở đào tạo theo đuổi. Một thiết kế tốt không chỉ thể hiện điều đó bằng khẩu hiệu, mà bằng từng chi tiết: màu xanh lam trầm tạo cảm giác học thuật, font chữ hiện đại thể hiện sự đổi mới, hình ảnh học sinh trong hoạt động ngoại khóa phản ánh tính toàn diện, hoặc biểu tượng văn hóa địa phương thể hiện sự gắn kết bản sắc dân tộc. Như vậy, giá trị thẩm mỹ còn là giá trị biểu trưng - nơi mà người học có thể cảm nhận được triết lý giáo dục không chỉ bằng ngôn từ, mà bằng cảm xúc thẩm mỹ và trải nghiệm trực giác.

Ở cấp độ rộng hơn, thiết kế TTTĐT giáo dục đại học có tính thẩm mỹ còn góp phần định hình gu thẩm mỹ, thói quen thị giác và tư duy thẩm định

hình ảnh của người học. Đặc biệt với học sinh - sinh viên đang trong độ tuổi phát triển cảm xúc thẩm mỹ, giao diện học tập chính là môi trường trực tiếp để họ tiếp xúc hàng ngày với bố cục, hình ảnh, màu sắc, biểu tượng - và từ đó, hình thành nên cách cảm nhận, đánh giá và lựa chọn trong không gian sống số của chính họ. Như Vygotsky đã chỉ ra, môi trường học tập không chỉ hỗ trợ mà còn “định hình tư duy và cảm xúc” của người học thông qua tiếp xúc lâu dài với ngôn ngữ, hình ảnh và biểu tượng [88]. Theo nghĩa này, thiết kế TTTĐT giáo dục không đơn thuần là phục vụ học tập, mà chính là một hình thức giáo dục thẩm mỹ gián tiếp - giúp người học nâng cao năng lực thẩm định hình ảnh, từ đó phát triển tư duy thị giác và sự tinh tế trong cảm xúc.

Ở góc nhìn văn hóa - xã hội, TTTĐT giáo dục đại học cũng là một phần của “giao diện văn hóa học đường”. Tính thẩm mỹ trong thiết kế phản ánh trình độ tiếp cận của nền giáo dục với các xu hướng thị giác đương đại, đồng thời thể hiện mức độ quan tâm của nhà trường đối với người học không chỉ ở nội dung giảng dạy, mà ở trải nghiệm học tập toàn diện. Một TTTĐT được thiết kế đẹp, rõ ràng, sáng tạo và có chiều sâu sẽ nâng cao hình ảnh của nhà trường trong mắt phụ huynh, xã hội và đối tác quốc tế. Ngược lại, một TTTĐT sơ sài, lỗi thời hoặc kém thẩm mỹ sẽ làm tổn hại đến thương hiệu giáo dục, bất chấp nội dung bên trong có giá trị đến đâu.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, giá trị thẩm mỹ trong thiết kế TTTĐT giáo dục đại học là một giá trị đa tầng: vừa trực tiếp hỗ trợ việc học tập hiệu quả hơn, vừa gián tiếp nâng cao cảm xúc, văn hóa thị giác và trải nghiệm của người học, vừa đóng vai trò chiến lược trong xây dựng hình ảnh giáo dục hiện đại, sáng tạo và nhân văn. Đó không phải là điều phụ trợ, mà là một yếu tố trung tâm trong việc xây dựng môi trường học tập số có chiều sâu văn hóa và chiều cao học thuật. Vai trò của người làm mỹ thuật ứng dụng trong bối cảnh này, vì vậy, càng trở nên quan trọng - không chỉ là người tạo hình, mà là người

“chỉnh nhạc thị giác” cho toàn bộ bản giao hưởng giáo dục số hiện đại.

3.3.2. Giá trị giáo dục

Giá trị giáo dục là nền tảng không thể thiếu khi xét đến bất kỳ hoạt động, sản phẩm hay phương tiện nào trong lĩnh vực sư phạm - và thiết kế TTTĐT giáo dục, với tư cách là một hình thức giao tiếp thị giác và công cụ học tập trong môi trường số, cũng không nằm ngoài nguyên tắc đó. Trong bối cảnh chuyển đổi số đang tác động sâu rộng đến toàn bộ hệ sinh thái giáo dục, website không còn đơn thuần là kênh thông tin hay bảng tin điện tử của các cơ sở đào tạo, mà đã trở thành một không gian học tập tích cực, nơi người học tương tác với tri thức, với cộng đồng học thuật và với chính bản thân mình. Do vậy, giá trị giáo dục trong thiết kế TTTĐT không chỉ nằm ở nội dung, mà còn hiện diện một cách sâu sắc trong cách thức thị giác hóa tri thức, tổ chức hành vi học tập, và khơi gợi hứng thú học hỏi bền vững.

Trước hết, một TTTĐT giáo dục có giá trị thực sự phải khơi mở hành vi học tập tích cực, tạo điều kiện để người học không chỉ tiêu thụ tri thức một chiều mà có thể chủ động khám phá, tương tác và phản hồi. Giá trị giáo dục, theo nghĩa này, nằm ở việc thiết kế sao cho người học cảm thấy được dẫn dắt, được khuyến khích và được phản ánh trong không gian học. Chẳng hạn, một hệ thống giao diện được tổ chức tốt sẽ giúp người học dễ dàng tìm thấy tài liệu, tra cứu khóa học, theo dõi tiến độ, lưu lại kết quả học tập và đặt câu hỏi. Khi đó, thiết kế không còn là công cụ, mà trở thành người bạn đồng hành thầm lặng, giúp người học xây dựng lộ trình học phù hợp với năng lực và nhu cầu cá nhân. Theo mô hình học tập tích cực (active learning) của Bonwell & Eison (1991), học tập hiệu quả đòi hỏi người học phải được tham gia, thực hành, phản ánh và đặt câu hỏi - và một TTTĐT được thiết kế tốt có thể đóng vai trò như môi trường hỗ trợ đầy đủ cho tất cả các hành vi đó [37, tr.5].

Bên cạnh đó, giá trị giáo dục của TTTĐT còn thể hiện ở khả năng kết

nối giữa nội dung học tập và trải nghiệm thị giác. Trong thiết kế giáo dục, một nguyên lý then chốt là “học tập diễn ra hiệu quả nhất khi nội dung được tổ chức một cách trực quan và phù hợp với nhịp tư duy của người học” [68]. Điều này có nghĩa là nếu các yếu tố đồ họa, hình ảnh, màu sắc, bố cục, biểu tượng... được sử dụng một cách hợp lý, chúng không chỉ làm cho nội dung trở nên dễ hiểu hơn, mà còn hỗ trợ trí nhớ ngắn hạn và dài hạn, giảm tải nhận thức và giúp học sinh - sinh viên xử lý thông tin hiệu quả hơn. Mayer gọi đây là nguyên lý đa phương tiện trong học tập (multimedia principle), nơi lời nói và hình ảnh nếu được kết hợp đúng cách sẽ giúp tăng cường hiểu biết rõ rệt. Vì vậy, một TTTĐT được thiết kế dựa trên tư duy sư phạm hiện đại sẽ không dừng lại ở việc “trình bày nội dung đẹp”, mà phải đạt được mục tiêu là “dạy được thông qua thiết kế”.

Không những vậy, giá trị giáo dục còn nằm ở khả năng gợi cảm hứng học tập và hình thành văn hóa học tập tự giác trong người học. Một thiết kế đẹp, thân thiện, giàu tính nhân văn có thể làm tăng sự gắn bó của học sinh với ngôi trường, lớp học, hoặc hệ thống đào tạo - ngay cả khi đó là một môi trường ảo. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh học tập từ xa, khi người học không có môi trường vật lý để tương tác xã hội. Nghiên cứu của Martin, Sunley và Turner (2017) tại Anh về ảnh hưởng của thiết kế giao diện đến động lực học tập của sinh viên đại học cho thấy rằng: những TTTĐT có yếu tố thẩm mỹ cao, sử dụng hình ảnh học tập tích cực và tổ chức logic giúp sinh viên duy trì thói quen truy cập thường xuyên hơn 41% so với các website có cấu trúc cũ và thiếu đầu tư thị giác [67, tr. 338-342]. Ở đây, thiết kế không còn là công cụ phụ trợ, mà trở thành chất xúc tác cho sự hình thành văn hóa học tập liên tục và chủ động.

Một khía cạnh quan trọng khác của giá trị giáo dục là tính bao trùm và công bằng (inclusivity and equity). Thiết kế TTTĐT giáo dục đại học cần đảm bảo khả năng tiếp cận cho tất cả mọi người, kể cả những người có khó khăn về nhận thức, thị giác, hay học tập - tức là phải tuân thủ các nguyên tắc thiết kế để

tiếp cận (accessible design). Theo Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.1 - tiêu chuẩn quốc tế do W3C ban hành - mọi website giáo dục nên đảm bảo bốn tiêu chí: dễ nhận biết (perceivable), dễ thao tác (operable), dễ hiểu (understandable), và dễ tương thích với các thiết bị hỗ trợ (robust) [139]. Khi đáp ứng được các tiêu chí này, TTTĐT không chỉ phục vụ nhóm người học phổ thông, mà còn tạo cơ hội công bằng cho học sinh khuyết tật, học sinh vùng sâu vùng xa, người già, hoặc những đối tượng có năng lực đặc biệt. Đây cũng chính là biểu hiện rõ ràng nhất cho giá trị nhân văn trong thiết kế - một giá trị cốt lõi của giáo dục toàn diện hiện nay.

Từ góc độ mỹ thuật ứng dụng, giá trị giáo dục của thiết kế không phải là một khái niệm trừu tượng, mà là năng lực tổ chức các yếu tố hình ảnh một cách có chủ đích, có định hướng sư phạm, nhằm nâng cao chất lượng tương tác giữa người học và môi trường học. Một thiết kế có giá trị giáo dục là thiết kế mang đến trải nghiệm học tập sâu sắc, bền vững, truyền cảm hứng và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của người học - cả về nhận thức, cảm xúc và thẩm mỹ. Thiết kế đó vừa tôn trọng người học như một chủ thể tự do, vừa dẫn dắt họ theo những hướng đi tích cực của một nền giáo dục hiện đại, dân chủ và khai phóng.

3.3.3. Giá trị văn hóa

Thiết kế TTTĐT giáo dục đại học không chỉ là hoạt động mang tính kỹ thuật, thẩm mỹ hay sư phạm thuần túy, mà còn là một hành vi mang tính văn hóa sâu sắc, bởi nó phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan và bản sắc của một cộng đồng học thuật, một nền giáo dục, thậm chí là của cả một quốc gia. TTTĐT giáo dục đại học - đặc biệt trong thời đại chuyển đổi số - không đơn thuần là “giao diện điện tử” của một cơ sở đào tạo, mà đã trở thành không gian văn hóa học đường trực tuyến, nơi chứa đựng và truyền tải những giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, truyền thống sư phạm và bản sắc văn hóa địa phương, dân tộc. Bởi vậy, một thiết kế TTTĐT có giá trị văn hóa không những hỗ trợ học tập

hiệu quả, mà còn có khả năng bồi đắp bản sắc, nâng cao niềm tự hào và tạo dựng môi liên hệ cảm xúc bền chặt giữa người học với cộng đồng giáo dục.

Trước hết, TTTĐT giáo dục đại học là nơi thể hiện rõ nhất cách một cơ sở đào tạo xác lập và truyền thông bản sắc văn hóa học đường của mình. Điều này không chỉ nằm ở nội dung, mà nằm ngay trong ngôn ngữ thiết kế: cách chọn màu sắc, cách trình bày hình ảnh, lựa chọn biểu tượng, cách đặt tên các mục, cách sử dụng hình ảnh giáo viên, học sinh, các sự kiện truyền thống hay thành tựu học thuật. Tất cả những yếu tố ấy đều góp phần kiến tạo nên “câu chuyện thị giác” về một ngôi trường, một hệ thống giáo dục. Theo quan điểm của Hall (1997), văn hóa không chỉ là “cái được nói ra” mà là “cách mà mọi thứ được biểu hiện” [47, tr. 38]; trong thiết kế, đây chính là nơi mà hình ảnh, màu sắc, không gian thị giác trở thành công cụ mang ý nghĩa văn hóa, không lời mà thấm đẫm.

Giá trị văn hóa trong thiết kế TTTĐT giáo dục đại học cũng được thể hiện thông qua việc kết nối truyền thống với hiện đại, bản địa với toàn cầu, và lý tưởng giáo dục với đời sống xã hội đương đại. Trong một TTTĐT giáo dục ở Việt Nam, chẳng hạn, hình ảnh trống đồng, văn bia Văn Miếu, gam màu vàng đất gợi không gian học đường cổ kính, hoặc phong chữ thư pháp nhẹ nhàng được sử dụng hợp lý, không chỉ tạo dấu ấn thị giác mà còn gợi nhắc đến truyền thống tôn sư trọng đạo, tinh thần hiếu học - những giá trị cốt lõi trong văn hóa Việt. Đồng thời, khi kết hợp với bố cục hiện đại, công nghệ tương tác thời gian thực, và hình ảnh học sinh năng động, hiện đại, thiết kế ấy cũng thể hiện sự tiếp biến hài hòa giữa di sản và tương lai, giữa giá trị dân tộc và tính hội nhập toàn cầu.

Một ví dụ điển hình là TTTĐT chính thức của ĐHQGHN, nơi sử dụng màu xanh lam đặc trưng cho học thuật và khoa học, kết hợp với logo cách điệu hình ảnh Khuê Văn Các - biểu tượng tri thức truyền thống của Hà Nội ngàn

năm văn hiến. Bên cạnh đó, các hình ảnh học sinh, hoạt động trao đổi quốc tế, hội thảo khoa học được cập nhật thường xuyên, cho thấy sự cởi mở, hiện đại và năng động của một trường đại học hàng đầu. Như vậy, chính thiết kế TTTĐT đã trở thành một “thực thể văn hóa”, nơi quá khứ, hiện tại và tương lai hội tụ qua thị giác. TTTĐT của Trường ĐHMTVN lấy hình ảnh ở trang chủ là hình ảnh không gian nhà trường với các bức tượng điêu khắc, thể hiện giá trị đặc trưng về nghệ thuật của nhà trường với truyền thống 100 năm - cái nôi của ngành mỹ thuật Việt Nam.

Tầm quan trọng của giá trị văn hóa trong thiết kế TTTĐT giáo dục còn được nhấn mạnh khi đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Trong thời đại mà các nền giáo dục cạnh tranh không chỉ bằng chất lượng đào tạo mà còn bằng hình ảnh, thương hiệu và sự gắn kết cộng đồng, TTTĐT trở thành cửa ngõ đầu tiên để sinh viên quốc tế, đối tác nghiên cứu và phụ huynh tiếp cận với “hồn cốt” của một tổ chức giáo dục. Theo nghiên cứu của Margolin (2002), thiết kế là một “công cụ sản xuất văn hóa” (cultural production tool), không chỉ tạo hình cho vật thể mà còn tạo hình cho cách cộng đồng nhận diện, gắn bó và đánh giá các giá trị xã hội [66, tr.31]. Vì vậy, một TTTĐT không mang yếu tố văn hóa riêng biệt sẽ rất dễ hòa tan trong biển thông tin toàn cầu, đánh mất cơ hội khẳng định bản sắc giáo dục quốc gia.

Không dừng lại ở mức độ hình tượng, giá trị văn hóa còn được thể hiện qua cách tổ chức thông tin, ngôn ngữ sử dụng, và tinh thần học thuật mà giao diện thể hiện. Một TTTĐT giáo dục được thiết kế theo tinh thần “mở”, khuyến khích người học tìm tòi, khám phá, tự học và thể hiện chính kiến, phản ánh tư duy giáo dục khai phóng. Ngược lại, một TTTĐT khô cứng, phân cấp cứng nhắc, ít hình ảnh tương tác, cũng có thể phần nào phản ánh tư duy giáo dục truyền thống, nặng tính áp đặt, thiếu kết nối cá nhân. Như vậy, thiết kế không chỉ thể hiện văn hóa theo nghĩa hình ảnh, mà còn thể hiện “văn hóa thiết kế

giáo dục” - tức là triết lý dạy và học được “mã hóa” trong từng đường nét, màu sắc, và cách tổ chức giao diện.

Từ góc độ mỹ thuật ứng dụng, có thể khẳng định rằng: mỗi sản phẩm thiết kế, nếu được tạo ra trong môi trường giáo dục, đều mang tính văn hóa - không chỉ vì nó được sử dụng trong môi trường giáo dục, mà vì bản thân nó tham gia vào quá trình kiến tạo và tái sản xuất các giá trị giáo dục và văn hóa. Thiết kế TTTĐT giáo dục mang giá trị văn hóa là thiết kế làm cho người học không chỉ thấy đẹp, mà thấy thân thuộc, thấy tự hào, thấy có trách nhiệm gìn giữ và tiếp nối truyền thống học tập mà mình là một phần trong đó. Thiết kế ấy là điểm chạm của thẩm mỹ, giáo dục và bản sắc - nơi mà mọi quyết định về hình ảnh, màu sắc, kiểu chữ... đều trở thành dấu hiệu văn hóa được mã hóa một cách tinh tế.

3.3.4. Giá trị và thương hiệu giáo dục

Đặc trưng quan trọng trong thiết kế TTTĐT giáo dục là khả năng truyền tải được sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của đơn vị giáo dục. Giao diện phải giúp người dùng cảm nhận được triết lý giáo dục, sự chuyên nghiệp và uy tín của tổ chức thông qua ngôn ngữ thiết kế, cách trình bày thông tin và nội dung. Hiện nay, trên TTTĐT của các trường đều có phần giới thiệu chung về sứ mệnh - tầm nhìn - giá trị cốt lõi của nhà trường. Bên cạnh nội dung, việc truyền tải nội dung này được thiết kế thành mô hình với màu sắc, bố cục, giao diện thể hiện đúng tính chất của văn hóa nhà trường. ĐHQGHN thể hiện đúng tinh thần “đổi mới sáng tạo - trách nhiệm quốc gia - phát triển bền vững” với sơ đồ tông màu xanh lá (tông màu chính của TTTĐT). Bố cục, giao diện theo phong cách truyền thống, chuẩn mực, mang giá trị bền vững [PL2, Hình 2.35, tr.203]. Trong khi đó, ĐHQGHCM với tinh thần sáng tạo, cởi mở, hiện đại, lựa chọn cách xây dựng mô hình dạng hình cây cách điệu, dựa trên tông màu xanh dương (tông màu chính của TTTĐT) [PL2, Hình 2.36, tr.204].

Việc xây dựng hình ảnh đội ngũ giảng viên, trình bày cơ sở vật chất, chia sẻ thành tựu học tập hay phản hồi từ sinh viên, phụ huynh sẽ tăng tính xác thực và tạo dựng lòng tin. Thiết kế không chỉ là yếu tố kỹ thuật mà còn là công cụ chiến lược trong việc xây dựng thương hiệu giáo dục. Một TTTĐT được đầu tư kỹ lưỡng về mặt thương hiệu sẽ tạo ra dấu ấn bền vững trong tâm trí người truy cập, đồng thời tăng mức độ gắn bó với tổ chức giáo dục.

Theo nhà thiết kế NTL – Trường Đại học Kiến trúc Tp HCM “một website đại học hiệu quả cần đảm bảo ba yếu tố cốt lõi: tính học thuật, tính trải nghiệm và tính nhận diện thương hiệu. Thiết kế phải trực quan, dễ sử dụng nhưng đồng thời phải có chiều sâu văn hóa và phản ánh được tinh thần giáo dục của nhà trường”³.

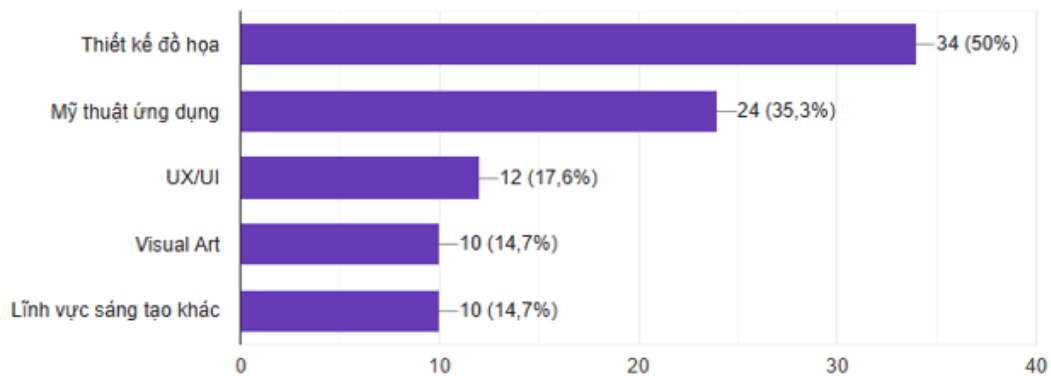
Nghệ thuật thiết kế TTTĐT trong giáo dục đại học là một quá trình đa chiều, đòi hỏi sự kết hợp giữa chuyên môn sư phạm, hiểu biết công nghệ và tư duy thiết kế thẩm mỹ. Một TTTĐT giáo dục đại học tốt không chỉ là nơi chứa thông tin mà là nền tảng học tập, kênh giao tiếp và bộ mặt thương hiệu của một tổ chức. Những đặc trưng nêu trên chính là nền tảng để xây dựng một hệ thống trực tuyến vừa hiệu quả về mặt học thuật, vừa ấn tượng về mặt trải nghiệm người dùng. Đồng thời, TTTĐT còn là công cụ thể hiện bản sắc, sự chuyên nghiệp và năng lực thích nghi của tổ chức giáo dục trong kỷ nguyên số.

3.4. Xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học

Để nhận định xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học hiện nay, bên cạnh việc nghiên cứu sự tác động của bối cảnh kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ, tác giả tiến hành khảo sát và phỏng vấn các nhà thiết kế mỹ thuật nói chung và trong lĩnh vực thiết kế trang thông tin điện tử nói riêng.

³ Phỏng vấn NTL, tháng 4/2024

Qua khảo sát 68 chuyên gia trong lĩnh vực thiết kế,



Biểu đồ 3.1. Lĩnh vực chuyên môn của các chuyên gia

- 50% chuyên gia thuộc lĩnh vực thiết kế đồ họa.
- 35,3% chuyên gia thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng
- 17,6% chuyên gia thuộc lĩnh vực UX/UI
- 14,7% chuyên gia thuộc lĩnh vực Visual Art
- 14,7% chuyên gia thuộc các lĩnh vực sáng tạo khác.

NCS đã thu được kết quả nhận định các xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học. Đây là các xu hướng vừa thống nhất chung với các xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử nói chung, vừa gắn liền với xu thế phát triển của giáo dục đại học trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam.

3.4.1. Xu hướng tối giản

Trong những năm gần đây, thiết kế tối giản (minimalism) đã trở thành một trong những xu hướng chủ đạo trong thiết kế giao diện số nói chung và thiết kế TTTĐT giáo dục đại học nói riêng. Xu hướng này không chỉ đơn thuần là một lựa chọn thẩm mỹ, mà đã trở thành một chiến lược thiết kế có cơ sở lý luận vững chắc, phản ánh sự phát triển của tư duy thẩm mỹ hiện đại, sự tiến bộ của công nghệ, và sự thay đổi trong hành vi tiếp nhận thông tin của người học trong thời đại số. Tối giản - trong ngữ cảnh của thiết kế giáo dục - không chỉ là

“càng ít càng tốt”, mà là “càng rõ càng hiệu quả”, giúp tạo ra một không gian học tập trực quan, thân thiện, tập trung vào nội dung, giảm nhiễu thị giác và khuyến khích tư duy sâu.

Xu hướng tối giản trong thiết kế giao diện được khởi nguồn từ các nguyên lý thị giác hiện đại và tư tưởng Bauhaus về sự cân bằng giữa hình và công năng. Trong thiết kế TTTĐT giáo dục đại học, tinh thần này được ứng dụng một cách hiệu quả qua các đặc điểm: sử dụng màu sắc giới hạn (thường là 2-3 tông chủ đạo), giảm thiểu hình ảnh minh họa không cần thiết, dùng font chữ không chân (sans-serif) dễ đọc, bố cục dạng lưới, nhiều khoảng trắng và tổ chức thông tin theo thứ tự ưu tiên nhận thức. Mục tiêu cốt lõi là giúp người học tiếp cận tri thức nhanh chóng, ít bị phân tán và giữ được sự tập trung dài hạn - một yêu cầu ngày càng quan trọng trong bối cảnh học tập trực tuyến kéo dài và hiện tượng quá tải thông tin đang trở thành thách thức toàn cầu.

Theo nghiên cứu của Tuch et al. (2012), giao diện được thiết kế theo phong cách tối giản thường tạo ra ấn tượng tích cực hơn về sự chuyên nghiệp, độ tin cậy và khả năng học tập hiệu quả, đặc biệt trong các bối cảnh giáo dục chính quy hoặc đào tạo trực tuyến có kiểm định. Tuch và cộng sự đã tiến hành thực nghiệm với hơn 150 sinh viên và nhận thấy rằng những người tiếp xúc với giao diện đơn giản, rõ ràng có khả năng ghi nhớ thông tin tốt hơn, đánh giá cao chất lượng khóa học hơn, và duy trì sự chú ý lâu hơn 28% so với nhóm sử dụng giao diện rối rắm, nhiều hình ảnh và màu sắc [85, tr. 160-163].

Trong môi trường giáo dục Việt Nam, xu hướng tối giản cũng đang dần định hình trong các sản phẩm thiết kế TTTĐT giáo dục hiện đại. Một số đơn vị tiên phong như Đại học Fulbright Việt Nam, Trường Quốc tế Liên Hợp Quốc (UNIS Hanoi), hay Trường Đại học RMIT Việt Nam đều ứng dụng thiết kế tối giản với giao diện sử dụng nhiều khoảng trắng, font chữ hiện đại, hình ảnh chân thực, và tổ chức thông tin theo hành trình người dùng một cách khoa học. Sự

lựa chọn tối giản ở đây không chỉ là để “theo kịp xu hướng quốc tế”, mà còn là để phản ánh tinh thần giáo dục khai phóng, lấy người học làm trung tâm, loại bỏ yếu tố hình thức gây nhiễu, nhấn mạnh vào trải nghiệm học thuật đích thực.

Tối giản cũng là một chiến lược để tăng tính tương thích và đáp ứng linh hoạt trong thiết kế đa nền tảng. Với sự gia tăng nhanh chóng của người dùng điện thoại thông minh, máy tính bảng và các thiết bị hiển thị khác, thiết kế tối giản giúp giao diện TTTĐT dễ dàng co giãn, điều chỉnh, và giữ được sự nhất quán trong trải nghiệm người dùng. Điều này đặc biệt quan trọng với môi trường giáo dục mở, khi học sinh có thể học tập mọi lúc, mọi nơi, trên nhiều thiết bị với điều kiện kết nối khác nhau. Một thiết kế tối giản, nhẹ về dữ liệu và logic về cấu trúc chính là điều kiện tối ưu cho việc đảm bảo sự bình đẳng trong tiếp cận tri thức - một yêu cầu mang tính giáo dục và xã hội sâu sắc.

Từ góc độ mỹ thuật ứng dụng, tối giản không có nghĩa là đơn điệu. Trái lại, thiết kế tối giản đòi hỏi trình độ tư duy thẩm mỹ cao, khả năng chọn lọc tinh tế và năng lực tổ chức không gian thị giác hợp lý. Nhà thiết kế không còn là người “trang trí”, mà là người loại bỏ cái không cần thiết để làm nổi bật cái cốt lõi - đúng như tư tưởng của nhà thiết kế người Đức Dieter Rams: “*Good design is as little design as possible*”. Trong giáo dục, tư tưởng này càng có ý nghĩa khi mỗi yếu tố thị giác đều phải phục vụ cho việc tiếp nhận và xử lý tri thức.

Khảo sát thực tế của đề tài cũng chứng minh: Yếu tố nghệ thuật thị giác được đa số chuyên gia cho rằng không bị đánh giá thấp trong thiết kế giao diện hiện nay (67,6% ý kiến) [PL1.2, tr. 175]. Như vậy, có thể thấy, xu thế vừa tối giản vừa đảm bảo yếu tố nghệ thuật thị giác đang là bài toán đặt ra đối với các nhà thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục hiện nay.

Không những thế, xu hướng tối giản còn phù hợp với tinh thần giáo dục hiện đại: tự do, khai phóng, cá nhân hóa. Một thiết kế tối giản không ép buộc người học theo một kiểu duy nhất, mà tạo ra không gian linh hoạt để người học chủ động

chọn lựa nội dung, nhịp độ và cách thức học phù hợp với bản thân. TTTĐT giáo dục, khi đó, không còn là nơi “dẫn dắt cứng nhắc”, mà trở thành “môi trường học tập mở” - vừa tinh gọn, vừa đa chiều, vừa thẩm mỹ, vừa hiệu quả.

Có thể thấy, xu hướng tối giản trong thiết kế website giáo dục không chỉ là phản ứng trước sự bội thực thị giác của thời đại số, mà còn là biểu hiện của một triết lý giáo dục mới - nơi người học được đặt ở trung tâm, tri thức được trình bày mạch lạc, không gian học tập được tổ chức như một trải nghiệm thẩm mỹ và tư duy. Đây là xu hướng sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tương lai, trở thành tiêu chuẩn thẩm mỹ và chức năng của các nền tảng học tập số hiện đại.

3.4.2. Xu hướng tiện dụng (usability)

Bên cạnh xu hướng tối giản hóa, một trong những định hướng nổi bật và có tính thực tiễn sâu sắc trong thiết kế TTTĐT giáo dục hiện nay là xu hướng chú trọng tính tiện dụng (usability). Nếu như tối giản tập trung vào việc giảm thiểu yếu tố thị giác không cần thiết để tăng tính tập trung và thẩm mỹ, thì tiện dụng lại hướng đến việc đảm bảo rằng mọi hành động, thao tác và tương tác của người học với hệ thống đều diễn ra dễ dàng, mạch lạc, và phù hợp với logic nhận thức của họ. Trong môi trường học tập số, nơi mà website trở thành công cụ giao tiếp chính giữa người học và cơ sở giáo dục, thì một thiết kế không tiện dụng không chỉ làm giảm hiệu quả học tập, mà còn gây cản trở tâm lý, tạo cảm giác xa lạ, thậm chí khiến người học rời bỏ hệ thống.

Theo định nghĩa của Nielsen Jakob - một trong những chuyên gia hàng đầu thế giới về khả dụng giao diện - usability là mức độ mà người dùng có thể sử dụng một hệ thống để đạt được mục tiêu của họ một cách hiệu quả, hiệu suất và với mức độ hài lòng cao [71, tr.26]. Trong giáo dục, các mục tiêu đó bao gồm tìm kiếm thông tin khóa học, tra cứu học liệu, đăng ký môn học, gửi bài tập, nhận phản hồi từ giáo viên, truy cập kết quả học tập... Nếu giao diện không

đáp ứng được các nhu cầu này một cách thuận tiện, thì dù có thiết kế đẹp đến đâu, trang thông tin điện tử cũng không thể thực sự phát huy vai trò là một không gian học tập hiệu quả.

Tính tiện dụng trong thiết kế TTTĐT giáo dục ngày nay được thể hiện qua nhiều cấp độ, trong đó quan trọng nhất là ba yếu tố: dễ hiểu - dễ thao tác - dễ nhớ. Trước hết, giao diện phải dễ hiểu: cấu trúc nội dung rõ ràng, các mục chức năng được đặt ở vị trí hợp lý, biểu tượng mang tính gợi nghĩa cao, ngôn ngữ sử dụng phù hợp với đối tượng người học. Tiếp theo, giao diện cần dễ thao tác: số bước thực hiện một hành động nên được tối giản hóa, hệ thống phản hồi nhanh, và có thông báo rõ ràng khi xảy ra lỗi. Cuối cùng, hệ thống cần dễ nhớ, tức là sau lần truy cập đầu tiên, người dùng có thể nhanh chóng làm quen và tái lập thao tác trong những lần sau, không cần học lại từ đầu.

Nghiên cứu của Bastien và Scapin (1995) về thiết kế hệ thống giáo dục trực tuyến đã xác lập tám nguyên tắc thiết kế giao diện lấy người dùng làm trung tâm, trong đó nổi bật là các tiêu chí: rõ ràng, phản hồi tức thì, dễ học, tính nhất quán và khả năng kiểm soát của người dùng [34, tr.111-117]. Những nguyên tắc này, khi được áp dụng vào thiết kế website giáo dục, có thể giúp người học giảm tải nhận thức, tiết kiệm thời gian và gia tăng cảm giác kiểm soát trong hành trình học tập - từ đó nâng cao hiệu quả sự phạm một cách tự nhiên và bền vững.

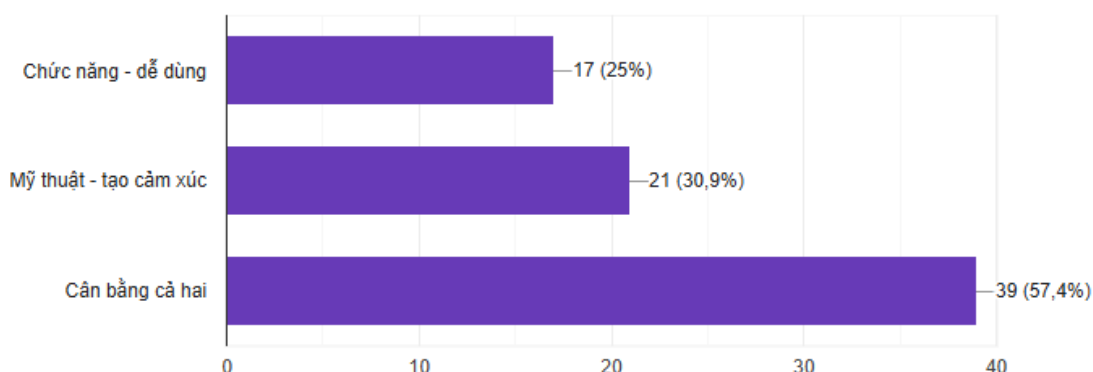
Thực tiễn triển khai tại Việt Nam cũng cho thấy, các trường học có đầu tư đúng mức vào yếu tố tiện dụng trong thiết kế giao diện đã đạt được nhiều hiệu quả tích cực. Ví dụ, TTTĐT của Trường Đại học RMIT Việt Nam (www.rmit.edu.vn) được thiết kế với menu điều hướng rõ ràng, nút đăng ký nhanh, hệ thống phân mục trực quan theo đối tượng (sinh viên, giảng viên, phụ huynh), và có công cụ tìm kiếm mạnh mẽ, giúp người dùng dễ dàng tìm được nội dung mong muốn chỉ sau vài thao tác đơn giản. Tương tự, hệ thống LMS

của FPT Education được thiết kế với tiêu chí “3 dễ”: dễ nhìn - dễ hiểu - dễ thao tác, đã góp phần làm tăng tỷ lệ sinh viên truy cập học liệu đều đặn lên đến 85% mỗi tuần (Báo cáo nội bộ FPT Edu, 2022).

Xu hướng tiện dụng trong thiết kế website giáo dục còn thể hiện rõ nét ở việc tích hợp các công nghệ hỗ trợ cá nhân hóa hành vi học tập như: bảng điều khiển cá nhân (dashboard), thống kê tiến trình học, hệ thống nhắc việc thông minh, chatbot hỗ trợ 24/7, và phản hồi tức thì khi nộp bài hoặc đăng ký môn học. Những yếu tố này không chỉ làm tăng sự thuận tiện, mà còn giúp người học hình thành thói quen học tập chủ động và tự quản, phù hợp với triết lý giáo dục khai phóng, lấy người học làm trung tâm.

Từ góc nhìn mỹ thuật ứng dụng, một thiết kế có tính tiện dụng cao đòi hỏi nhà thiết kế phải nắm vững tâm lý học nhận thức, hiểu rõ hành vi người dùng và đồng thời có năng lực tổ chức bố cục, màu sắc, biểu tượng và ngôn ngữ thị giác theo hướng tối ưu hóa trải nghiệm. Điều này đặt ra yêu cầu rất cao về khả năng phân tích, phối hợp liên ngành (giữa thiết kế - sư phạm - công nghệ), và khả năng chuyển hóa tri thức phức tạp thành giao diện đơn giản, dễ hiểu, dễ dùng. Có thể nói, tiện dụng không làm giảm vai trò của nghệ thuật trong thiết kế, mà thể hiện trình độ nghệ thuật ở cấp độ tinh tế và giàu tính nhân văn nhất: làm cho cái đẹp trở nên gần gũi, dễ tiếp cận và hữu ích cho tất cả người học - bất kể độ tuổi, nền tảng học vấn hay điều kiện tiếp cận công nghệ.

Khảo sát của đề tài cho thấy đa số các câu trả lời đều cho rằng giao diện trang thông tin điện tử nên thiên về Cân bằng cả yếu tố Chức năng - dễ dùng và Mỹ thuật - tạo cảm xúc (57,4%).



Biểu đồ 3.2. Xu hướng thiết kế giao diện trang thông tin điện tử

Như vậy, trong bối cảnh giáo dục số hóa, xu hướng tiện dụng trong thiết kế TTTĐT giáo dục không chỉ là yêu cầu kỹ thuật, mà là một biểu hiện của tư duy giáo dục hiện đại - lấy trải nghiệm của người học làm trung tâm, lấy khả năng tiếp cận tri thức làm tiêu chuẩn, và lấy sự hài lòng trong học tập làm mục tiêu cuối cùng. Đây cũng là nền tảng để xây dựng một nền thiết kế giáo dục vừa thẩm mỹ, vừa hiệu quả, vừa bao trùm - phù hợp với xu hướng phát triển của mỹ thuật ứng dụng trong kỷ nguyên số.

3.4.3. Xu hướng thiết kế tương tác cao

Cùng với hai trụ cột tối giản và tiện dụng, một xu hướng thiết kế nổi bật khác đang định hình lại toàn bộ hệ sinh thái website giáo dục hiện nay là thiết kế tương tác cao (high interactivity design). Trong thời đại mà người học không còn là đối tượng thụ động tiếp nhận tri thức mà trở thành chủ thể trung tâm của quá trình học tập, tương tác không chỉ là một chức năng kỹ thuật, mà là một yêu cầu sư phạm, một chiến lược thị giác, và một biểu hiện sâu sắc của triết lý giáo dục hiện đại. Thiết kế tương tác cao giúp TTTĐT giáo dục không còn là nơi “đọc thông tin”, mà trở thành một không gian học tập động, nơi người học được trải nghiệm, phản hồi, khám phá và đồng kiến tạo tri thức.

Tương tác trong thiết kế TTTĐT giáo dục ngày nay không còn giới hạn ở những thao tác cơ bản như bấm vào menu, mở một tài liệu PDF hay điền form

đăng ký, mà đã phát triển thành một hệ thống đa tầng, bao gồm: tương tác người - nội dung (human-content interaction), tương tác người - người (human-human interaction), và tương tác người - hệ thống (human-system interaction). Theo nghĩa đó, mỗi thiết kế tương tác không chỉ giúp thực hiện chức năng, mà còn tạo ra trải nghiệm học tập mới - một trải nghiệm có tính cá nhân hóa, trực tiếp và phản hồi tức thời.

Theo báo cáo của Educause Review (2021), các nền tảng giáo dục có mức độ tương tác cao (ví dụ: các TTTĐT có tích hợp thảo luận trực tiếp, chat nội bộ, biểu đồ tiến trình, câu hỏi kiểm tra ngắn, gợi ý học tập, hoặc tương tác hình ảnh kéo - thả) giúp tăng tỷ lệ hoàn thành khóa học lên 40% so với các nền tảng chỉ cung cấp thông tin thụ động [97]. Điều này cho thấy rằng, tương tác không chỉ làm cho học tập thú vị hơn, mà còn giúp tăng động lực, duy trì sự gắn bó và thúc đẩy quá trình kiến tạo tri thức chủ động - những giá trị cốt lõi mà giáo dục hiện đại theo đuổi.

Tại Việt Nam, một số đơn vị đã bắt đầu tiên phong ứng dụng thiết kế tương tác trong giao diện TTTĐT giáo dục, đặc biệt là trong các hệ thống học trực tuyến (LMS - Learning Management System) và mô hình trường học điện tử. Ví dụ, nền tảng học tập trực tuyến HOCMAI.vn đã tích hợp các chức năng như: bảng xếp hạng học sinh theo từng tuần, khu vực thảo luận nhóm theo môn học, hệ thống câu hỏi nhanh dưới mỗi video bài giảng, cùng với hệ thống phản hồi tức thì về tiến trình học. Cấu trúc giao diện của TTTĐT được thiết kế dưới dạng thẻ (card interface), giúp người học dễ dàng kéo - thả, điều chỉnh trình tự bài học, tạo cảm giác chủ động và hứng thú cao hơn so với giao diện tuyến tính truyền thống.

Không chỉ ở cấp độ kỹ thuật, thiết kế tương tác cao còn là một lựa chọn mỹ thuật đầy ý nghĩa. Nhà thiết kế phải tổ chức bố cục sao cho người học không chỉ “xem”, mà “làm”, “phản hồi”, “tương tác”, “giao tiếp”. Điều này đòi hỏi

năng lực tổ chức mô-đun giao diện linh hoạt, sử dụng hình ảnh động hợp lý, tạo chuyển động mượt mà (microinteractions), kết hợp icon động và hiệu ứng thị giác vừa phải để kích thích hành vi mà không gây rối. Đồng thời, nhà thiết kế cần hiểu sâu về hành vi người học - họ thường nhấn vào đâu, thao tác như thế nào, thời gian dừng lại trung bình trên mỗi phần là bao nhiêu - để tối ưu hóa từng điểm chạm (touchpoint) trong hành trình học tập. Các chuyên gia có ý kiến: Giao diện website thường thể hiện hình khối tạo hình theo hướng 2 hướng chính là Đơn giản hóa - biểu tượng hóa (60,3%) và Kỹ thuật số - công nghiệp hóa (đều chiếm 42,6%) [PL1.2, tr.176].

Tương tác trong thiết kế TTTĐT giáo dục cũng chính là công cụ hỗ trợ cá nhân hóa học tập - xu hướng đang phát triển mạnh trong giáo dục toàn cầu. Các tính năng như dashboard cá nhân, đề xuất nội dung học phù hợp với năng lực, nhắc nhở tiến độ, thống kê học tập và phản hồi tức thì đều được triển khai thông qua các mô hình thiết kế tương tác. Trong đó, vai trò của thiết kế không chỉ là hiển thị dữ liệu, mà còn là làm cho dữ liệu trở nên có ý nghĩa, dễ hiểu, thúc đẩy hành động học tập. Theo lý thuyết của Norman (2013), sự tương tác tốt là sự kết hợp nhịp nhàng giữa thiết kế và hành vi - trong đó mỗi phản hồi thị giác đều phải có lý do, và mỗi hành động đều dẫn tới một kết quả cảm nhận được [73, tr.104-106].

Từ góc nhìn mỹ thuật ứng dụng, thiết kế tương tác cao là sự hòa quyện giữa nghệ thuật tổ chức không gian - màu sắc - động học thị giác và khoa học hành vi học tập. Đó không phải là việc “thêm nút bấm” hay “làm động giao diện”, mà là kiến tạo nên một trải nghiệm học tập sống động, tự nhiên, và kết nối - nơi thị giác không chỉ dẫn dắt, mà đồng hành, khơi gợi và phản hồi. Khi đó, website giáo dục trở thành một “người thầy số hóa” - biết lắng nghe, biết gợi ý, biết khuyến khích, và biết cùng người học đi đến cùng hành trình chiêm lĩnh tri thức.

Nhìn chung, xu hướng thiết kế tương tác cao trong TTTĐT giáo dục là một tất yếu phát triển của giáo dục số hiện đại, đáp ứng nhu cầu trải nghiệm phong phú, tính cá nhân hóa và năng lực học tập tự chủ của người học. Đây là không gian nơi mà thị giác không chỉ trình bày tri thức, mà còn tạo nên hành vi học tập chủ động, liên tục, và đầy cảm hứng. Và để làm được điều đó, vai trò của thiết kế mỹ thuật không thể thiếu - không chỉ ở chỗ làm đẹp, mà ở chỗ làm cho cái đẹp sống động, gợi mở và có ý nghĩa trong hành trình giáo dục nhân bản.

3.4.4. Xu hướng tích hợp đa phương tiện

Bước sang thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, thiết kế TTTĐT giáo dục không còn chỉ gắn với yếu tố thị giác thuần túy, mà đang nhanh chóng chuyển dịch theo hướng đa phương tiện hóa (multimedia integration) và tích hợp các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), dữ liệu lớn (big data) hay học máy (machine learning). Những thay đổi công nghệ này không chỉ ảnh hưởng đến hình thức thể hiện mà còn tái cấu trúc cách người học tiếp cận, trải nghiệm và tương tác với tri thức, từ đó mở ra một giai đoạn phát triển mới cho mỹ thuật ứng dụng trong giáo dục số.

Khái niệm đa phương tiện trong thiết kế website giáo dục bao gồm sự phối hợp giữa văn bản, hình ảnh, video, âm thanh, đồ họa động và tương tác trực tiếp theo thời gian thực. Theo lý thuyết *Cognitive Theory of Multimedia Learning* của Mayer (2001), việc kết hợp hiệu quả giữa hình ảnh và âm thanh sẽ giúp tăng khả năng ghi nhớ và hiểu bài của người học nhờ vào cơ chế xử lý thông tin song song qua hai kênh nhận thức: hình ảnh (visual channel) và lời nói (verbal channel) [68, tr.47-62]. Khi được tích hợp một cách hợp lý trong giao diện, các yếu tố đa phương tiện này không những tăng tính trực quan, sinh động của bài học, mà còn giúp giảm tải nhận thức, duy trì sự chú ý và tạo môi trường học tập gắn với trải nghiệm thực tế.

Trong thiết kế, điều này được thể hiện qua nhiều hình thức: các video bài

giảng được nhúng ngay trên trang nội dung học; hệ thống âm thanh nền nhẹ nhàng hỗ trợ tập trung; ảnh động (GIF hoặc motion graphics) minh họa khái niệm khó; sơ đồ tư duy tương tác có thể mở rộng - thu gọn; mô hình 3D cho phép người học xoay, phóng to, khám phá chi tiết; và cả những môi trường giả lập học tập nhập vai, được tạo ra bởi công nghệ VR/AR. Ví dụ, trong lĩnh vực giáo dục y khoa, website của Đại học Harvard Medical School đã triển khai các mô-đun mô phỏng giải phẫu người bằng công nghệ thực tế ảo, cho phép sinh viên “học bằng trải nghiệm” thay vì chỉ đọc và ghi nhớ kiến thức một cách thụ động.

Tại Việt Nam, mặc dù mức độ ứng dụng công nghệ còn chưa đồng đều giữa các cơ sở giáo dục, nhưng xu hướng tích hợp đa phương tiện và công nghệ mới đã bắt đầu xuất hiện tại một số đơn vị tiên phong. Hệ thống học tập trực tuyến của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội sử dụng video giảng dạy kết hợp hoạt họa mô phỏng thí nghiệm, đồng thời cho phép sinh viên tương tác trực tiếp với đồ thị, biến đổi dữ liệu, và phản hồi câu hỏi qua hệ thống chatbot thông minh. Một số trường như FPT, Phenikaa, hay Đại học Mở TP.HCM đang nghiên cứu tích hợp hệ thống học tập dựa trên hành vi (learning analytics), giúp điều chỉnh giao diện và nội dung học theo tiến độ, thói quen và năng lực cá nhân của mỗi sinh viên.

Không thể không nhắc đến sự tham gia ngày càng sâu của trí tuệ nhân tạo (AI) trong thiết kế TTTĐT giáo dục - nơi giao diện không còn là "tĩnh", mà trở thành một thực thể biết học hỏi và phản ứng theo người dùng. Những AI-based design systems có khả năng đề xuất nội dung học phù hợp, hỗ trợ viết bài luận, nhắc lịch học, phát hiện điểm yếu trong tiến trình học tập và điều chỉnh giao diện phù hợp theo thời gian thực. Trong thiết kế mỹ thuật ứng dụng, điều này đặt ra thách thức và đồng thời là cơ hội cho người làm thiết kế - bởi lẽ họ không còn chỉ thiết kế cho một người dùng trung bình, mà phải thiết kế một không gian có khả năng tự điều chỉnh theo từng cá nhân. Đây là bước chuyển

từ “thiết kế cho số đông” sang “thiết kế thích ứng” - một tư duy hoàn toàn mới.

Mặt khác, sự phát triển của công nghệ web mới như HTML5, WebGL, WebXR cũng giúp mở rộng đáng kể ngôn ngữ hình ảnh của thiết kế TTTĐT giáo dục. Thay vì bị giới hạn trong bố cục 2D tĩnh, nhà thiết kế nay có thể sử dụng đồ họa thời gian thực, không gian ba chiều, chuyển động linh hoạt, và trải nghiệm nhập vai xuyên nền tảng (cross-platform immersive experience). Điều này không chỉ nâng cao thẩm mỹ thị giác, mà còn tạo ra sự “hòa tan” giữa tri thức và cảm xúc - nơi mà người học không chỉ “đọc” bài học, mà “sống trong bài học”.

Từ góc nhìn mỹ thuật ứng dụng, xu hướng tích hợp đa phương tiện và công nghệ mới trong thiết kế TTTĐT giáo dục mở ra một biên độ sáng tạo mới cho nhà thiết kế, nhưng đồng thời cũng đòi hỏi năng lực kết hợp liên ngành sâu sắc: giữa mỹ thuật - công nghệ - sư phạm - tâm lý học nhận thức. Thiết kế không còn là vẽ ra cái đẹp, mà là kiến tạo nên một không gian học tập đa giác quan, đa chiều, đa năng lực, nơi mà hình ảnh, âm thanh, chuyển động và tương tác tạo nên một cấu trúc thẩm mỹ học thuật toàn vẹn.

Như vậy, trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số giáo dục, xu hướng tích hợp đa phương tiện và công nghệ mới không chỉ nâng cao chất lượng học tập, mà còn làm thay đổi bản chất của thiết kế website giáo dục. Đây không còn là sản phẩm thị giác đơn thuần, mà đã trở thành một hệ sinh thái học tập tương tác, nhập vai, và thích ứng - nơi nghệ thuật, công nghệ và tri thức cùng nhau tạo dựng những hành trình học tập sống động, hiệu quả và giàu cảm hứng.

3.4.5. Xu hướng cá nhân hóa (personalization)

Trong hành trình phát triển của giáo dục hiện đại, một trong những xu hướng có ảnh hưởng sâu rộng nhất chính là giáo dục cá nhân hóa - lấy người học làm trung tâm, tôn trọng sự khác biệt về năng lực, tốc độ, phong cách và

nhu cầu học tập. Xu hướng này không chỉ định hình lại phương pháp giảng dạy, mà còn đang tái cấu trúc toàn bộ tư duy thiết kế hệ thống học tập, trong đó có TTTĐT giáo dục. Cá nhân hóa trong thiết kế không còn là “phần mềm tùy biến”, mà trở thành một triết lý thiết kế - nơi mỗi giao diện, mỗi hành trình thị giác, mỗi nội dung hiển thị đều hướng đến một cá thể cụ thể, với mục tiêu giúp họ học hiệu quả nhất, thoải mái nhất và cảm thấy được “tôn trọng” nhất trong môi trường số.

Cá nhân hóa trong thiết kế TTTĐT giáo dục trước hết thể hiện qua khả năng hiển thị nội dung theo hồ sơ người học, tức là mỗi cá nhân khi đăng nhập vào hệ thống sẽ có một giao diện học tập riêng, với bố cục ưu tiên theo môn học, trình độ, tiến trình, hoặc sở thích. Khác với TTTĐT tĩnh truyền thống, giao diện cá nhân hóa không “giống nhau với tất cả mọi người”, mà biến đổi linh hoạt theo dữ liệu hành vi (behavioral data), lịch sử học tập, và mục tiêu học tập cá nhân. Ví dụ, sinh viên kỹ thuật sẽ thấy ưu tiên hiện các mô-đun toán, vật lý; học viên ngoại ngữ sẽ được gợi ý các bài luyện nghe, nói phù hợp trình độ; học sinh yếu kỹ năng viết sẽ nhận được gợi ý bài tập chuyên sâu kèm theo nhắc nhở luyện tập định kỳ.

Theo nghiên cứu của Walkington (2013), cá nhân hóa nội dung học tập dựa trên đặc điểm và sở thích cá nhân có thể giúp tăng từ 10-20% hiệu quả tiếp thu kiến thức toán ở học sinh trung học [89, tr.188-190]. Kết quả này không đến từ thay đổi nội dung kiến thức, mà đến từ cách thức tổ chức, trình bày và tương tác với nội dung đó - điều mà thiết kế giao diện đóng vai trò quyết định. Điều này cho thấy, thiết kế không chỉ “bao bọc” nội dung học, mà chính là “người phiên dịch” nội dung sang trải nghiệm cá nhân.

Không dừng lại ở nội dung, cá nhân hóa còn mở rộng đến trải nghiệm người dùng (UX - user experience), thông qua việc thiết kế các dashboard cá nhân hóa, tính năng ghi chú trực tuyến, quản lý tiến độ học tập, thống kê điểm

mạnh - điểm yếu theo thời gian thực, và hệ thống nhắc nhở học tập thông minh. Các yếu tố như chọn giao diện sáng/tối, thay đổi màu nền theo sở thích, điều chỉnh kích cỡ chữ, hoặc thiết lập mục tiêu hàng ngày cũng là biểu hiện của thiết kế hướng cá nhân hóa - tạo cho người học cảm giác thân thuộc, làm chủ không gian học tập số của riêng mình.

Từ góc nhìn kỹ thuật - mỹ thuật, cá nhân hóa đặt ra yêu cầu cao về khả năng thiết kế hệ thống giao diện động (dynamic interface), tổ chức bố cục linh hoạt theo hành vi người dùng và sử dụng ngôn ngữ thị giác linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo tính nhất quán. Nhà thiết kế không chỉ tạo ra một bản giao diện cố định, mà cần xây dựng một “hệ sinh thái hình ảnh” có khả năng thích nghi - tổ chức thông tin thành các mô-đun (modules), thiết kế dạng thẻ (cards), các thanh điều hướng thông minh, các khối chức năng có thể bật/tắt tùy mục đích học. Mỗi người học như một “người đồng thiết kế” giao diện của chính mình - không chỉ tiếp nhận mà còn tham gia vào quá trình điều chỉnh, cá nhân hóa và hoàn thiện môi trường học.

Cá nhân hóa trong thiết kế website giáo dục cũng đồng thời mở đường cho các công nghệ hỗ trợ như AI, học máy, phân tích học tập (learning analytics) - những công cụ giúp hiểu sâu hơn hành vi người học và đề xuất các cải tiến phù hợp. Thiết kế, trong trường hợp này, trở thành giao diện giữa máy và người, giữa hệ thống và cảm xúc, giữa dữ liệu và kinh nghiệm học tập cá thể hóa. Một hệ thống thiết kế tốt sẽ không chỉ biết “hiện cái cần thiết” mà còn biết “ẩn cái gây nhiễu”, biết “gợi mở điều phù hợp” mà không áp đặt, và luôn tạo cảm giác an toàn, được đồng hành cho người học.

Tại Việt Nam, xu hướng này tuy chưa phát triển mạnh trong các website chính thức của các trường phổ thông, nhưng đã bắt đầu hiện diện rõ nét ở các nền tảng học trực tuyến tư nhân như Vuihoc.vn, Học mãi, hay Equest. Các hệ thống này không chỉ cho phép thiết lập lộ trình cá nhân, mà còn cho người học

điều chỉnh giao diện, chọn thầy cô, thậm chí đổi ngôn ngữ hiển thị theo vùng miền. Đây là bước đầu tiên trong tiến trình “cá nhân hóa đại trà” - một mục tiêu đầy thách thức nhưng có tiềm năng lớn trong giáo dục số.

Từ góc nhìn mỹ thuật ứng dụng, thiết kế cá nhân hóa không phải là thiết kế nhiều phiên bản, mà là thiết kế có khả năng thích ứng - một thiết kế biết lắng nghe người dùng, hiểu ngữ cảnh, phản hồi thông minh và tạo không gian cho biểu hiện cá nhân. Trong giáo dục, đây là biểu hiện cao nhất của triết lý “học sinh là trung tâm”, và là lời khẳng định rằng, thiết kế không chỉ hỗ trợ giáo dục, mà trở thành một phần bản thể của quá trình học tập hiện đại - nơi mỗi cá nhân được tôn trọng, dẫn dắt và phát triển theo cách riêng của mình.

3.4.6. Xu hướng thiết kế lấy người học làm trung tâm và vì sự phát triển bền vững

Nếu các xu hướng trước đây như tối giản, tiện dụng, tương tác cao, cá nhân hóa hay tích hợp công nghệ mới chủ yếu đề cập đến phương pháp và công cụ thiết kế, thì xu hướng thiết kế lấy người học làm trung tâm và hướng tới phát triển bền vững lại phản ánh một chuyển biến sâu về triết lý thiết kế, nơi người làm thiết kế không còn chỉ là người “phục vụ hệ thống giáo dục”, mà trở thành tác nhân đồng kiến tạo môi trường học tập nhân văn, bao trùm và có trách nhiệm với xã hội.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, bất bình đẳng tiếp cận công nghệ, và những đứt gãy về năng lực học tập giữa các khu vực - nhất là ở các quốc gia đang phát triển như Việt Nam - một website giáo dục được thiết kế tốt không chỉ cần đẹp, hiệu quả, cá nhân hóa hay công nghệ cao, mà còn phải phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo khả năng tiếp cận bình đẳng, khuyến khích học tập vì cộng đồng và nuôi dưỡng nhận thức phát triển bền vững. Tư duy này xuất phát từ triết lý giáo dục toàn cầu được nhấn mạnh trong Báo cáo của UNESCO (2021) - *Reimagining our futures together: A new social contract for education*,

trong đó kêu gọi xây dựng các hệ thống giáo dục số dựa trên nguyên tắc “đồng kiến tạo tri thức, đồng chia sẻ trách nhiệm và đồng định hình tương lai chung” [87, tr.98-102].

Cụ thể, một thiết kế website giáo dục đại học theo định hướng phát triển bền vững sẽ cần đảm bảo những tiêu chí sau:

- Khả năng tiếp cận cao (accessibility) cho mọi đối tượng người học, bao gồm người khuyết tật, học sinh vùng sâu vùng xa, học sinh có thiết bị hạn chế;
- Tối ưu tài nguyên hệ thống: thiết kế nhẹ, ít tiêu tốn dữ liệu, có thể chạy tốt trên các nền tảng thiết bị cũ hoặc băng thông thấp;
- Thân thiện với môi trường số: hạn chế sử dụng hiệu ứng nặng nề, không tiêu tốn quá nhiều năng lượng máy chủ, hỗ trợ bộ nhớ cache, và tuân thủ các nguyên tắc của thiết kế xanh (green UX);
- Khuyến khích lối sống và tư duy bền vững: tích hợp các nội dung học tập liên quan đến phát triển xanh, năng lượng tái tạo, bình đẳng giới, tinh thần cộng đồng;
- Gắn kết văn hóa - địa phương - cộng đồng: thiết kế mang tính bản địa hóa (localization), tôn trọng đa dạng văn hoá, giúp người học gắn kết hơn với truyền thống, lịch sử, ngôn ngữ và bản sắc dân tộc.

Ví dụ, một số nền tảng giáo dục tại Bắc Âu (như DigiViikko ở Phần Lan) đã đi đầu trong việc thiết kế giao diện học tập hướng đến phát triển bền vững: sử dụng gam màu trầm thân thiện với mắt, font chữ lớn dễ đọc, chức năng truy cập qua mạng chậm, tích hợp nội dung giáo dục về môi trường, tái chế và đa văn hóa học đường. Những trang web này không tìm cách “phô diễn công nghệ” mà nhấn mạnh vào tính gần gũi, tiết kiệm năng lượng và đồng hành cùng người học trong quá trình phát triển toàn diện.

Ở Việt Nam, xu hướng này đang từng bước được chú ý, đặc biệt trong các dự án hỗ trợ học sinh vùng sâu vùng xa như dự án “Trường học kết nối” (Bộ GD&ĐT), hay hệ thống thư viện số của Đại học Mở TP.HCM với giao

diện thân thiện, dễ điều hướng, và tối ưu hoá tốc độ truy cập cho mạng yếu. Đây là những nỗ lực rất đáng ghi nhận nhằm đưa thiết kế trở thành công cụ của công bằng xã hội trong giáo dục, chứ không chỉ là biểu tượng của hiện đại hoá kỹ thuật.

Từ góc độ mỹ thuật ứng dụng, đây là một giai đoạn quan trọng: thiết kế TTTĐT giáo dục không chỉ cần đẹp - mà cần có trách nhiệm. Đó là trách nhiệm với người học, với cộng đồng, với môi trường sống, và với các thế hệ tương lai. Một thiết kế đẹp không chỉ nằm ở đường nét, màu sắc hay bố cục, mà còn ở khả năng tạo cơ hội, nuôi dưỡng hy vọng và lan toả tư duy bền vững qua từng điểm chạm của giao diện.

Nhìn chung, xu hướng thiết kế TTTĐT giáo dục lấy người học làm trung tâm và hướng tới phát triển bền vững chính là tầng sâu của thiết kế - nơi thẩm mỹ kết hợp với đạo đức, nghệ thuật kết hợp với trách nhiệm, sáng tạo kết hợp với sự quan tâm đến tương lai. Đây là hướng đi cần thiết, cấp bách và mang nhiều giá trị nhân văn, trong bối cảnh giáo dục đang không ngừng chuyển mình để thích ứng với thế giới đầy biến động và thách thức hôm nay.

Tiểu kết

Chương 3 của luận án đã tiến hành khảo sát, phân tích và đánh giá thực tiễn thiết kế TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam thông qua việc chọn lọc và nghiên cứu một số TTTĐT tiêu biểu. Thông qua việc tiếp cận hệ thống, chương này không chỉ nhằm cung cấp bức tranh tổng quan về hiện trạng thiết kế, mà còn đi sâu vào việc phân tích từng yếu tố biểu hiện thẩm mỹ và chức năng của các TTTĐT hiện hữu, từ đó góp phần kiểm chứng và làm rõ các giả thuyết nghiên cứu được nêu ra từ đầu luận án.

Trước hết, nội dung khảo sát cho thấy sự phát triển nhanh chóng và đa dạng của các TTTĐT giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số, đặc biệt trong thời kỳ hậu đại dịch COVID-19. Các cơ sở giáo dục, từ tiểu học đến đại học, từ công lập đến tư thục, đều coi TTTĐT không chỉ là công cụ truyền thông, mà còn là

bộ mặt thương hiệu số, là nền tảng cung cấp dịch vụ học tập trực tuyến, thông tin học thuật và giao tiếp giữa nhà trường - học sinh - phụ huynh - cộng đồng. Từ đó, có thể thấy rằng TTTĐT giáo dục tại Việt Nam đã có bước tiến đáng kể về lượng và chất, song vẫn tồn tại nhiều vấn đề trong cách thức thể hiện phong cách thiết kế và định danh bản sắc.

Thông qua việc lựa chọn các TTTĐT như Đại học QGHN, ĐH QGTPHCM, ĐH MTVN, chương này đã bóc tách từng phương diện của thiết kế TTTĐT: từ bố cục, màu sắc, hình ảnh, font chữ, đến các yếu tố chuyển động, tương tác, biểu tượng... Qua đó, luận án phát hiện rằng hầu hết các TTTĐT đã đạt được sự chuyên nghiệp nhất định trong việc tổ chức thông tin và ứng dụng công nghệ, tuy nhiên vẫn còn hạn chế trong việc thể hiện rõ bản sắc văn hóa học đường, chưa khai thác hết tiềm năng nghệ thuật thị giác trong thiết kế TTTĐT - điều vốn có thể tạo nên sự khác biệt và truyền cảm hứng cho người học.

Một điểm nổi bật trong chương này là việc luận án đã áp dụng lý thuyết về các phong cách thiết kế chủ đạo - như phong cách trực quan sư phạm, cá nhân hóa trải nghiệm học tập, tương tác học tập, và bản sắc học đường - để phân tích tính chất nghệ thuật và giá trị biểu đạt của từng TTTĐT. Kết quả phân tích cho thấy: các TTTĐT tư thục như Vinschool hay RMIT Việt Nam có xu hướng đầu tư mạnh về thiết kế hình ảnh, giao diện và trải nghiệm người dùng với tính thẩm mỹ cao và nhất quán về mặt thương hiệu. Ngược lại, nhiều TTTĐT của các trường công lập lại thiên về cấu trúc thông tin truyền thống, thiếu sự đột phá về thị giác và tương tác, dù có tiềm năng lớn về nội dung học thuật và cộng đồng người học.

Đặc biệt, chương này cũng chỉ ra rằng yếu tố nghệ thuật trong thiết kế TTTĐT giáo dục đại học hiện nay vẫn chưa được nhận thức một cách toàn diện. Thiết kế TTTĐT thường được giao cho các đơn vị kỹ thuật hoặc marketing mà thiếu vắng sự tham gia của các chuyên gia thiết kế mỹ thuật, dẫn đến hiện tượng

“đẹp nhưng chưa sâu”, hoặc “đầy đủ chức năng nhưng chưa có hồn”. Điều này càng trở nên quan trọng trong bối cảnh giáo dục hiện đại không chỉ là truyền tải tri thức, mà còn là kiến tạo cảm hứng, gắn kết cộng đồng học tập và truyền thông hình ảnh nhà trường một cách nhân văn, sáng tạo và có bản sắc.

Ngoài ra, chương 3 cũng đặt ra một số vấn đề nổi cộm trong thực tiễn thiết kế TTTĐT giáo dục đại học tại Việt Nam, bao gồm: thiếu định hướng phong cách nghệ thuật rõ ràng; sử dụng hình ảnh và màu sắc không đồng bộ với triết lý giáo dục; bố cục thông tin rườm rà, thiếu sự phân tầng rõ ràng; giao diện chưa thân thiện với người dùng ở các lứa tuổi khác nhau; biểu tượng (icon) và hiệu ứng chưa được khai thác đúng cách để truyền tải thông điệp giáo dục... Những hạn chế này nếu không được khắc phục sẽ khiến TTTĐT giáo dục trở thành một công cụ thông tin đơn thuần, không thể phát huy vai trò như một “không gian học tập mở” đúng nghĩa trong kỷ nguyên số.

Từ các phát hiện trên, chương 3 góp phần xác tín cho giả thuyết nghiên cứu số 2 của luận án, đó là: “Các yếu tố mỹ thuật trong thiết kế TTTĐT có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thể hiện bản sắc học đường, gia tăng hiệu quả truyền thông giáo dục và cải thiện trải nghiệm người học.” Điều này đồng thời khẳng định tầm quan trọng của việc tiếp cận thiết kế website không chỉ ở góc độ kỹ thuật hay truyền thông, mà cần có sự tích hợp chặt chẽ với lý luận và thực hành mỹ thuật, đặc biệt là từ góc nhìn của ngành lý luận và lịch sử mỹ thuật mà luận án đang theo đuổi.

Kết quả khảo sát cũng gợi mở những hướng nghiên cứu và ứng dụng trong tương lai: làm thế nào để định hình một phong cách thiết kế TTTĐT mang bản sắc giáo dục Việt Nam, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại? Làm sao để ứng dụng lý thuyết nghệ thuật vào thiết kế giao diện số, hướng đến xây dựng một không gian học tập trực quan, nhân văn và gợi cảm hứng?

KẾT LUẬN

Luận án tiên sĩ với chủ đề *Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam*, thuộc chuyên ngành Lý luận và lịch sử mỹ thuật, là một công trình nghiên cứu mang tính liên ngành và có ý nghĩa tiên phong trong việc tiếp cận một lĩnh vực còn tương đối mới trong hệ thống mỹ thuật ứng dụng đương đại. Thông qua việc khảo sát, phân tích và diễn giải các vấn đề lý luận và thực tiễn, luận án hướng tới việc xây dựng một khung tiếp cận nghệ thuật đối với thiết kế trang thông tin điện tử (TTTĐT) trong lĩnh vực giáo dục đại học – một loại hình truyền thông số đang ngày càng giữ vai trò quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện.

Trên nền tảng phương pháp luận đa chiều, luận án đã huy động và tích hợp các hệ thống lý thuyết từ nhiều lĩnh vực như mỹ học, biểu tượng học, thiết kế tương tác và tâm lý học giáo dục. Cách tiếp cận này không chỉ cho phép tái hiện một cách có hệ thống quá trình hình thành, phát triển của TTTĐT giáo dục đại học trong môi trường truyền thông số, mà còn góp phần nhận diện các xu hướng và phong cách thiết kế chủ đạo đang chi phối lĩnh vực này. Đồng thời, luận án từng bước khẳng định vị thế của nghệ thuật thiết kế số như một thành tố quan trọng trong cấu trúc của nghệ thuật thị giác đương đại, không chỉ trong phạm vi Việt Nam mà còn trong bối cảnh toàn cầu.

Từ góc độ lý luận, TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục không thể được hiểu đơn thuần như một phương tiện truyền tải thông tin học tập. Trái lại, đó là một không gian tương tác tri thức đa chiều, nơi diễn ra các hoạt động giao tiếp sư phạm, trao đổi học thuật và kiến tạo trải nghiệm học tập. Hơn thế nữa, TTTĐT còn có thể được xem như một thiết chế văn hóa số, trong đó các giá trị thẩm mỹ, triết lý giáo dục và bản sắc học đường được mã hóa và biểu đạt thông qua hệ thống ngôn ngữ thị giác, cấu trúc bố cục và hành vi tương tác của người dùng.

Chính trong bối cảnh đó, việc tiếp cận thiết kế TTTĐT giáo dục đại học từ phương diện nghệ thuật – mỹ thuật không chỉ là một lựa chọn mang tính phương pháp luận, mà còn là một yêu cầu tất yếu nhằm khẳng định vai trò của yếu tố thẩm mỹ, cảm xúc và tư duy sáng tạo trong quá trình thiết kế. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số trong giáo dục, nơi mà các nền tảng số không chỉ cần đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và chức năng, mà còn phải tạo ra trải nghiệm học tập có chiều sâu, giàu tính nhân văn và mang bản sắc văn hóa riêng biệt.

Trên cơ sở khảo sát có hệ thống các nguồn tư liệu lý luận trong nước và quốc tế, luận án đã đi đến khẳng định rằng nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử (TTTĐT) là một bộ phận cấu thành quan trọng của mỹ thuật ứng dụng đương đại. Lĩnh vực này có mối liên hệ hữu cơ với tiến trình phát triển của đồ họa truyền thông, thiết kế tương tác và thiết kế trải nghiệm người dùng (UX Design), đồng thời phản ánh sự chuyển dịch của mỹ thuật từ không gian vật thể sang không gian số. Trong bối cảnh giáo dục đại học, nghệ thuật thiết kế TTTĐT không chỉ chịu sự chi phối của các yếu tố kỹ thuật, công nghệ và chiến lược truyền thông, mà còn gắn bó chặt chẽ với các biến số mang tính nhân văn như triết lý giáo dục, đặc điểm tâm lý người học, mục tiêu đào tạo và bản sắc văn hóa học đường của từng cơ sở giáo dục.

Từ nền tảng lý luận và thực tiễn đó, luận án đã nhận diện và hệ thống hóa năm phong cách thiết kế chủ đạo đang định hình diện mạo của TTTĐT giáo dục đại học hiện nay, bao gồm: phong cách tối giản, phong cách trực quan sư phạm, phong cách cá nhân hóa trải nghiệm người học, phong cách tương tác học tập và phong cách bản sắc học đường. Mỗi phong cách không chỉ đơn thuần là một lựa chọn thẩm mỹ hay giải pháp kỹ thuật, mà còn mang tính chất của một “diễn ngôn văn hóa” trong môi trường số, nơi các nhà thiết kế truyền tải những thông điệp sâu sắc về giá trị học thuật, quan niệm giáo dục và chuẩn

mức thẩm mỹ đương đại. Sự tồn tại và vận động của các phong cách này đồng thời phản ánh quá trình biến đổi liên tục của các chuẩn mực thị giác trong bối cảnh công nghệ số ngày càng tác động sâu sắc đến hành vi thẩm mỹ và phương thức tiếp nhận tri thức của con người.

Kết quả khảo sát thực tiễn trên một số TTTĐT tiêu biểu của các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam, kết hợp với đối sánh quốc tế, cho thấy mặc dù nhận thức về vai trò của thiết kế web đã có những chuyển biến tích cực, song phần lớn các TTTĐT hiện nay vẫn chịu ảnh hưởng đáng kể của tư duy kỹ thuật thuần túy. Điều này dẫn đến sự thiếu hụt các yếu tố mỹ thuật, hạn chế trong việc khai thác chiều sâu biểu tượng học và chưa chú trọng đúng mức đến việc kiến tạo bản sắc học đường cũng như trải nghiệm cảm xúc của người dùng. Biểu hiện cụ thể có thể nhận thấy ở sự đơn điệu trong bố cục, sự nghèo nàn về ngôn ngữ hình ảnh và sự thiếu liên kết thị giác với không gian văn hóa học đường, khiến nhiều TTTĐT trở nên khô cứng, thiếu tính gợi cảm và chưa thực sự thu hút đối tượng người học – đặc biệt là thế hệ sinh viên trưởng thành trong môi trường kỹ thuật số với năng lực cảm thụ thẩm mỹ ngày càng tinh tế và đa chiều.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng ghi nhận những trường hợp tiêu biểu như TTTĐT của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, nơi các yếu tố nghệ thuật trong thiết kế đã được chú trọng và phát huy hiệu quả. Các TTTĐT này không chỉ thực hiện chức năng truyền tải thông tin học thuật mà còn tạo dựng được không gian thị giác giàu cảm xúc, góp phần khơi gợi cảm hứng học tập và định hình bản sắc riêng biệt của từng cơ sở giáo dục. Từ đó, có thể khẳng định rằng nghệ thuật thiết kế TTTĐT không chỉ là một công cụ kỹ thuật, mà còn là phương tiện truyền thông thẩm mỹ, đóng vai trò như một cầu nối cảm xúc giữa nhà trường và người học, đồng thời góp phần dung hòa giữa giá trị truyền thống của giáo

dục và yêu cầu đổi mới trong kỷ nguyên công nghệ số.

Toàn bộ tiến trình nghiên cứu đã tạo cơ sở khoa học vững chắc để luận án kiểm chứng và khẳng định các giả thuyết nghiên cứu đặt ra ban đầu. Trước hết, thiết kế trang thông tin điện tử (TTTĐT) trong lĩnh vực giáo dục đại học được xác định là một lĩnh vực có đặc trưng thẩm mỹ riêng biệt, mang tính khu biệt rõ rệt so với các loại hình TTTĐT trong những lĩnh vực khác. Sự khác biệt này không chỉ thể hiện ở cấu trúc hình thức và ngôn ngữ thị giác, mà còn ở chiều sâu nội dung, nơi các yếu tố sư phạm, triết lý giáo dục và bản sắc học đường được tích hợp và biểu đạt thông qua thiết kế.

Thứ hai, luận án khẳng định vai trò thiết yếu của nghệ thuật thiết kế TTTĐT như một nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả học tập trong môi trường số. Thiết kế không chỉ dừng lại ở chức năng truyền tải thông tin, mà còn tham gia tích cực vào việc định hình hình ảnh cơ sở giáo dục, đồng thời khơi gợi cảm xúc, động lực và hứng thú tiếp nhận tri thức của người học. Điều này cho thấy thiết kế TTTĐT là một thành tố quan trọng trong hệ sinh thái giáo dục số, góp phần nâng cao chất lượng trải nghiệm học tập và giao tiếp học thuật.

Thứ ba, hệ thống các phong cách thiết kế chủ đạo được nhận diện trong luận án phản ánh bản chất đa chiều của mỹ học giáo dục hiện đại. Trong đó, người học không còn là đối tượng tiếp nhận thụ động, mà trở thành chủ thể trải nghiệm – nơi quá trình tiếp cận tri thức gắn liền với việc cảm thụ cái đẹp, sự đồng cảm và các giá trị nhân văn thông qua từng hành vi tương tác trong môi trường trực tuyến. Như vậy, mỹ học trong thiết kế TTTĐT không chỉ mang ý nghĩa hình thức, mà còn là phương tiện kiến tạo trải nghiệm và ý nghĩa giáo dục.

Từ những kết quả nghiên cứu đạt được, luận án đề xuất một số kiến nghị mang tính định hướng. Trước hết, lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng cần mở rộng phạm vi đào tạo và nghiên cứu sang các lĩnh vực thiết kế số trong giáo dục, coi

đây là một hướng phát triển tất yếu, phù hợp với xu thế chuyển đổi số và có tiềm năng tác động xã hội sâu rộng. Tiếp đến, các cơ sở giáo dục đại học cần thay đổi nhận thức về vai trò của TTTĐT, không chỉ xem đây là một “công thông tin” đơn thuần, mà là một phần cấu thành của môi trường sư phạm mở rộng, nơi các giá trị tri thức và nhân văn được biểu đạt thông qua hệ thống ngôn ngữ thị giác và trải nghiệm người dùng. Đồng thời, việc xây dựng một bộ tiêu chí thẩm mỹ cho thiết kế TTTĐT giáo dục tại Việt Nam là cần thiết, với sự tích hợp giữa các yếu tố nghệ thuật, công nghệ, sư phạm và bản sắc văn hóa, nhằm đảm bảo tính nhất quán và hiệu quả trong thực hành thiết kế.

Ở phương diện lý luận, luận án góp phần mở rộng không gian nghiên cứu của ngành Lý luận và lịch sử mỹ thuật sang lĩnh vực nghệ thuật thị giác số và thiết kế tương tác – những lĩnh vực đang phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh đương đại. Trong tương lai, cần có thêm các công trình nghiên cứu chuyên sâu tiếp cận từng phong cách thiết kế, từng nhóm đối tượng người dùng, cũng như khảo sát sự giao thoa giữa thiết kế TTTĐT với các loại hình mỹ thuật đương đại như hoạt hình số, đồ họa chuyển động hay phim tương tác. Những hướng nghiên cứu này không chỉ làm phong phú thêm nền tảng lý luận mà còn góp phần khẳng định vai trò trung tâm của nghệ thuật trong không gian số.

Luận án đã nghiên cứu một cách hệ thống nhằm xác lập vị trí của nghệ thuật thiết kế TTTĐT giáo dục trong mỹ thuật ứng dụng đương đại. Ở đó, thiết kế không chỉ là công cụ kỹ thuật, mà đồng thời là một thực thể thẩm mỹ, một phương tiện truyền đạt tri thức và một biểu tượng văn hóa. Trên cơ sở này, nghiên cứu sinh kỳ vọng rằng các kết quả đạt được sẽ không chỉ có giá trị về mặt lý luận, mà còn đóng góp thiết thực cho hoạt động thiết kế TTTĐT giáo dục tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của giáo dục trong kỷ nguyên số.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Đoàn Thị Kim Dung (2022), “Xu hướng của thiết kế đồ họa trong website truyền thông giáo dục”, *Kỷ yếu Hội nghị nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh năm 2021*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.135-144.
2. Đoàn Thị Kim Dung (2023), “Tầm quan trọng của thiết kế UX/UI trong dòng chảy 4.0”, số 02, tập 1, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, tr.91 - 98.
3. Mai Thị Thùy Hương, Đoàn Thị Kim Dung (2024), “Nghệ thuật sử dụng hình ảnh động trong thiết kế website cho trẻ em”, *Tạp chí Lý luận phê bình văn học, nghệ thuật*, số tháng 8/2024, tr.151-157.
4. Đoàn Thị Kim Dung (2025), “Đặc điểm nghệ thuật trong thiết kế Website giáo dục”, *Tạp chí Văn hóa học*, số 3(79), tr.29-38.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Anh (2020), *Thiết kế và tổ chức dạy học theo chủ đề trong dạy học Lịch sử Việt Nam lớp 12 ở trường THPT huyện Lương Tài, Bắc Ninh* (Luận văn Thạc sĩ Lịch sử), Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Thái Nguyên.
2. Lê Thị Minh Anh (2021), *Ứng dụng mỹ thuật truyền thống trong thiết kế website giáo dục phổ thông*, luận văn thạc sĩ, Trường ĐH Mỹ thuật Công nghiệp.
3. Bộ Công thương (2020), *Báo cáo kinh tế số Việt Nam 2020*.
4. Ngô Anh Cơ (2018), *Truyền thông thị giác từ góc nhìn thiết kế đồ họa Việt Nam hiện đại*, luận án tiến sĩ Nghệ thuật, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.
5. Nguyễn Văn Dung (2009), *Chiến lược thiết kế và chiến thuật thiết kế, định giá sản phẩm và dịch vụ cạnh tranh*, Nxb Tài chính, HN.
6. Encyclopædia Britannica, Inc (2014), *Từ điển Bách khoa Britannica*, bản dịch, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Lại Giang & Trần Thanh Hà (2013), Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp Hồ Chí Minh, *Giáo trình thiết kế và sản xuất bao bì*, Nxb Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh, Tp Hồ Chí Minh.
8. Trần Văn Hải (2021), “Thiết kế website học tập cho học sinh trung học phổ thông: tiếp cận từ góc độ tâm lý học đường”, Tạp chí *Giáo dục và Xã hội*, (109), tr. 55–61.
9. Nguyễn Thị Hợp (2008), *Bao bì - Hồn của sản phẩm*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Hợp (2016), *Nghệ thuật đồ họa bao bì*, Nxb Hồng Đức, HN
11. Kiên Thị Huệ (2016), “Giá trị thẩm mỹ của chất liệu trong thiết kế bao bì”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 386, trang 117 - 120.

12. Nguyễn Quang Huy (2020), *Thiết kế giao diện website học trực tuyến cho sinh viên Việt Nam*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM.
13. Nguyễn Hồng Hưng (2016), *Nguyên lý Design thị giác*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Jay Greene (2010), *Thiết kế làm nên thương hiệu*, Phan Hoàng Lê Thủy dịch, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Lê Quốc Khánh (2022), *Thiết kế giao diện người dùng: Cơ sở lý thuyết và thực hành*, Nxb Đại học Quốc gia TPHCM.
16. Phạm Phương Linh (2021), *Nghệ thuật thiết kế nhận diện thương hiệu ở Việt Nam giai đoạn 2000 - 2020*, luận án tiến sĩ Nghệ thuật, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.
17. Lisa Graham (2002), *Basics of Design: Layout & Typography for Beginners* (Nhập môn tư duy thiết kế: Bố cục và Typography), Lê Hoàng Giang, Trần Tấn Minh Đạo dịch, Nxb Bách khoa Hà Nội, HN.
18. Marianne Rosner Klimchuk và Sandra A. Krasovec (2019), *Packaging Design: Success Product Branding from Concept to Shelf* (Thiết kế bao bì từ ý tưởng đến sản phẩm), Trường Đại học FPT dịch, Nxb Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.
19. Đặng Thị Bích Ngân, *Từ điển thuật ngữ mỹ thuật phổ thông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
20. Nguyễn Hồng Ngọc (2016), *Thiết kế đồ họa Việt Nam trong mối liên hệ với mỹ thuật truyền thống*, Luận án Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
21. Nghị định 147/2024/NĐ-CP quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.

22. Lê Hữu Phước (2021), *Xây dựng giao diện người dùng tối ưu cho hệ thống học tập trực tuyến theo chuẩn WCAG 2.1*, Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019–2021), Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, Vĩnh Long.
 23. Richard Moore (1995), *Marketing & Thiết kế*, bản dịch, Nxb. Trẻ. Tp. Hồ Chí Minh.
 24. RMIT University (2022), *Hướng dẫn nhận diện thương hiệu RMIT (Brand Guidelines)*, RMIT University, Melbourne.
 25. Nguyễn Văn Thịnh (2013), *Thiết kế và chỉnh sửa giao diện cho website sử dụng hệ quản trị nội dung NukeViet*, Đồ án Tốt nghiệp Cử nhân, Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Hải Phòng.
 26. Nguyễn Văn Thịnh (2014), *Thiết kế và xây dựng website*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
 27. Tova Rabinowitz (2015), *Exploring Typography (Khám phá nghệ thuật chữ)*, Trường Đại học FPT dịch, Nxb Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.
 28. Phan Trọng (2008), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
 29. Tạ Thanh Trung, Lê Thị Thúy Quỳnh và Quản Minh Hòa (2022), “Tác động của hình thức học trực tuyến đến hứng thú học tập của học sinh trung học phổ thông tại Việt Nam trong bối cảnh Covid-19”, *Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh – Khoa học xã hội*, 17(2), tr. 49–67.
 30. Lê Huy Văn (2003), *Cơ sở phương pháp luận Design*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
 31. Phạm Thị Vinh (2023), “*Thiết kế giao diện và thương hiệu giáo dục đại học thời kỳ chuyển đổi số*”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 67(2), tr.41.
- Tài liệu tiếng nước ngoài**
32. Aarron Walter (2011), *Design for emotion (Thiết kế cảm xúc)*, A book Apart Publisher, New York.

33. Aby Warburg (1920s), *Mnemosyne Atlas* (Atlas Mnemosyne).
34. Bastien, J. M. C., & Scapin, D. L. (1995). Evaluating usability of educational software: Some methodological aspects. In: *Proceedings of the Human Factors and Ergonomics Society Annual Meeting*, 39(5), 111-117
35. Bernard, M., Liao, C. H., & Mills, M. (2003), “The effects of font type and size on the legibility and reading time of online text by older adults” (Ảnh hưởng của kiểu chữ và cỡ chữ đến khả năng đọc và thời gian đọc văn bản trực tuyến của người cao tuổi), *CHI 2003 Extended Abstracts on Human Factors in Computing Systems*, 225-226.
36. Bolter, Jay David & Grusin, Richard (1999), *Remediation: Understanding New Media* (Tái trung gian: Hiểu về truyền thông mới), MIT Press, Cambridge, Massachusetts.
37. Bonwell, C. C., & Eison, J. A. (1991), *Active Learning: Creating Excitement in the Classroom* (Học tập chủ động: Tạo hứng thú trong lớp học), ASHE-ERIC Higher Education Report No. 1. Washington, D.C.: George Washington University
38. Bringhurst, R. (2012), *The Elements of Typographic Style* (Các yếu tố của kiểu chữ), Hartley & Marks Publishers, Vancouver.
39. Educause (2005), *7 Things You Should Know About LMS* (7 điều bạn cần biết về hệ thống quản lý học tập LMS), EDUCAUSE Learning Initiative.
40. Ellen Lupton (2010), *Thinking with Type: A Critical Guide for Designers, Writers, Editor & Students* (Tư duy với kiểu chữ: Hướng dẫn phê bình dành cho nhà thiết kế, nhà văn, biên tập viên và sinh viên), Princeton Architectural Press.
41. Erwin Panofsky (1939), *Studies in Iconology: Humanistic Themes in the*

- Art of the Renaissance* (Nghiên cứu về hình tượng học: Chủ đề nhân văn trong nghệ thuật Phục hưng), Oxford University Press.
42. Ethan Marcotte (2011), *Responsive Web Design* (Thiết kế web đáp ứng), A Book Apart.
 43. Evan I. Schwartz (1997), *Webonomics: Nine Essential Principles for Growing Your Business on the World Wide Web* (Webonomics: Chín nguyên tắc thiết yếu để phát triển doanh nghiệp của bạn trên World Wide Web), Broadway Books.
 44. Fritz Saxl (1970), *The Study of the Iconography of the Renaissance* (Nghiên cứu hình tượng học thời Phục hưng), Penguin Books Ltd.
 45. Gordon, Stacey King (2005), *Pakaging Makeovers: Graphic Redesign for Maket Change* (Thay đổi bao bì: Thiết kế lại đồ họa để thay đổi thị trường), Page one Publishing Private Limited, Singapore.
 46. Güneş và Elitaş (2019), “Designing E-learning Interfaces for Primary School Students: A Study on Aesthetic Preferences” (Thiết kế giao diện học tập trực tuyến cho học sinh tiểu học: Nghiên cứu về sở thích thẩm mỹ), *International Journal of Contemporary Educational Research*, 6(2), 297-307.
 47. Hall, S. (1997), *Representation: Cultural Representations and Signifying Practices* (Biểu tượng: Các biểu đạt văn hóa và thực hành tạo nghĩa), London: Sage Publications
 48. Hanover Research (2018), *Best Practices in University Website Redesign* (Những phương pháp tối ưu trong tái thiết kế trang web trường đại học), Hanover Research Briefings
 49. Helen Armstrong (biên soạn) (2009), *Graphic Design Theory: Readings from the Field* (Lý thuyết Thiết kế Đồ họa: Tuyển tập các bài viết từ thực tiễn), Princeton Architectural Press.

50. Hollis, Richard (2005), *Graphic Design - A Concise History (Thiết kế đồ họa - tóm lược lịch sử)*, Thames &Hudson Ltd, London
51. James M.Clark, Allan Paivio (1991), “Dual Coding Theory and Education”, *Educational Psychology Review Journal*, tr.149-210.
52. Jeffrey Zeldman và Ethan Marcotte (2003), *Designing with Web Standards (Thiết kế theo tiêu chuẩn web)*, New Riders publishing.
53. Johannes Itten (1961), *The Art of Color: The Subjective Experience and Objective Rationale of Color* (Nghệ thuật của màu sắc: Trải nghiệm chủ quan và lý luận khách quan về màu sắc), Van Nostrand Reinhold, New York.
54. John Sweller (1988), “Cognitive load during problem solving: Effects on learning”, *Cognitive Science Journal*, pg.257-285.
55. John Sweller, Ayres, P., & Kalyuga, S. (2011), *Cognitive Load Theory* (Lý thuyết tải nhận thức), Springer, New York.
56. Klimchuk, M. R. & Krasovec, S. A. (2019), *Packaging Design: Successful Product Branding from Concept to Shelf* (Thiết kế bao bì: Từ ý tưởng đến sản phẩm), bản dịch, Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.
57. Krug, S. (2014), *Don't Make Me Think, Revisited: A Common Sense Approach to Web Usability* (Đừng bắt tôi nghĩ: Tiếp cận hợp lý với tính khả dụng của web) (3rd ed.), New Riders, Berkeley.
58. Lauer, D. & Pentak, S. (2012), *Design Basics* (Những nguyên lý cơ bản về thiết kế), Cengage Learning, Boston.
59. Lee, S., & Koubek, R. J. (2012), “Understanding user preferences based on usability and aesthetics before and after actual use” (Tìm hiểu sở thích của người dùng dựa trên tính khả dụng và yếu tố thẩm mỹ trước và sau khi sử dụng thực tế), *Interacting with Computers*, 24(6), 528-543.

60. Lidwell, W., Holden, K., & Butler, J. (2010), *Universal principles of design* (Nguyên tắc thiết kế phổ quát), Rockport Publishers.
61. Luke Wroblewski (2011), *Mobile First (Ưu tiên di động)*, A Book Apart.
62. Phạm Long và cộng sự (2019), “Does e-learning service quality influence e-learning student satisfaction and loyalty? Evidence from Vietnam” (Chất lượng dịch vụ học trực tuyến có ảnh hưởng đến sự hài lòng và lòng trung thành của sinh viên không? Bằng chứng từ Việt Nam), *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, Tập 16, Số 1, trang 1–26.
63. Lowenfeld, V., & Brittain, W. L. (1987). *Creative and mental growth* (Phát triển trí tuệ và sáng tạo). New York: Macmillan Publishing.
64. Lupton, E. (2010), *Thinking with Type: A Critical Guide for Designers, Writers, Editors & Students* (Tư duy qua kiểu chữ: Hướng dẫn dành cho nhà thiết kế, biên tập, người viết và sinh viên), Princeton Architectural Press, New York.
65. Marc Steinberg (2019), *The Platform Economy: How Japan Transformed the Consumer Internet* (Nền kinh tế nền tảng: Nhật Bản đã biến đổi Internet tiêu dùng như thế nào), University of Minnesota Press.
66. Margolin, V. (2002), *The Politics of the Artificial: Essays on Design and Design Studies*. University of Chicago Press
67. Martin, F., Sunley, R., & Turner, P. (2017), “Motivation and engagement in online learning: A case study of a university foundation programme” (Động lực và sự tham gia trong học trực tuyến: Một nghiên cứu trường hợp về chương trình dự bị đại học), *Journal of Perspectives in Applied Academic Practice*, 5(1), 334-345
68. Mayer, R. E. (2001), *Multimedia Learning* (Học tập đa phương tiện), Cambridge University Press.

69. Nelson, Reed & Walling (1976), “Pictorial superiority effect” (Hiệu ứng ưu thế hình ảnh), *Journal of Experimental Psychology: Human Learning and Memory*, Tập 2, Số 5, trang 523–528.
70. Neil D. Fleming (2001), *Teaching and Learning Styles: VARK Strategies* (Chiến lược VARK cho dạy và học), Neil D. Fleming (self-published), Christchurch, New Zealand.
71. Nielsen, J. (1993), *Usability Engineering* (Kỹ thuật về khả năng sử dụng), Academic Press.
72. Norman, D.A. (2002), *The Design of Everyday Things* (Thiết kế của những vật dụng thường ngày), Basic Books, New York.
73. Norman, D.A. (2013), *The Design of Everyday Things (Revised and Expanded Edition)* (Thiết kế của những vật dụng thường ngày – Bản mở rộng), Basic Books, New York.
74. Nussbaum, Martha C. (1997), *Cultivating Humanity: A Classical Defense of Reform in Liberal Education* (Nuôi dưỡng tính nhân văn: Một sự bảo vệ cổ điển cho cải cách trong giáo dục khai phóng), Harvard University Press.
75. Ou, L. C., Luo, M. R., Woodcock, A., & Wright, A. (2004), “A study of colour emotion and colour preference” (Nghiên cứu về cảm xúc màu sắc và sở thích màu sắc), *Color Research & Application*, 29(3), 232-240.
76. Paivio, A. (1986), *Mental Representations: A Dual Coding Approach* (Biểu tượng tâm trí: Cách tiếp cận mã hóa kép), Oxford University Press, New York.
77. Pentawards and Julius Wiedemann (2017), *The package design book* (Sách thiết kế bao bì), TASCHEN publisher.
78. Peter Morville và Louis Rosenfeld (2006), *Information architecture for the*

- World Wide Web (Kiến trúc thông tin cho World Wide Web)* (3rd ed.), O'Reilly Media.
79. Piaget, J. (1952), *The Origins of Intelligence in Children* (Nguồn gốc trí thông minh ở trẻ em), New York: International Universities Press.
 80. Richard E. Mayer & Roxana Moreno (2002), “Animation as an Aid to Multimedia Learning” (Hoạt hình hỗ trợ học tập đa phương tiện), *Educational Psychology Review*, tập 14, số 1, trang 87–99.
 81. Robert Bringhurst (2012), *The Elements of Typographic style* (Các yếu tố trong thiết kế kiểu chữ), Hartley & Mars Publishers.
 82. Rockport Publishers (2011), *1000 package designs* (Một nghìn thiết kế bao bì), Rockport Publishers.
 83. Ruffalo Noel Levitz (2014), *2014 E-Expectations Report: The Online Preferences of College-Bound Seniors and Their Parents* (Báo cáo kỳ vọng điện tử 2014: Sở thích trực tuyến của học sinh chuẩn bị vào đại học và phụ huynh), Noel-Levitz, LLC, Coralville, Iowa, Hoa Kỳ.
 84. Tractinsky, Katz & Ikar (2000), "What Is Beautiful Is Usable" (Điều đẹp là điều dễ sử dụng), *Interacting with Computers*, Tập 13, Số 2, trang 127–145.
 85. Tuch, A. N., Presslauer, E. E., Stöcklin, M., Opwis, K., & Bargas-Avila, J. A. (2012), “The role of visual complexity and prototypicality regarding first impression of websites: Working towards understanding aesthetic judgments” (Vai trò của độ phức tạp thị giác và tính điển hình đối với ấn tượng đầu tiên về trang web: Hướng tới việc hiểu các đánh giá thẩm mỹ), *International Journal of Human-Computer Studies*, 70(11), 794-811
 86. UNESCO. (2002), *Information and Communication Technology in Education: A Curriculum for Schools and Programme of Teacher*

Development (Công nghệ Thông tin và Truyền thông trong Giáo dục: Chương trình giảng dạy cho trường học và chương trình bồi dưỡng giáo viên), Paris: UNESCO.

87. UNESCO. (2021), *Reimagining our futures together: A new social contract for education* (Cùng nhau tái tưởng tượng tương lai: Một hợp đồng xã hội mới cho giáo dục), Paris: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization
88. Vygotsky, L. S. (1978), *Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes* (Tâm trí trong xã hội: Sự phát triển của các quá trình tâm lý cao cấp), Harvard University Press.
89. Walkington, C. (2013), “Using adaptive learning technologies to personalize instruction to student interests: The impact of relevant contexts on performance and learning outcomes” (Sử dụng công nghệ học tập thích ứng để cá nhân hóa giảng dạy theo sở thích của học sinh: Ảnh hưởng của các bối cảnh liên quan đến hiệu suất và kết quả học tập), *Journal of Educational Psychology*, 105(4), 932-945
90. Wheeler, A. (2017), *Designing Brand Identity: An Essential Guide for the Whole Branding Team* (“Thiết kế Bản sắc Thương hiệu: Hướng dẫn Thiết yếu cho Toàn bộ Nhóm Xây dựng Thương hiệu”) (5th ed.), Wiley.
91. Wroblewski, L. (2011), *Mobile First* (Thiết kế ưu tiên di động), A Book Apart, New York.
92. Wucius Wong (1997), *Principles of Color Design* (Nguyên lý thiết kế màu sắc), Wiley, New York.
93. Zaharias, P., & Poylymenakou, A. (2009), “Developing a usability evaluation method for e-learning applications: Beyond functional usability” (Phát triển phương pháp đánh giá khả năng sử dụng cho

ứng dụng học trực tuyến: Vượt ra ngoài khả năng sử dụng chức năng), *International Journal of Human-Computer Interaction*, 25(1), 75-98.

Tài liệu internet

94. Beau Agency (2019), *UX and Color Psychology in Design*, <https://beau.agency>, ngày truy cập 10/4/2025.
95. Bhuiyan, M. H. M., Varvello, M., Staicu, C.-A., & Zaki, Y. (2025, January 28). *Non-Western Perspectives on Web Inclusivity: A Study of Accessibility Practices in the Global South*. *arXiv*. <https://arxiv.org/abs/2501.16601>, ngày truy cập 10/4/2025.
96. British Council (2019), *Internationalization Strategies in Higher Education* (Chiến lược quốc tế hóa trong giáo dục đại học), Retrieved from <https://www.britishcouncil.org>, ngày truy cập 10/4/2025.
97. Educause (2021), *EDUCAUSE Horizon Report: Teaching and Learning Edition* (Báo cáo Đường chân trời EDUCAUSE: Phiên bản Dạy và Học), Retrieved from <https://library.educause.edu/resourcesE>, ngày truy cập 10/4/2025.
98. EducationDynamics (2020), *Online College Students Report* (Báo cáo về sinh viên đại học học trực tuyến), Retrieved from <https://www.educationdynamics.com>, ngày truy cập 10/4/2025.
99. Global Market Insights. (2020), *E-Learning Market Size Report* (Báo cáo quy mô thị trường học trực tuyến), Retrieved from <https://www.gminsights.com>, ngày truy cập 10/4/2025.
100. <https://web.mit.edu/allanmc/www/mcluhan.mediummessage.pdf>, ngày truy cập 10/4/2025.
101. <https://www.jsu.edu/online/faculty/MULTIMEDIA%20LEARNING%20oby%20Richard%20E.%20Mayer.pdf#:~:text=Multimedia%20lear>

ning%20occurs%20when%20a,definition%20is%20broad%20enough%20to, ngày truy cập 10/4/2025.

102. <https://www.peterlang.com/document/1113308#:~:text=role%20in%20symbol%20interpretation>, ngày truy cập 10/4/2025.
103. https://en.wikipedia.org/wiki/Make_Something_Wonderful, ngày truy cập 10/4/2025.
104. <https://www.interaction-design.org/literature/topics/gestalt-principles?srsId=AfmBOopRLKhycGLfg4YaHSUfNc1VWrBL1cVrlugAUiodWfO5Bm04qRh#:~:text=,Gestalt%20Principles%20in%20the%201920s>, ngày truy cập 10/4/2025.
105. <https://www.scirp.org/journal/paperinformation?paperid=108268>, ngày truy cập 10/4/2025.
106. <https://www.britannica.com/science/semiotics>, ngày truy cập 10/4/2025.
107. https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_writing#:~:text=the%20independent%20development%20of%20writing,44, ngày truy cập 10/4/2025.
108. <https://news.mit.edu/2018/humans-speak-through-cave-art-0221#:~:text=Cave%20artists%20were%20thus%20not,in%20a%20process%20of%20communication>, ngày truy cập 10/4/2025.
109. <https://www.frontiersin.org/journals/psychology/articles/10.3389/fpsyg.2018.00115/full>, ngày truy cập 10/4/2025.
110. <https://designtlc.com/archive/are-you-ensuring-brand-consistency-in-your-school-communications/#:~:text=Imagery>, ngày truy cập 10/4/2025.
111. <https://moderncampus.com/blog/website-design-trends-in-higher-education.html#:~:text=Finally%2C%20a%20picture%20really%20is,to%20see%20from%20a%20college>, ngày truy cập 10/4/2025.

112. <https://www.storeplum.com/blogs/how-to-make-a-website-mobile-friendly>, ngày truy cập 10/4/2025.
113. <https://webflow.com/blog/serif-vs-sans-serif#:~:text=Compared%20to%20serif%20fonts%2C%20sans,products%20appear%20new%20and%20innovative>, ngày truy cập 10/4/2025.
114. <https://careereducation.rochester.edu/blog/2021/08/10/typography-in-design-why-every-designer-should-master-fonts-and-styles/#:~:text=Typography%20is%20the%20art%20of,of%20shape%2C%20size%2C%20and%20spacing>, ngày truy cập 10/4/2025.
115. <https://www.nngroup.com/articles/homepage-design-principles/#toc-principle-1-ensure-easy-access-to-the-homepage-1#:~:text=Summary%3A%20A%20Effective%20homepages%20are%20simple,prompt%20users%20to%20take%20action>, ngày truy cập 20/5/2025.
116. https://www.jolt.merlot.org/vol11no4/Richardson_1214.pdf#:~:text=Abstract%20Judicious%20choice%20of%20color,A%20review%20of%20empirical, ngày truy cập 20/5/2025.
117. <https://www.webfx.com/industries/education/higher-education/website-examples/#:~:text=Having%20succinct%20copywriting%20helps%20you,the%20information%20they%20need%20faster>, ngày truy cập 20/5/2025.
118. <https://www.suu.edu/hss/comm/masters/capstone/project/f-bordbar.pdf#:~:text=Students%20appear%20to%20trust%20a,judgments%20on%20website%20credibility%20are>, ngày truy cập 20/5/2025.
119. <https://www.ejmste.com>, ngày truy cập 20/6/2025.

120. <https://www.finalsite.com/blog/p/~board/b/post/improve-school-website-user-experience-with-data#:~:text=A%20positive%20user%20experience%20includes,date%20news%20and%20events>, ngày truy cập 20/5/2025.
121. www.researchgate.net/publication/317572376_Using_school_websites_for_home-school_communication_and_parental_involvement#:~:text=limited,Swedish%20speakers, ngày truy cập 20/5/2025.
122. <https://www.interaction-design.org/literature/topics/gestalt-principles?srsId=AfmBOopRLKhycGLfg4YaHSUfNc1VWrBL1cVrlugAUiodWfO5Bm04qRh#:~:text=,Gestalt%20Principles%20in%20the%201920s>, ngày truy cập 20/5/2025.
123. <https://reciteme.com/us/news/accessibility-in-education/#:~:text=Benefits%20to%20the%20Student>, ngày truy cập 20/5/2025.
124. <https://vtc.edu.vn/knowledge/du-an-hoa-sac-viet-su-thang-hoa-cua-ban-sac-viet-trong-thiet-ke>, ngày truy cập 20/5/2025.
125. <https://csc.edu.vn/tin-tuc/kien-thuc-tin-hoc-thvp/thiet-ke-do-hoa-xu-huong-thiet-ke-flat-design-va-nhung-uu-diem-noi-troi-493>, ngày truy cập 20/5/2025.
126. https://www.researchgate.net/publication/350316075_A_study_on_satisfaction_of_users_towards_learning_management_system_at_International_University_-_Vietnam_National_University_HCMC, ngày truy cập 20/5/2025.
127. https://conference.pixel-online.net/FOE/acceptedabstracts_scheda.php?id_abs=7502&utm, ngày truy cập 20/6/2025.

128. <https://fpt.edu.vn/tin-tuc/fpt-edu-tin-tuc-chung/hoc-lich-su-thoi-40-thay-giao-lap-website-ket-noi-bai-tap-do-hoa-cua-hoc-sinh>, ngày truy cập 20/6/2025.
129. <https://dictionary.cambridge.org/us/dictionary/english/art>, ngày truy cập 20/5/2025.
130. <https://www.lexiconofdesignresearch.com/lexicon/texts/design>, ngày truy cập 20/6/2025.
131. <https://webaim.org/projects/million>, ngày truy cập 20/5/2025.
132. <https://www.isemag.com/professional-development-leadership/article/14267164/98-of-websites-fail-to-comply-with-accessibility-requirements-for-people-with-disabilities>, ngày truy cập 20/5/2025.
133. <https://www.inclind.com/news/website-accessibility-statistics-trends>, ngày truy cập 20/5/2025.
134. <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/89553/222/he-sinh-thai-giao-duc-so-digital-education-ecosystem-khai-niem-dac-diem-va-chinh-sach>, ngày truy cập 20/6/2025.
135. Mayer, R. E., & Moreno, R. (2003). Nine ways to reduce cognitive load in multimedia learning. *Educational Psychologist*, 38(1), 43–52. https://doi.org/10.1207/S15326985EP3801_6, ngày truy cập 20/6/2025.
136. Nielsen, J. (2006). *F-Shaped Pattern For Reading Web Content*. Nielsen Norman Group. Retrieved from <https://www.nngroup.com/articles/f-shaped-pattern-reading-web-content/>, ngày truy cập 20/6/2025.
137. Oxford Advanced Learner's Dictionary. (n.d.), *Art*, Trong *Oxford Advanced Learner's Dictionary* (n. d.), từ https://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/art_1

- .html, ngày truy cập 20/6/2025.
138. The Editors of Encyclopædia Britannica (2025), *Art*, mục “Art”, *Encyclopædia Britannica online*, cập nhật ngày 11 tháng 7 năm 2025.
 139. World Wide Web Consortium (W3C). (2018). *Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.1*. Retrieved from <https://www.w3.org/TR/WCAG21/>, ngày truy cập 20/6/2025.
 140. Zaharias, P., & Poylymenakou, A. (2009), *Developing a usability evaluation method for e-learning applications: Beyond functional usability*, International Journal of Human–Computer Interaction, 25(1), 75-98, <https://doi.org/10.1080/10447310802546716>, ngày truy cập 20/6/2025.
 141. <https://vnu.edu.vn>
 142. <https://vnuhcm.edu.vn>
 143. <https://mythuatvietnam.edu.vn>
 144. <https://www.rmit.edu.vn>
 145. <https://fulbright.edu.vn>

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Đoàn Thị Kim Dung

**NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM**

PHỤ LỤC LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MỸ THUẬT

Hà Nội - 2026

MỤC LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT VÀ KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU.....	165
PHỤ LỤC 2: HÌNH ẢNH.....	176
PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA.....	203

PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT VÀ KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU

PHỤ LỤC 1.1: PHIẾU KHẢO SÁT

Kính thưa Quý Anh/Chị!

Phiếu khảo sát này được thực hiện để phục vụ cho nghiên cứu “**Nghệ thuật thiết kế website trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam**”. Việc tham gia trả lời những câu hỏi trong phiếu khảo sát này của Anh/Chị sẽ đóng góp một phần quan trọng trong việc đề xuất tiêu chí tính hợp lý, thẩm mỹ và hiệu quả trong quy trình thiết kế giao diện website lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ của Quý Anh/Chị!

Phần A. Thông tin chung

1. Họ và tên:

2. Lĩnh vực chuyên môn

☐	Thiết kế đồ họa
☐	Mỹ thuật ứng dụng
☐	UX/UI
☐	Visual Art
☐	Lĩnh vực sáng tạo khác

3. Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết kế

☐	< 2 năm
☐	2-5 năm
☐	> 5 năm

4. Loại dự án từng tham gia

☐	Giáo dục
☐	Thương mại
☐	Văn hóa
☐	Công nghệ

5. Anh/Chị từng tham gia thiết kế website giáo dục

☐	Có
--------------------------	----

	Không
--	-------

6. Mức độ tham gia vào các dự án website giáo dục

	Chủ trì
	Hợp tác
	Tư vấn
	Quan sát/đánh giá
	Không tham gia dự án website giáo dục

Phần B: Đánh giá về quy trình thiết kế giao diện website

1. Theo Anh/Chị đánh giá bước nào trong quy trình thiết kế giao diện là nền tảng nhất để đảm bảo giao diện dễ dùng và đẹp mắt?

	Tìm hiểu người dùng
	Phác thảo bố cục
	Xây dựng hình ảnh
	Tạo nguyên mẫu
	Thử nghiệm và chỉnh sửa

2. Anh/Chị có thường xuyên xây dựng wireframe trước khi thiết kế giao diện chính thức không?

	Luôn luôn
	Thỉnh thoảng
	Rất ít
	Không bao giờ

3. Với tư cách một người hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, Anh/Chị ưu tiên yếu tố nào trong thiết kế website?

	Màu sắc
	Bố cục
	Kiểu chữ
	Chuyển động thị giác

	Tính nhất quán
--	----------------

4. Anh/Chị có thấy người thiết kế thường bỏ sót bước nào trong thực tế?

	Không khảo sát người dùng kỹ
	Không tạo nguyên mẫu thử
	Bỏ qua thử nghiệm với người dùng
	Thiếu nhất quán thị giác
	Ý kiến khác:.....

5. Theo Anh/Chị giao diện website nên thiên về:

	Chức năng - dễ dùng
	Mỹ thuật - tạo cảm xúc
	Cân bằng cả hai

6. Theo Anh/Chị, nghệ thuật thị giác có bị đánh giá thấp trong thiết kế giao diện hiện nay không?

	Có
	Không

7. Mức độ Anh/Chị đồng ý với nhận định “Giao diện website nên truyền được cảm xúc nghệ thuật, không chỉ là công cụ chức năng”

	Rất đồng ý
	Đồng ý
	Trung lập

8. Giao diện website mà Anh/Chị đánh giá cao thường thể hiện hình khối tạo hình theo hướng:

	Đơn giản hóa - biểu tượng hóa
	Tự nhiên - cảm tính
	Phức hợp - nhiều tầng nghĩa
	Kỹ thuật số - công nghiệp hóa

9. Trong thiết kế giao diện website, mức độ Anh/Chị quan tâm đến yếu tố tạo hình của các thành phần (nút, biểu tượng, khối nội dung, thanh điều hướng...) là:

	Rất cao
	Cao
	Vừa phải
	Thấp
	Không quan trọng

10. Theo Anh/Chị, ngôn ngữ tạo hình của giao diện website nên:

	Tuân thủ nguyên lý tạo hình cổ điển (tỷ lệ, đối xứng, trọng tâm)
	Pha trộn giữa nguyên lý cổ điển và hiện đại
	Phá cách - mang tính cá nhân hóa hoặc biểu tượng hóa mạnh
	Phục tùng hoàn toàn theo UX/flow chức năng

Phần C: Đánh giá tiêu chí nghệ thuật trong giao diện website

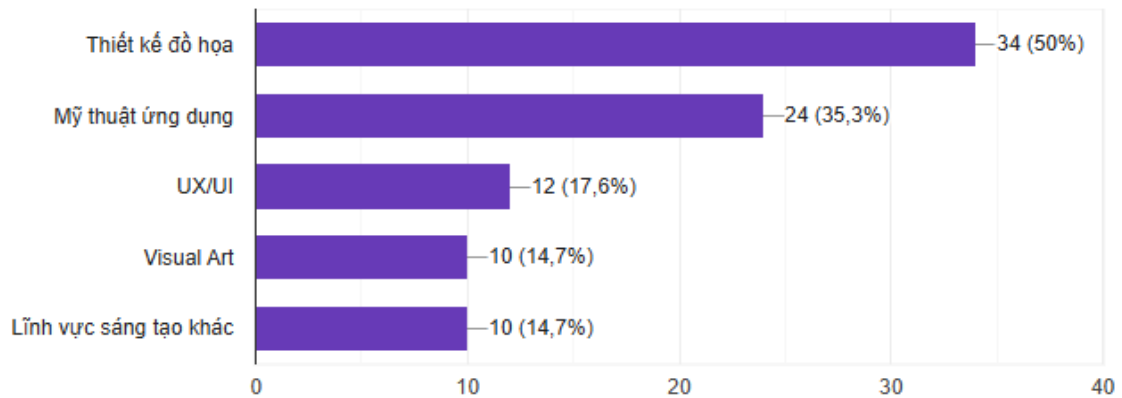
Đánh giá tiêu chí nghệ thuật trong giao diện website (Thang điểm 1 - Rất yếu
| 5 - Xuất sắc)

Tiêu chí	1	2	3	4	5
Tính biểu đạt thị giác (Visual Expression)					
Sự hài hòa màu sắc và ánh sáng					
Bố cục hợp lý, có nhịp điệu và tương phản thị giác					
Sự gắn kết giữa hình ảnh, biểu tượng và nội dung					
Khả năng dẫn dắt cảm xúc thông qua giao diện					
Mức độ độc đáo, tránh rập khuôn trong thiết kế hình ảnh					
Khả năng phản ánh bản sắc thương hiệu hoặc tổ chức					
Ứng dụng nguyên lý mỹ thuật (tỷ lệ, đối xứng, chuyển động)					
Cảm giác dễ chịu và kích thích thị giác khi sử dụng					
Tổng thể giao diện đạt mức độ nghệ thuật cao					

PHỤ LỤC 1.2: KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU

Qua khảo sát 68 chuyên gia trong lĩnh vực thiết kế, NCS đã thu được kết quả như sau:

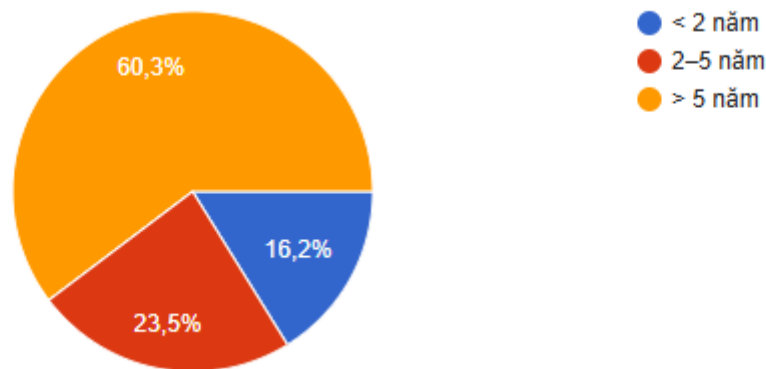
* Về lĩnh vực chuyên môn:



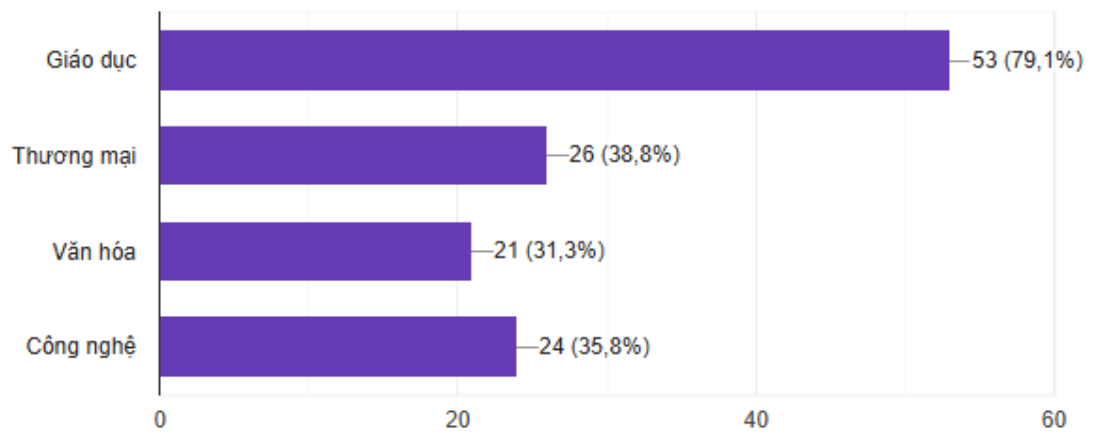
Có:

- 50% chuyên gia thuộc lĩnh vực thiết kế đồ họa.
- 35,3% chuyên gia thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng
- 17,6% chuyên gia thuộc lĩnh vực UX/UI
- 14,7% chuyên gia thuộc lĩnh vực Visual Art
- 14,7% chuyên gia thuộc các lĩnh vực sáng tạo khác.

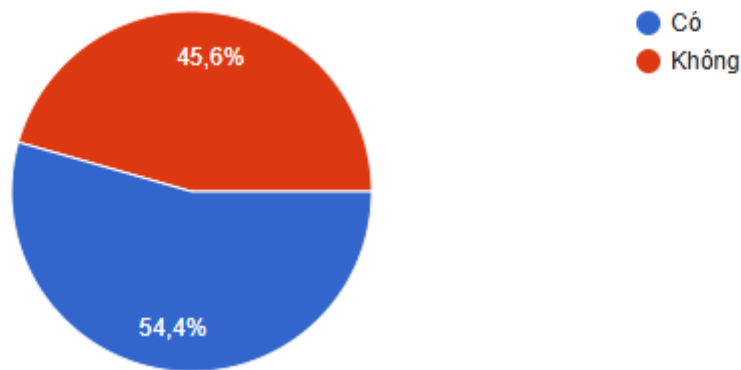
* Trong số các chuyên gia trả lời bảng khảo sát có 60,3% chuyên gia có kinh nghiệm trên 5 năm công tác, 23,5% có kinh nghiệm từ 2-5 năm công tác, 16,2% có kinh nghiệm dưới 2 năm công tác.



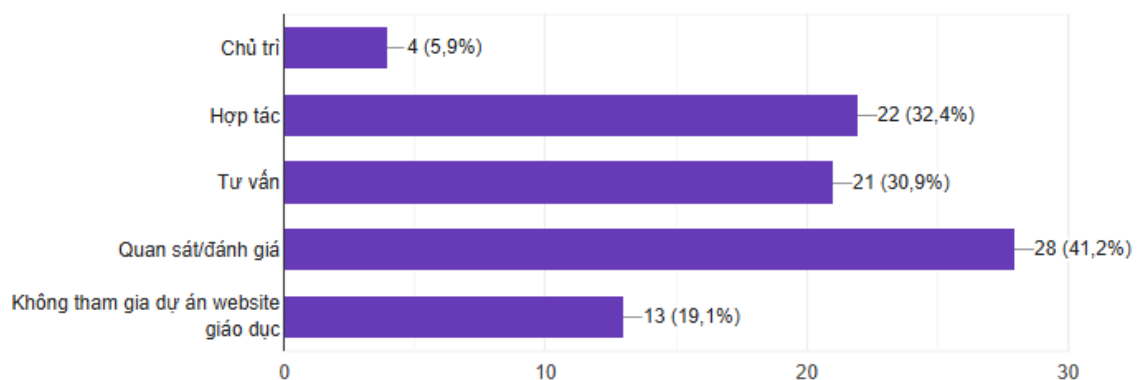
* Các chuyên gia tham gia dự án giáo dục chiếm 79,1%.



* Có 54,4% chuyên gia đã từng tham gia thiết kế website giáo dục

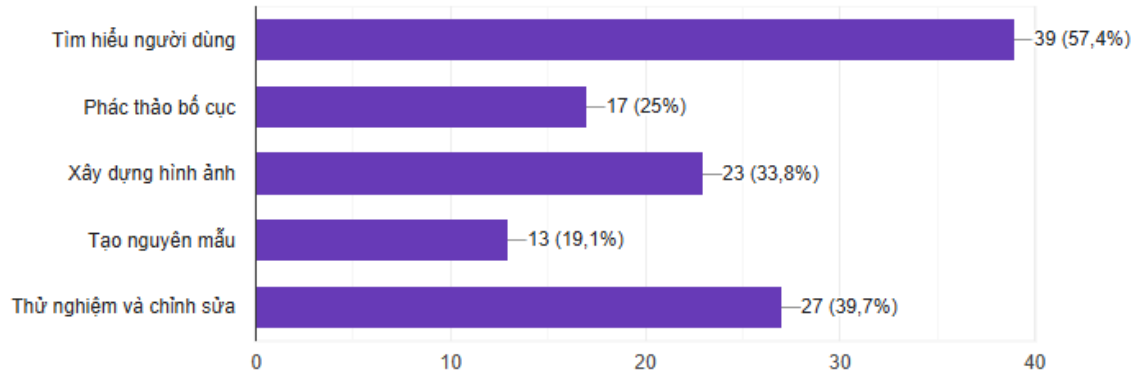


Mức độ tham gia của các chuyên gia chủ yếu là quan sát/đánh giá (41,2%)

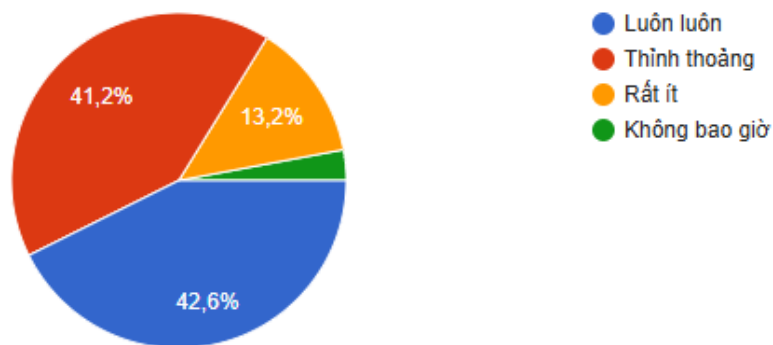


* Qua khảo sát về các bước trong quy trình thiết kế giao diện, các chuyên gia đánh giá cao ở bước Tìm hiểu người dùng (57,4%) và Thử nghiệm và chỉnh

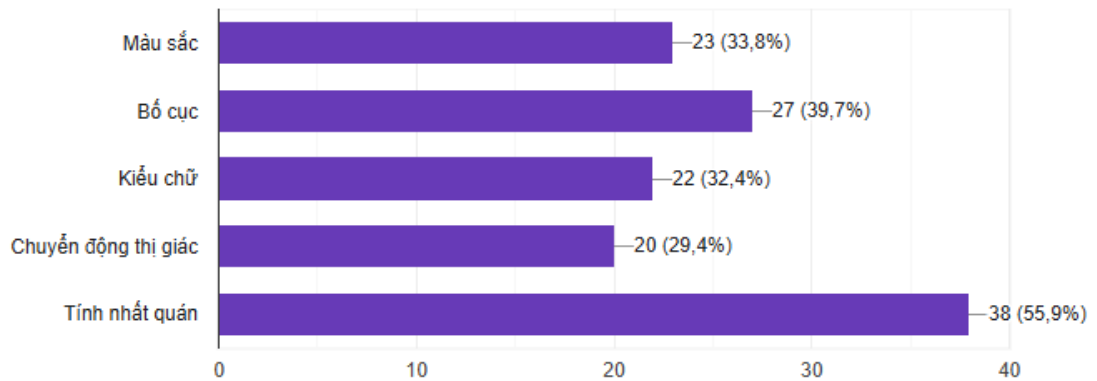
sửa (39,7%). Tiếp đến là Xây dựng hình ảnh (33,8%), Phác thảo bố cục (25%), Tạo nguyên mẫu (19,1%)



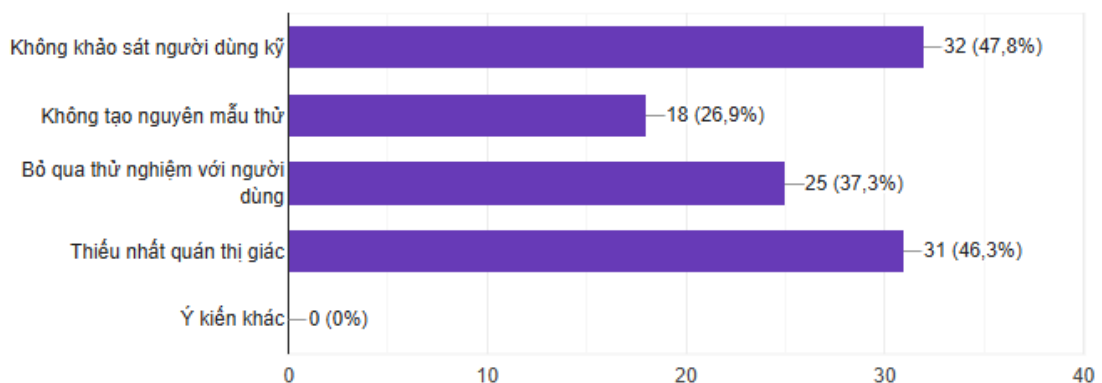
* Việc xây dựng wireframe trước khi thiết kế giao diện chính thức cũng được các chuyên gia trả lời là Luôn luôn (42,6%), số lượng chuyên gia thỉnh thoảng xây dựng wireframe trước khi thiết kế giao diện chính thức chiếm (41,2%)



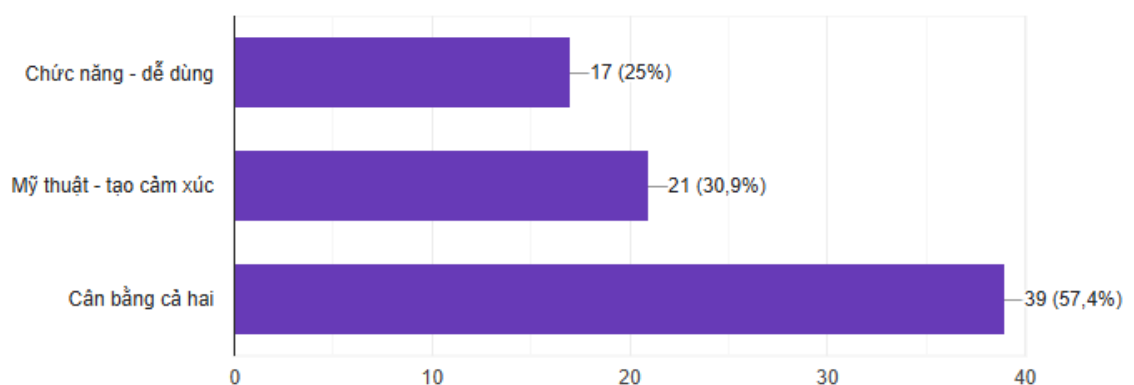
* Tính nhất quán được đánh giá là yếu tố được ưu tiên nhất trong thiết kế website với 55,9% câu trả lời. Sau đó lần lượt là Bố cục chiếm 39,7%, Màu sắc chiếm 33,8%, Kiểu chữ đều chiếm 32,4%, Chuyển động thị giác chiếm 29,4%.



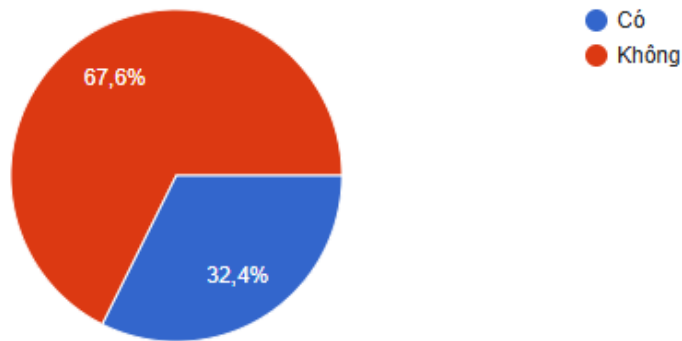
* Trong thực tế, người thiết kế website thường bỏ sót bước Không khảo sát người dùng kỹ (47,8%). Sau đó lần lượt là Thiếu nhất quán thị giác (46,3%), Bỏ qua thử nghiệm với người dùng (37,3%), Không tạo nguyên mẫu thử (26,9%).



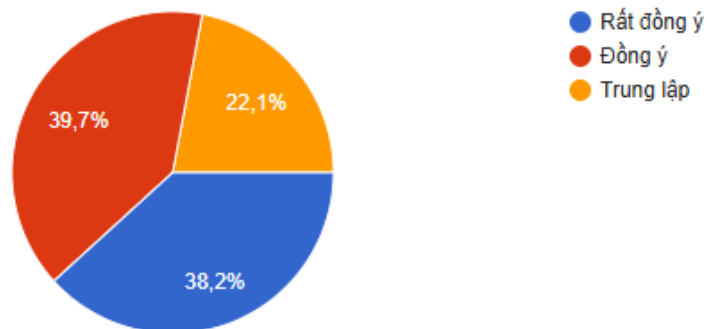
* Đa số các câu trả lời đều cho rằng giao diện website nên thiên về Cân bằng cả yếu tố Chức năng - dễ dùng và Mỹ thuật - tạo cảm xúc (57,4%).



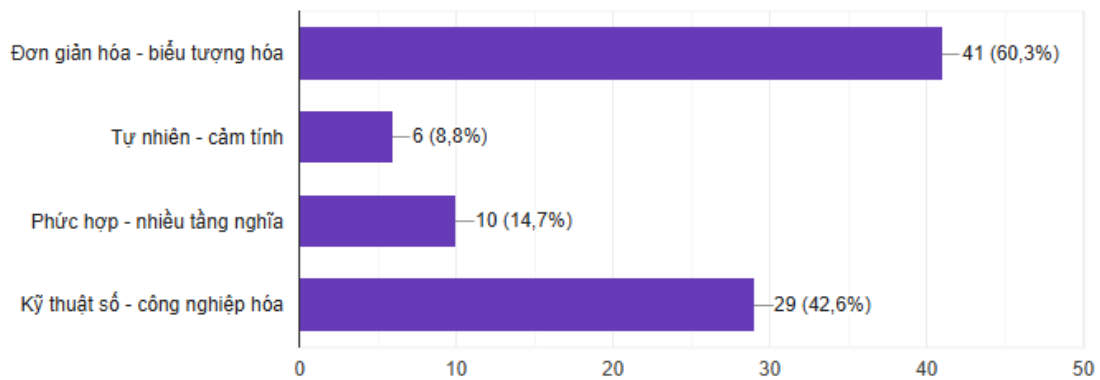
* Yếu tố nghệ thuật thị giác được đa số chuyên gia cho rằng không bị đánh giá thấp trong thiết kế giao diện hiện nay.



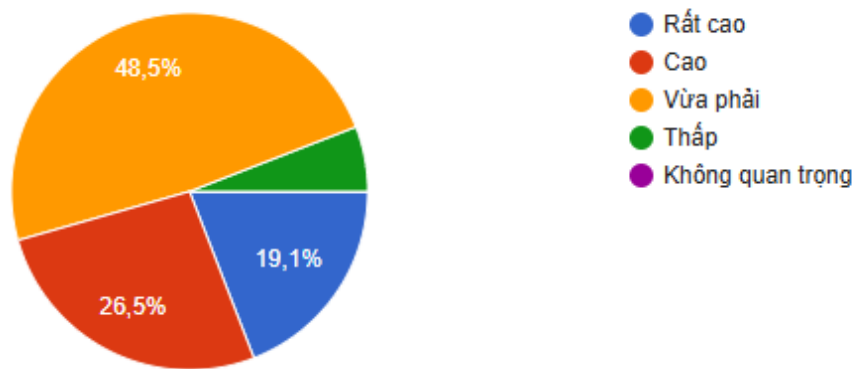
* Viện đánh giá “Giao diện website nên truyền được cảm xúc nghệ thuật, không chỉ là công cụ chức năng” được các chuyên gia đa số là đồng ý. Mức độ trung lập ít.



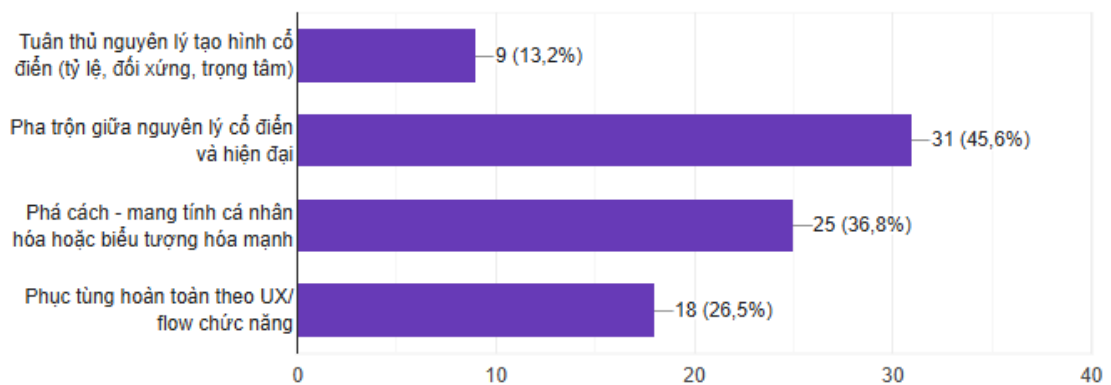
* Giao diện website thường thể hiện hình khối tạo hình theo hướng 2 hướng chính là Đơn giản hóa - biểu tượng hóa (60,3%) và Kỹ thuật số - công nghiệp hóa (đều chiếm 42,6%).



* Mức độ quan tâm đến yếu tố tạo hình của các thành phần (nút, biểu tượng, khối nội dung, thanh điều hướng...) được các chuyên gia quan tâm ở mức độ vừa phải (48,5%)

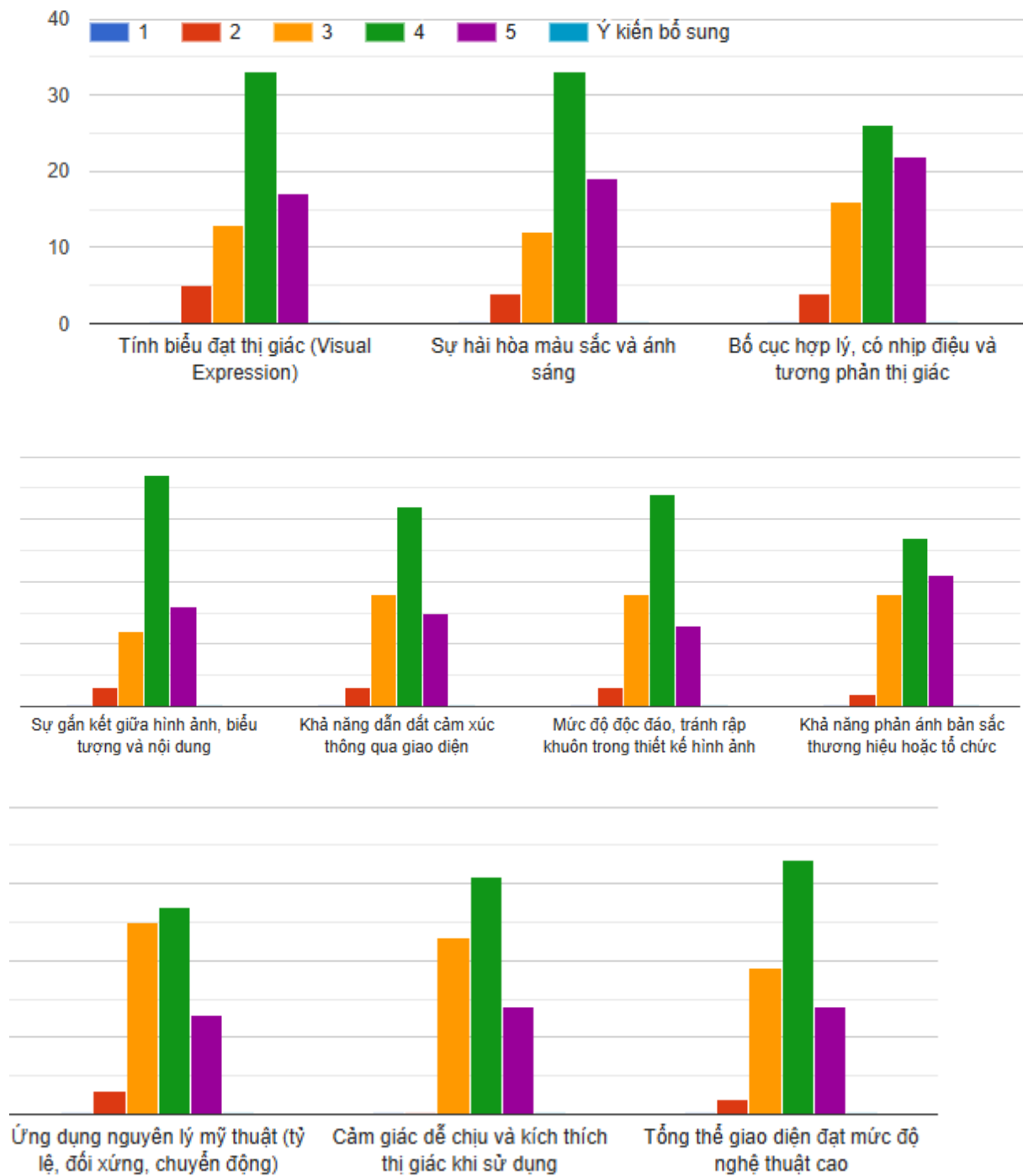


* Đa số các chuyên gia đều đồng tình với nhận định Ngôn ngữ tạo hình của giao diện website nên Pha trộn giữa nguyên lý cổ điển và hiện đại (45,6%)

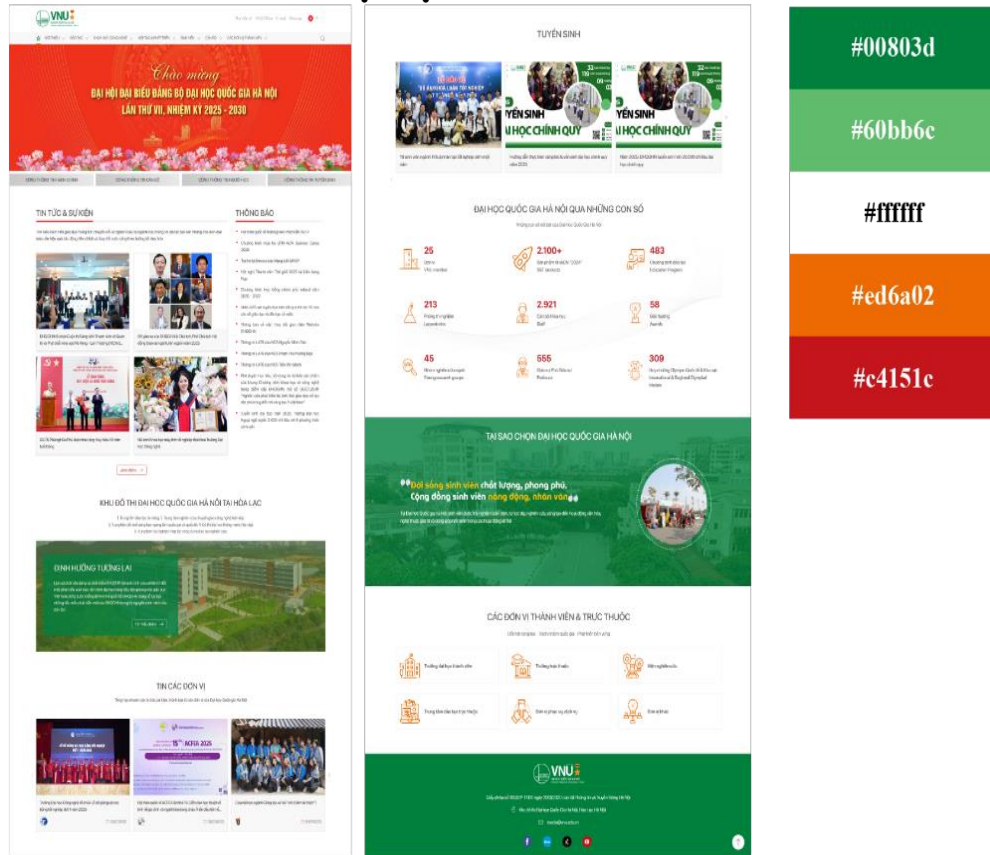


* **Đánh giá tiêu chí nghệ thuật trong giao diện website** (Thang điểm 1 - Rất yếu | 5 -

Xuất sắc)



PHỤ LỤC 2: HÌNH ẢNH



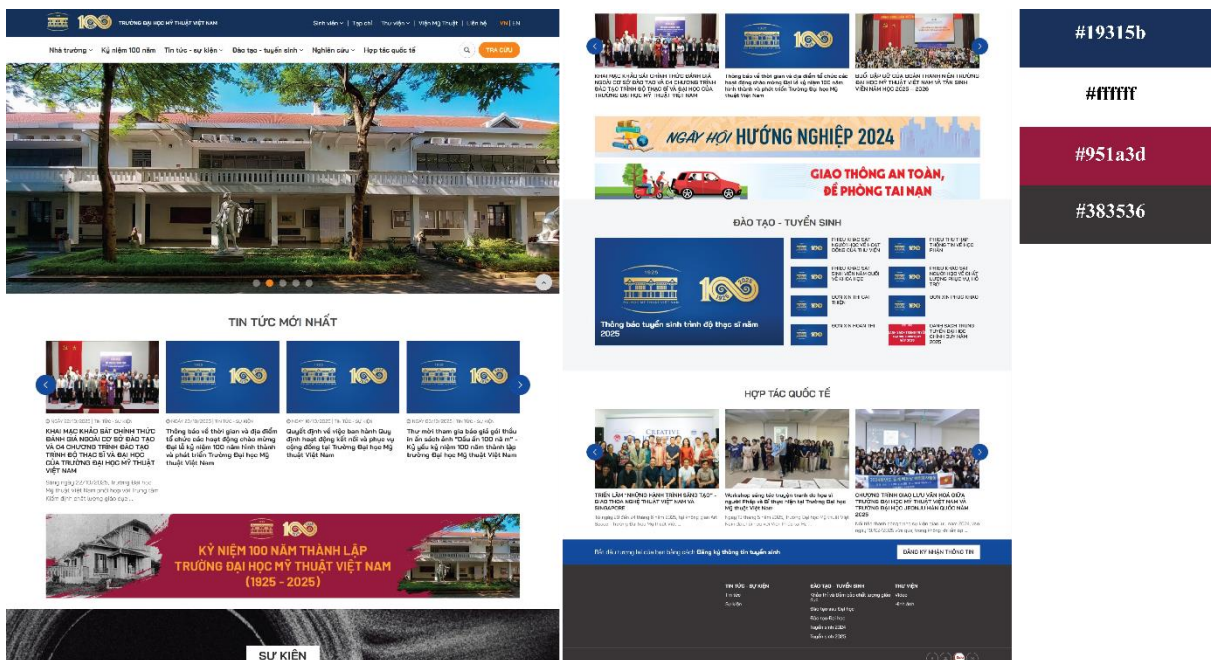
Hình 2.1. Màu sắc giao diện TTTĐT ĐHQGHN (VNU)

Nguồn: www.vnu.edu.vn, NCS thiết kế



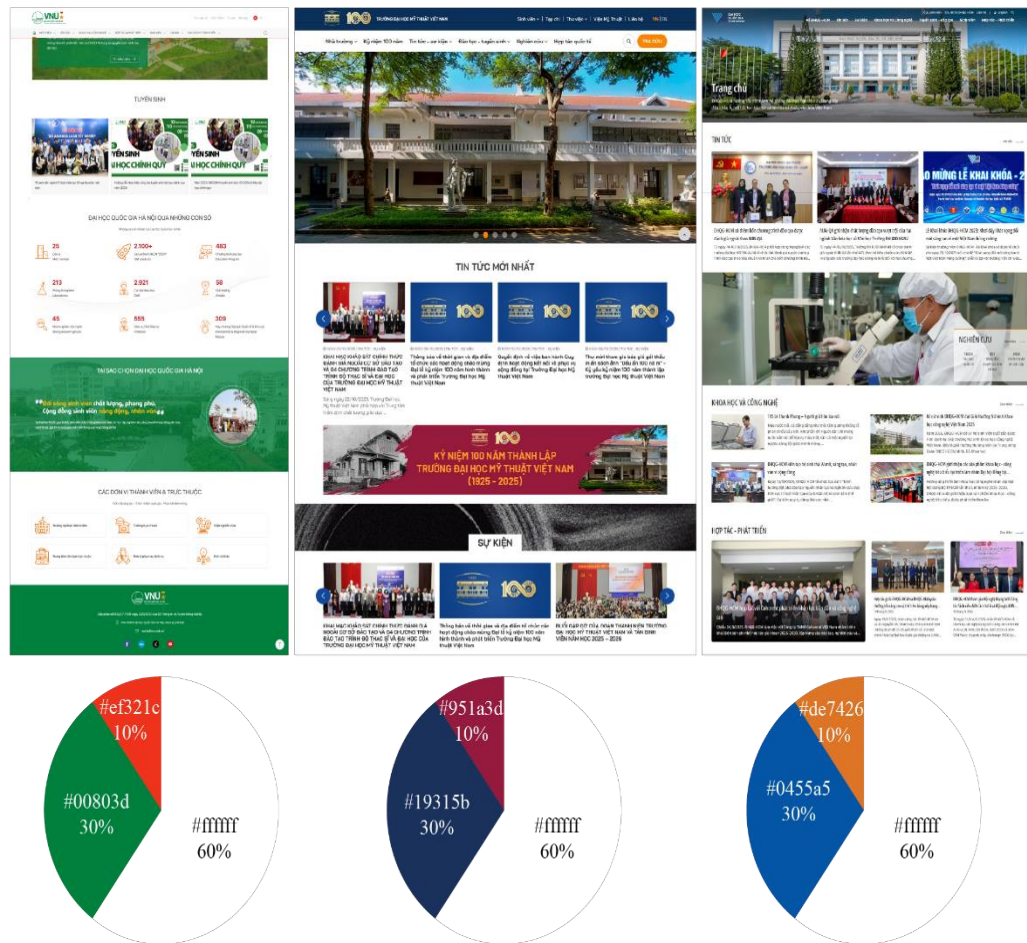
Hình 2.2. Màu sắc giao diện TTTĐT trường Đại học Quốc gia TP HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn, NCS thiết kế



Hình 2.3. Màu sắc giao diện TTTĐT ĐHTMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn, NCS thiết kế



Hình 2.4. So sánh màu sắc giao diện TTTĐT giữa các trường đại học

Nguồn: NCS thiết kế



Hình 2.5. Bố cục lưới trong giao diện TTĐTĐT ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn, NCS thiết kế



Hình 2.6. Bố cục lưới trong giao diện TTTĐT Đại học Quốc gia TP. HCM

Nguồn: vnuhcm.edu.vn, NCS thiết kế



Hình 2.7. Bố cục lưới trong giao diện TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: *mythuatvietnam.edu.vn*, NCS thiết kế



Hình 2.8. Banner TTTĐT trường ĐHQGHN

Nguồn: *vnu.edu.vn*



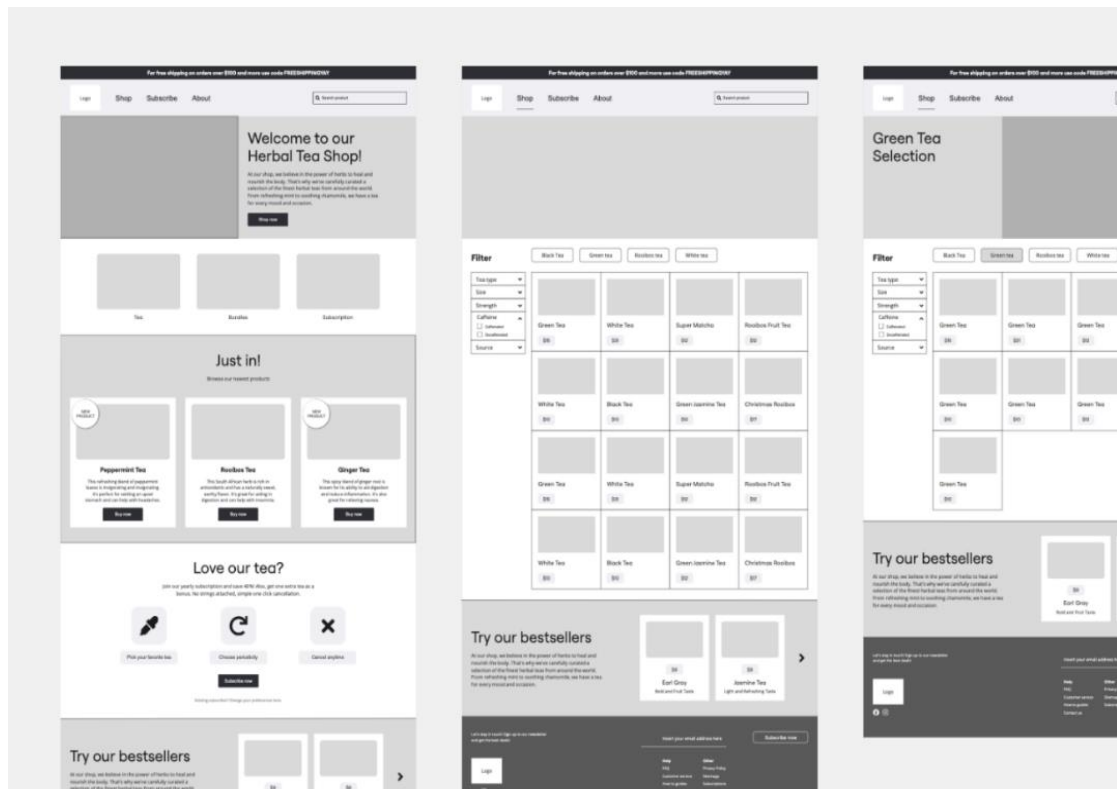
Hình 2.9. Banner TTTĐT trường Đại học Quốc gia TP. HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



Hình 2.10. Banner TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn



Hình 2.11. Bố cục các ô chức năng trong thiết kế TTTĐT (wireframe)

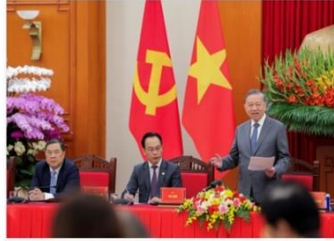
Nguồn: Ecommerce Website Wireframe. Truy cập tại miro.com

TIN TỨC & SỰ KIỆN

Tìm hiểu cách nền giáo dục mang tính chuyển đổi và nghiên cứu đa ngành của chúng tôi đã đào tạo nên những nhà lãnh đạo toàn cầu hiệu quả, tác động đến xã hội và thay đổi cuộc sống theo hướng tốt đẹp hơn.



(VTV1) Tổng Bí thư gặp mặt các nhà Việt Nam học



Tổng Bí thư Tô Lâm đánh giá cao chủ đề Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 7: "Việt Nam: Phát triển bền vững..."



(HTV) Phát huy sức mạnh của trí thức trong kỷ nguyên mới



(VTV1) Việt Nam: Phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới

[Xem thêm →](#)

THÔNG BÁO

- [25/10/2025] Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 7: "Việt Nam: Phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới"
- ĐHQGHN triển khai Nghị định số 249/2025/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ đối mới sáng tạo
- ISCIT 2025: Diễn đàn quốc tế về Công nghệ Thông tin, Truyền thông và Thiết kế Vi mạch
- Thực hiện triển khai Quyết định số 32/2025/QĐ-TTg và Công văn số 4179/BCA-ANCTNB về bảo mật thông tin và số hóa tài liệu
- Kế hoạch tổ chức hoạt động Nghiên cứu khoa học sinh viên cấp ĐHQGHN năm 2025
- [Sắp diễn ra] Hội thảo Quốc tế về Bảo tồn Di sản Sơn mài tại Châu Á - Thái Bình Dương
- Tổ chức ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ kế toán viên (hạng III) lên kế toán viên chính (hạng II) năm 2025 của ĐHQGHN
- Tổ chức ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ giáo viên THPT hạng III lên giáo viên THPT hạng II năm 2025 của ĐHQGHN
- Quan hệ Đối tác Việt Nam - Nhật Bản: Hợp tác và Phát triển trong bối cảnh biến động toàn cầu
- Chương trình học bổng EVN năm học 2024-2025
- [Sắp diễn ra] ĐHQGHN đồng hành cùng MobiFone tổ chức Giải đấu Thể thao điện tử sinh viên toàn quốc
- [Sắp diễn ra] Diễn đàn Kinh tế Việt Nam - Úc 2025: Xây dựng cầu nối thịnh vượng chung

Hình 2.12. Bố cục dạng tạp chí TTTĐT trường ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn

TIN TỨC

TIN TỨC →



Hơn 1.300 vé Metro số 1 được trao tặng cho sinh viên nội trú KTX ĐHQG-HCM tại Ngày hội chào Tân sinh vi...

Ngày 25/10, tại Kỳ túc xá (KTX) Khu B ĐHQG-HCM đã diễn ra Ngày hội chào Tân sinh viên - School Fest mùa thứ 7 với chủ đề "Next Dimension - Vượt qua giới hạn, bước sang chiều..."



Góc nhìn toàn cầu - Giải pháp đột phá: Những tham luận tiêu biểu tại Hội thảo "Hiện đại hóa, nâng tầm..."

Ngày 24/10/2025, Hội thảo khoa học "Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học Việt Nam, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo..."



Công thức của thành công là gì?

Đó là vấn đề gợi mở của diễn giả khách mời TS Nguyễn Thanh Mỹ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Mỹ Lan - nhà khoa học, doanh nhân tiêu biểu, người được biết đến với hành trìn...



NGHIÊN CỨU

Xem thêm →

19028

Bài báo

quốc tế

303

Bảng đọc

quyển số hữu

trí tuệ

5476

Đề tài và dự

án các cấp

trí tuệ

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Xem thêm →



Góc nhìn toàn cầu - Giải pháp đột phá: Những tham luận tiêu biểu tại Hội thảo "Hiện đại hóa, nâng tầm..."

Ngày 24/10/2025, Hội thảo khoa học "Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học Việt Nam, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo" đã được diễn



Hội thảo Horizon Europe thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và đổi mới sáng tạo EU - Việt Nam

Nhằm tiếp tục làm sâu sắc hơn mối quan hệ tác tác giữa Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam trong thương mại, nghiên cứu - giáo dục và phát triển bền vững, Bộ Khoa học và Công nghệ, Phái đoàn EU ...



Đổi mới tư duy, hiện đại hóa giáo dục đại học - Mũi đột phá đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới

Sáng ngày 24/10/2025, tại Hội trường Trần Chí Đảo (ĐHQG-HCM), Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương phối hợp cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và ĐHQG-HCM tổ chức Hội thảo khoa học "Hiện ...

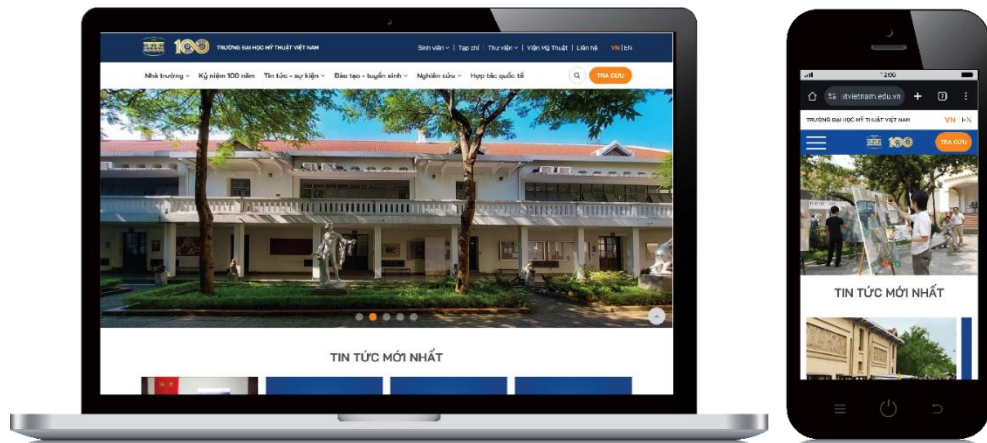


ThS Lê Thanh Phong - Người giữ hồn lửa nổi

Mùa nước nổi, cá đồng bằng như một tấm gương khổng lồ phản chiếu bầu trời. Khi phần lớn người dân chỉ mong nước sớm rút để kịp vụ mùa mới, vẫn có một người lại ngược dòng, lội giữa mênh mông ...

Hình 2.13. Bố cục dạng tạp chí TTTĐT trường Đại học Quốc gia TP. HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



Hình 2.14. Giao diện tối ưu của ĐHMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn



Hình 2.15. Kiểu chữ trên TTTĐT ĐHQGHN (VNU)

Nguồn: www.vnu.edu.vn



TIN TỨC — Bahnschrift SemiCondensed 45pt



Hội thảo Horizon Europe thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và đổi mới sáng tạo EU - Việt Nam

Nhằm tiếp tục làm sâu sắc hơn mối quan hệ đối tác giữa Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam trong thương mại, nghiên cứu - giáo dục và phát triển bền vững, Bộ Khoa học và Công nghệ,...

Bahnschrift SemiBold Condensed 30pt



Trường ĐH Khoa học tự nhiên ký kết hợp tác với Trường ĐH Khoa học Sức khỏe: Mở rộng không gian...

Ngày 21/10/2025, Trường ĐH Khoa học tự nhiên đã tổ chức Lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác với Trường ĐH Khoa học Sức khỏe. Sự kiện đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc liên...

Archivo Regular 20pt



ĐHQG-HCM có thêm bốn chương trình đào tạo được đánh giá ngoài theo AUN-QA

Từ ngày 14-16/10/2025, ĐHQG-HCM phối hợp cùng Mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN) tổ chức đợt đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA cho bốn chươ...

Hình 2.16. Kiểu chữ trên TTTĐT Đại học Quốc gia TP. HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



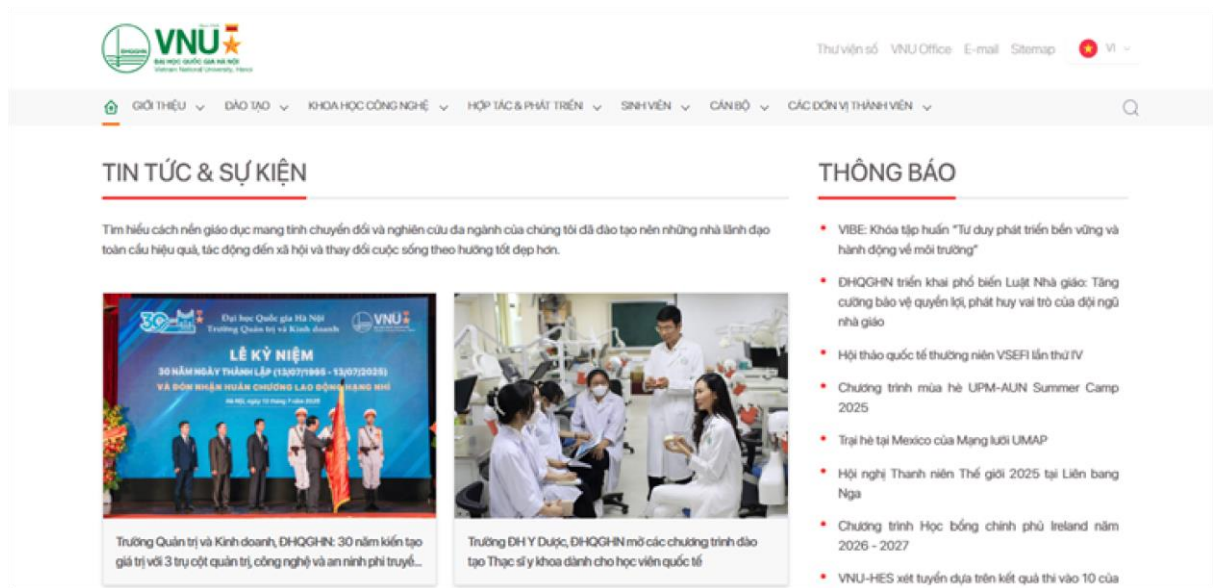
Hình 2.17. Kiểu chữ trên TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: [www. mythuatvietnam.edu.vn](http://www.mythuatvietnam.edu.vn)



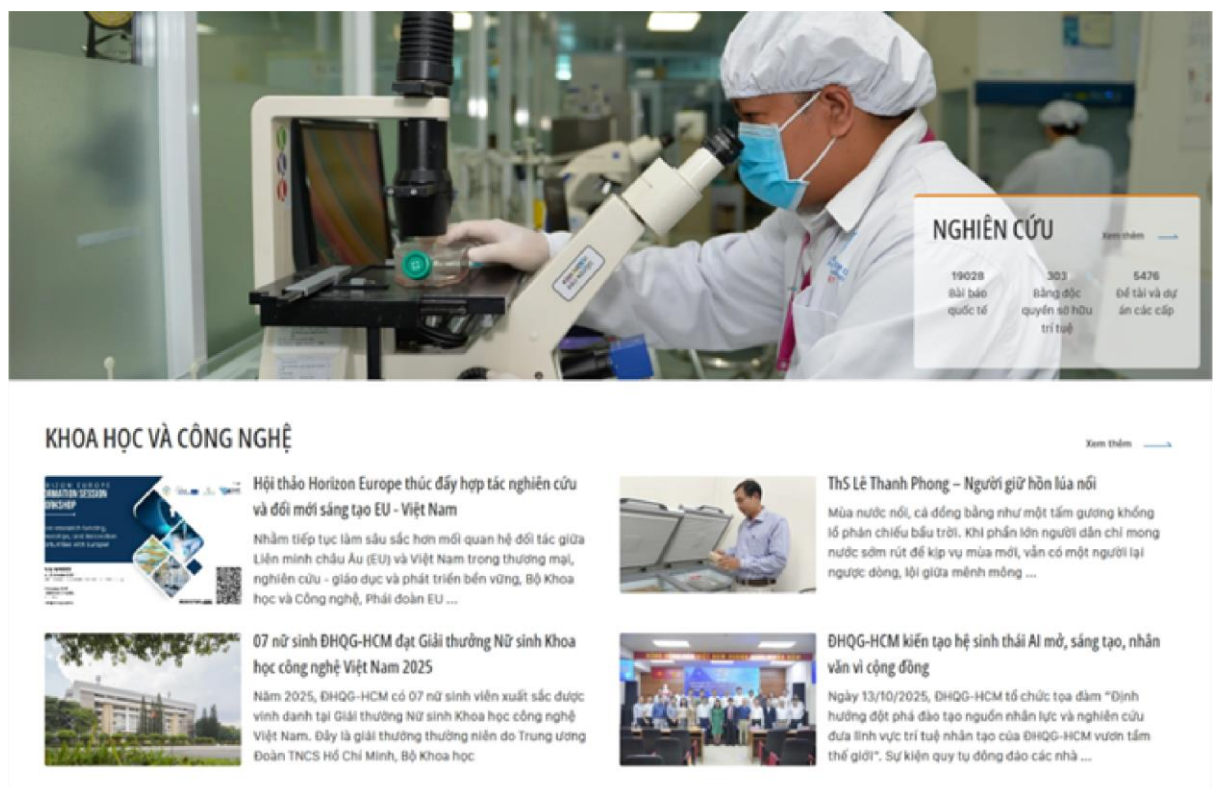
Hình 2.18. Biểu tượng thành tích trên TTTĐT của ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn/home/



Hình 2.19. Hình ảnh các hoạt động, sự kiện trên TTTĐT của ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn/home/



Hình 2.20. Hình ảnh trên TTTĐT của ĐHQG TP.HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



Hình 2.21. Hình ảnh trên TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: [www. mythuatvietnam.edu.vn](http://www.mythuatvietnam.edu.vn)



Hình 2.22. Thanh điều hướng TTTĐT ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn



Hình 2.23. Thanh điều hướng TTTĐT Đại học Quốc gia TP. HCM

Nguồn: vnuhcm.edu.vn



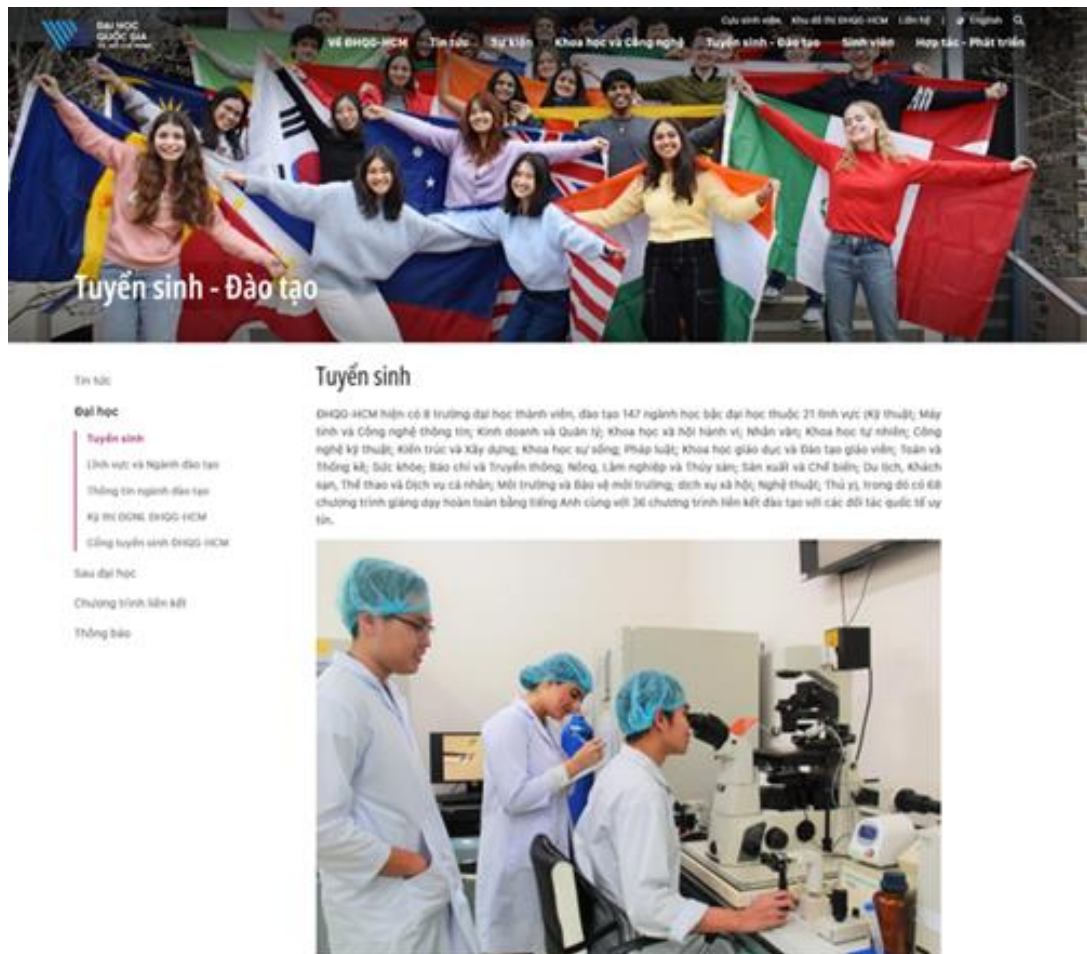
Hình 2.24. Thanh điều hướng TTTĐT trường Đại học MTVN

Nguồn: [www. mythuatvietnam.edu.vn](http://www.mythuatvietnam.edu.vn)



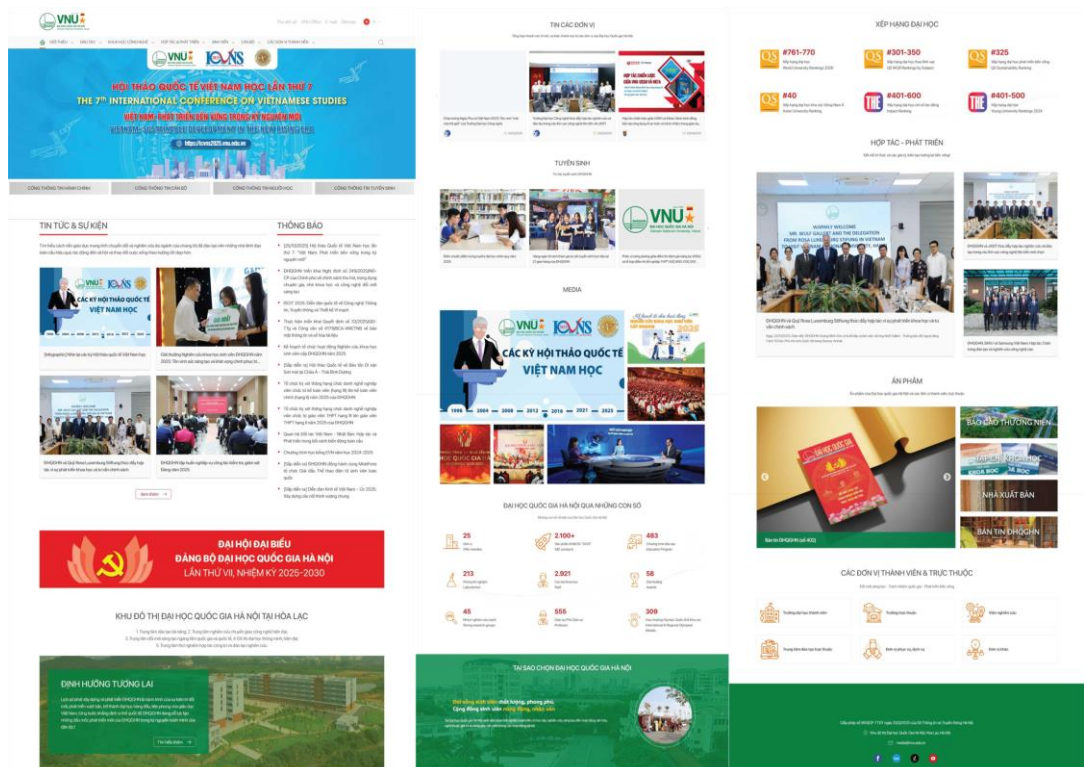
Hình 2.25. Tông xanh nhã nhặn trên TTTĐT ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn/home/



Hình 2.26. Giao diện tối giản trên TTTĐT Đại học Quốc gia Tp. HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



Hình 2.27. Giao diện TTTĐT ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn/home/



Hình 2.28. Giao diện TTTĐT Đại học Quốc gia Tp. HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



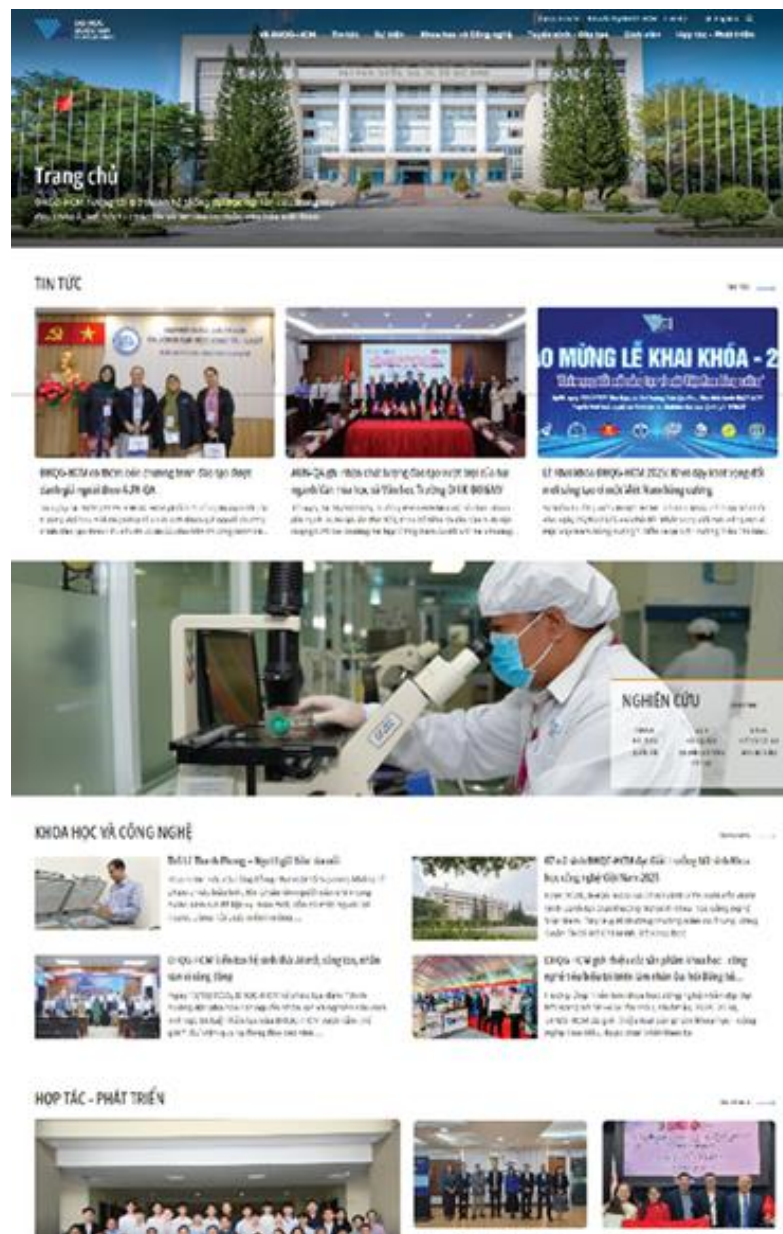
Hình 2.29. Giao diện TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn



Hình 2.30. Giao diện TTTĐT ĐHQGHN (VNU)

Nguồn: www.vnu.edu.vn



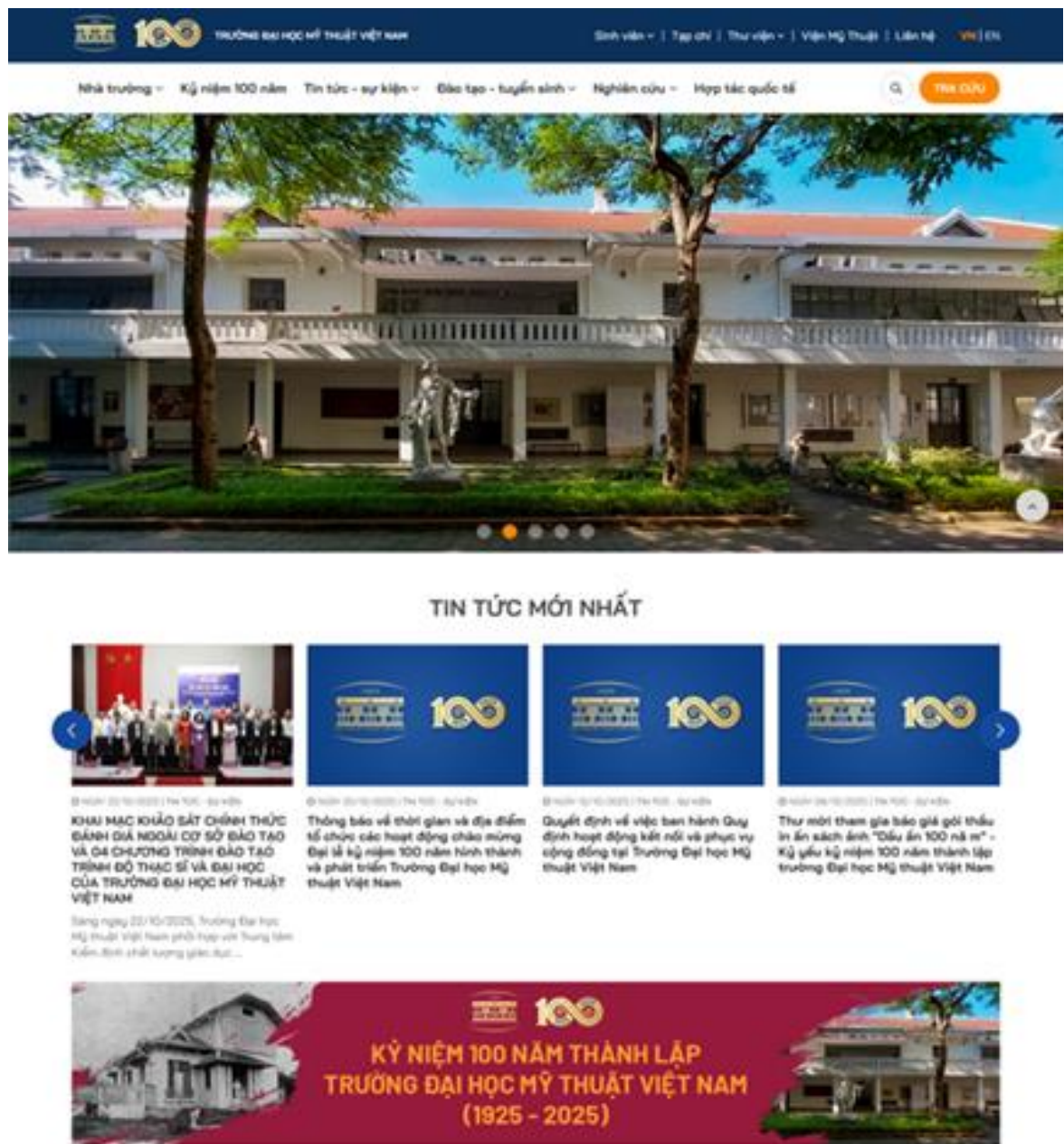
Hình 2.31. Giao diện TTTĐT trường Đại học Quốc gia TP HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



Hình 2.32. Giao diện tối ưu TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn



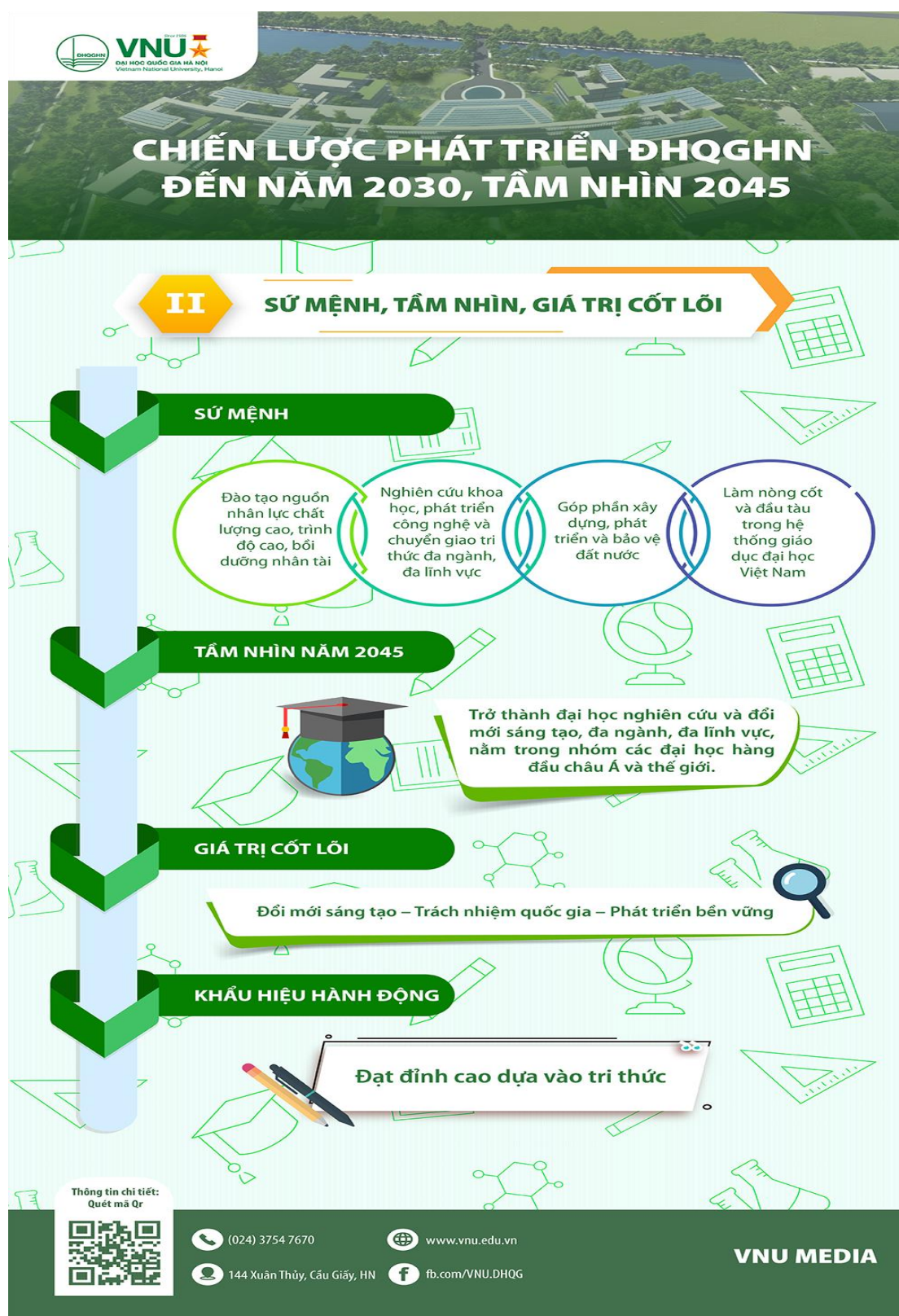
Hình 2.33. Hình ảnh trên TTTĐT ĐHTMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn

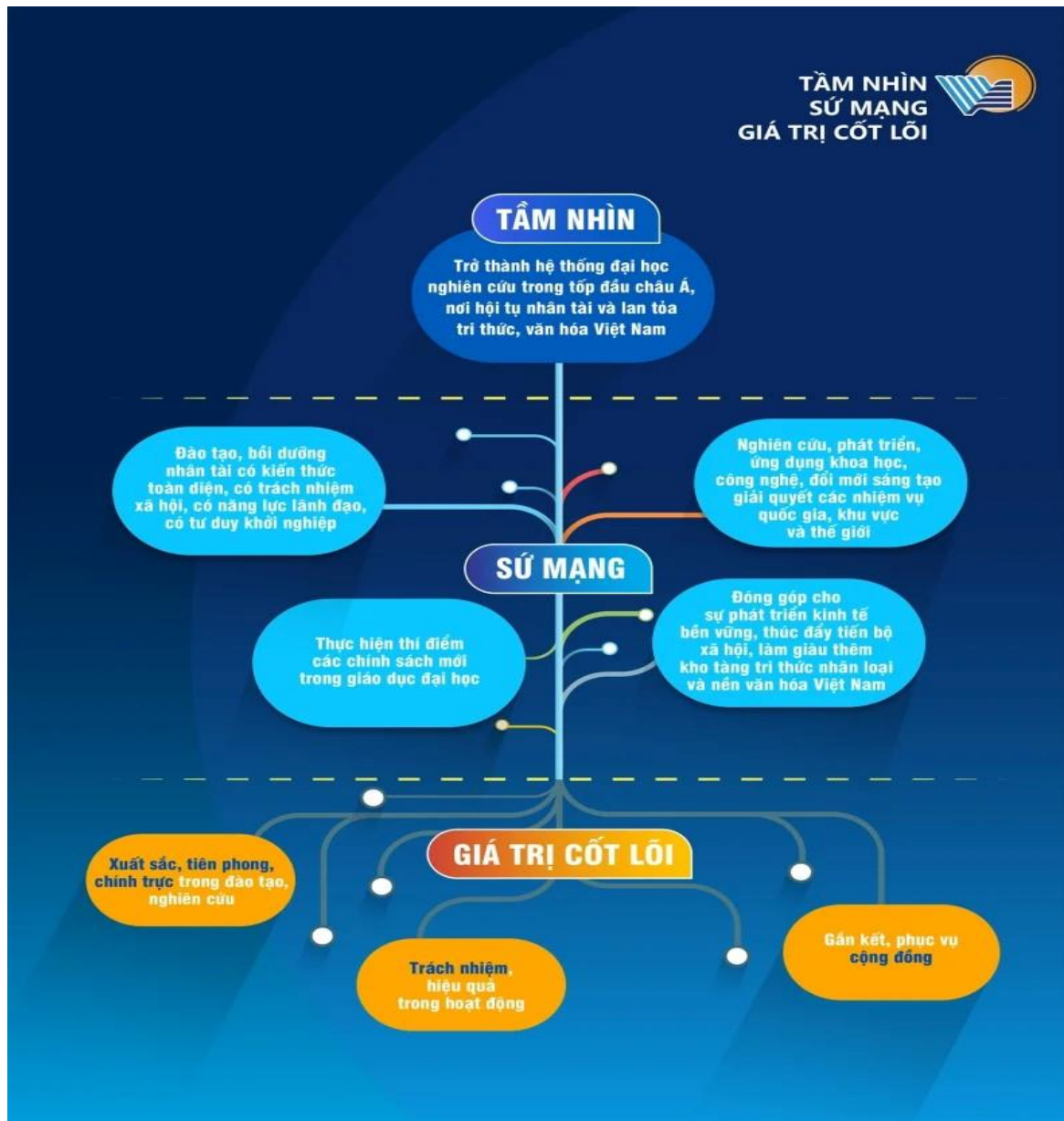


Hình 2.34. Hoạt động của trường trên TTTĐT của ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn/home/



Hình 2.35. Sứ mệnh – tầm nhìn – giá trị cốt lõi của ĐHQGHN



Hình 2.36. Sứ mệnh – tầm nhìn – giá trị cốt lõi của ĐHQG HCM

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH PHÒNG VẤN

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Thời gian
1.	VTĐ	Trường ĐH Xây dựng HN	8/2025
2.	NTL	Trường ĐH Kiến trúc TPHCM	4/2024
3.	BQT	Trường ĐH Kiến trúc TPHCM	4/2024
4.	NĐS	Trường CĐ Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai	7/2025
5.	ĐLHT	Hội Nghệ sĩ sân khấu	7/2025
6.	LYN	Trường ĐH Kiến trúc TPHCM	4/2024
7.	CDH	Trường ĐH Mỹ thuật TP HCM	5/2023
8.	NVC	Trường ĐH Mỹ thuật TP HCM	5/2023
9.	HTHN	Học viện công nghệ Bưu chính Viễn thông	8/2025
10.	NTMT	Trường ĐH Kiến trúc HN	8/2025